



# THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC - HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



## ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN



# THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC - HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



## BAN CHỈ ĐẠO

PGS,TS Phạm Minh Sơn  
PGS,TS Nguyễn Thị Trường Giang

## BAN BIÊN TẬP

TS Nguyễn Thanh Thảo  
ThS Lê Thị Phương Hào  
ThS Vũ Thị Hồng Luyện  
ThS Phạm Thị Thuý Hằng  
ThS Trương Thị Mỹ Linh  
Nguyễn Thị Lay Đơn  
Nguyễn Thị Kiều Trinh

Địa chỉ: 36 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội  
Điện thoại: 024 38340041

Ảnh bìa 1: GS,TS Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương phát biểu khai mạc Hội thảo

## PHẦN I - QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

### • NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3

### • BÙI QUẢNG BÀ, TRẦN THỊ THUYẾT HÀ

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quan điểm nhất quán, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam

26

### • TRẦN VĂN PHÒNG

Một số nhận thức mới của Đảng Cộng sản Việt Nam về tính đặc thù của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

41

### • VŨ VĂN PHÚC

Những vấn đề phát triển lý luận của đảng ta về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

53

### • TRẦN THỊ MINH TUYẾT

Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - từ quan điểm của Hồ Chí Minh đến nhận thức của Đảng trong thời kỳ đổi mới

78

• PHẠM VĂN GIANG, CAO THỊ HIỆU

Kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo tinh thần Đại hội lần thứ XIII của Đảng 93

• LƯU VĂN SÙNG

Chủ nghĩa xã hội và kiên định con đường chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 106

• TRƯƠNG MINH DỤC

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và sự tìm tòi, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 116

• DOÃN THỊ CHÍN

Sự phát triển nhận thức của Đảng về mô hình chủ nghĩa xã hội qua các thời kỳ đại hội 131

• ĐỖ XUÂN TUẤT

Vững bước trên con đường Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn - Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội 143

**PHẦN II - CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

• NGUYỄN TRỌNG PHÚC

Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từ thực tiễn đổi mới 160

• NGUYỄN ANH TUẤN

Những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội hiện thực lịch sử ở Việt Nam 172

• PHẠM HỒNG CHƯƠNG

Tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Vận dụng của Đảng ta trong công cuộc đổi mới đất nước 190

• PHAN THANH KHÔI

Triển vọng phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong những năm tiếp theo của thế kỷ XXI 201

• VŨ VĂN HIỀN

Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế 213

• NGUYỄN NGỌC LONG

Mấy ý kiến về vấn đề “thời kỳ quá độ” và “định hướng xã hội chủ nghĩa” trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 224

• NGUYỄN VĂN THẾ

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay 240

• LÊ THANH BÌNH

Xây dựng nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa - khẳng định tính hiện thực của chân lý độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội 250

• NHỊ LÊ

Chúng ta đi đến chủ nghĩa xã hội như thế nào? 263

## LỜI GIỚI THIỆU

Ngay khi mới ra đời và trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định: Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là vấn đề cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là đường lối cơ bản, xuyên suốt và nhất quán của cách mạng Việt Nam.

Ngày nay, chủ nghĩa tư bản hiện đại bước sang giai đoạn mới là chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa, có nhiều thành tựu trong giải phóng, phát triển lực lượng sản xuất, phát triển khoa học và công nghệ, nên đã đạt được năng suất lao động cao. Song, chủ nghĩa tư bản vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó; các cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, các tệ nạn xã hội, nhất là khi đại dịch COVID-19 diễn ra lại càng làm bộc lộ rõ bản chất chế độ chính trị - xã hội của các nước này không vì sức khỏe, hạnh phúc của đại đa số nhân dân lao động.

Với những thành quả đã đạt được, các đặc trưng về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành và ngày càng hoàn thiện là minh chứng sống động cho sự vận dụng, phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và chứng minh cho tính đúng đắn của việc lựa chọn con đường chủ nghĩa xã hội của Đảng và nhân dân ta. Việt Nam là một tấm gương mẫu mực trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; đó là cơ sở bảo đảm vững chắc cho nền độc lập, tự do của dân tộc.

Đại hội XIII của Đảng đã tổng kết: “Qua 35 năm tiến hành công

cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa”.

Để góp phần làm rõ mục tiêu độc lập dân tộc và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay, chúng tôi sưu tầm, tuyển chọn một số bài viết của các học giả, nhà nghiên cứu uy tín đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, biên soạn ấn phẩm Thông tin chuyên đề số 01/2022 với chủ đề **“Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn”**. Kết cấu thông tin chuyên đề gồm hai phần:

**Phần I:** *Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*

**Phần II:** *Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay*

Trong quá trình biên soạn ấn phẩm, chúng tôi có sử dụng một số tài liệu từ các tạp chí và internet mà chưa có điều kiện xin phép trực tiếp tác giả. Ấn phẩm chỉ sử dụng với mục đích làm tài liệu tham khảo nội bộ, không vì mục đích kinh doanh. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các tác giả. Mặc dù Ban Biên tập đã hết sức cố gắng, song trong quá trình biên tập, không tránh khỏi khiếm khuyết. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

***Trân trọng cảm ơn!***

BAN BIÊN TẬP

**PHẦN I**  
**QUAN ĐIỂM**  
**CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ**  
**ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

---

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**  
**VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN**  
**CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM**

**✍ GS, TS NGUYỄN PHÚ TRỌNG**

---

**Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương**  
**Đảng cộng sản Việt Nam**

Nhân dịp kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2021) và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (ngày 23/5/2021), Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam có bài viết quan trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”.

Toà soạn trân trọng giới thiệu toàn văn bài viết: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**C**hủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một đề tài lý luận và thực tiễn rất cơ bản, quan trọng, nội dung

rất rộng lớn, phong phú và phức tạp, có nhiều cách tiếp cận khác nhau, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu rất công phu, nghiêm túc, tổng kết thực tiễn một cách sâu sắc, khoa học. Trong phạm vi bài này, tôi chỉ xin đề cập một số khía cạnh từ góc nhìn thực tiễn của Việt Nam. Và cũng chỉ tập trung vào trả lời mấy câu hỏi: Chủ nghĩa xã hội là gì? Vì sao Việt Nam lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa? Làm thế nào và bằng cách nào để từng bước xây dựng được chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Thực tiễn công cuộc đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời gian qua có ý nghĩa gì và đặt ra vấn đề gì?

Như chúng ta đã biết, chủ nghĩa xã hội thường được hiểu với ba tư cách: Chủ nghĩa xã hội là một học thuyết, chủ nghĩa xã hội là một phong trào; chủ nghĩa xã hội là một chế độ. Mỗi tư cách ấy lại có nhiều biểu hiện khác nhau, tùy theo thế giới quan và trình độ phát triển ở mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể. Chủ nghĩa xã hội đề cập ở đây là chủ nghĩa xã hội khoa học dựa trên học thuyết Mác - Lênin trong thời đại ngày nay. Vậy thì chúng ta phải định hình chủ nghĩa xã hội thế nào và định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội thế nào cho phù hợp với hoàn cảnh, đặc điểm cụ thể ở Việt Nam?

Trước đây, khi còn Liên Xô và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa thế giới thì vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam dường như không có gì phải bàn, nó mặc nhiên coi như đã được khẳng định. Nhưng từ sau khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và nhiều nước Đông Âu sụp đổ, cách mạng thế giới lâm vào thoái trào thì vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội lại được đặt ra và trở thành tâm điểm thu hút mọi sự bàn thảo, thậm chí tranh luận gay gắt. Các thế lực chống cộng, cơ hội chính trị hí hửng, vui mừng, thừa cơ dẫn tới để xuyên tạc, chống

phá. Trong hàng ngũ cách mạng cũng có người bi quan, dao động, nghi ngờ tính đúng đắn, khoa học của chủ nghĩa xã hội, quy kết nguyên nhân tan rã của Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là do sai lầm của chủ nghĩa Mác - Lênin và sự lựa chọn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ đó họ cho rằng chúng ta đã chọn đường sai, cần phải đi con đường khác. Có người còn phụ họa với các luận điệu thù địch, công kích, bài bác chủ nghĩa xã hội, ca ngợi một chiều chủ nghĩa tư bản. Thậm chí có người còn sám hối về một thời đã tin theo chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường xã hội chủ nghĩa! Thực tế có phải như vậy không? Thực tế có phải hiện nay chủ nghĩa tư bản, kể cả những nước tư bản chủ nghĩa già đời vẫn đang phát triển tốt đẹp không? Có phải Việt Nam chúng ta đã chọn con đường đi sai không?

Chúng ta thừa nhận rằng, chủ nghĩa tư bản chưa bao giờ mang tính toàn cầu như ngày nay và cũng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhất là trong lĩnh vực giải phóng và phát triển sức sản xuất, phát triển khoa học và công nghệ. Nhiều nước tư bản phát triển, trên cơ sở các điều kiện kinh tế cao và do kết quả đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đã có những biện pháp điều chỉnh, hình thành được không ít các chế độ phúc lợi xã hội tiên bộ hơn so với trước. Từ giữa thập kỷ 70 của thế kỷ XX và nhất là từ sau khi Liên Xô tan rã, để thích ứng với điều kiện mới, chủ nghĩa tư bản thế giới đã ra sức tự điều chỉnh, thúc đẩy các chính sách “tự do mới” trên quy mô toàn cầu, nhờ đó hiện vẫn còn tiềm năng phát triển.

Tuy nhiên, chủ nghĩa tư bản vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó. Các cuộc khủng hoảng vẫn tiếp tục diễn ra. Đặc biệt, năm 2008-2009 chúng ta đã chứng kiến cuộc khủng



hoảng tài chính, suy thoái kinh tế bắt đầu từ nước Mỹ, nhanh chóng lan rộng ra các trung tâm tư bản chủ nghĩa khác và tác động đến hầu hết các nước trên thế giới. Các nhà nước, các chính phủ tư sản ở phương Tây đã bơm những lượng tiền khổng lồ để cứu các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia, các tổ hợp công nghiệp, tài chính, ngân hàng, thị trường chứng khoán, nhưng không mấy thành công.

Và hôm nay, chúng ta lại chứng kiến cuộc khủng hoảng nhiều mặt, cả về y tế, xã hội lẫn chính trị, kinh tế đang diễn ra dưới tác động của đại dịch Covid-19 và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Kinh tế suy thoái đã làm phơi bày sự thật của những bất công xã hội trong các xã hội tư bản chủ nghĩa: đời sống của đa số dân cư lao động bị giảm sút nghiêm trọng, thất nghiệp gia tăng; khoảng cách giàu - nghèo ngày càng lớn, làm trầm trọng thêm những mâu thuẫn, xung đột giữa các sắc tộc.

Những tình huống “phát triển xấu”, những nghịch lý “phản phát triển”, từ địa hạt kinh tế - tài chính đã tràn sang lĩnh vực xã hội, làm bùng nổ các xung đột xã hội và ở không ít nơi từ tình huống kinh tế đã trở thành tình huống chính trị với các làn sóng biểu tình, bãi công, làm rung chuyển cả thể chế. Sự thật cho thấy, bản thân thị trường tự do của chủ nghĩa tư bản không thể giúp giải quyết được những khó khăn, và trong nhiều trường hợp còn gây ra những tổn hại nghiêm trọng cho các nước nghèo; làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa lao động và tư bản toàn cầu. Sự thật đó cũng làm phá sản những lý thuyết kinh tế hay mô hình phát triển vốn xưa nay được coi là thời thượng, được không ít các chính khách tư sản ca ngợi, được các chuyên gia của họ coi là tối ưu, hợp lý.

Cùng với khủng hoảng kinh tế - tài chính là khủng hoảng năng

lượng, lương thực, sự cạn kiệt của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, sự suy thoái của môi trường sinh thái,... đang đặt ra những thách thức vô cùng lớn cho sự tồn tại và phát triển của nhân loại. Đó là hậu quả của một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lấy lợi nhuận làm mục tiêu tối thượng, coi chiếm hữu của cải và tiêu dùng vật chất ngày càng tăng làm thước đo văn minh, lấy lợi ích cá nhân làm trụ cột của xã hội. Đó cũng chính là những đặc trưng cốt yếu của phương thức sản xuất và tiêu dùng tư bản chủ nghĩa. Các cuộc khủng hoảng đang diễn ra một lần nữa chứng minh tính không bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái của nó. Theo nhiều nhà khoa học phân tích, các cuộc khủng hoảng hiện nay không thể giải quyết được một cách triệt để trong khuôn khổ của chế độ tư bản chủ nghĩa.

Các phong trào phản kháng xã hội bùng nổ mạnh mẽ tại nhiều nước tư bản phát triển trong thời gian qua càng làm bộc lộ rõ sự thật về bản chất của các thể chế chính trị tư bản chủ nghĩa.

Thực tế là các thiết chế dân chủ theo công thức “dân chủ tự do” mà phương Tây ra sức quảng bá, áp đặt lên toàn thế giới không hề bảo đảm để quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân - yếu tố bản chất nhất của dân chủ. Hệ thống quyền lực đó vẫn chủ yếu thuộc về thiểu số giàu có và phục vụ cho lợi ích của các tập đoàn tư bản lớn. Một bộ phận rất nhỏ, thậm chí chỉ là 1% dân số; nhưng lại chiếm giữ phần lớn của cải, tư liệu sản xuất, kiểm soát tới 3/4 nguồn tài chính, tri thức và các phương tiện thông tin đại chúng chủ yếu và do đó chi phối toàn xã hội. Đây chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến phong trào “99 chống lại 1” diễn ra ở Mỹ đầu năm 2011 và nhanh chóng lan rộng ở nhiều nước tư bản. Sự rêu rao bình đẳng về quyền,

nhưng không kèm theo sự bình đẳng về điều kiện để thực hiện các quyền đó đã dẫn đến dân chủ vẫn chỉ là hình thức, trống rỗng mà không thực chất. Trong đời sống chính trị, một khi quyền lực của đồng tiền chi phối thì quyền lực của nhân dân sẽ bị lấn át. Vì vậy mà tại các nước tư bản phát triển, các cuộc bầu cử được gọi là “tự do”, “dân chủ”, dù có thể thay đổi chính phủ, nhưng không thể thay đổi được các thể lực thống trị; đằng sau hệ thống đa đảng trên thực tế vẫn là sự chuyên chế của các tập đoàn tư bản.

Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé”, vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm.

Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường. Và, chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có. Phải chăng những mong ước tốt đẹp đó chính là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội và cũng chính là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi.

Như chúng ta đều biết, nhân dân Việt Nam đã trải qua một quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, khó khăn, đầy gian khổ, hy sinh để chống lại ách đô hộ và sự xâm lược của thực dân, đế quốc để bảo vệ nền độc lập dân tộc và chủ quyền thiêng liêng của đất nước, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân với tinh thần “Không có gì quý hơn Độc lập Tự do”.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bằng kinh nghiệm thực tiễn phong phú của mình kết hợp với lý luận cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đưa ra kết luận sâu sắc rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới có thể giải quyết triệt để vấn đề độc lập cho dân tộc, mới có thể đem lại cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc thực sự cho tất cả mọi người, cho các dân tộc.

Ngay khi mới ra đời và trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định: chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam.

Năm 1930, trong Cương lĩnh chính trị của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương: “Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa”.

Vào những năm cuối thế kỷ XX, mặc dù trên thế giới, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã bị đổ vỡ một mảng lớn, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa không còn, phong trào xã hội chủ nghĩa lâm vào giai đoạn

khủng hoảng, thoái trào, gặp rất nhiều khó khăn, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục khẳng định: “Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 01/2011), trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), chúng ta một lần nữa khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”.

Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội là gì và đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào? Đó là điều mà chúng ta luôn luôn trăn trở, suy nghĩ, tìm tòi, lựa chọn để từng bước hoàn thiện đường lối, quan điểm và tổ chức thực hiện, làm sao để vừa theo đúng quy luật chung, vừa phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Trong những năm tiến hành công cuộc đổi mới, từ tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước nhận thức ngày càng đúng đắn hơn, sâu sắc hơn về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội; từng bước khắc phục một số quan niệm đơn giản trước đây như: đồng nhất mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ của giai đoạn trước mắt; nhấn mạnh một chiều quan hệ sản xuất, chế độ phân phối bình quân, không thấy đầy đủ yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ, không thừa nhận sự tồn tại của các thành phần kinh tế; đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản; đồng nhất nhà nước pháp quyền với nhà nước tư sản...

Cho đến nay, mặc dù vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, nhưng chúng ta đã hình thành nhận thức tổng quát: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Để thực hiện được mục tiêu đó, chúng ta phải: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

Càng đi vào chỉ đạo thực tiễn, Đảng ta càng nhận thức được rằng,

quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất rất thấp, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh, hậu quả rất nặng nề; các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại cho nên lại càng khó khăn, phức tạp, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước đi, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen nhau, có sự đấu tranh giữa cái cũ và cái mới.

Nói bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế độ áp bức, bóc lột, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, việc kế thừa những thành tựu này phải có chọn lọc trên quan điểm khoa học, phát triển.

Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới.

Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục

tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đó là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường; một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: Sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối. Đây không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ (vì nước ta còn đang trong thời kỳ quá độ).

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố và phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất để định hướng, điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là phải gắn kinh



tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Điều đó có nghĩa là: không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần.

Trái lại, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xóa đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn. Đây là một yêu cầu có tính nguyên tắc để bảo đảm sự phát triển lành mạnh, bền vững, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo

đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao.

Chúng ta xác định: Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới; phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn, là tiêu chí để phát triển bền vững; xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ làm tế bào lành mạnh, vững chắc của xã hội, thực hiện bình đẳng giới là tiêu chí của tiến bộ, văn minh.

Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, dựa trên nền tảng lợi ích chung của toàn xã hội hài hòa với lợi ích chính đáng của con người, khác hẳn về chất so với các xã hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng giữa các cá nhân và phe nhóm, do đó cần và có điều kiện để xây dựng sự đồng thuận xã hội thay vì đối lập, đối kháng xã hội.

Trong chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân là mối quan hệ giữa các chủ thể thống nhất về mục tiêu và lợi ích; mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Mô hình chính trị và cơ chế vận hành tổng quát là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ. Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng Việt Nam.

Chúng ta chủ trương không ngừng phát huy dân chủ, xây dựng

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối của Đảng; có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tham gia quản lý xã hội.

Chúng ta nhận thức rằng, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về bản chất khác với nhà nước pháp quyền tư sản là ở chỗ: pháp quyền dưới chế độ tư bản chủ nghĩa về thực chất là công cụ bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản, còn pháp quyền dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân.

Thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước bảo đảm các điều kiện để nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm hại lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Đồng thời, chúng ta xác định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam; không ngừng thúc đẩy sự bình đẳng và đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo.

Nhận thức sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công

nhân Việt Nam; Đảng ra đời, tồn tại và phát triển là vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Khi Đảng cầm quyền, lãnh đạo cả dân tộc, được toàn dân thừa nhận là đội tiên phong lãnh đạo của mình và do đó Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam.

Nói như vậy không có nghĩa là hạ thấp bản chất giai cấp của Đảng, mà là thể hiện sự nhận thức bản chất giai cấp của Đảng một cách sâu sắc hơn, đầy đủ hơn, vì giai cấp công nhân là giai cấp có lợi ích thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và toàn dân tộc. Đảng ta kiên trì lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên; thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ.

Ý thức được nguy cơ đối với đảng cầm quyền là tham nhũng, quan liêu, thoái hóa..., nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường, Đảng Cộng sản Việt Nam đặt ra yêu cầu phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, thoái hóa v.v... trong nội bộ Đảng và trong toàn bộ hệ thống chính trị.

Công cuộc đổi mới, trong đó có việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã thực sự đem lại những thay đổi to lớn, rất tốt đẹp cho đất nước trong 35 năm qua.

Trước Đổi mới (1986), Việt Nam vốn là một nước nghèo lại bị chiến tranh tàn phá rất nặng nề, để lại những hậu quả hết sức to lớn cả về người, về của và môi trường sinh thái.

Tôi chỉ nêu thí dụ, cho đến nay vẫn có hàng triệu người chịu các bệnh hiểm nghèo và hàng trăm nghìn trẻ em bị dị tật bẩm sinh bởi tác động của chất độc da cam/dioxin do quân đội Mỹ sử dụng trong thời gian chiến tranh ở Việt Nam. Theo các chuyên gia, phải mất đến hơn 100 năm nữa Việt Nam mới có thể dọn sạch hết bom mìn còn sót lại sau chiến tranh.

Sau chiến tranh, Mỹ và phương Tây đã áp đặt cấm vận kinh tế với Việt Nam trong suốt gần 20 năm. Tình hình khu vực và quốc tế cũng diễn biến phức tạp, gây nhiều bất lợi cho chúng ta. Lương thực, hàng hóa nhu yếu phẩm hết sức thiếu thốn, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, khoảng 3/4 dân số sống dưới mức nghèo khổ.

Nhờ thực hiện đường lối đổi mới, nền kinh tế bắt đầu phát triển và phát triển liên tục với tốc độ tương đối cao trong suốt 35 năm qua với mức tăng trưởng trung bình khoảng 7% mỗi năm. Quy mô GDP không ngừng được mở rộng, năm 2020 đạt 342,7 tỷ đôla Mỹ (USD), trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN. Thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 17 lần, lên mức 3.512 USD; Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008.

Từ một nước bị thiếu lương thực triền miên, đến nay, Việt Nam không những đã bảo đảm được an ninh lương thực mà còn trở thành một nước xuất khẩu gạo và nhiều nông sản khác đứng hàng đầu thế giới. Công nghiệp phát triển khá nhanh, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ liên tục tăng và hiện nay chiếm khoảng 85% GDP. Tổng kim ngạch

xuất nhập khẩu tăng mạnh, năm 2020 đạt trên 540 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt trên 280 tỷ USD. Dự trữ ngoại hối tăng mạnh, đạt 100 tỷ USD vào năm 2020. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh, đăng ký đạt gần 395 tỷ USD vào cuối năm 2020. Về cơ cấu nền kinh tế xét trên phương diện quan hệ sở hữu, tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam hiện nay gồm khoảng 27% từ kinh tế nhà nước, 4% từ kinh tế tập thể, 30% từ kinh tế hộ, 10% từ kinh tế tư nhân trong nước và 20% từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Hiện dân số của Việt Nam là hơn 97 triệu người, gồm 54 dân tộc anh em, trong đó hơn 60% số dân sống ở nông thôn. Phát triển kinh tế đã giúp đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội những năm 80 và cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình mỗi năm giảm khoảng 1,5%; giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 5,8% năm 2016 theo chuẩn nghèo của Chính phủ và dưới 3% năm 2020 theo chuẩn nghèo đa chiều (tiêu chí cao hơn trước).

Đến nay, hơn 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; hầu hết các xã nông thôn đều có đường ô tô đến trung tâm, có điện lưới quốc gia, trường tiểu học và trung học cơ sở, trạm y tế và điện thoại.

Trong khi chưa có điều kiện để bảo đảm giáo dục miễn phí cho mọi người ở tất cả các cấp, Việt Nam tập trung hoàn thành xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010; số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gần 17 lần trong 35 năm qua.

Hiện nay, Việt Nam có 95% người lớn biết đọc, biết viết. Trong khi chưa thực hiện được việc bảo đảm cung cấp dịch vụ y tế miễn phí cho toàn dân, Việt Nam tập trung vào việc tăng cường y tế phòng ngừa,

phòng, chống dịch bệnh, hỗ trợ các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Nhiều dịch bệnh vốn phổ biến trước đây đã được khống chế thành công. Người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người cao tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em và tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm gần 3 lần. Tuổi thọ trung bình của dân cư tăng từ 62 tuổi năm 1990 lên 73,7 tuổi năm 2020.

Cũng nhờ kinh tế có bước phát triển nên chúng ta đã có điều kiện để chăm sóc tốt hơn những người có công, phụng dưỡng các Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm lo cho phần mộ của các liệt sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc. Đời sống văn hóa cũng được cải thiện đáng kể; sinh hoạt văn hóa phát triển phong phú, đa dạng.

Hiện Việt Nam có khoảng 70% dân số sử dụng internet, là một trong những nước có tốc độ phát triển công nghệ tin học cao nhất thế giới. Liên hợp quốc đã công nhận Việt Nam là một trong những nước đi đầu trong việc hiện thực hóa các Mục tiêu Thiên niên kỷ.

Năm 2019, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt mức 0,704, thuộc nhóm nước có HDI cao của thế giới, nhất là so với các nước có cùng trình độ phát triển.

Như vậy, có thể nói, việc thực hiện đường lối đổi mới đã đem lại những chuyển biến rõ rệt, hết sức sâu sắc và tích cực ở Việt Nam: kinh tế phát triển, lực lượng sản xuất được tăng cường; nghèo đói giảm nhanh, liên tục; đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng; thế và lực của quốc gia được tăng cường; niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố.

Tổng kết 20 năm đổi mới, Đại hội Đảng lần thứ X (năm 2006) đã nhận định, sự nghiệp đổi mới đã giành được “những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử”.

Trên thực tế, xét trên nhiều phương diện, người dân Việt Nam ngày nay đang có các điều kiện sống tốt hơn so với bất cứ thời kỳ nào trước đây. Đó là một trong những lý do giải thích vì sao sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo được toàn dân Việt Nam đồng tình, hưởng ứng và tích cực phấn đấu thực hiện.

Những thành tựu đổi mới tại Việt Nam đã chứng minh rằng, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa không những có hiệu quả tích cực về kinh tế mà còn giải quyết được các vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh tế.

Những kết quả, thành tích đặc biệt đạt được của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu từ đầu năm 2020 được nhân dân và bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Mới đây, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng một lần nữa lại khẳng định và nhấn mạnh: “Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa.

Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta



chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh chính trị của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, lý luận dẫn dắt dân tộc ta vững vàng tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; là nền tảng để Đảng ta hoàn thiện đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, trang 25-26).

Bên cạnh những thành tựu, mặt tích cực là cơ bản, chúng ta cũng còn không ít khuyết điểm, hạn chế và đang phải đối mặt với những thách thức mới trong quá trình phát triển đất nước.

Về kinh tế, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh còn thấp, thiếu bền vững; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ; hiệu quả và năng lực của nhiều doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nhà nước còn hạn chế; môi trường bị ô nhiễm tại nhiều nơi; công tác quản lý, điều tiết thị trường còn nhiều bất cập. Trong khi đó, sự cạnh tranh đang diễn ra ngày càng quyết liệt trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Về xã hội, khoảng cách giàu nghèo gia tăng; chất lượng giáo dục, chăm sóc y tế và nhiều dịch vụ công ích khác còn không ít hạn chế;

văn hóa, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp; tội phạm và các tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp. Đặc biệt, tình trạng tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống vẫn diễn ra trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Trong khi đó, các thế lực xấu, thù địch lại luôn tìm mọi thủ đoạn để can thiệp, chống phá, gây mất ổn định, thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đảng ta nhận thức rằng, hiện nay Việt Nam đang trong quá trình xây dựng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ quá độ, các nhân tố xã hội chủ nghĩa được hình thành, xác lập và phát triển đan xen, cạnh tranh với các nhân tố phi xã hội chủ nghĩa, gồm cả các nhân tố tư bản chủ nghĩa trên một số lĩnh vực. Sự đan xen, cạnh tranh này càng phức tạp và quyết liệt trong điều kiện cơ chế thị trường và mở cửa, hội nhập quốc tế. Bên cạnh các mặt thành tựu, tích cực, sẽ luôn có những mặt tiêu cực, thách thức cần được xem xét một cách tinh táo và xử lý một cách kịp thời, hiệu quả. Đó là cuộc đấu tranh rất gay go, gian khổ, đòi hỏi phải có tầm nhìn mới, bản lĩnh mới và sức sáng tạo mới. Đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình không ngừng củng cố, tăng cường, phát huy các nhân tố xã hội chủ nghĩa để các nhân tố đó ngày càng chi phối, áp đảo và chiến thắng. Thành công hay thất bại là phụ thuộc trước hết vào sự đúng đắn của đường lối, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Hiện nay, chúng ta đang tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng chú trọng hơn chất lượng và tăng tính bền vững với các khâu đột phá là: Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nguồn nhân lực, trước hết là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội (Văn kiện Đại hội XIII, tập 2, trang 337-338).

Về xã hội, chúng ta tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục và các dịch vụ công ích khác, nâng cao hơn nữa đời sống văn hóa cho nhân dân. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đang ra sức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, thực hiện tốt hơn nữa các nguyên tắc tổ chức xây dựng Đảng, nhằm làm cho tổ chức đảng và bộ máy nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh, giữ vững bản chất cách mạng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy, xây dựng chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất, hoàn toàn không hề đơn giản, dễ dàng. Đây là cả một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử thách, khó khăn, một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài, không thể nóng vội. Vì vậy, bên cạnh việc xác định chủ trương, đường lối đúng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, phải phát huy mạnh mẽ vai trò sáng tạo, sự ủng hộ và tham gia tích cực của nhân dân. Nhân dân tiếp nhận, ủng hộ và nhiệt tình tham gia thực hiện đường lối của Đảng vì thấy đường lối đó đáp ứng đúng yêu cầu, nguyện vọng của mình. Sức mạnh nhân dân là cội nguồn sâu xa của thắng lợi, của phát triển.

Mặt khác, Đảng lãnh đạo và cầm quyền, trong khi xác định phương hướng chính trị và đề ra quyết sách, không thể chỉ xuất phát từ

thực tiễn của đất nước và dân tộc mình, mà còn phải nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm từ thực tiễn của thế giới và thời đại.

Trong thế giới toàn cầu hóa như hiện nay, sự phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc không thể biệt lập, đứng bên ngoài những tác động của thế giới và thời đại, của thời cuộc và cục diện của nó. Chính vì vậy, chúng ta phải chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi.

Và điều hết sức quan trọng là phải luôn luôn kiên định và vững vàng trên nền tảng tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin - học thuyết khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động. Tính khoa học và cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là những giá trị bền vững, đã và đang được những người cách mạng theo đuổi và thực hiện. Nó sẽ còn tiếp tục phát triển và có sức sống trong thực tiễn cách mạng cũng như trong thực tiễn phát triển của khoa học.

Chúng ta cần tiếp thu, bổ sung một cách có chọn lọc trên tinh thần phê phán và sáng tạo những thành tựu mới nhất về tư tưởng và khoa học để chủ nghĩa, học thuyết của chúng ta luôn luôn tươi mới, luôn luôn được tiếp thêm sinh lực mới, mang hơi thở của thời đại, không rơi vào xơ cứng, trì trệ, lạc hậu so với cuộc sống□

---

**Nguồn: Tạp chí Lý luận và thực tiễn - 2021 - số 94 (228) - tr.3-21**

# **ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI LÀ QUAN ĐIỂM NHẤT QUÁN, XUYÊN SUỐT CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

**✍ GS, TS BÙI QUẢNG BẠ**

**TS TRẦN THỊ THUYẾT HÀ**

**Thiếu tướng, Nguyên Viện trưởng  
Viện Khoa học và Chiến lược Công an**

**Giảng viên Khoa Triết học & CNXHKKH,  
Học viện Chính trị Công an nhân dân**

## **1 Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**

■ Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam được thể hiện xuyên suốt trong các tác phẩm của Người, từ Đường cách mệnh đến Chánh cương vắn tắt và những bài viết sau này. Đó là tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc; xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tức là, cách mạng nước ta sẽ trải qua hai giai đoạn: cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin trong các tác phẩm kinh điển đã dành sự quan tâm đặc biệt đến vấn đề dân tộc và độc lập dân tộc; chỉ rõ con đường đấu tranh để giải phóng dân tộc. V.I.Lênin đã phát triển luận điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen “vô sản toàn thế giới liên hiệp lại” thành “vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”, trở thành khẩu hiệu của phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các nước bị áp bức trên toàn thế giới.

Hồ Chí Minh đã khẳng định tư tưởng về dân tộc và giải phóng dân tộc là một trong những vấn đề bản chất nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin. Hồ Chí Minh đã nêu rõ mối quan hệ biện chứng giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặt nền tảng cho sự

quá độ từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Độc lập dân tộc là quyền tự chủ, tự quyết của một dân tộc, quốc gia trong việc tổ chức các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... trong phạm vi lãnh thổ của mình, không chịu sự tác động, ép buộc, chi phối, thao túng của nước ngoài. Độc lập dân tộc phải trên cơ sở bảo đảm chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng trong quan hệ quốc tế, được luật pháp quốc tế thừa nhận và trên thực tế phải được khẳng định. Độc lập dân tộc là thành quả của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Đối với Việt Nam, độc lập dân tộc không chỉ dừng lại ở độc lập dân tộc dưới chế độ phong kiến, vì vị trí của người lao động vẫn không thay đổi. Độc lập dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một nền độc lập thật sự. Người nhấn mạnh: phải đấu tranh giành cho được độc lập thật sự, độc lập hoàn toàn, chứ không phải là thứ “độc lập giả hiệu”, “độc lập nửa vời”, “độc lập hình thức”. Người đã kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới để giành độc lập thật sự cho dân tộc, cho đất nước. Tư tưởng độc lập dân tộc của Hồ Chí Minh bao giờ cũng gắn với tự do, dân chủ và ấm no, hạnh phúc cho nhân dân lao động; gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng đó đã trở thành mục tiêu của cách mạng, lý tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin đã xây dựng học thuyết về chủ nghĩa xã hội. Học thuyết này đề cao các giá trị độc lập dân tộc; khẳng định chủ nghĩa xã hội là mục tiêu của độc lập dân tộc. Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin vào vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam. Người chỉ rõ: tiến lên chủ nghĩa xã hội là mục

tiêu, là bước phát triển tất yếu, khách quan ở Việt Nam sau khi đã giành được độc lập dân tộc. Người viết: “Chủ nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân sung sướng, ấm no”<sup>(1)</sup>; “chủ nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân được ấm no, hạnh phúc và học hành tiến bộ”<sup>(2)</sup>.

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không chỉ là mục tiêu, lý tưởng mà còn là động lực của cách mạng Việt Nam, Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là nguyên tắc chỉ đạo tiến trình cách mạng Việt Nam mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta kiên định, quán triệt trong Cương lĩnh, đường lối, chủ trương; Nhà nước thể hiện nguyên tắc này trong chính sách, pháp luật. Toàn thể hệ thống chính trị, mọi cán bộ, đảng viên phải nắm vững và thực hiện đúng nguyên tắc, mục tiêu này. Đây là lý tưởng, định hướng chiến lược của Đảng, tâm nguyện của nhân dân, vì chủ nghĩa xã hội là mục tiêu cao cả của độc lập dân tộc, độc lập dân tộc là điều kiện then chốt để bảo đảm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, có học hành, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho mọi tầng lớp nhân dân; dân chủ được mở rộng, người dân thực sự trở thành chủ nhân của đất nước mình.

## **2. Mối liên hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là hai chặng đường nối tiếp nhau của một tiến trình cách mạng. Hay nói cách khác, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là hai mục tiêu cụ thể của hai cuộc cách mạng trong đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong đó, độc lập dân tộc là mục tiêu của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thực hiện người cày có ruộng, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân. Đây là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng dân tộc, dân chủ, làm tiền đề để thực hiện các mục tiêu khác, như quyền lực chính trị, dân chủ, vấn đề



ruộng đất, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao trình độ dân trí... xây dựng một thể chế chính trị do dân làm chủ, xây dựng nền dân chủ nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội.... Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là giai đoạn tiếp theo của tiến trình cách mạng Việt Nam, sau khi kết thúc giai đoạn trước là cách mạng dân tộc, dân chủ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ mối liên hệ biện chứng giữa đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng này là cơ sở quá độ từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chính cách mạng xã hội chủ nghĩa đã kế thừa, khẳng định và bảo đảm vững chắc thành quả của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Sự phát triển này là quy luật tất yếu của lịch sử. Các giai đoạn của tiến trình cách mạng là những bước đi không thể tách rời nhau dù mỗi giai đoạn có những mục tiêu cụ thể riêng.



Quá trình phát triển nhận thức của Đảng và thực tiễn cách mạng nước ta là minh chứng lịch sử cho mối liên hệ biện chứng trên:

*Giai đoạn 1930 - 1945:* Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, thông qua cương lĩnh vắn tắt, sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Trong đó, Đảng Cộng sản Việt Nam tuyên bố sẽ làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất, đấu tranh xây dựng một xã hội tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ cập giáo dục. Đảng xác định mục tiêu đánh đổ thực dân Pháp và chế độ phong kiến, lấy ruộng đất chia cho dân nghèo.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, 20 triệu nhân dân Việt Nam đã tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, đỉnh cao là cuộc tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, chấm dứt chế độ phong kiến kéo dài hàng nghìn năm, chấm dứt sự đô hộ của thực dân Pháp sau gần một thế kỷ. Thắng lợi vĩ đại này của dân tộc Việt Nam đã đưa nước ta bước sang một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

*Giai đoạn 1945 - 1954:* Đảng lãnh đạo toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc thắng lợi bằng chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ chấn động địa cầu.

Mục tiêu của giai đoạn này là tiến hành thành công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do, cụ thể hóa tư tưởng của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, mục tiêu này mới đạt được ở miền Bắc. Sau hiệp định Giơnevơ (20/7/1954) nước ta tạm thời bị chia cắt thành hai miền Nam - Bắc. Sau khi hòa bình lập lại, miền Bắc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, trở thành hậu phương lớn cho cách mạng giải phóng dân tộc ở miền

Nam. Đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn này là hai chiến lược cách mạng: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam.

*Giai đoạn 1954 - 1975: cả nước dốc lòng cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Khát vọng hòa bình, độc lập dân tộc đã khơi dậy truyền thống dựng nước và giữ nước của ông cha, truyền thống chiến thắng giặc ngoại xâm của dân tộc. Cả nước xuống đường, cả nước hướng về miền Nam ruột thịt theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta “Tất cả cho tiền tuyến”. Lịch sử Việt Nam chưa lúc nào được chứng kiến sự kết hợp giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên phạm vi, quy mô lớn như thời điểm này của cách mạng. Sau chiến dịch Hồ Chí Minh trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, cả nước bước vào kỷ nguyên mới: kỷ nguyên xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước - kỷ nguyên của độc lập, tự do, thống nhất và chủ nghĩa xã hội.*

Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh đất nước gặp muôn vàn khó khăn, thách thức to lớn: đất nước bị chiến tranh tàn phá; Mỹ và phương Tây tiến hành bao vây, cô lập, cấm vận Việt Nam; các thế lực phản động quốc tế phát động kiểu “chiến tranh phá hoại nhiều mặt” chống phá Việt Nam; nền kinh tế nước ta lâm vào cuộc khủng hoảng nghiêm trọng kéo dài nhiều năm. Sự nghiệp đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) đã từng bước hồi sinh đất nước về mọi mặt. Trước những bối cảnh mới của tình hình, Đảng ta luôn xác định phải giương cao ngọn cờ “Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”. Công cuộc đổi mới

theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một chủ trương chiến lược đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; tạo điều kiện, tiền đề cho chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng ta vẫn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong mối liên hệ gắn kết biện chứng.

### **3 Nhận diện quan điểm sai trái, thù địch về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

Trong âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” chống phá cách mạng Việt Nam, các thế lực thù địch phản động, cơ hội chính trị và các phần tử chống chủ nghĩa xã hội luôn tìm mọi cách phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chúng đưa ra luận điệu: Ở Việt Nam không thể có độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nội dung tập trung vào những lập luận sau:

*Thứ nhất*, ở một nước như Việt Nam, nhất là đã trải qua hàng ngàn năm bị đô hộ bởi ngoại bang và chế độ phong kiến, sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc, thực hiện chế độ dân chủ nhân dân là phù hợp, không cần tiến lên chủ nghĩa xã hội.

*Thứ hai*, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là hai phạm trù độc lập, tồn tại ở các thời kỳ khác nhau, ở các quốc gia có định hướng chính trị khác nhau, không có mối liên hệ gắn kết. Đồng thời, phải thực hiện xong độc lập dân tộc, sau đó trải qua một thời kỳ “trung gian” quá độ từ độc lập dân tộc lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, Việt Nam không thể có độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Việc Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam xác định độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội và cho đó là một tất yếu, khách quan của lịch sử dân tộc Việt Nam là một sự gán ghép khiên cưỡng, bắt chước rập khuôn, máy móc Liên Xô

và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây.

*Thứ ba*, học thuyết của Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội đã lỗi thời, trên thực tế đã cáo chung sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới tồn tại được 70 năm đã tan rã, sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô. Sai lầm của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam là vận dụng học thuyết về chủ nghĩa xã hội vào Việt Nam. Vì vậy, kết cục Việt Nam sẽ cùng chung số phận như Liên Xô và Đông Âu. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện hiện nay thực chất là nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, không có chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và cũng không thể có độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội như Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định.

Những lập luận trên đây hoàn toàn mang tính mặc cảm, áp đặt, không có căn cứ thực tiễn và khoa học, nằm trong mưu đồ chiến lược chống chủ nghĩa xã hội của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị chống chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

## **4. Đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch**

Luận điệu của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị và các phần tử chống chủ nghĩa xã hội ít nhiều đã tác động vào các giai tầng xã hội, làm xuất hiện sự hoài nghi trong nhận thức của những người non kém về chính trị, những người có thái độ mặc cảm với chế độ xã hội chủ nghĩa. Vấn đề đặt ra là phải chủ động đấu tranh vạch rõ âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị; nâng cao cảnh giác cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; vô hiệu hóa luận điệu của chúng; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là

chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; bảo vệ chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Để có cơ sở đấu tranh, cần xây dựng luận cứ cho cuộc đấu tranh này.

*Thứ nhất*, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn của lịch sử dân tộc, là chiến lược, bước đi của cách mạng Việt Nam.

Học thuyết C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về chủ nghĩa xã hội luôn đề cao các giá trị của độc lập dân tộc, khẳng định chủ nghĩa xã hội là mục tiêu của độc lập dân tộc. Học thuyết đồng thời chỉ ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong việc thành lập Đảng chính trị và vai trò của Đảng trong lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, đập tan xiềng xích, áp bức, bóc lột của giai cấp thống trị, giành độc lập dân tộc, tạo tiền đề cho con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Học thuyết về chủ nghĩa xã hội của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin đã trở thành ngọn đuốc soi đường cho giai cấp vô sản toàn thế giới.

Đối với Việt Nam, các sĩ phu yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đều hướng các phong trào cách mạng vào mục tiêu giành độc lập dân tộc, nhưng cuối cùng đều thất bại do sai lầm về chủ trương, đường hướng cách mạng, không gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, tức là làm cách mạng nửa vời. Khác với các chí sĩ cách mạng, sĩ phu yêu nước, Nguyễn Ái Quốc đi tìm đường cứu nước đã sớm tìm đến học thuyết Mác - Lênin, đứng trên lập trường của giai cấp vô sản để xác định phương hướng, đường lối cho cách mạng Việt Nam, đó là kết hợp cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng xã hội chủ nghĩa. Người khẳng định cách mạng Việt nam không thể dừng lại ở độc lập dân tộc; đồng thời chỉ rõ mối quan hệ giữa độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa

xã hội.

Với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, cách mạng Việt Nam đã tìm ra con đường đúng đắn dựa trên học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng (2-1930) đã xác định mục tiêu của cách mạng nước ta là giành độc lập cho dân tộc để đi tới xã hội cộng sản, gắn tình thân độc lập, tự chủ, tự tôn dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã là sự lựa chọn tất yếu, khách quan của lịch sử nước nhà, là đường lối, bước đi chiến lược của Đảng ta từ khi mới thành lập.

*Thứ hai*, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là định hướng chính trị, mục tiêu xuyên suốt của tiến trình cách mạng Việt Nam.

Lịch sử cách mạng Việt Nam đã đi qua những giai đoạn đầy cam go trong các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và kháng chiến chống ngoại xâm. Tiến trình đó được phân kỳ lịch sử theo bốn giai đoạn: (1) Giai đoạn đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); (2) Giai đoạn vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, tiến trình kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1945-1954); (3) Giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiến trình kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi (1954-1975); (4) Giai đoạn cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975 đến nay).

Trong suốt các chặng đường lịch sử của cách mạng Việt Nam, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã trở thành nội dung cốt lõi, xuyên suốt trong đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều đó thể hiện sự nhất quán trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn của Đảng, là ngọn cờ cách mạng mà Đảng ta luôn giương cao. Đây là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng giải phóng

dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam trong từng giai đoạn cách mạng. Quan điểm nhất quán, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam đã được thể hiện rõ trong các cương lĩnh, văn kiện Đại hội Đảng. Đường lối của Đảng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã được cụ thể hóa trong chính sách, thể chế hóa thành pháp luật của Nhà nước; được quán triệt vận dụng trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Ngày nay, quan điểm, mục tiêu đó được Đảng ta khẳng định trong đường lối đổi mới, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng trong giai đoạn mới là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

*Thứ ba*, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội có mối liên hệ biện chứng, trở thành động lực, nguồn sức mạnh của cách mạng Việt Nam trong mỗi giai đoạn lịch sử.

Dân tộc Việt Nam đã sống dưới ách đô hộ của phong kiến, thực dân, đế quốc hàng ngàn năm, luôn khát vọng độc lập dân tộc. Khát vọng đó tập hợp được lực lượng, đoàn kết được các giai tầng xã hội, trở thành động lực cách mạng, tạo nên sức mạnh vô biên đánh thắng mọi loại kẻ thù, giành độc lập, tự do cho dân tộc. Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi đã đem lại cho mọi người dân cơm no, áo ấm, hạnh phúc, ai cũng được học hành. Khi độc lập dân tộc được gắn liền với chủ nghĩa xã hội sẽ tiếp thêm luồng sinh khí mới cho tinh thần yêu nước, ý chí quật cường của dân tộc, cho động lực và sức mạnh của cách mạng Việt Nam trong mỗi giai đoạn lịch sử. Bởi lẽ, độc lập dân tộc là tiền đề, là

nền tảng và điều kiện tiên quyết để đi lên chủ nghĩa xã hội; ngược lại, chủ nghĩa xã hội là điều kiện bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc đạt được những chân giá trị đích thực của nó, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: Phải đấu tranh giành cho được độc lập thực sự, độc lập hoàn toàn chứ không phải là thứ “độc lập giả hiệu”; “độc lập nửa vời”; “độc lập hình thức”. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, tư tưởng, nguyên tắc để Đảng định hướng, chỉ đạo, dẫn dắt tiến trình cách mạng Việt Nam ngay từ những đêm dài tăm tối của lịch sử dân tộc cho đến sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Mọi liên hệ biện chứng không thể tách rời giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã được Đảng ta luôn luôn khẳng định trong các cương lĩnh, văn kiện, nghị quyết thể hiện chủ trương, đường lối của Đảng và trong các chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nội dung độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã được Đảng ta từng bước hoàn thiện cả trong tư duy, lý luận và thực tiễn cách mạng; cả hệ thống chính trị, các đoàn thể, tổ chức, mọi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đều quán triệt vận dụng, thực hiện trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội luôn được Đảng ta giương cao. Đó là lập trường, quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc, đạo đức cách mạng của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, đã kết tinh thành sức mạnh của lòng yêu nước, ý chí quật cường dân tộc, làm nên sức mạnh, động lực của cách mạng Việt Nam trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước hơn 90 năm qua.

*Thứ tư*, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là phù hợp với ý Đảng, lòng dân.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Nguyễn Trãi đã từng



khẳng định: “Đẩy thuyền đi là dân mà lật thuyền cũng là dân”, lấy dân làm gốc là hòn đá tảng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người sớm nhận ra vai trò to lớn của nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng và xác định mọi tiến trình cách mạng của dân tộc phải là của dân, do dân tiến hành và mưu cầu hạnh phúc cho dân. Song, Hồ Chí Minh cũng khẳng định sự nghiệp cách mạng của quần chúng muốn giành thắng lợi phải do Đảng cộng sản - Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lãnh đạo. Người đã sớm chỉ rằng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam. Để Đảng vững được “phải có chủ nghĩa làm cốt”, “Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ Nam”<sup>(3)</sup>. Người rút ra kết luận: cách mạng Việt Nam muốn thành công phải đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời “phải làm cho dân giác ngộ”. Dân phải được tổ chức và được lãnh đạo thì mới trở thành lực lượng to lớn, mới là chủ, là gốc cách mạng được.

Trong tiến trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn lấy học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội làm kim chỉ Nam cho nhận thức và hành động; đồng thời tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, giác ngộ để quần chúng nhân dân hiểu rõ và hành động theo mục tiêu, lý tưởng đó. Đảng đã vận động và tổ chức quần chúng đấu tranh giành chính quyền, hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc, dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Lịch sử ra đời, xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức cho thấy rõ mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và quần chúng nhân dân. Dân tin Đảng, theo Đảng, thực hiện thắng lợi mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, mà nền tảng của mọi chủ trương, chính sách là vấn đề độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã

hội. Điều đó cho thấy sự nhất quán trong tư duy, nhận thức và hành động của Đảng và nhân dân. Cơ sở của sự nhất quán thống nhất đó là tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò, sự lãnh đạo của Đảng và vai trò của nhân dân trong tiến trình cách mạng; về cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong đó, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội vừa là mục tiêu, tư tưởng; vừa là nguyên tắc để mang lại độc lập dân tộc, dân chủ, giải quyết vấn đề quyền lực chính trị thuộc về nhân dân, vấn đề ruộng đất, đời sống ấm no hạnh phúc, nâng cao dân trí... Đây là tâm nguyện của ý Đảng, lòng dân.

*Thứ năm*, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là tâm điểm của phong trào công nhân và phong trào cộng sản quốc tế mà Việt Nam được tôn vinh là ngọn cờ đầu.

C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin xây dựng học thuyết về chủ nghĩa xã hội, trong đó đề cao các giá trị độc lập dân tộc, phù hợp với khát vọng của giai cấp vô sản và nhân dân lao động bị áp bức trên toàn thế giới. Chủ nghĩa xã hội chính là mục tiêu hướng tới của độc lập dân tộc, là bó đuốc dẫn đường cho phong trào công nhân, phong trào cộng sản thế giới trong đấu tranh giải phóng dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã sớm tìm đến, giác ngộ và vận dụng học thuyết Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 cũng như trong các cuộc kháng chiến trường kỳ, oanh liệt của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay là những minh chứng hùng hồn cho thắng lợi của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đã nêu gương cho phong trào đấu tranh giải phóng dân

tộc trên toàn thế giới. Nhiều phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước châu Phi, châu Mỹ - La-tinh, châu Á, châu Âu đều lấy Việt Nam làm tấm gương, bài học lịch sử để noi theo. Với mục tiêu và thắng lợi của đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, Việt Nam đã thực sự trở thành điểm sáng, là ngọn cờ đầu trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân loại tiến bộ. Nhiều nước đã giành được độc lập dân tộc, lựa chọn con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội đang tạm thời lâm vào khủng hoảng, Đảng ta vẫn kiên định đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đã đạt được những thành tựu to lớn, càng khẳng định đường lối của Đảng ta là đúng đắn. Vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao như đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Đất nước ta chưa bao giờ có được tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Đó là thắng lợi của đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đây đồng thời là đóng góp to lớn, có hiệu quả nhất của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đối với chủ nghĩa xã hội và phong trào cộng sản quốc tế trong thời đại mới□

---

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tập 10, tr.64.

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tập 10, tr.97.

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tập 12, tr.267.

**Nguồn:** <http://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/doc-lap-dan-toc-gan-lien-voi-chu-nghia-xa-hoi-la-quan-diem-nhat-quan-xuyen-suot-cua-cach-mang-viet-nam.html>

## MỘT SỐ NHẬN THỨC MỚI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ TÍNH ĐẶC THÙ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

✍ GS, TS TRẦN VĂN PHÒNG

---

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**Tóm tắt:** Nghiên cứu, luận giải làm rõ nhận thức đúng đắn của Đảng về tính đặc thù của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện ở chỗ đã vận dụng sáng tạo những nội dung mang tính phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội vào điều kiện cụ thể Việt Nam, nhưng không tuyệt đối hóa những điều kiện đặc thù. Điều này thể hiện rõ ở 8 phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Đảng đề ra trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*. Qua kết quả nghiên cứu, bước đầu đề xuất một số điểm cần bổ sung, phát triển trong phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam làm rõ hơn tính đặc thù khi thực hiện các phương hướng này.

*Từ khóa: Tính đặc thù; bổ sung, phát triển; chủ nghĩa Mác-Lênin; chủ nghĩa xã hội Việt Nam*

**T**rong quá trình đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những nhận thức mới về tính đặc thù của CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Những nhận thức mới đúng đắn này góp phần làm cho sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam đạt nhiều kết quả trên thực tế. Đó là những nhận thức chủ yếu sau:

## 1 Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tính phổ biến, tính đặc thù lên chủ nghĩa xã hội

Bước vào thời kỳ đổi mới năm 1986, từ kinh nghiệm của những bài học những năm trước đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam bắt đầu nhận thức mới lại một loạt vấn đề quan trọng về CNXH. Trở lại lời căn dặn của C.Mác và Ph.Ăngghen: “Đối với chúng ta, chủ nghĩa cộng sản không phải là một *trạng thái* cần phải sáng tạo ra, không phải là một ý tưởng mà hiện thực phải khuôn theo. Chúng ta gọi chủ nghĩa cộng sản là một phong trào *hiện thực*, nó xóa bỏ trạng thái hiện nay. Những điều kiện của phong trào ấy là do những tiền đề hiện đang tồn tại để ra”<sup>(1)</sup>. Trên cơ sở đó, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức lại những luận điểm mang tính phổ biến của CNXH mà Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và Công nhân quốc tế họp ở Mátxcova năm 1957 đã khái quát<sup>(2)</sup>. Xét về bản chất thì 9 nội dung mang tính phổ biến của CNXH mà Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và Công nhân quốc tế họp ở Mátxcova năm 1957 là đúng. Tuy nhiên, khi vận dụng vào từng nước thì các đảng phải tính tới đặc thù của dân tộc mình. Không tính tới đặc điểm dân tộc nhất định sẽ rơi vào giáo điều. Tất nhiên, không được tuyệt đối hóa đặc thù dân tộc để dẫn tới xét lại, dân tộc, hẹp hòi. Cần quán triệt sâu sắc lời chỉ dẫn của V.I.Lênin: “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa *cần phải* phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống. Chúng tôi nghĩ rằng những người xã hội chủ nghĩa ở Nga đặc biệt cần phải *tự mình* phát triển hơn nữa lý luận của Mác, vì lý luận này chỉ đề ra những nguyên lý *chỉ đạo chung*, còn việc áp dụng nguyên lý ấy thì *xét riêng từng nơi*, ở Anh



*Hội thảo khoa học: “Lý luận Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - Những giá trị bền vững, những luận điểm cần bổ sung, phát triển hiện nay”, ngày 9-11-2018*

không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga”<sup>(3)</sup>. Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã từng nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải hiểu: “Học tập chủ nghĩa Mác- Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc,... là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế ở nước ta”<sup>(4)</sup> chứ không phải để thuộc lòng từng câu từng chữ lý luận Mác-Lênin. Xuất phát từ những chỉ dẫn của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, rút kinh nghiệm của thời kỳ trước đổi mới, tổng kết thực tiễn Việt Nam và thời đại, Đảng Cộng sản Việt

Nam xác định rõ trên nền tảng kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhưng phải vận dụng sáng tạo phù hợp thực tiễn Việt Nam. Chính vì vậy, ngay từ Đại hội VI (1986), Đảng thừa nhận: “Trong lĩnh vực *tư tưởng* đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận và vận dụng các quy luật đang hoạt động trong thời kỳ quá độ; đã mắc bệnh duy ý chí, giản đơn hóa, muốn thực hiện nhanh chóng nhiều mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện nước ta mới ở chặng đường đầu tiên. Chúng ta đã có những thành kiến không đúng, trên thực tế, chưa thật sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hóa đang tồn tại khách quan”<sup>(5)</sup>. Điều quan trọng là ngay từ Đại hội VI, Đảng đã đề ra nhiệm vụ: “Đề khắc phục những khuyết điểm, chuyển biến được tình hình, Đảng ta, trước hết phải thay đổi nhận thức, đổi mới tư duy. Phải nhận thức đúng đắn và hành động phù hợp với hệ thống quy luật khách quan, trong đó, các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội ngày càng chi phối mạnh mẽ phương hướng phát triển chung của xã hội”<sup>(6)</sup>. Nhưng ngay từ khi bắt đầu đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có thái độ rất đúng đắn: “Đổi mới tư duy không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu lý luận đã đạt được, phủ nhận những quy luật phổ biến của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phủ nhận đường lối đúng đắn đã được xác định, trái lại, chính là bổ sung và phát triển những thành tựu ấy”<sup>(7)</sup>. Trên tinh thần ấy, Đảng bổ sung nhiều luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin cho phù hợp thực tiễn Việt Nam và thời đại. Chẳng hạn về bản chất của Đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ là đại diện, tiêu biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, mà còn cho cả dân tộc. Các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin mới đề cập tới xây dựng đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức, thì Đảng Cộng sản Việt Nam yêu cầu tăng cường xây dựng Đảng cả về đạo đức. Hay ở các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-

Lênin, chủ yếu là liên minh công - nông, trong điều kiện Việt Nam, Đảng bổ sung liên minh công nhân - nông dân - trí thức. Nếu V.I.Lênin mới dừng ở kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, thì Đảng đã phát triển thành kinh tế thị trường định hướng XHCN... Tất cả những luận điểm lý luận này là kết quả của sự nhận thức và vận dụng đúng đắn những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện đặc thù Việt Nam của Đảng Cộng sản Việt Nam.

## **2 Về tính đặc thù trong phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới**

Trong thời kỳ đổi mới, Đại hội VII (1991) của Đảng đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Hai mươi năm sau, bối cảnh thế giới và Việt Nam đều có những đổi thay căn bản, tại Đại hội XI (2011) Đảng đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*. Kế thừa và phát triển Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 đã nêu ra 8 phương hướng cơ bản xây dựng CNXH ở Việt Nam như sau:

*Một là, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Hai là, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Sáu là, xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng*



mặt trận dân tộc thống nhất. *Bảy là*, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. *Tám là*, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh<sup>(8)</sup>. Tám phương hướng trên đều bảo đảm sự thống nhất giữa tính phổ biến và tính đặc thù trong con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Cụ thể:

*Với phương hướng thứ nhất*, nhìn nhận CNH, HĐH là vấn đề cơ bản của việc phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. Xem xét CNH, HĐH đất nước một cách toàn diện hơn: công nghiệp hóa gắn hiện đại hóa; gắn CNH, HĐH với phát triển kinh tế tri thức, tức là phù hợp xu thế phát triển của nhân loại; gắn CNH, HĐH với bảo vệ tài nguyên, môi trường là phù hợp thực tế Việt Nam và kinh nghiệm của các nước đi trước đã thực hiện CNH, HĐH; gắn CNH, HĐH nói chung với CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là phù hợp thực tế Việt Nam.

*Với phương hướng thứ hai*, kinh tế thị trường định hướng XHCN được Đảng Cộng sản Việt Nam coi là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Việt Nam sẽ thực hiện nhất quán, lâu dài mô hình kinh tế này. Những đặc trưng cơ bản của mô hình kinh tế này đã được nêu ra và về đại thể đã được toàn Đảng hiểu và quán triệt. Đặc biệt, tại Đại hội XII (2016) của Đảng, những đặc trưng của mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN đã được nhận thức đầy đủ, đúng đắn, phù hợp với kinh tế thị trường hiện đại hơn. Đó là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>(9)</sup>.

Với phương hướng thứ ba, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức toàn diện hơn về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cũng như mối liên hệ giữa xây dựng văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Tư duy lý luận về vai trò của văn hóa đối với phát triển bền vững được khẳng định, phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu và động lực của phát triển. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người là sức mạnh nội sinh của phát triển bền vững; làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là văn hóa nhân cách, văn hóa trong kinh tế, văn hóa trong chính trị; tư duy bước đầu về xây dựng hệ giá trị, chuẩn mực của văn hóa, con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, chủ động hội nhập quốc tế; đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa. Khẳng định sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa là tất yếu chính trị.

Với phương hướng thứ tư, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức và gắn kết nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quốc gia với nhiệm vụ giữ vững chế độ, bảo vệ Đảng, giữ vững an toàn, trật tự xã hội, văn hóa cũng như gắn kết phương hướng bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia với yêu cầu giữ vững an toàn, trật tự xã hội, đảm bảo cuộc sống của nhân dân. Nhận thức mềm dẻo, linh hoạt phù hợp thực tiễn về “đối tác” và “đối tượng” trong quốc phòng, an ninh được thay thế cho nhận thức cũ, cứng nhắc.

Với phương hướng thứ năm, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết trong đối ngoại. Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và

tích cực hội nhập quốc tế đã được kiên trì, kiên định trong quá trình thực hiện Cương lĩnh. Từ “sẵn sàng là bạn”, “chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế” đã chuyển thành công sang phương châm “Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế” và “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế”.

Với phương hướng thứ sáu, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chuyển “dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, động lực của công cuộc đổi mới” thành “dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, động lực của phát triển đất nước”. Như vậy đầy đủ hơn, đúng đắn hơn, phù hợp thực tế hơn. Coi dân chủ XHCN như một phương hướng cơ bản xây dựng CNXH. Gắn xây dựng dân chủ XHCN với thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất.

Với phương hướng thứ bảy, Đảng Cộng sản Việt Nam coi xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trên tất cả các mặt lập pháp, hành pháp, tư pháp và xây dựng đội ngũ công chức là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.

Với phương hướng thứ tám, trên cơ sở kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bổ sung bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, mà còn của cả dân tộc. Cùng với xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị, tổ chức thì Đảng Cộng sản Việt Nam rất coi trọng xây dựng Đảng về đạo đức.

Đồng thời với thực hiện 8 phương hướng trên Đảng Cộng sản Việt Nam yêu cầu giải quyết tốt 9 mối quan hệ lớn: “quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa

tuân theo các quy luật của thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ...”<sup>(10)</sup>. Những quan hệ lớn này hoàn toàn xuất phát từ điều kiện cụ thể Việt Nam, thể hiện tính đặc thù Việt Nam rất rõ nét.

### **3 Những điểm cần bổ sung, phát triển trong phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam làm rõ hơn tính đặc thù khi thực hiện các phương hướng trên**

*Một là*, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng bao trùm mô hình phát triển bao gồm cả kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, trong đó con người phải là trung tâm. Trong mô hình phát triển này, mọi người đều có cơ hội thể hiện hết tài năng, sáng tạo, năng lực của mình và mọi người cũng như mỗi người đều được hưởng lợi, bảo đảm “không bỏ ai lại phía sau” và phải hướng tới “nhu cầu của những đối tượng dễ bị tổn thương nhất đều được đáp ứng”. Mô hình phát triển bao trùm sẽ phát huy được vai trò con người, từ đó giải quyết được điểm nghẽn về nguồn nhân lực chất lượng cao, từ đây sẽ giải quyết được điểm nghẽn về thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN và điểm nghẽn về kết cấu hạ tầng của nền kinh tế. Đẩy mạnh CNH, HĐH gắn CNH, HĐH với nông nghiệp, nông thôn; từng bước phát triển kinh tế tri thức; phát triển các ngành kinh tế biển phù hợp điều kiện cụ thể. Tạo đột phá trong năng suất, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung

phát triển nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp hóa dược và kinh tế du lịch. Quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái. Chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, an ninh phi truyền thống.

*Hai là*, tạo bước đột phá trong đổi mới giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học và công nghệ; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực lãnh đạo, quản trị đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp 4.0. Tăng cường xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh phát triển đất nước. Phải “làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội...”. Xây dựng, phát triển con người Việt Nam toàn diện, là trung tâm, mục tiêu, động lực của sự phát triển đất nước.

*Ba là*, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, chú trọng bảo vệ chủ quyền biển, đảo; bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ. Giữ vững an ninh, an toàn trật tự xã hội cho phát triển đất nước. Chủ động ứng phó với những vấn đề an ninh phi truyền thống. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, xuyên suốt cả thời kỳ quá độ lên CNXH, là nhiệm vụ sống còn của đất nước và dân tộc, trong đó mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn biển, đảo và giữ vững an ninh chính trị là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn hiện nay.

*Bốn là*, chủ động thực hiện các cam kết quốc tế, các hiệp định thương mại thế hệ mới; xử lý tốt các mối quan hệ với các nước lớn, các nước láng giềng, khu vực. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế vì sự phát triển bền vững của đất nước. Chúng ta nên bắt đầu phát triển tư duy đối ngoại theo hướng định vị Việt Nam là “quốc gia phát triển” vào

năm 2045.

*Năm là*, thực hành và phát huy dân chủ XHCN; phát huy quyền làm chủ của nhân dân gắn với kỷ cương, kỷ luật. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng, khơi dậy niềm tin, khát vọng, niềm tự hào dân tộc của người Việt Nam. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Tạo đột phá trong phát huy các nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân; khơi dậy niềm tin, khát vọng phát triển của mỗi người Việt Nam; phát huy sức mạnh mềm của dân tộc cho phát triển. Giải quyết dứt điểm những vấn đề bức xúc, kéo dài; ngăn chặn, đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội; phát triển xã hội lành mạnh. Lấy con người Việt Nam làm trung tâm của mọi sự phát triển.

*Sáu là*, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN trong sạch, liêm chính, hành động vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển đất nước trên tất cả các mặt lập pháp, hành pháp, tư pháp và xây dựng đội ngũ. Xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, liêm chính, từng bước xây dựng Chính phủ điện tử; quản trị thông minh; xây dựng cơ chế kiểm soát hiệu quả quyền lực.

*Bảy là*, tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao sự lãnh đạo toàn diện của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đội ngũ cán bộ, công chức liêm khiết, có phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn ngang tầm nhiệm vụ.

Đồng thời tiếp tục quán triệt và xử lý tốt 9 quan hệ lớn theo tinh thần Đại hội XII của Đảng và chủ động nhận thức, giải quyết tốt một số quan hệ phát sinh khác. Đó là quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu sách lược; quan hệ giữa phát huy nội lực và phát huy ngoại lực;

quan hệ giữa thực hành dân chủ và thực hiện kỷ cương, pháp luật; quan hệ giữa dân tộc và quốc tế trong điều kiện mới□

---

(1) *C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1995, T.3, tr.51

(2) Xem: Đảng Cộng sản và Công nhân các nước xã hội chủ nghĩa: *Cương lĩnh của chúng ta*, Nxb ST, H, 1958, tr.23-24. (Một là, sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mà hạt nhân là Đảng mácxít-lêninnít đối với quần chúng lao động trong cách mạng vô sản, và trong sự thiết lập nền chuyên chính vô sản; Hai là, liên minh của giai cấp công nhân với quần chúng, cơ bản là nông dân và các tầng lớp lao động khác; Ba là, thủ tiêu chế độ tư hữu TBCN, thiết lập chế độ sở hữu công cộng về những tư liệu sản xuất cơ bản; Bốn là, cải tạo dần dần nền nông nghiệp theo CNXH; Năm là, phát triển kinh tế nhân dân có kế hoạch, phục vụ CNXH, nâng cao đời sống người lao động; Sáu là, thực hiện cách mạng XHCN trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, đào tạo tầng lớp trí thức của giai cấp công nhân và nhân dân lao động; Bảy là, xóa bỏ sự áp bức dân tộc, xây dựng sự bình đẳng, tình hữu nghị anh em giữa các dân tộc; Tám là, bảo vệ những thành quả của CNXH chống sự phá hoại của kẻ thù bên ngoài và bên trong; Chín là, đoàn kết giai cấp công nhân quốc tế, thực hiện chủ nghĩa quốc tế vô sản)

(3) *VI.Lênin Toàn tập*, Nxb Tiên bộ, Mátxcova, 1974, T.4, tr.232

(4) *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T.11, tr.611

(5), (6), (7) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb ST, H, 1987, tr.17, 30, 125

(8), (10) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr.72, 80

(9) Xem *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2016, tr.102

**Nguồn: Tạp chí Lịch sử Đảng - 2019 - số 7 - tr.44-49**

---

# NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG TA VỀ MÔ HÌNH XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

✍ PGS, TS VŨ VĂN PHÚC

Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học  
các cơ quan Đảng Trung ương

Qua hơn 90 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã lãnh đạo đất nước giành được độc lập dân tộc và đang lãnh đạo đất nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước ta, hình thành, phát triển và hoàn thiện lý luận về mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

**1** Quá trình hình thành đường lối đổi mới (trước Đại hội VI) là quá trình hình thành lý luận của Đảng ta về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Quá trình hình thành đường lối đổi mới của Đảng ta xuất phát từ những bước đột phá về đổi mới tư duy kinh tế trước khi hình thành đường lối đổi mới toàn diện tại Đại hội VI.

Phát hiện ra những hiện tượng “phá rào” trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, tổ chức nghiên cứu tổng kết các sáng kiến từ thực tiễn của Nhân dân, Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (8-1979) đề ra chủ trương với quyết tâm *làm cho sản xuất “bung ra”*. Đây là bước *đột phá đầu tiên* của quá trình đổi mới ở nước ta. Hội nghị tập trung vào các biện pháp nhằm khắc phục những yếu kém trong quản lý kinh tế và cải tạo XHCN;



điều chỉnh những chủ trương, chính sách kinh tế, dỡ bỏ rào cản, mở đường cho sản xuất phát triển; khuyến khích sự chủ động, tích cực của người lao động... Trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, điều chỉnh một số chính sách kinh tế; cải tiến các chính sách lưu thông, phân phối; đổi mới việc xây dựng, thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp kế hoạch với thị trường; kết hợp ba lợi ích. Chấn chỉnh công tác tổ chức và chỉ đạo thực hiện.

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn “khoán chui” ở một số địa phương như Hải Phòng, Vĩnh Phúc,... Ban Bí thư ban hành chỉ thị số 100-CT/TW ngày 13-01-1981 về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp. “Khoán 100” khởi đầu tư duy kinh tế mới, tạo động lực mạnh mẽ cho sản xuất nông nghiệp.

Trên lĩnh vực công nghiệp, đột phá trong tư duy là phát huy quyền tự chủ của các cơ sở trong sản xuất kinh doanh, tiến hành hạch toán trong kinh doanh, với chủ trương “ba phần kế hoạch” bước đầu được xác định theo Quyết định số 25-CP ngày 21-01-1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh và Quyết định số 26-CP ngày 21-01-1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh của Nhà nước.

Trên lĩnh vực cải tạo XHCN, vấn đề sử dụng nhiều thành phần kinh tế đã được đặt ra; lấy hiệu quả kinh tế làm căn cứ, tiêu chí để vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức sản xuất thích hợp; chính sách đổi

với kinh tế cá thể từng bước được điều chỉnh cho sát với thực tế hơn; nhấn mạnh chống tư tưởng nóng vội, chủ quan, duy ý chí, mệnh lệnh, làm ô ạt gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống.

Có thể khẳng định: đổi mới tư duy, đặc biệt lâu đời mới tư duy kinh tế là xuất phát điểm cho việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng và những bước đột phá về tư duy kinh tế trong Nghị quyết Trung ương 6 khóa IV trong chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư và trong các Quyết định 25-CP, 26-CP của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) là những ý tưởng ban đầu, tuy còn sơ khai, chưa cơ bản và toàn diện, nhưng là bước khởi đầu có ý nghĩa quan trọng. Tư tưởng nổi bật trong những tìm tòi đó là “giải phóng lực lượng sản xuất” trên cơ sở khắc phục những khuyết điểm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo XHCN, tạo ra động lực cho sản xuất: chú ý kết hợp ba lợi ích, quan tâm hơn đến lợi ích kinh tế, lợi ích vật chất thiết thân của người lao động.

Trên cơ sở tổng kết những thành công và hạn chế bước đầu từ cuối nhiệm kỳ Đại hội IV về đổi mới tư duy, nhất là đổi mới tư duy kinh tế, triển khai trong thực tiễn những bước đổi mới đầu tiên, Ban chấp hành Trung ương khóa IV chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội V của Đảng. Đại hội V (3-1982) đã đánh giá khách quan những thành tựu và hạn chế bước đầu đổi mới, từ đó đề ra một số chủ trương đổi mới quan trọng. Nêu lại tư tưởng về sự phân kỳ thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta với khái niệm “chặng đường đầu tiên”; xác định mục tiêu phân đầu cho từng giai đoạn, cụ thể trong giai đoạn 1981-1985, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu hợp lý, xem đó là nội dung chính của công nghiệp hóa XHCN trong chặng đường trước mắt. Đại hội V

còn khẳng định sự tồn tại trong một thời gian nhất định ở miền Nam năm thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể, tư bản tư nhân)...

Trước những khó khăn về kinh tế và đời sống lúc bấy giờ, xuất hiện khuynh hướng muốn quay trở lại với quan niệm và cách làm cũ, Đảng ý thức rõ phải có một quyết sách chính trị: muốn tồn tại và đứng vững phải quyết tâm đổi mới. Trên tinh thần đó, Hội nghị Trung ương 8 khóa V (6-1985) thông qua chủ trương dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện cơ chế một giá; xóa bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp; chuyển mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh sang cơ chế hạch toán kinh doanh XHCN; chuyển ngân hàng sang hoạt động theo nguyên tắc kinh doanh. Điểm quan trọng của Hội nghị là thừa nhận sản xuất hàng hóa và những quy luật của sản xuất hàng hóa. Hội nghị này được coi là *bước đột phá thứ hai* của quá trình hình thành đường lối đổi mới.

Trong quá trình chuẩn bị Dự thảo các văn kiện trình Đại hội VI, Bộ chính trị khóa V đã xem xét kỹ các vấn đề lớn trong lĩnh vực kinh tế, từ đó đưa ra kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm, đường lối kinh tế: 1) Trong bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu; ra sức phát triển công nghiệp nhẹ; công nghiệp nặng được phát triển có chọn lọc; 2) Trong cải tạo XHCN, xác định cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ lên CNXH của nước ta; 3) Trong cơ chế quản lý kinh tế, lấy kế hoạch làm trung tâm, đồng thời sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ, dứt khoát đoạn tuyệt với cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp; chính sách giá phải vận dụng quy luật giá trị, tiến tới thực hiện cơ chế một giá. Đây là *bước đột phá thứ ba*, có ý nghĩa lớn trong đổi mới tư duy lý luận về

CNXH, đóng vai trò định hướng cho việc soạn thảo lại một cách căn bản Dự thảo các văn kiện trình Đại hội VI của Đảng. Căn cứ vào những kết luận có tính nguyên tắc nêu trên, Trung ương Đảng chỉ đạo chuẩn bị lại theo tinh thần Đổi mới Dự thảo các văn kiện trình Đại hội VI của Đảng, đề xin ý kiến của Ban chấp hành Trung ương khóa V.

Những đổi mới trong nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta trước Đại hội VI của Đảng là sự nhìn nhận, đánh giá đúng đắn hơn về tính khó khăn, phức tạp của con đường đi lên CNXH từ một nền kinh tế lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến; về bước đi và chặng đường phải trải qua; về sự cần thiết phải giải phóng mọi lực lượng sản xuất xã hội, về phát triển sản xuất hàng hóa; sự cần thiết phải thay đổi cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp; thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh XHCN; sự cần thiết phải tạo ra động lực mạnh mẽ cho người lao động - quan tâm đến lợi ích kinh tế, lợi ích vật chất thiết thân của người lao động.

**2** **Quá trình bổ sung, hoàn thiện, phát triển đường lối đổi mới (từ Đại hội VI đến nay) là quá trình phát triển lý luận của Đảng ta về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

***2.1. Từng bước bổ sung, phát triển đường lối đổi mới là từng bước bổ sung, phát triển lý luận của Đảng ta về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam***

Việc đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn trong quá trình chuẩn bị dự thảo các văn kiện để Đại hội VI của Đảng (12-1986) thảo luận và đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đánh dấu *một bước ngoặt có ý nghĩa cách mạng* trong sự nghiệp xây dựng CNXH của

nước ta, tạo ra luồng sinh khí mới trong toàn xã hội, làm xoay chuyển tình hình, đưa đất nước vững bước tiến lên.

Với phương châm “*nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*”<sup>(1)</sup>, Đại hội VI đã phân tích sâu sắc những thành tựu và hạn chế, khuyết điểm, sai lầm, trong đó có sai lầm về bố trí cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, phân phối lưu thông, cải tạo xã hội chủ nghĩa..., coi đó “là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, *sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện*”<sup>(2)</sup>, “bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động *tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ* của Đảng”<sup>(3)</sup>.

Đại hội VI đề ra ba chương trình kinh tế lớn là lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, xem đó là mũi nhọn phát triển kinh tế trong thời kỳ đổi mới; đồng thời chủ trương kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế quản lý mới, áp dụng những biện pháp kích thích sản xuất, mở rộng giao lưu hàng hoá, xoá bỏ tình trạng chia cắt thị trường; lập lại trật tự, kỷ cương; giữ ổn định chính trị - xã hội, từng bước cải thiện đời sống nhân dân và khẳng định nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên CNXH, cần tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa XHCN, tiến hành đổi mới chính sách kinh tế gắn với đổi mới chính sách xã hội, coi sự tác động qua lại giữa hai loại chính sách này là nhân tố cơ bản bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân. Đây là lần đầu tiên trong quan niệm về CNXH, chính sách xã hội và môi trường quan của nó với chính sách kinh tế được đặt đúng tầm. Nhấn mạnh vấn đề phải làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, đẩy lùi và xoá bỏ

các hiện tượng tiêu cực, làm lành mạnh các quan hệ xã hội; đổi mới quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ; thực hiện “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, căn cứ vào tình hình thực tiễn, Đảng không ngừng tổng kết thực tiễn làm căn cứ để các hội nghị Trung ương tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đường lối đổi mới đất nước.

Sau Đại hội VI, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị tiếp tục bổ sung, phát triển, cụ thể hoá đường lối đổi mới, làm cho Nghị quyết Đại hội VI dần đi vào cuộc sống. Nghị quyết Trung ương 2 khóa VI (4-1987) về lưu thông phân phối, quyết định bỏ chính sách hai giá, thực hiện bốn giảm (giảm tốc độ lạm phát; giảm nhịp độ tăng giá; giảm tốc độ bội chi ngân sách; giảm bớt khó khăn về đời sống của người ăn lương, của quân đội, công an, người về hưu, nhân dân lao động), tiếp tục xoá bỏ tình trạng “ngăn sông, cấm chợ”. Nghị quyết Trung ương 3 khóa VI (8-1987) quyết định chuyển hoạt động của các đơn vị công nghiệp quốc doanh sang kinh doanh XHCN, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế, thực hiện tự chủ trong kinh doanh. Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 05-4-1988 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, thực hiện việc khoán đến hộ (“khoán 10”), tạo động lực mới thúc đẩy nông nghiệp phát triển nhanh, toàn diện.

Nhận rõ những nguy cơ từ cải tổ ngày càng theo hướng hữu khuynh ở Liên Xô, Đông Âu, Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (3-1989) đề ra *sáu nguyên tắc đổi mới*, trong đó nhấn mạnh: đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà là nhận thức đúng hơn và có phương pháp phù hợp hơn để xây dựng thành công CNXH; phải giữ vững định

hướng XHCN, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, kiên định nguyên tắc tập trung dân chủ, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập...

Đại hội VII (6-1991) thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Cùng với xác định rõ nội dung và tính chất của thời đại, Cương lĩnh làm nổi bật hai nội dung cơ bản: 1) quan niệm tổng quát nhất về xã hội XHCN mà chúng ta cần xây dựng; 2) những phương hướng cơ bản để xây dựng XHCN ở nước ta trong thời kỳ mới. Cương lĩnh chỉ rõ: xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ; có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; có mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Để bảo đảm giữ vững định hướng XHCN trong quá trình đổi mới, phải kiên trì sự lãnh đạo của Đảng, kiên định và phát triển nền tảng tư tưởng, lý luận cách mạng và khoa học. Cương lĩnh khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản”.

Cương lĩnh xác định Đảng lãnh đạo xã hội bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng

hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. “Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”. Phải xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có năng lực phẩm chất trong sạch, đủ sức gánh vác công việc của Đảng. Những nội dung cơ bản của Cương lĩnh năm 1991 phản ánh rõ nhận thức mới của Đảng ta về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

Đại hội VII còn khẳng định phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN; trong đó kinh tế quốc doanh là chủ đạo, kinh tế quốc doanh cùng kinh tế tập thể dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Đại hội chủ trương hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình. Đại hội VII của Đảng đã trình trọng tuyên bố: “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”.

Trước sự thay đổi nhanh chóng, mang tính bước ngoặt của tình hình thế giới, của phong trào cách mạng thế giới, Trung ương Đảng quyết định triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (1-1994). Hội nghị tiếp tục phát triển và cụ thể hóa tư tưởng của Đại hội VII, xác định mục tiêu tổng quát của quá trình đổi mới nói riêng, quá



trình xây dựng CNXH ở nước ta nói chung, là phấn đấu vì “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*”. Hội nghị cũng chỉ ra những nguy cơ mà đất nước phải vượt qua: tụt hậu ngày càng xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; lệch hướng XHCN; tệ tham nhũng và quan liêu; “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch. Hội nghị đưa ra quan điểm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ mới; *khẳng định* xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, xem phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt.

Đại hội VIII của Đảng (6-1996) khẳng định nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tiếp tục làm rõ hơn quan niệm về chặng đường đầu tiên và chặng đường tiếp theo trong thời kỳ quá độ; chỉ rõ mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là *phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020*. Đại hội cũng làm rõ hơn định hướng XHCN trong việc xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; tiếp tục khẳng định xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc; tiếp tục khẳng định phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, là khâu đột phá trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nghị quyết Đại hội VIII và Nghị quyết các Hội nghị Trung ương khóa VIII đã tháo gỡ được nhiều khó khăn, nhưng đi vào thực tế, tình hình lại có những diễn biến phức tạp mới: thiên tai dồn dập diễn ra từ năm 1997-1999 đã gây thiệt hại lớn đối với nhiều vùng của đất nước; cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực Đông Nam Á và một số nước trên

thế giới đã tác động mạnh, làm cho kinh tế nước ta đứng trước những khó khăn mới. Trong bối cảnh đó, Hội nghị Trung ương 8 khóa VIII (tháng 11-1999) đã đánh giá đúng tình hình, xác định những chủ trương và giải pháp mới nhằm ổn định chính trị và tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội.

Đại hội IX (tháng 4-2001) là Đại hội mở đầu thế kỷ XXI ở Việt Nam. Đại hội đã nhìn lại một cách tổng quát quá trình cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX, kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII (1996 - 2000), 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (1991- 2000), rút ra bốn bài học qua 15 năm đổi mới (1986 - 2000): *Một là*, trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; *Hai là*, đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo; *Ba là*, đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; *Bốn là*, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới; định ra chiến lược phát triển đất nước trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI với phương hướng tổng quát là: Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Đại hội xác định mục tiêu chung của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay là *“độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”* (điểm mới là có thêm từ “dân chủ”).

Đại hội IX đánh giá sâu sắc hơn, đầy đủ hơn, toàn diện hơn về vị trí, vai trò và nội dung tư tưởng Hồ chí Minh. Đại hội nhấn mạnh tính khó khăn, phức tạp của quá trình cách mạng XHCN ở nước ta, cho nên tất yếu phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài, với nhiều chặng đường,

nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ; khẳng định phát triển *nền kinh tế thị trường định hướng XHCN* là mô hình kinh tế tổng quát của cả thời kỳ quá độ.

Đại hội đã làm rõ vai trò động lực to lớn của đại đoàn kết toàn dân, của vấn đề dân chủ, của việc quan tâm tới lợi ích chính đáng của con người; chỉ ra nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay: đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, chống nghèo nàn, lạc hậu, khắc phục tình trạng nước nghèo, chậm phát triển; thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng XHCN, làm cho nước ta trở thành một nước XHCN phồn vinh.

Đại hội nâng đường lối đối ngoại lên mức cao hơn, toàn diện hơn: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”<sup>(4)</sup>. Đường lối này đã được cụ thể hóa trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khoá IX với cách nhìn nhận mới và thống nhất về các vấn đề đối tác và đối tượng, định hướng cho chính sách và hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn mới.

Có cơ sở để khẳng định rằng, sau Đại hội VI, các Đại hội VII (tháng 6-1991), Đại hội VIII (tháng 6-1996), Đại hội IX (tháng 4-2001) là những bước phát triển quan trọng, hoàn thiện đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng. Đó là quá trình đổi mới từ thấp đến cao, từ đổi mới bộ phận, từng mặt đến đổi mới toàn diện, ngày càng đi vào chiều sâu. Đó là quá trình bổ sung, phát triển lý luận của Đảng ta về mô hình xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Đại hội X của Đảng (tháng 4-2006) trên cơ sở tổng kết một số vấn

đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới, đã khẳng định công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam đã hình thành trên những nét căn bản. Văn kiện Đại hội X đã khái quát tám đặc trưng cơ bản của xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng; tám phương hướng cơ bản để xây dựng CNXH. Đại hội X và các nghị quyết Trung ương khóa X đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình phát triển, hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng, đặc biệt Hội nghị Trung ương 6 khóa X đã ra Nghị quyết về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Đại hội XI (tháng 01-2011) đã bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991, làm rõ thêm tám đặc trưng cơ bản của xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng, tám phương hướng cơ bản và tám mối quan hệ lớn cần đặc biệt chú trọng nắm vững. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH* (bổ sung, phát triển năm 2011) đánh dấu một bước tiến quan trọng trong đường lối đổi mới của Đảng, trong nhận thức lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

Các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã thảo luận, ban hành nhiều nghị quyết, kết luận quan trọng về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế (Hội nghị Trung ương 3); về một số vấn đề cấp bách trong xây dựng Đảng hiện nay (Hội nghị Trung ương 4); một số vấn đề về tiền lương; bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020 (Hội nghị Trung ương 5); về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước (Hội nghị Trung ương 6); về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo

của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới (Hội nghị Trung ương 7); về tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới (Hội nghị trung ương 8); về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (Hội nghị Trung ương 9);... Các nghị quyết, kết luận của Trung ương khóa XI nêu trên là bước phát triển mới về nhận thức trên cơ sở tổng kết thực tiễn thực hiện đường lối đổi mới theo định hướng XHCN.

Trong nhiệm kỳ Đại hội XI, Đảng, Nhà nước ta đã tiến hành bổ sung, sửa đổi Hiến pháp năm 1992, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp năm 2013, một văn kiện chính trị - pháp lý quan trọng của Nhà nước ta, sự thể chế hóa Cương lĩnh, quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng ta trong thời kỳ mới.

Đại hội XII của Đảng (tháng 1-2016) trên cơ sở tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới, đã khẳng định công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; đồng thời cũng còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, nhiều hạn chế, yếu kém cần phải tập trung giải quyết, khắc phục để tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 30 năm đổi mới khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên CNXH của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử. Thời kỳ mới đòi hỏi phải phát triển đất nước toàn diện, đồng bộ hơn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trong đó phát triển kinh tế-xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng văn hóa, con người làm nền tảng tinh thần; tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng

yếu, thường xuyên. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH; tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, dự báo chính xác và kịp thời có chủ trương, chính sách xử lý hiệu quả những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn, giải quyết tốt các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở nước ta. Đó là quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng XHCN; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất; giữa nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ;... Văn kiện Đại hội XII khẳng định phải tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức; hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN; quản lý phát triển xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; bảo vệ vững chắc Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, dân chủ XHCN, đảm bảo tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng... Như vậy, nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về

công cuộc đổi mới, về xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam được bổ sung, phát triển ngày càng hoàn chỉnh hơn.

Các hội nghị Trung ương khóa XII, tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XII làm sâu sắc hơn lý luận về mô hình xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH ở nước ta: Hội nghị Trung ương 4 ban hành ba nghị quyết “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; “Một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế” và “Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”. Hội nghị Trung ương 5 ban hành ba nghị quyết “Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN”; “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN” và “Tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”. Hội nghị Trung ương 6 ban hành bốn nghị quyết “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”; “Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” và “Công tác dân số trong tình hình mới”. Hội nghị Trung ương 7 ban hành ba nghị quyết “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”; “Cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh

nghiệp” và “Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội”. Hội nghị Trung ương 8 ban hành nghị quyết “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; “Quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Ban Bí thư, ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”...

**2.2. Khái quát những quan điểm, chủ trương nổi bật trong đường lối đổi mới; những vấn đề lý luận cơ bản của Đảng ta về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được hình thành, phát triển qua gần 35 năm đổi mới đất nước trên cơ sở khảo nghiệm thực tế, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận**

*Một là, khẳng định và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng ta.*

Dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác. Càng đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, thực tiễn càng đòi hỏi sự phát triển không ngừng của lý luận, nhất là phương thức xử lý trước những vấn đề mới và chưa chín muồi. Xuất phát từ yêu cầu của công cuộc đổi mới, Đại hội VII của Đảng quyết định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”<sup>(5)</sup>. Đây là vấn đề cực kỳ hệ trọng và có ý nghĩa hết sức to lớn đối với tiến trình đẩy mạnh công cuộc đổi mới và tiền đề cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới.

Đến Đại hội IX (4-2001), Đảng ta đã hình thành nhận thức đầy đủ hơn, toàn diện hơn về tư tưởng Hồ chí Minh, mối quan hệ nội tại và sức mạnh vô địch của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong tiến trình lãnh đạo thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước.



*Hai là, xác định định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam.*

Qua gần 35 năm đổi mới, Đảng đã hoạch định về cơ bản định hướng XHCN trên những lĩnh vực chủ yếu của công cuộc đổi mới: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại..., chỉ rõ những khía cạnh cần đề phòng nguy cơ chệch hướng XHCN trên con đường đi lên CNXH, trong bối cảnh mới của thời đại và đất nước. Luận điểm định hướng có tính chất then chốt là giữ vững vai trò lãnh đạo của một Đảng Cộng sản cầm quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân; là lý thuyết về sự “phát triển rút ngắn” con đường quá độ “bỏ qua” chế độ TBCN lên CNXH ở Việt Nam một cách biện chứng và thực tế: từ định hướng, định tính tới định lượng và định kỳ với những nấc thang, nhịp độ, bước đi cụ thể, phù hợp. Có thể hình dung khái quát, định hướng XHCN là quá trình xác định những giới hạn, những “độ” tồn tại lịch sử của CNXH bắt đầu từ điểm xuất phát tới đích cuối cùng, với những hành trình, bước đi cụ thể và phù hợp... theo những tính quy luật, quy luật và nguyên tắc XHCN mà nếu vượt ra ngoài những giới hạn, những “độ” ấy sẽ chệch hướng XHCN và tất yếu xuất hiện một chế độ xã hội khác với xã hội XHCN.

Đảng đã xác định định hướng XHCN trên từng lĩnh vực đời sống xã hội đất nước và ngày càng bổ sung thêm những nhận thức mới về vấn đề căn bản này. Từ mô hình CNXH với 6 đặc trưng (năm 1991) tới mô hình với 8 đặc trưng (năm 2006 và bổ sung, phát triển năm 2011) là bước tiến vượt bậc trong xử lý mối quan hệ biện chứng giữa cái phổ biến và cái đặc thù về CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ chí Minh trong thời đại ngày nay của Đảng ta.

*Ba là, phát kiến lý luận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Bắt đầu công cuộc đổi mới (năm 1986), Đảng ta xác định: phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt. Với khâu đột phá là đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, công tác lý luận tập trung mọi cố gắng kiến giải, xác lập và nỗ lực góp phần thực thi nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, và đến Đại hội IX (4-2001) Đảng ta khẳng định: nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta. Đó là một hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc thể hiện bản chất của CNXH nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam. Đại hội XII của Đảng khẳng định “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>(6)</sup>.

Việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN không chỉ là vấn đề mang tính tất yếu của công cuộc đổi mới mà còn là sự đúng đắn về nguyên tắc, quan điểm của Đảng, đồng thời là đòi hỏi của thực tiễn đất nước với điểm xuất phát thấp đi lên CNXH như Việt Nam; không chỉ là nền móng bảo đảm độc lập, tự chủ về kinh tế, chính

trị, xã hội, quốc phòng, an ninh mà còn là điều kiện căn bản và môi trường rộng mở tối ưu bảo đảm cho sự phát triển năng động, mạnh mẽ và bền vững của nền kinh tế gắn chặt với công bằng xã hội và vì mục tiêu tiến bộ xã hội, xét trên cả hai bình diện đối nội và hội nhập kinh tế quốc tế một cách chủ động, hiệu quả. Đó cũng là sự thể hiện ưu thế tuyệt đối của chế độ xã hội ta khi xem kinh tế thị trường chỉ là phương tiện, công cụ hữu hiệu để xây dựng CNXH nhằm phục vụ nhân dân so với các chế độ xã hội khác cũng phát triển kinh tế thị trường. Qua thực tiễn gần 35 năm đổi mới toàn diện đất nước khẳng định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là hoàn toàn đúng đắn, là sự vận dụng sáng tạo của Đảng ta và là con đường, phương thức để xây dựng CNXH trên đất nước ta.

*Bốn là, kiến tạo lý luận Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.*

Lý luận về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của dân, do dân và vì dân là sự phát triển mới về nhận thức chính trị, về lý luận mô hình xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH, và là một mục tiêu quyết định, một nội dung căn bản, một bước tiến lớn về thực tiễn của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, trước hết trên bình diện chính trị của Đảng ta.

Nhà nước pháp quyền XHCN mà chúng ta xây dựng phải giữ bản chất cách mạng, bản chất giai cấp, thực sự là công cụ hữu hiệu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, với phương thức thực thi quản lý bằng pháp quyền, theo pháp luật; nêu cao vị trí, vai trò của pháp chế, yêu cầu mọi tổ chức, mọi công dân trong xã hội đều phải có nghĩa vụ tôn trọng và tuân thủ luật pháp đi đôi với phát huy các giá trị đạo đức và văn hóa dân tộc.

Ở thời điểm hiện nay, mặc dù còn không ít khiếm khuyết, không ít hạn chế, song công tác lý luận đã phác thảo một cách vừa đại lược có tính căn bản sâu sắc, vừa cụ thể có tính thực tiễn khả thi một hệ thống lý thuyết và nỗ lực tổ chức thực tiễn nhằm xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam: từ vị trí, vai trò, bản chất, chức năng, nhiệm vụ tới đặc trưng, nội dung, mô hình tổ chức quyền lực, đổi mới thể chế và cơ chế vận hành bộ máy nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức và những điều kiện tiên quyết cần và đủ theo hướng căn cơ, hiện đại bảo đảm cho việc thực thi quyền lực của Nhà nước, tất cả nhằm phục vụ và bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với điều kiện đất nước và xu thế phát triển của thời đại.

*Năm là, nhận diện và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng; xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.*

Trên nền tảng văn hóa truyền thống, kế thừa một cách chọn lọc những thành tựu đổi mới đất nước, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, Đảng ta đã từng bước xác lập được một hệ giá trị mới của nền văn hóa Việt Nam dân tộc, hiện đại, hoạch định chiến lược phát triển của văn hóa theo nghĩa rộng nhất của phạm trù này, với những lĩnh vực then chốt hợp thành chỉnh thể hữu cơ của nền văn hoá mới Việt Nam, với tư cách vừa là mục tiêu, vừa là nền tảng, vừa là động lực nhằm phát triển nhanh và bền vững đất nước, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2030 nước ta trở thành một nước công nghiệp, thuộc nhóm dẫn đầu các nước có thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại, theo định hướng XHCN. Vấn đề hết sức mới mẻ là, Đảng ta đã nhận thức một

cách toàn diện, sâu sắc và đồng bộ tạo cho được sự phát triển hài hòa, gắn bó hữu cơ giữa kinh tế với văn hóa đáp ứng nhu cầu phát triển tất yếu của đất nước trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với sự tương dung và hiệu quả trên cả ba phương diện: cơ chế vận hành phù hợp, thiết chế không ngừng đổi mới và đội ngũ cán bộ thích ứng. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện... Phát huy mạnh mẽ vai trò nền tảng của giá trị văn hóa, con người Việt Nam; coi con người là trung tâm, là chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; huy động mọi nguồn lực, phát triển đất nước nhanh và bền vững trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo...; xây dựng xã hội kỷ cương, công bằng; bảo đảm an toàn cho cuộc sống của người dân.

*Sáu là, xây dựng lý luận mở cửa, hội nhập quốc tế.*

Đảng ta đã chủ động xây dựng, từng bước bổ sung, ngày càng hoàn thiện một *nền lý luận và đường lối đối ngoại Việt Nam của thời kỳ đất nước mở cửa, hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.*

Với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, sự vận động và phát triển của luận điểm có tính nguyên tắc chỉ đạo: từ “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”<sup>(7)</sup> (năm 1991) tới “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”<sup>(8)</sup> (năm 2001), và Việt Nam “là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”<sup>(9)</sup> trong thế “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế” (năm

2011) đã thể hiện một cách hết sức biện chứng và minh triết quan điểm, phương châm, nghệ thuật ngoại giao và khát vọng của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế.

*Bây là, phát triển lý luận về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền.*

Một trong những thành tựu lý luận nổi bật của gần 35 năm đổi mới là, Đảng ta đã từng bước làm rõ những vấn đề cơ bản về tính quy luật của Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền trong thời đại ngày nay.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta hết sức chú trọng tổng kết những vấn đề cơ bản trên các phương diện lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức bao trùm toàn bộ đời sống kinh tế, xã hội đất nước trong công cuộc đổi mới. Đặc biệt, những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn nguyên giá trị, làm căn cứ để Đại hội IX, X, XI, XII của Đảng tiếp tục đúc kết những bài học quý báu. Có thể nói, đó là sự kết tinh tập trung, cụ thể và sinh động về mặt lý luận cầm quyền của Đảng.

Nhìn lại gần 35 năm đổi mới vừa qua, bước đầu có thể hình dung khái lược những thành tựu lý luận mới về vấn đề Đảng cầm quyền được thể hiện một cách tập trung trên 10 bình diện chủ yếu: 1) Quy luật cầm quyền; 2) Quan niệm cầm quyền; 3) Cơ sở cầm quyền; 4) Phương lược cầm quyền; 5) Nội dung cầm quyền; 6) Cơ chế cầm quyền; 7) Phương thức cầm quyền; 8) Nguồn lực cầm quyền; 9) Môi trường cầm quyền; 10) Nguy cơ đối với cầm quyền.

*Tám là, xác định và phát huy động lực to lớn của cách mạng Việt Nam.*

Đảng ta khẳng định: “Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc,

Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân. Đó là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội”<sup>(10)</sup>. Đó là một bước tiến mới, một bổ sung mới trong nhận thức và hành động thực hiện đại đoàn kết toàn dân như một mục tiêu, một nhiệm vụ, một công tác hàng đầu, một đạo lý sống của dân tộc Việt Nam. Đó là sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay: “Đoàn kết làm ra sức mạnh”, “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta”, “Là then chốt của thành công”, “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”.

Phương châm thực hiện là đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, người trong Đảng và người ngoài Đảng, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài; đoàn kết trên cơ sở những điểm tương đồng, trên tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau hướng tới tương lai; củng cố và phát triển sâu rộng khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên cơ sở liên minh vững chắc giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây là một sáng tạo lớn, một sự phát triển mới về lý luận của Đảng trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh.

Khẳng định và phát huy đại đoàn kết toàn dân tộc là “động lực chủ yếu” hợp thành hệ động lực gồm động lực kinh tế, động lực văn hóa... của sự nghiệp đổi mới là một nỗ lực lớn và mới của công tác lý luận.

Như vậy, qua thực tiễn lãnh đạo sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta đã từng bước hình thành, không ngừng bổ sung, hoàn

thiện và phát triển đường lối đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng XHCN trên tất cả mọi phương diện. Đó cũng là quá trình hình thành, bổ sung, hoàn thiện từng bước lý luận về mô hình xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang nỗ lực triển khai thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (Bổ sung, phát triển năm 2011), phấn đấu để thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội XII, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương khóa XII; đồng thời, đang tích cực chuẩn bị tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Trước mắt là tập trung thực hiện có hiệu quả việc tổng kết 30 năm, nhất là 10 năm gần đây thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) và chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng□

---

**Chú thích:**

(1), (2), (3) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr.346, 360

(4), (8), (10) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.119, 123

(5), (7) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, 147, 49

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, VPTWĐ, Hà Nội, 2016, tr.102

(9) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.236.

**Nguồn: Tạp chí Những vấn đề lý luận (phục vụ lãnh đạo) - 2020 - số 4 - tr.3-18**



# ĐỘNG LỰC CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM - TỪ QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH ĐẾN NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

✍ PGS, TS TRẦN THỊ MINH TUYẾT

Học viện Báo chí và Tuyên truyền,  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**Tóm tắt:** “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” là nội dung xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh và là mục tiêu “bất biến” của dân tộc Việt Nam. Đúng như Hồ Chí Minh đã nói, sau khi có mục tiêu đúng đắn cần “phải biết cách làm thì làm mới chóng<sup>(1)</sup>. Vì thế, xác định chính xác và tìm ra cách thức gia tăng hệ động lực của chủ nghĩa xã hội là yêu cầu cấp bách hiện nay. Trong bài viết này, tác giả đi sâu phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới về hệ thống động lực của chủ nghĩa xã hội để làm rõ nhiệm vụ căn cốt ở nước ta hiện nay.

**Từ khóa:** *chủ nghĩa xã hội; động lực; Đảng Cộng sản Việt Nam; Hồ Chí Minh*

**K**ế thừa và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh nhất quán khẳng định: “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” vừa là con đường cứu nước, vừa là phương hướng dựng nước của nhân dân Việt Nam. Để phương hướng, mục tiêu đó trở thành hiện thực, Đảng cầm quyền phải có nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trong đó, lý luận về *hệ động lực của chủ nghĩa xã hội* là nội

dung rất quan trọng. Giai đoạn 1960 - 1969, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc mới diễn ra được 9 năm, trên cơ sở kế thừa lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, nắm bắt thực tiễn đất nước và sự mẫn cảm chính trị, Hồ Chí Minh đã có những chỉ dẫn hết sức sâu sắc về động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hiện nay, công cuộc *đổi mới* của đất nước đang đi vào chiều sâu đòi hỏi Đảng phải tiếp tục vận dụng và phát triển sáng tạo hơn nữa những chỉ dẫn mang tính kim chỉ nam của Người. Do đó, cần phải xem xét vấn đề *động lực của chủ nghĩa xã hội* trong quan điểm của Hồ Chí Minh, cũng như trong nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam, để trên cơ sở đó, mọi tiềm lực của đất nước được phát huy.

## **1** **Quan điểm của Hồ Chí Minh về động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

Để nhận diện chính xác hệ thống động lực của chủ nghĩa xã hội, trước hết phải luận giải các khái niệm có liên quan. “Động lực” là khái niệm được sử dụng trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Nếu trong kỹ thuật, “động lực” là năng lực làm cho máy móc chuyển động thì trong xã hội, “động lực” là các nhân tố thúc đẩy sự phát triển của con người và xã hội theo chiều hướng tích cực. Vì thế, động lực ở đây là động lực xã hội, gắn với con người và đặc tính của xã hội đó. Nói đến “động lực của chủ nghĩa xã hội” là nói đến các nhân tố *thúc đẩy công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội* nhằm đạt tới mục tiêu thiết lập thành công trên thực tế chế độ xã hội chủ nghĩa theo những nguyên lý, quy luật mà chủ nghĩa xã hội khoa học đã đề ra. Hệ động lực trong quan điểm của Hồ Chí Minh hết sức phong phú. Nó bao gồm cả động lực vật chất và tinh thần, động lực nội sinh và ngoại sinh. Tiêu biểu hơn hết là các động lực

sau đây:

Với quan điểm “vô luận việc gì, đều do *con người* làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”<sup>(2)</sup> Hồ Chí Minh khẳng định động lực quan trọng nhất của chủ nghĩa xã hội chính là *con người* xét trên cả hai bình diện là cá nhân và cộng đồng.

Nói về *con người cá nhân* thì không phải con người nào cũng là động lực; muốn con người trở thành động lực thì phải “kích hoạt” tính tích cực, sức sáng tạo, tính tự giác của họ bằng một loạt các giải pháp phù hợp. Là nhà duy vật mác - xít, Hồ Chí Minh cho rằng, nhất thiết phải *tác động vào nhu cầu và lợi ích*, trước hết là nhu cầu và lợi ích vật chất chính đáng của họ. Để giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, Hồ Chí Minh chủ trương thực hiện chính sách khoán, thưởng, phạt một cách công bằng. Trong bài *Nói chuyện với cán bộ, công nhân nhà máy dệt Nam Định* (tháng 4/1957), Người nói: “Chế độ làm khoán là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội, nó khuyến khích người công nhân luôn luôn tiến bộ, cho nhà máy tiến bộ. Làm khoán là ích chung và lại lợi riêng. Công nhân sản xuất ra nhiều vải, cố gắng nhiều, hưởng được nhiều; làm khoán tốt thích hợp và công bằng dưới chế độ ta”<sup>(3)</sup>.

Tuy nhiên, Hồ Chí Minh không coi “đòn bẩy” kinh tế là “chìa khóa vạn năng”, bởi cách mạng nhiều lúc đòi hỏi sự hy sinh mà không giá trị vật chất nào có thể bù đắp. Vì thế, bên cạnh động lực lợi ích, cần phát huy cả *động lực chính trị, tinh thần* mà trước hết là quyền làm chủ và ý thức làm chủ của người lao động. Hồ Chí Minh khẳng định dân chủ mang lại sáng kiến, sự hăng hái, đoàn kết và “thực hành dân chủ cũng là chiếc chìa khóa vạn năng giải quyết mọi khó khăn”, cho nên,

*dân chủ là một động lực to lớn của chủ nghĩa xã hội.* Bên cạnh đó, cần phải sử dụng vai trò điều chỉnh của các yếu tố tinh thần khác như lý tưởng chính trị, văn hóa, đạo đức, sự hiểu biết về pháp luật,... Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, để phát huy động lực con người thì cần sử dụng cả động lực vật chất lẫn động lực tinh thần vốn rất phong phú.

Cùng với con người cá nhân, *con người cộng đồng* với sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc, đoàn kết, sáng tạo của nhân dân Việt Nam chính là một động lực vô cùng quan trọng. Từ năm 1924, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước... Người ta sẽ không thể làm gì cho người An Nam nếu không dựa trên cái động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ”<sup>(4)</sup>. Sau này, để vượt qua muôn vàn khó khăn của sự nghiệp “kháng chiến, kiến quốc” gian khổ, Hồ Chí Minh đã phát động phong trào *Thi đua ái quốc* trong quảng đại quần chúng nhân dân. Bằng cách này, Người đã biến cái “quốc sự” thành cái “dân sự”, biến lòng yêu nước mang tính trừu tượng thành công việc thường nhật để ai cũng có thể tham gia. Dựa vào động lực vĩ đại nhất của văn hóa Việt Nam là tinh thần yêu nước, Hồ Chí Minh đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Mặt khác, do động lực luôn tồn tại dưới dạng tiềm năng nên lực lượng lãnh đạo phải biết khai thác nó một cách chủ động, khoa học. Vì thế, Hồ Chí Minh rất đề cao *động lực chính trị*, bao gồm vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước và vai trò tập hợp lực lượng của Mặt trận Dân tộc thống nhất, trong đó, sự lãnh đạo của Đảng là động lực “hạt nhân” trong toàn bộ hệ động lực của chủ nghĩa xã hội.

Do mọi hoạt động của xã hội đều dựa trên nền tảng kinh tế nên

Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng việc phát huy *động lực kinh tế*. Người cho rằng, muốn có tiềm lực kinh tế, đưa kinh tế trở thành động lực thì phải đẩy mạnh tăng gia sản xuất, kinh doanh và ra sức thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí.

Là một nhà hoạt động quốc tế đầy trải nghiệm, Hồ Chí Minh đánh giá rất cao *động lực quốc tế* với sức mạnh của sự đoàn kết - hợp tác quốc tế và thành tựu khoa học - kỹ thuật tiên tiến. Khi bàn về mối quan hệ giữa động lực bên trong và động lực bên ngoài, Hồ Chí Minh khẳng định, nội lực đóng vai trò quyết định và cần phát huy động lực bên ngoài là để nâng cao sức mạnh của động lực bên trong.

Trong tư duy Hồ Chí Minh, “xây” và “chống” luôn đi liền với nhau nên việc “khai thông” các động lực phải tiến hành đồng thời với việc đẩy lùi các “trở lực” của chủ nghĩa xã hội, như sự chống phá của các lực lượng đế quốc - thực dân phong kiến, các thói quen, truyền thống lạc hậu và chủ nghĩa cá nhân dưới mọi hình thức. Trong các trở lực nói trên thì *chủ nghĩa cá nhân* - thứ “giặc nội xâm”, “giặc ở trong lòng” là nguy hiểm nhất. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh rằng: “Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân”<sup>(5)</sup>.

Mặc dù khi Hồ Chí Minh còn sống, chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc chỉ là “chủ nghĩa xã hội thời chiến”, với sự biến dạng của không ít quy luật kinh tế nhưng với trí tuệ kiệt xuất, Hồ Chí Minh đã xác định được hệ thống động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và từng bước khai thác nó. Bằng việc đề cao các động lực văn hóa - tinh thần, Hồ Chí Minh đã làm giàu cho lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về hệ động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội. Sự trung thành một cách sáng tạo

của Hồ Chí Minh đối với nền tảng tư tưởng của mình đã trở thành nguyên tắc “sống còn” để Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở những chặng đường kế tiếp.

## **2** ■ Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ *đổi mới* về động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Thời kỳ *đổi mới* chứng kiến một bước ngoặt lớn trong nhận thức cũng như trong chỉ đạo thực tiễn của Đảng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nếu vào đầu thế kỷ XX, chính sách kinh tế mới (NEP) thực sự là một động lực tổng quát của chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xô viết, thì ở Việt Nam, *đổi mới* cũng là một động lực tổng quát, hàm chứa trong đó một hệ thống các động lực đã được nhận thức và “kích hoạt” đúng hướng. Mặc dù đến Đại hội lần thứ IX (năm 2001), Đảng ta mới khẳng định “*động lực chủ yếu* để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội”<sup>(6)</sup>, nhưng trong thực tế, sau Đại hội lần thứ VI của Đảng (năm 1986), nhiều động lực của chủ nghĩa xã hội đã được khai thác trên thực tế.

Đại hội lần thứ VI của Đảng đã thông qua đường lối *đổi mới* toàn diện nhưng bắt đầu bằng *đổi mới kinh tế* và lấy *đổi mới kinh tế* làm trọng tâm. Điều này hoàn toàn hợp lý vì sự bất cập đầu tiên trong mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội thời kỳ trước *đổi mới* chính là bất cập về hoạt động kinh tế - sản xuất và khủng hoảng ở nước ta khi đó cũng bắt đầu từ khủng hoảng kinh tế. Lúc này, cần phải *đổi mới* tư duy kinh

tế, cơ chế quản lý kinh tế, chính sách kinh tế, thể chế kinh tế,... để trên cơ sở đó, các lĩnh vực khác của đời sống đất nước chuyển động theo. Mặc dù chưa gọi thành tên là “động lực kinh tế” nhưng toàn bộ đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước từ sau Đại hội lần thứ VI của Đảng đã thể hiện rõ mục tiêu “làm cho sản xuất bung ra” và *lợi ích, đặc biệt là lợi ích kinh tế* chính là “ngòi nổ”.

Với quan điểm đó, trong quản lý kinh tế, Đảng đã chỉ đạo ban hành cơ chế khoán sản phẩm trong công nghiệp, khoán hộ gia đình trong nông nghiệp nhằm gia tăng tính tích cực của người lao động và gắn kết lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội. Việc phân chia lợi ích theo *kết quả* lao động, hiệu quả kinh tế và mức độ đóng góp vào sản xuất đã làm người dân tích cực hơn, sáng tạo hơn, đầu tư nhiều hơn cho quá trình sản xuất. Đặc biệt, việc thừa nhận về mặt chính trị - pháp lý sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu, quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế tài sản... đã thôi thúc người dân hăng hái làm giàu. Việc Đại hội lần thứ IX của Đảng (năm 2001) xác định mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam trong thời kỳ quá độ là “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”<sup>(7)</sup> không chỉ là bước đột phá lớn về lý luận của Đảng mà việc triển khai nó trên thực tế đã làm nền kinh tế Việt Nam nhanh chóng “chuyển mình”. Nhờ đó, đất nước đã thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng nước nghèo.

Thấu hiểu truyền thống và sức mạnh của đoàn kết, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi *đại đoàn kết toàn dân tộc* trên nền tảng liên minh công nông và đội ngũ trí thức đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng là động lực quan trọng cho sự phát triển của chủ nghĩa xã hội. *Cương lĩnh năm*

1991 do Đại hội lần thứ VII của Đảng thông qua đã coi “không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết” là một bài học lớn và “thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc” là một trong bảy phương hướng cơ bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đại hội lần thứ IX của Đảng (năm 2001) chỉ rõ: “*Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân* là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội”<sup>(8)</sup>. Văn kiện Đại hội lần thứ IX nhấn mạnh: Trong thời kỳ quá độ, mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội là mối quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân để hướng tới mục tiêu chung là “thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển, thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công, đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các lực lượng thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc”<sup>(9)</sup>.

Nhận thức mới này đã tạo ra một bầu không khí xã hội cởi mở, tin cậy lẫn nhau và mâu thuẫn không còn là trở lực của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đến Đại hội lần thứ X (năm 2006), Đảng đã thay thế cụm từ “đại đoàn kết toàn dân” bằng cụm từ “*đại đoàn kết toàn dân tộc*”<sup>(10)</sup>, với hàm ý mở rộng chiến lược đại đoàn kết trên quy mô toàn dân tộc và trong mọi mối quan hệ (quan hệ giữa các dân tộc, giữa các tôn giáo, giữa dân với Đảng, Nhà nước...). Đặc biệt, Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng (năm 2016) khẳng định rõ đại đoàn kết toàn dân tộc là “động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”<sup>(11)</sup>. Để tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, các đại hội gần đây của Đảng đều nhấn mạnh tầm quan trọng của sự *đồng thuận xã hội*<sup>(12)</sup>. Đồng thuận xã



hội là chấp nhận sự khác biệt, nhưng đòi hỏi phải giải quyết những bất đồng bằng phương pháp thương lượng và không làm tổn hại đến lợi ích tối cao của toàn dân tộc. Mặt khác, cần phải có giải pháp “ngăn chặn, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, những mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột xã hội”<sup>(13)</sup>. Đồng thuận xã hội là một biểu hiện quan trọng của tính dân chủ, là một giá trị của văn minh chính trị hiện đại. Chủ trương này của Đảng là “sự trở về” với tinh thần khoan dung văn hóa của Hồ Chí Minh.

Do dân chủ là bản chất của chế độ ta và nó có sức mạnh “vạn năng” nên trong thời kỳ đổi mới, *động lực dân chủ* đã từng bước được phát huy. Nói đến dân chủ là nói đến quyền làm chủ của Nhân dân được thể hiện trong mọi lĩnh vực và được thực thi trong mọi cấp độ của đời sống đất nước. Đại hội lần thứ VI của Đảng đã tạo ra bước ngoặt trong tiến trình dân chủ hóa mọi lĩnh vực của đời sống đất nước, đặc biệt là *dân chủ hóa trong kinh tế* sau khi Đảng chính thức thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam. Tại Đại hội lần thứ IX (năm 2001), Đảng đã xác định “dân chủ” là một mục tiêu trong hệ mục tiêu chung của cách mạng nước ta là: “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”<sup>(14)</sup>.

Đến Đại hội lần thứ XI, nhận thức của Đảng về dân chủ lại có bước tiến mới khi Đảng dành cho dân chủ *vị trí mới* trong hệ giá trị mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>(15)</sup>. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của

*sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm*”<sup>(16)</sup>.

Tại Đại hội lần thứ XII của Đảng, lần đầu tiên “*phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa*” đã là một thành tố của chủ đề Đại hội và tiêu đề của *Báo cáo chính trị*. Một phương thức chủ đạo để phát huy dân chủ ở Việt Nam chính là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định: “Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam” là một đặc trưng và cũng là một phương hướng cơ bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Không dừng lại ở chủ trương, đường lối, trong đời sống đất nước đã xuất hiện những cách làm mới, thể hiện rõ không khí dân chủ, tinh thần dân chủ, như việc công khai các cuộc họp, các buổi chất vấn trong Quốc hội, lấy phiếu tín nhiệm đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, ban hành Pháp lệnh Dân chủ cơ sở, ban hành quy chế tự ứng cử, tăng cường vai trò của báo chí trong việc phản ánh dư luận xã hội và chống tiêu cực, trước hết là tiêu cực trong bộ máy công quyền...

Trong thời kỳ *đổi mới*, Đảng khẳng định *văn hóa, khoa học, công nghệ và giáo dục* là động lực quan trọng để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII và Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đều khẳng định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển đất nước, vì văn hóa không chỉ tạo ra nhân cách con người, mà văn hóa hiện còn là một lĩnh vực kinh tế đầy triển

vọng - công nghiệp văn hóa. Trong thời đại kinh tế tri thức, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, các lĩnh vực then chốt của văn hóa chính là “động lực phụ trợ” để nâng cao chất lượng của động lực quan trọng nhất là “động lực con người”. Do đó, đầu tư cho giáo dục, khoa học - công nghệ là một giải pháp đột phá cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Nhờ đổi mới tư duy ngoại giao, Đảng đã coi *chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng* là một động lực quan trọng của chủ nghĩa xã hội. Tại Đại hội lần thứ VII, Đảng đã thể hiện mong muốn làm bạn, hợp tác song phương và đa phương với tất cả các nước trên thế giới. Để tạo dựng hành lang pháp lý cho việc thu hút đầu tư trực tiếp của các nước vào Việt Nam, tháng 12/1987, *Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam* đã được ban hành. Bước sang thế kỷ mới, trước xu hướng toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, Đại hội lần thứ IX của Đảng (năm 2001) cho rằng, việc hội nhập kinh tế thế giới, tham gia vào phân công lao động quốc tế phải đi đôi với việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Đến Đại hội lần thứ X của Đảng (năm 2006), Đảng yêu cầu *chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế* theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020<sup>(17)</sup>.

Đại hội lần thứ XI của Đảng (năm 2011), Đảng đã đưa đường lối hội nhập quốc tế lên một tầm cao mới khi tuyên bố chủ trương *chủ động hội nhập quốc tế*, tức là hội nhập một cách toàn diện từ kinh tế đến chính trị, văn hóa, giáo dục, an ninh, quốc phòng,... chứ không đơn thuần là hội nhập kinh tế. Tổng kết thành tựu của 30 năm đổi mới hoạt động kinh tế đối ngoại, Đại hội lần thứ XII của Đảng chủ trương: “nâng

cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế,... ký kết và thực hiện hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong một kế hoạch tổng thể với lộ trình hợp lý, phù hợp với lợi ích đất nước”<sup>(18)</sup>. Được dẫn dắt bởi các chủ trương đúng đắn đó, ngoại lực đã từng bước chuyển thành nội lực. Nhờ đó, tiềm lực mọi mặt và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được củng cố; ngược lại, chính việc hội nhập ngày càng sâu rộng lại đòi hỏi Việt Nam phải đổi mới toàn diện hơn, phát huy nội lực nhiều hơn nữa.

Những động lực quan trọng nêu lên, suy cho cùng, đều hướng tới và phải hiện thực hóa qua động lực trung tâm là *động lực con người*. Do con người là trung tâm của chiến lược phát triển và là chủ nhân của xã hội nên con người thực sự là nguồn lực của mọi nguồn lực, là tài nguyên của mọi tài nguyên. Đại hội lần thứ XI của Đảng đã khẳng định chủ trương “phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển”<sup>(19)</sup>. Để đạt mục tiêu xây dựng, phát triển con người toàn diện thì cần nhiều biện pháp nhưng Đảng nhấn mạnh vai trò to lớn của giáo dục và đào tạo và sự cần thiết phải khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam do tác động tiêu cực của kinh tế tiểu nông, kinh tế thị trường sơ khai trên đất nước ta.

Kế thừa quan điểm của Hồ Chí Minh cho rằng, “nhân là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân”<sup>(20)</sup>, Đảng đã thường xuyên nhận diện *trở lực của chủ nghĩa xã hội* ở Việt Nam hiện nay. Đảng xác định rõ, điều nguy hiểm nhất không phải là “diễn biến hòa bình”, tức sự chống phá của lực lượng

thù địch mà là “tự diễn biến”, tức sự suy thoái trong nội bộ Đảng, vấn đề gay gắt nhất trong dư luận xã hội hiện nay chính là *nạn tham nhũng và lợi ích nhóm*. Vì thế, nếu xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt thì chống tham nhũng hiện là nhiệm vụ “then chốt của then chốt”.

Trong gần 35 năm *đổi mới*, xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn sống động của đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã cụ thể hóa lý luận về hệ động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Cùng với tiến trình đổi mới đất nước, nhận thức của Đảng về vấn đề này đã ngày càng sâu sắc hơn và việc hiện thực hóa nó cũng ngày càng hiệu quả hơn. Đó chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi to lớn của sự nghiệp *đổi mới ở Việt Nam*.

Mặt khác, quá trình phát huy hệ động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cũng chính là quá trình đổi mới toàn diện, đồng bộ, triệt để đang diễn ra mạnh mẽ trên đất nước ta. Do đó, *đổi mới* chính là động lực bao trùm, xuyên suốt, chứa đựng và chi phối các động lực đang vận hành trên thực tế. Yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra lúc này là *không ngừng đổi mới*, là tiếp tục đưa sự nghiệp *đổi mới* đi vào chiều sâu trên cơ sở phát huy cao độ nguồn lực con người và hội nhập quốc tế. Câu hỏi mang tính thời sự “Đổi mới hay tụt hậu” đã nói lên vai trò của *đổi mới* với tư cách là *động lực của mọi động lực*. Khi *đổi mới* là “dòng chảy” liên tục thì lực lượng lãnh đạo phải tìm cách tăng cường các động lực đã có và khơi nguồn các động lực mới. Tiếp tục phát huy động lực kinh tế, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tiếp tục gia tăng sức mạnh của hệ thống chính trị, tăng



*Ảnh: Suru tâm*

cường dân chủ, tiếp tục phát huy động lực văn hóa, con người và đẩy lùi các “trở lực”... vẫn là những phương hướng và nhiệm vụ cơ bản, nhưng biện pháp “kích hoạt” chúng phải linh hoạt và đổi mới không ngừng. Bên cạnh đó, phải nhận diện rõ các trở lực đang “trá hình” dưới cái “vỏ” động lực, như dân chủ hình thức, dân chủ vô chính phủ, công bằng kiểu cào bằng,...

Mục tiêu tổng quát và đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam chính là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” và mục tiêu đó chỉ có thể đạt được khi hệ thống động lực của chủ nghĩa xã được phát huy đầy đủ, mạnh mẽ. Khi giữa các động lực trong hệ thống động lực và giữa động lực và trở lực có mối quan hệ nhiều chiều, không ngừng chuyển động và tương tác lẫn nhau, việc phát huy động lực phải

được tiến hành một cách khoa học trên tinh thần biện chứng, phải tuân thủ đầy đủ tính hệ thống và tính lịch sử - cụ thể để tìm ra các giải pháp đúng đắn, phù hợp. Đặc biệt, Đảng phải tạo ra môi trường, điều kiện để các “vecto” động lực có thể vận động “cùng chiều” nhằm tạo ra hợp lực to lớn cho sự phát triển của đất nước. Do đó, triết lý “đổi mới để phát triển” phải không ngừng được bổ sung và thực hiện để Việt Nam có thể “sánh vai với các cường quốc năm châu” như ước nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh□

---

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.282

(2) và (20) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.5, Sđd, tr.281 và 291

(3) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.10, Sđd, tr.537-538

(4) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.1, Sđd, tr. 511-513

(5) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.11, Sđd, tr.609

(6), (7), (8), (9) và (14) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.86, 86, 123, 86, 85-86

(10) và (17) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.116 và 114

(11), (13) và (18) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.158, 135 và 155

(12) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Phần II (Đại hội X, XI, XII)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2019, tr.159

(15), (16) và (19) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.70, 84-85 và 100

**Nguồn: Tạp chí Khoa học chính trị - 2020 - số 8 - tr.3-9**

# KIÊN ĐỊNH CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

✍ TS PHẠM VĂN GIANG - ThS CAO THỊ HIỆU

Học viện Chính trị khu vực III,  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**Tóm tắt:** Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một vấn đề lớn, luôn được Đảng nhận thức, bổ sung phù hợp với từng giai đoạn. Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục có những nhận thức mới được bổ sung, cụ thể hóa nhằm làm rõ hơn mục tiêu, phương hướng và các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

*Từ khóa: Đại hội lần thứ XIII của Đảng; chủ nghĩa xã hội; Việt Nam*

## **1** Quan điểm về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội tại Đại hội lần ■ thứ XIII của Đảng

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được Đảng xác định, bổ sung và hoàn thiện qua các kỳ đại hội. Tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng tiếp tục bổ sung, phát triển, cụ thể hóa hơn các mục tiêu của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại.

### **Thứ nhất, về mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội**

Trước hết, phải khẳng định đây là vấn đề khó khăn, phức tạp. Sau



khi đất nước thống nhất, cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta chưa nhận thức đầy đủ về thời kỳ quá độ. Những mục tiêu, kế hoạch được đề ra về cơ bản không đạt, đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, buộc Đảng phải nhận thức lại và đề ra đường lối đổi mới.

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới, đến Đại hội lần thứ VIII (năm 1996), Đảng tổng kết và nhận định: đất nước đã ra khỏi thời kỳ khủng hoảng kinh tế - xã hội, cho phép kết thúc chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu đến năm 2020 xây dựng nước ta về cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Mục tiêu này tiếp tục được khẳng định qua các kỳ Đại hội lần thứ IX, X, XI của Đảng. Tổng kết 30 năm đổi mới, mục tiêu đến năm 2020 xây dựng nước ta về cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được, Đại hội lần thứ XII của Đảng (năm 2016) xác định lại: phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Cụ thể hóa mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ đã được xác định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), gọi tắt là Cương lĩnh năm 2011 và Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng. Tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng xác định phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, xây dựng nước ta *trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*, với lộ trình cụ thể: đến năm 2025, kỷ niệm 100 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình

thấp (GDP bình quân đầu người 4.700 đến 5.000 USD); đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao (GDP bình quân đầu người 7.500 USD); đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao<sup>(1)</sup> (GDP bình quân đầu người khoảng 18.000 USD)<sup>(2)</sup>.

Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định mục tiêu theo cách tiếp cận mới về trình độ phát triển, trình độ công nghiệp và thu nhập bình quân đầu người. Đây là tổng hợp cách tiếp cận của Đảng trong hơn 35 năm đổi mới và trên cơ sở đánh giá, phân loại các nước theo thông lệ quốc tế, được các tổ chức quốc tế, như Liên hợp quốc, Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế, Tổ chức Thương mại thế giới, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế, cùng hầu hết các nước trên thế giới sử dụng<sup>(3)</sup>. Vì vậy, những mục tiêu cụ thể được xác định lần này có đầy đủ cơ sở khoa học và thực tiễn, phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước.

### **Thứ hai, về phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội**

- *Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.* Kể từ Đại hội lần thứ VIII, Đảng xác định bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quan điểm này tiếp tục được các kỳ Đại hội lần thứ IX, X, XI, XII của Đảng bổ sung, phát triển. Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định và có sự bổ sung, cụ thể hơn. Đó là tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Điểm mới này là công nghiệp

hóa, hiện đại hóa phải dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, tận dụng tốt cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 để phát triển bứt phá trong một số ngành và lĩnh vực. Trong đó, chú trọng “Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, phát triển, làm chủ công nghệ hiện đại; phát triển một số sản phẩm chủ lực có thương hiệu mạnh, có uy tín trong khu vực và thế giới. Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực của đất nước, tạo cơ sở đẩy mạnh chuyển đổi số nền kinh tế quốc gia và phát triển kinh tế số”<sup>(4)</sup>. Đồng thời, ưu tiên phát triển những ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường, nhằm bảo đảm phát triển nhanh và bền vững.

- *Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.* Nhận thức về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được bắt đầu từ khi đất nước bước vào đổi mới và tiếp tục được bổ sung qua các kỳ đại hội, hội nghị của Đảng. Đến nay, cơ bản đã có sự thống nhất chung trong nhận thức. Vì vậy, Đại hội lần thứ XIII của Đảng yêu cầu thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là “nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước”<sup>(5)</sup>. Theo đó, việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường là một trong ba khâu đột phá chiến lược được Đảng ta xác định từ Đại hội lần thứ XI. Điểm mới lần này được xác định nội hàm rộng và cụ thể hơn, đó là “hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường

*định hướng xã hội chủ nghĩa”<sup>(6)</sup>.*

- *Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục nhất quán các phương hướng và có bổ sung mới về phát triển văn hóa, con người, quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Đó là “xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”<sup>(7)</sup>. Trong bối cảnh đất nước ngày càng hội nhập sâu rộng vào tiến trình phát triển của thế giới, thì việc gắn bó chặt chẽ giữa hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người với hệ giá trị gia đình Việt Nam là nhận thức mới, trong đó đặt hệ giá trị gia đình vào vị thế vốn có của nó, với tư cách là tế bào của xã hội, là hạt nhân nuôi dưỡng, lưu giữ và phát huy các giá trị quốc gia, giá trị văn hóa, con người Việt Nam. Đối với các vấn đề xã hội, Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tăng cường quản lý phát triển xã hội, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, an ninh con người”<sup>(8)</sup>. Điều này bảo đảm sự phát triển bền vững của con người và xã hội, thể hiện bản chất của chế độ ta là lấy con người làm mục tiêu của sự phát triển.*

- *Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Quốc phòng, an ninh là lĩnh vực vô cùng quan trọng và là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Qua mỗi kỳ đại hội, phương hướng xây dựng quốc phòng, an ninh tiếp tục được bổ sung những nội dung mới phù hợp với từng giai đoạn. Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định*

phương hướng, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh có mặt đậm nét và có nhiều điểm mới. Đó là: “Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại”<sup>(9)</sup>. Đồng thời, xác định rõ hơn nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển lý luận về quốc phòng, an ninh; triển khai thực hiện các chiến lược về quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới.

- *Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.* Lần đầu tiên trong Cương lĩnh năm 2011 xác định “hội nhập quốc tế” thay cho “hội nhập kinh tế quốc tế”, không chỉ nhằm mở rộng nội hàm hội nhập kinh tế quốc tế, mà hội nhập trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại. Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm đó, đồng thời làm rõ hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế phải luôn xác định lợi ích quốc gia - dân tộc là mục tiêu tối thượng, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi.

- *Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.* Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: “*Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước*”<sup>(10)</sup>. Đây là sự tổng kết có tính khái quát cao về dân chủ, khẳng định bản chất của chế độ ta là dân chủ, là mục tiêu, động lực của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục cụ thể hóa và bổ sung một số nội dung

mới: (1) Bổ sung nội dung, phương châm thực hiện dân chủ là “dân giám sát, dân thụ hưởng” thành “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; (2) Xác định rõ hơn mối quan hệ và vai trò giữa “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ”; (3) Khẳng định “đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”<sup>(11)</sup>.

- *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.* Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: “Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân, nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”<sup>(12)</sup>.

Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định rõ vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, “lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo bảo yêu cầu phát triển nhanh, bền vững”<sup>(13)</sup>. Xây dựng hệ thống

pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định.

- *Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*. Từ khi ra đời đến nay, Đảng luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng. Đây là nhiệm vụ then chốt quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Qua mỗi kỳ đại hội, Đảng luôn có sự đánh giá một cách toàn diện những ưu điểm, hạn chế, bài học kinh nghiệm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng vừa có tính kế thừa vừa có những điểm mới phù hợp với từng giai đoạn. Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: “tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”<sup>(14)</sup>. Điểm mới so với trước đây là bổ sung “xây dựng hệ thống chính trị” cùng với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh và không chỉ đề cập đến xây dựng Đảng, mà cả chỉnh đốn Đảng. Đồng thời, bổ sung những nhận thức mới trong nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức<sup>(15)</sup>.

### **Thứ ba, về các mối quan hệ lớn cần giải quyết**

Các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội được Đảng tổng kết, hệ thống hóa lần đầu tiên trong Cương lĩnh năm 2011. Đó là 08 mối quan hệ: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Đại hội lần thứ XII,

Đảng có sự điều chỉnh mối quan hệ “giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa” thành “giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa” nhằm làm rõ hơn trong chủ nghĩa xã hội vẫn tồn tại nền kinh tế thị trường; và bổ sung thêm mối quan hệ “giữa Nhà nước và thị trường”. Hội nghị Trung ương 5 khóa XII đã bổ sung, phát triển thành quan hệ “giữa Nhà nước, thị trường và xã hội”.

Tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng tiếp tục có những nhận thức, bổ sung mới về các mối quan hệ lớn. Đó là điều chỉnh, bổ sung mối quan hệ “giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội” thành “giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường”; điều chỉnh mối quan hệ “giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa” thành “giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”; điều chỉnh mối quan hệ “giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” thành “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ”. Đặc biệt, bổ sung thêm mối quan hệ “giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương xã hội”<sup>(16)</sup>.

Như vậy, Đảng đã có những điều chỉnh, bổ sung mới từng mối quan hệ một cách chặt chẽ, đầy đủ, thành 10 mối quan hệ lớn cần giải quyết. Đây là sự phản ánh quy luật khách quan, mang tính biện chứng của những vấn đề lý luận cốt lõi trong đường lối đổi mới của Đảng, làm cho “lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa”<sup>(17)</sup>.



## **2. Một số yêu cầu về kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay**

Để đi lên chủ nghĩa xã hội theo tinh thần Đại hội lần thứ XIII của Đảng, cần thực hiện một số yêu cầu sau:

*Một là, thống nhất nhận thức trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước theo tinh thần Đại hội lần thứ XIII của Đảng*

Phải thống nhất nhận thức trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân về quan điểm, đường lối của Đảng, nhất là về các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ cần thực hiện trong giai đoạn hiện nay. Để thực hiện được yêu cầu này, phải tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho các chủ thể nhận thức rõ ý nghĩa, trách nhiệm trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ. Cần có các biện pháp thông tin, tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng. Đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên, phải thường xuyên quán triệt, phổ biến đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng về triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng gắn với trách nhiệm, vị trí công tác. Đối với quần chúng nhân dân, phải có nhiều hình thức thông tin, tuyên truyền phù hợp, đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, sát với điều kiện, trình độ nhận thức của các tầng lớp nhân dân.

*Hai là, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển trong văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng*

Quan điểm, đường lối của Đảng chỉ thực sự có ý nghĩa khi được triển khai thực hiện trong cuộc sống. Mức độ hiệu quả trên thực tế là thước đo vai trò lãnh đạo của Đảng và sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở thống nhất nhận thức, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp từ Trung ương đến cơ sở phải xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, gắn với điều kiện, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, địa phương, đơn vị. Triển khai đầy đủ, toàn diện, đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể; bảo đảm quốc phòng, an ninh; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ. Chú trọng thực hiện có hiệu quả 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 đột phá chiến lược mà Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định. Trong đó, phải đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, khoa học, có tính khả thi cho từng mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung thực hiện.

*Ba là, khơi dậy và phát huy mạnh mẽ các nguồn lực phát triển đất nước*

Quán triệt tinh thần Đại hội lần thứ XIII của Đảng về khơi dậy và phát huy mạnh mẽ các nguồn lực vật chất và tinh thần phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Khơi dậy và phát huy ý chí tự lực, tự cường của con người Việt Nam; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, giá trị văn hóa, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại.

Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế của đất nước, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường. Khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước. Theo đó, cần hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; làm cho kinh tế - xã hội phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế của đất nước.

*Bốn là, đấu tranh ngăn chặn, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc quan điểm, đường lối của Đảng*

Các thế lực thù địch, cơ hội chính trị đã, đang và tiếp tục làm mọi cách để chống phá, xuyên tạc quan điểm, đường lối phát triển đất nước mà Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra. Vì vậy, trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ phải luôn quán triệt tinh thần kết hợp giữa “xây” và “chống”, trong đó “xây” là cơ bản, “chống” phải quyết liệt, hiệu quả. Một mặt, phải tổ chức thực hiện hiệu quả quan điểm, đường lối của Đảng, không tạo khoảng trống để các thế lực thù địch lợi dụng chống phá. Mặt khác, phải kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thấy rõ âm mưu, bản chất, tác hại của các quan điểm sai trái, thù địch để chủ động phòng ngừa, đấu tranh.

*Năm là, kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với điều kiện mới của đất nước*

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Mọi biểu hiện xét lại hoặc giáo điều trong vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đều là những lệch lạc, sai lầm cần phòng tránh và phê phán. Kiên định, vận dụng và phát triển Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là yêu cầu, nhiệm vụ rất quan trọng, xuyên suốt, nhất

quán trong quá trình đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trong bất kỳ điều kiện, tình huống nào cũng phải kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong xác định các bước đi của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội để thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội□

---

(1), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (11), (13), (14), (15), (16) và (17) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.112, 123, 128, 203, 143, 147-148, 157-158, 172-174, 175, 57, 180-199, 119 và 103

(2) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Các chuyên đề lớp Bồi dưỡng kiến thức mới cho cán bộ quy hoạch cấp chiến lược khóa XIII của Đảng*, q.1, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2021, tr.33

(3) Tháng 7/2020, Ngân hàng Thế giới công bố tiêu chí phân loại các nước theo thu nhập bình quân đầu người: nước có thu nhập thấp là nước có thu nhập bình quân đầu người dưới 1.036 USD/năm (tiêu chí công bố năm 2019 là 1.026 USD/năm); nước có thu nhập trung bình thấp là nước có thu nhập bình quân đầu người từ 1.036 đến dưới 4.045 USD/năm (tiêu chí công bố năm 2019 là từ 1.026 - 3.395 USD/năm); nước có thu nhập trung bình cao là nước có thu nhập bình quân đầu người từ 4.045 đến dưới 12.535 USD/năm (tiêu chí công bố năm 2019 là 8.395 - 12.375 USD/năm); nước có thu nhập cao là nước có thu nhập bình quân đầu người trên 12.535 USD/năm

(10) và (12) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.84 và 85

**Nguồn: Tạp chí Khoa học chính trị - 2021 - số 10 - tr.9-14**

## CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ KIÊN ĐỊNH CON ĐƯỜNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

 GS, TS LƯU VĂN SÙNG

---

**Tóm tắt:** Chủ nghĩa xã hội là gì? Đó là vấn đề luôn được đặt ra và được luận giải đối với các Đảng Cộng sản, đối với những dân tộc lựa chọn con đường phát triển đất nước theo mục tiêu XHCN, đặc biệt là trong những bước ngoặt của con đường phát triển ấy và cũng là vấn đề cần được làm rõ hơn trước thềm Đại hội XIII của Đảng. Bài viết này tập trung làm rõ bản chất, đặc trưng và các giải pháp xây dựng CNXH, đặc biệt là vấn đề kiên định mục tiêu CNXH ở nước ta hiện nay.

*Từ khóa: CNXH.*

**H**ơn 30 năm thực hiện toàn diện công cuộc đổi mới có nghĩa là thay đổi căn bản cấu trúc mô hình chủ nghĩa kiểu Xô Viết, nhưng vẫn giữ vững mục tiêu quá độ lên CNXH mà đỉnh cao là chủ nghĩa cộng sản, và thực hiện mục tiêu ấy bằng phương thức mới. Thay đổi mô hình CNXH trong hiện thực đồng thời với thay đổi quan niệm về CNXH. Xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết,



*Thủ đô Hà Nội sau 30 năm đổi mới \_ Ảnh: Giang Huy*

tôn trọng và giúp đỡ cùng phát triển; có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới<sup>(1)</sup>.

Đó là những đặc trưng cơ bản của mô hình XHCN đã nêu ra trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng cộng sản Việt Nam.

Song bản chất, cơ sở quy định của những đặc trưng trên là gì? Thực chất chủ thuyết của con đường phát triển theo mục tiêu XHCN là gì? Làm rõ những vấn đề cơ bản ấy mới giúp chúng ta có bản lĩnh vững vàng và giải quyết thành công những nhiệm vụ thực tiễn.

Muốn vậy chúng ta phải nghiên cứu những luận điểm xuất phát khởi đầu của chủ nghĩa Mác. Tiến lên CNXH là tiến tới giai đoạn đầu của chủ

nghĩa cộng sản, theo C.Mác và Ph. Ăngghen, chủ nghĩa cộng sản là xã hội nhân đạo hoàn bị, một xã hội mà trong đó không còn tha hóa, áp bức, bóc lột, bất công, mọi người được phát triển tự do, toàn diện, sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện phát triển của mọi người. Các ông cũng đã kiến giải về mối tương quan giữa chủ nghĩa nhân đạo và chủ nghĩa cộng sản, và đã khẳng định chủ nghĩa cộng sản như vậy, với tư cách là chủ nghĩa tự nhiên hoàn bị = chủ nghĩa nhân đạo, với tư cách là chủ nghĩa nhân đạo hoàn bị = chủ nghĩa tự nhiên<sup>(2)</sup>. Thực hiện chủ nghĩa nhân đạo trong hiện thực để từng bước tiến tới xã hội nhân đạo hoàn bị là chủ thuyết, là thực chất, là cơ sở quy định cho những đặc trưng của mô hình CNXH ở nước ta hiện nay. Mô hình ấy chính là những phương hướng và giải pháp thực hiện chủ nghĩa nhân đạo trong một giai đoạn lịch sử nhất định và từng bước tiến tới xã hội nhân đạo hoàn bị (xã hội cộng sản).

Chủ nghĩa nhân đạo (hay còn gọi là chủ nghĩa nhân văn) là một dòng tư tưởng của nhân loại (đối lập với phi nhân đạo) lúc đầu là những mong muốn ước nguyện, những hoài bão của con người, sau trở thành những học thuyết gọi là chủ nghĩa nhân đạo (hay chủ nghĩa nhân văn) bao gồm những trào lưu tư tưởng với những sắc thái khác nhau.

Tuy cũng là một dòng trào lưu của chủ nghĩa nhân đạo, nhưng chủ nghĩa nhân đạo trong học thuyết Mác khác với những trào lưu của chủ nghĩa nhân đạo khác ở chỗ:

- Các trào lưu khác xuất phát từ những đạo lý chung chung trừu tượng, còn chủ nghĩa nhân đạo của học thuyết Mác xuất phát từ những cá nhân hiện thực là những hoạt động của họ và những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ, và từ những tiền đề đầu tiên của sự tồn tại của con

người, đó là sản xuất ra đời sống vật chất của con người. Xuất phát từ những tiền đề hiện thực, C.Mác vạch ra những căn nguyên của nỗi đau, nỗi bất Hạnh đối với con người là tha hóa lao động và tha hóa quyền lực; khắc phục tha hóa, giải phóng con người, phát triển tự do toàn diện của con người là mục tiêu, là giải pháp của chủ nghĩa nhân đạo. Đây là vấn đề mà các trào lưu nhân đạo khác chưa bao giờ đề cập đến.

- Nỗi đau, nỗi bất hạnh đối với con người trước hết và cơ bản là đối với người công nhân, người lao động. Chủ nghĩa nhân đạo của C.Mác với mục tiêu trước hết là giải phóng người công nhân, người lao động đồng thời với giải phóng nhân loại. Do vậy, chủ nghĩa nhân đạo của C.Mác mang tính giai cấp, tính nhân dân, còn các trào lưu nhân đạo khác là phi giai cấp.

- Chủ nghĩa nhân đạo hiện đại nhấn mạnh sự khoan dung, bất bạo động, thụ động, còn chủ nghĩa nhân đạo của C.Mác vạch rõ chỉ có thể khắc phục nỗi đau, nỗi bất hạnh của người công nhân, người lao động bằng hành động chủ động cách mạng của chính họ.

- Chủ nghĩa nhân đạo hoàn bị đồng thời với chủ nghĩa tự nhiên hoàn bị chỉ có thể đạt được ở xã hội cộng sản, khi đã khắc phục được mâu thuẫn xung đột giữa con người và con người, giữa con người và tự nhiên, tạo nên sự hài hòa đồng thuận cho sự tồn tại và phát triển. Đó là tính sâu sắc nhất, triệt để nhất của học thuyết Mác.

Khắc phục phi nhân đạo để thực hiện nhân đạo, khắc phục dã man để tiến tới văn minh, đó là xu hướng chung của con đường tiến hóa của mỗi dân tộc cũng như toàn nhân loại. Chủ nghĩa nhân đạo là ngọn cờ cho xu hướng ấy.



Ở Việt Nam không có những trào lưu tư tưởng triết học, đạo đức học... gọi là “chủ nghĩa nhân đạo” rõ ràng như ở một số nước phương Tây. Nhưng chủ nghĩa nhân đạo thể hiện rất sâu sắc trong truyền thống văn hóa dân tộc, trước hết thể hiện tập trung ở tình thương yêu con người “Thương người như thể thương thân”.

Tình thương yêu ấy khởi nguồn từ thương yêu những người trong gia đình, dòng họ, từ tình thương yêu gia đình dòng họ đến tình bạn bè, tình làng nghĩa xóm, rồi mở rộng thành tình yêu Tổ quốc, tình thương yêu đồng bào. Chủ nghĩa nhân đạo, thương yêu con người, biểu hiện ở đỉnh cao là chủ nghĩa yêu nước. Yêu nước thương dân, yêu Tổ quốc, thương đồng bào là nội dung sâu sắc nhất của chủ nghĩa nhân đạo Việt Nam. Nó được thể hiện trong suốt lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Nước mất thì nhà tan, nhân dân lầm than đau khổ. Vì vậy “Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”. Trong cuộc đấu tranh ấy, cái thiện, lẽ phải, chính nghĩa có lúc bị chà đạp, gặp khó khăn, nhưng cuối cùng sẽ chiến thắng.

Chủ nghĩa yêu nước hay chủ nghĩa nhân đạo Việt Nam, thể hiện ở tất cả người dân yêu nước, tuy ở mức độ khác nhau, song biểu hiện tập trung cao nhất ở các anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa.

Tư tưởng trong Bình Ngô Đại cáo của Nguyễn Trãi là kết tinh chủ nghĩa nhân đạo của dân tộc Việt Nam: đau xót trước cảnh mất nước, thương dân bị áp bức, bóc lột, đọa đày, không đội trời chung với kẻ thù, tìm mọi cách chống giặc hung tàn bằng chí nhân đại nghĩa; và khi giặc đầu hàng thì “Thần vũ không giết, ta thể lòng trời để tỏ hiếu sinh”. Yêu nước thương dân còn được thể hiện đầy đủ trong cuộc đời và sự nghiệp của người anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa Nguyễn Trãi.

Sau đó 500 năm, dân tộc Việt Nam lại xuất hiện người anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh, kế tục và phát triển chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam lên một trình độ mới. Đọc những tác phẩm như Bản án chế độ thực dân Pháp, Tuyên ngôn độc lập và nhiều tác phẩm khác của Người, thấy có cội nguồn từ Bình Ngô Đại cáo của Nguyễn Trãi. Đó là sự hội tụ của hai trí lớn, hai tấm lòng yêu nước thương dân, đó là hồn dân tộc trải qua những thời kỳ lịch sử khác nhau. Cả cuộc đời của Hồ Chí Minh, chỉ có một ham muốn tột bậc, đó là làm sao cho nước nhà được hoàn toàn độc lập, nhân dân được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Song chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong điều kiện mới và phát triển lên trình độ mới. Vào thế kỷ XIX - XX, đời sống kinh tế, chính trị, xã hội đang diễn ra quá trình quốc tế hóa. Chủ nghĩa tư bản “tỏa vôi” đi khắp 5 Châu vừa. “hút máu” nhân dân lao động ở chính quốc, vừa hút máu nhân dân lao động ở các nước thuộc địa. Vì vậy, đối với Hồ Chí Minh, thương yêu con người trước hết dành cho những người cùng khổ, những người bị áp bức bóc lột; thương nước, thương dân đồng thời với thương nhân loại đau khổ; từ tình yêu đồng bào mình, dân tộc mình, mở rộng đến yêu thương tất cả nhân loại bị áp bức, bóc lột. Cuộc đấu tranh chống lại sự dã man, phi nhân đạo của chủ nghĩa tư bản không chỉ bằng sức mạnh của nền văn minh, chủ nghĩa nhân đạo của mỗi dân tộc, mà phải bằng sức mạnh của nền văn minh, chủ nghĩa nhân đạo của toàn nhân loại trong thời đại mới. Con đường đấu tranh giành độc lập dân tộc phải là con đường cách mạng và trở thành một bộ phận của cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột, đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản quốc tế.

Hồ Chí Minh tìm thấy chân lý đó trong suốt ba mươi năm tìm đường cứu nước, tìm thấy trong Luận cương của V.I.Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Người đã viết: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng muốn phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”<sup>(3)</sup>. Và Người khẳng định: “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”<sup>(4)</sup>.

Hồ Chí Minh đi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, có nghĩa là chủ nghĩa yêu nước đi đến với CNXH, hay nói cách khác là chủ nghĩa nhân đạo của dân tộc gặp gỡ chủ nghĩa nhân đạo của thời đại.

Điều đó có thể giải thích vì sao phong trào yêu nước dưới ngọn cờ của Hồ Chí Minh lại giàu sức sống, ngày càng giành được thắng lợi. Vì đó là ngọn cờ đại nghĩa của dân tộc và nhân loại, của thời đại mới. Nó tập hợp ngày càng đông đảo quần chúng nhân dân, đặc biệt là những người có trí tuệ, lương tâm và danh dự đấu tranh cho chính nghĩa, cho lẽ phải, công bằng và tiến bộ xã hội.

Dưới ngọn cờ ấy, phong trào cách mạng Việt Nam đã diễn ra ngày càng sâu rộng, bền bỉ, lâu dài qua nhiều năm tháng và đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đó là ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH, ngọn cờ vinh quang mà chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

Tiến lên XHCN và và cộng sản chủ nghĩa là tiến tới xã hội nhân đạo hoàn bị, là con đường của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là con

đường chung của nhân loại, nhưng trong những điều kiện khác nhau lại có những giải pháp khác nhau.

Sau sự khủng hoảng dẫn tới sụp đổ mô hình CNXH ở Liên Xô và Đông Âu, các Đảng Cộng sản đứng trước ba sự lựa chọn mô hình:

- Xóa bỏ mô hình cũ, xác lập mô hình mới và đồng thời từ bỏ mục tiêu XHCN (Liên Xô và Đông Âu).

- Giữ nguyên mô hình cũ (Bắc Triều Tiên).

- Thay đổi từng bước mô hình cũ và từng bước xác lập mô hình mới, giữ vững mục tiêu XHCN và thực hiện mục tiêu ấy bằng giải pháp mới (Trung Quốc - Việt Nam).

Thực tế cho thấy con đường hay mô hình thứ ba tối ưu hơn và đưa lại những thành công. Hơn 40 năm thực hiện công cuộc cải cách mở cửa đã đưa Trung Quốc từ một nước lạc hậu, trở thành một quốc gia hùng mạnh đứng thứ hai trên trường quốc tế. Còn Việt Nam sau hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới đã từ một nước nghèo, bị chiến tranh tàn phá, trở thành một nước thu nhập trung bình.

Như vậy, nếu như mô hình Xô Viết là giải pháp thực hiện chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XX, thì có thể nói rằng Trung Quốc và Việt Nam đang tìm giải pháp thực hiện chủ nghĩa xã hội trong điều kiện của thế kỷ XXI và bước đầu đã có sự thành công lớn.

Trước hết áp dụng giải pháp khắc phục những khuyết tật của mô hình Xô viết:

- Chuyển nền kinh tế dựa trên chế độ công hữu, dưới hai hình thức toàn dân và tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần, đa dạng sở hữu,

khuyến khích phát triển kinh tế tự nhiên, tạo động lực cho kinh tế, xã hội phát triển.

- Chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế thị trường, mở rộng và hoàn thiện thị trường, tạo động lực đổi mới kỹ thuật - công nghệ, phát huy sự sáng tạo của con người, khơi dậy mọi nguồn lực trong nước, đồng thời mở rộng hội nhập quốc tế, tranh thủ nguồn lực bên ngoài cho sự phát triển.

- Đổi mới hệ thống chính trị đảm bảo quyền lãnh đạo của Đảng, chuyển mô hình nhà nước kiểu Xô Viết sang nhà nước pháp quyền; thiết lập thể chế nhà nước tập trung quyền lực, đồng thời đảm bảo cân bằng và kiểm soát quyền lực, khắc phục sự lạm quyền, chuyên quyền, tha hóa quyền lực, tệ nạn quan liêu, tham nhũng.

Công cuộc đổi mới toàn diện của Việt Nam bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng đến nay đã trải qua gần 35 năm, đó là quá trình thay đổi từng mặt mô hình cũ, xác lập từng mặt mô hình mới. Cho đến nay vấn đề đặt ra là cấu trúc tổng thể của mô hình mới là gì? Một khi xác định rõ cấu trúc tổng thể của mô hình mới sẽ khắc phục được mâu thuẫn hệ thống lý luận, quan điểm, hệ thống giải pháp thực tiễn, sẽ có cơ sở nhận thức giải quyết đúng những vấn đề cụ thể và sẽ là cơ sở thống nhất về mặt nhận thức, tạo nên sự thành công trong hoạt động thực tiễn.

Những căn cứ để xác định cấu trúc tổng thể của mô hình mới có thể là:

- Mục tiêu XHCN và những kinh nghiệm thực hiện hơn 30 năm đổi mới.

- Cấu trúc cơ bản của xã hội hiện đại mà nhân loại đang thực hiện.
- Những vấn đề đặt ra của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Những tiền đề lý luận đã có trong lịch sử. Tiền đề lý luận trong lịch sử đó là chính sách kinh tế mới của V.I.Lênin (NEP), tuy là giải pháp tình thế, nhưng cũng nêu ra những luận điểm cơ bản cho việc thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường. Luận điểm cơ bản của V.I.Lênin là: Tự do thương mại, tự do trao đổi nghĩa là đòn xeo của Chính sách kinh tế mới; tự do thương mại, tự do trao đổi nghĩa là mềm dẻo tối đa về kinh tế, để thực hiện sự mềm dẻo tối đa về kinh tế thì nhà nước phải cứng rắn tập trung quyền lực. Tự do thương mại, tự do trao đổi = tự do của chủ nghĩa tư bản, nhân tố tư bản sẽ nảy sinh, cần hướng kinh tế tư nhân tư bản qua con đường tư bản nhà nước nấc thang quá độ lên CNXH.

Thực hiện mục tiêu XHCN trong điều kiện của thế kỷ XXI là cả một hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn rộng lớn, chỉ trên cơ sở giải quyết đúng cấu trúc tổng thể mới có cơ sở để giải quyết đúng những vấn đề khác□

---

(1) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự Thật, Hà Nội, 2011, tr.70.

(2) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.42,167.

(3), (4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tt.127,128.

**Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị - 2020 - Số 1 - tr.26-30**

# CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ SỰ TÌM TÒI, SÁNG TẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

✍ PGS, TS TRƯỜNG MINH DỤC

---

Học viện Chính trị khu vực III

**Tóm tắt:** Từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX, khi chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào khủng hoảng dẫn đến mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, các thế lực thù địch trong và ngoài nước luôn đưa ra luận điệu cho rằng, sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam là sai lầm, trái quy luật phát triển xã hội, từ đó đi đến phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, mưu toan đưa nước ta phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn của đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra và quá trình Đảng tìm tòi, sáng tạo con đường phát triển đất nước chính là góp phần đấu tranh phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; củng cố niềm tin của toàn Đảng, toàn dân vào con đường phát triển đất nước mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân đã chọn.

*Từ khoá: Đảng Cộng sản Việt Nam; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; tìm tòi, sáng tạo*

- 1. Lý luận chủ nghĩa Mác về hình thái kinh tế - xã hội**
  - Nghiên cứu sự phát triển của lịch sử xã hội loài người, với

cách tiếp cận lịch sử - tự nhiên, C.Mác và Ph.Ăngghen đã vạch ra quy luật vận động của xã hội theo các hình thái kinh tế - xã hội nhất định. C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, trong xã hội có giai cấp, giai cấp nào thống trị thì ở trung tâm của thời đại, là động lực chủ yếu chi phối sự vận động của thời đại. Trong thời đại TBCN, giai cấp tư sản, một giai cấp trẻ, cách mạng đang lên mới có khả năng xé toang màn đêm của thời kỳ trung cổ, tạo ra một thời đại “Ánh sáng” cho lịch sử loài người phát triển.

Học thuyết của C.Mác, Ph.Ăngghen về hình thái kinh tế - xã hội là quan niệm duy nhất khoa học và cách mạng để phân tích lịch sử và nhận thức các vấn đề xã hội. C.Mác đã xem xét quá trình biến đổi và phát triển không ngừng và cho rằng: “... sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên”<sup>(1)</sup>. Từ đó, C.Mác, Ph.Ăngghen đã nêu lên những tư tưởng sau: *Một là*, xã hội vận động theo những quy luật không phụ thuộc vào ý thức, ý chí và ý định của con người mà ngược lại còn quyết định cả ý chí, ý thức và ý định của họ nữa. *Hai là*, các quy luật xã hội nói chung và các quy luật kinh tế nói riêng, xét về bản chất thì khác với các quy luật của giới tự nhiên. *Ba là*, những quy luật xã hội chịu sự tác động của việc xã hội hóa về mặt kinh tế, tức là, sự phát triển tổ chức xã hội của lực lượng sản xuất và của bản thân quá trình sản xuất, tạo tiền đề vật chất cho cuộc cách mạng trong quan hệ sở hữu. Chính những đặc điểm trên đây khiến cho sự phát triển giữa các quốc gia thường diễn ra không đều, kể cả khả năng bỏ qua hình thái kinh tế - xã hội nào đó.

Từ nhận thức sự phát triển xã hội loài người là một quá trình lịch sử - tự nhiên, C.Mác và Ph.Ăngghen cũng nêu ra tư tưởng về sự



phát triển không đều ở từng nước. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và các lời tựa viết cho các lần xuất bản sau đó, các ông đã đề cập đến ba trường hợp của nước Đức, Nga và Ba Lan tiêu biểu cho sự phát triển đặc thù thời điểm đó. Vào giữa thế kỉ XIX, nước Đức là một nước TBCN phát triển, nhưng chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến chưa bị xoá bỏ. Nước Nga chuyên chế dựa trên chế độ nông nô, với đặc thù là chế độ công hữu ruộng đất ở nông thôn. Còn Ba Lan là một thuộc địa của Nga hoàng, phải thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất để mở đường cho sự phát triển. Từ đó, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, cách mạng tư sản Đức nở ra là màn mở đầu trực tiếp cho một cuộc cách mạng vô sản. Ở một quốc gia đang tồn tại chế độ sở hữu ruộng đất công xã như nước Nga, có khả năng phát triển lên chế độ CSCN, “Nếu Cách mạng Nga là tín hiệu của cuộc cách mạng vô sản ở phương Tây và nếu cả hai cuộc cách mạng ấy bổ sung cho nhau (cách mạng vô sản và cách mạng ruộng đất - tác giả) thì chế độ sở hữu công xã về ruộng đất ở Nga hiện nay có thể là điểm xuất phát của một sự tiến triển cộng sản chủ nghĩa”<sup>(2)</sup>. Đối với cách mạng Ba Lan, hai ông cho rằng, “Những người cộng sản ủng hộ chính đảng đã coi cách mạng ruộng đất là điều kiện để giải phóng dân tộc...”<sup>(3)</sup>.

Đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin đã phát triển những tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về cách mạng không ngừng thành *Học thuyết về cách mạng không ngừng và cách mạng có giai đoạn, chuyển từ cách mạng tư sản sang cách mạng XHCN dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản mà đứng đầu là đội tiên phong của nó - Đảng Cộng sản*. Học thuyết về cách mạng không ngừng của V.I.Lênin đã trở thành kim chỉ nam cho những người cộng sản ở các nước thuộc địa, phụ

thuộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, phong kiến để hướng tới CNCS.

Đối với các nước thuộc địa và các nước lạc hậu đi lên CNXH, tại Đại hội II (1920) Quốc tế Cộng sản, V.I.Lênin đã nêu rõ: “với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ xô viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”<sup>(4)</sup>. Từ năm 1921, với việc chuyển sang thực hiện chính sách kinh tế mới (NEP) ở nước Nga, V.I.Lênin thừa nhận “toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản”. Ông cũng chỉ ra con đường, cách thức mà một nước tiểu nông thực hiện những bước quá độ sang chủ nghĩa tư bản nhà nước và CNXH là: “không sao chép y nguyên sách lược” của nước Nga, mà “phải tự mình suy nghĩ xem những nét đặc thù”, để “cần thiết phải có một sách lược khác”, đó là “phải tỏ ra mềm dẻo hơn, thận trọng hơn, nhượng bộ hơn đối với giai cấp tiểu tư sản, đối với trí thức, nhất là đối với nông dân”. “Cần thực hiện bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội chậm hơn, thận trọng hơn và có hệ thống hơn”<sup>(5)</sup>. Đó là “phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc đi xuyên qua chủ nghĩa nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội, không phải bằng cách trực tiếp dựa vào nhiệt tình, mà là với nhiệt tình do cuộc cách mạng vĩ đại sinh ra, bằng cách khuyến khích lợi ích cá nhân, bằng sự quan tâm thiết thân của cá nhân, bằng cách áp dụng chế độ hạch toán kinh tế”<sup>(6)</sup>.

## **2 Vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn Việt Nam**

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Việt Nam rơi vào tình trạng

khủng hoảng về đường lối cách mạng. Nhiều cương lĩnh của các lực lượng yêu nước, các đảng phái ở Việt Nam được đưa ra, nhưng do chưa có một giai cấp tiên phong lãnh đạo, chưa có lý luận cách mạng soi đường, chưa có đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn, đủ sức giành thắng lợi trước kẻ thù là chủ nghĩa thực dân, phong kiến, nên “các phong trào cứu nước từ lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản, qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại”<sup>(7)</sup>.

Trải qua hơn 10 năm khảo nghiệm thực tiễn ở nước ngoài, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc mới định hình con đường cứu nước, cũng có nghĩa là con đường phát triển đất nước, đó là: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không còn con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản.

Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng không ngừng và sự vận dụng của Hồ Chí Minh được cụ thể hóa trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng Cộng sản Việt Nam phù hợp với tính chất xã hội Việt Nam. Đó là chủ trương đánh đổ đế quốc, phong kiến, giành độc lập cho dân tộc, ruộng đất cho dân cày, đưa nước ta tiến thẳng lên CNXH, bỏ qua chế độ TBCN. Đường lối đó toát lên tư tưởng lớn là cách mạng dân tộc dân chủ Việt Nam tất yếu phải đi tới cách mạng XHCN, độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là mục đích lâu dài của Đảng và cách mạng Việt Nam. Đó là sự đổi mới, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về con đường phát triển đất nước, là sự lựa chọn duy nhất con đường phát triển đất nước phù hợp với yêu cầu phát triển của dân tộc và xu thế phát triển của thời đại.

Trong sự nghiệp xây dựng CNXH, Chủ tịch Hồ Chí Minh trung thành với những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin về CNXH,

nhưng cũng rất sáng tạo trong việc vận dụng vào điều kiện Việt Nam: “đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”<sup>(8)</sup>. Hồ Chí Minh luôn coi chủ nghĩa Mác-Lênin là chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất và cách mạng nhất, nhưng Người cũng luôn thực hiện với tinh thần sáng tạo, phát hiện, bổ sung về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam - một nước chưa trải qua chế độ TBCN tiến thẳng lên CNXH. Người chỉ ra rằng, con đường đi lên CNXH ở Việt Nam không thể giống Liên Xô, “vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác”<sup>(9)</sup>. Hồ Chí Minh có những đóng góp đầy tính sáng tạo trong xác định mục tiêu cụ thể, thiết thực và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Người chỉ rõ nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của CNXH, xây dựng nền kinh tế có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hoá và khoa học tiên tiến. “Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài”<sup>(10)</sup>. Nhờ đó đã tạo ra cơ sở, tiền đề vững chắc để nhân dân Việt Nam kiên trì định hướng đổi mới, xây dựng đất nước và giúp cho cả dân tộc “chối từ” con đường đau khổ của CNTB, và tìm thấy một hướng đi thích hợp cho sự lựa chọn của mình. Trong quá trình xây dựng CNXH, Người đề cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Người yêu cầu “Phải nắm vững quy luật phát triển của cách mạng, phải tính toán cẩn thận những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể... Chớ đem chủ quan của mình thay điều kiện thực tế”<sup>(11)</sup>.

Vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng

---

Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định con đường phát triển của Việt Nam là độc lập dân tộc tiến gần với CNXH. Trên cơ sở nhận thức và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra, Đảng khẳng định, đi lên CNXH là sự lựa chọn đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử.

*Thứ nhất, nhận thức và giải quyết vấn đề tiền đề để một nước lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội*

Về xu thế phát triển của thời đại: Khi mô hình CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, Đảng Cộng sản mất quyền lãnh đạo và chế độ xã hội ở những nước đó thay đổi, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phân tích tình hình và khẳng định đó là sự sụp đổ của một mô hình cụ thể chứ không phải là sự sụp đổ của CNXH. Đảng cho rằng mặc dù mô hình CNXH ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, nhưng một số nước theo con đường XHCN, trong đó có Việt Nam, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, giành được những thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển... Hơn nữa, trong bối cảnh hiện nay, các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Với bản lĩnh chính trị vững vàng và sự phân tích khoa học quá trình phát triển của lịch sử, Đảng cho rằng, “*Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*”<sup>(12)</sup>.

Về nhân tố chính trị, chúng ta có Đảng, có Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; có khối liên minh công - nông, trí thức làm nòng cốt cho khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đảng có đường lối đúng, đó là đường lối độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Hơn nữa, sau 15 năm đấu tranh giải

phóng dân tộc, 30 năm chiến tranh giải phóng, nhân dân Việt Nam không thể trao thành quả cách mạng vào tay những lực lượng đưa đất nước vào con đường TBCN, để quay lại thân phận những con người bị áp bức, bóc lột. Đây là yếu tố chính trị có vai trò quyết định trong việc thu hút và chuyển biến nhân tố thời đại thành nguồn lực bên trong để xây dựng CNXH.

Về yếu tố kinh tế, những cơ sở kinh tế, kỹ thuật và tài nguyên quốc gia mà nhân dân ta giành lại được quyền làm chủ từ tay thực dân, đế quốc, cùng với những cơ sở vật chất mà chúng ta đã xây dựng và những thành tựu trong thời kỳ đổi mới là những tiền đề kinh tế, kỹ thuật cho bước quá độ lên CNXH, bỏ qua chế độ TBCN.

Về yếu tố quốc tế, điều kiện quốc tế hiện nay, trong bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa với những lợi thế và thách thức đã tạo ra những cơ hội để phát triển, nếu biết tranh thủ được sẽ tạo tiền đề cho sự phát triển đất nước theo định hướng XHCN bỏ qua chế độ TBCN. Đó là phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Hơn nữa, sự tác động của yếu tố thời đại đối với xu thế phát triển của thế giới, nhất là các nước đang phát triển.

*Thứ hai, giải quyết đúng đắn, sáng tạo nội dung quá độ lên CNXH “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa”*

Đảng khẳng định con đường đi lên CNXH của nước ta “là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu

mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”<sup>(13)</sup>. Theo các nhà nghiên cứu, quan niệm như vậy phù hợp với quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về hình thái kinh tế - xã hội, về thời kỳ quá độ và quan điểm của V.I.Lênin về xây dựng kinh tế hàng hoá dưới CNXH trong thời kỳ NEP. Đúng như Hồ Chí Minh đã chỉ ra, đi lên CNXH *không kinh qua chủ nghĩa tư bản là đặc điểm to nhất* của thời kỳ quá độ ở Việt Nam.

Đó cũng là kết quả của quá trình đổi mới tư duy lý luận về CNXH, CNTB và mối quan hệ giữa CNXH và CNTB, là kết quả của việc tổng kết thực tiễn của quá trình phát triển lịch sử thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong quá trình tiến hoá của nhân loại qua năm hình thái kinh tế - xã hội (công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, TBCN, CSCN) để xác định vị trí của CNTB như là một giai đoạn phát triển cao của văn minh nhân loại và là nấc thang kế cận để loài người bước sang nấc thang cao hơn là CNXH.

Quá trình đi lên CNXH ở Việt Nam là quá trình bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng của CNTB, không có nghĩa là Việt Nam không trải qua giai đoạn phát triển lực lượng sản xuất tư bản, mà trái lại phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản để phát triển lực lượng sản xuất, bởi vì:

- Phát triển bỏ qua chế độ TBCN nhưng vẫn phải tôn trọng quá trình lịch sử - tự nhiên của sự chuyển biến từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác, đặc biệt phải tôn trọng quá trình phát triển lịch sử - tự nhiên của lực lượng sản xuất, của các

nhân tố kinh tế - kỹ thuật mà xét cho cùng là những nhân tố quyết định sự ra đời, tồn tại và phát triển của chế độ mới. Nếu không thực hiện quá trình đó, sự quá độ không thể diễn ra và chế độ XHCN không thể hình thành.

- Từ một nước ở trình độ kinh tế tiền TBCN đi lên CNXH, tất yếu phải tạo ra tiền đề vật chất cho chế độ mới, vì vậy, Việt Nam phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài. Trong quá trình đó, theo V.I.Lênin, “những mảnh của chủ nghĩa xã hội” và “những mảnh của chủ nghĩa tư bản” xen kẽ nhau, đấu tranh lẫn nhau và cùng phát triển một cách hòa bình, vừa bài trừ nhau, nương tựa vào nhau và cuối cùng là “những mảnh XHCN” chiếm vai trò chủ đạo trong xã hội mới.

- Phát triển bỏ qua chế độ TBCN nhưng không bỏ qua quá trình phát triển có tính quy luật từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn mà CNTB đã từng trải qua: sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường, tiến hành cách mạng khoa học và công nghệ để phát triển lực lượng sản xuất, mở rộng giao lưu trong nước và quốc tế, khắc phục tâm lý sản xuất nhỏ và tư tưởng phong kiến.

- Phát triển bỏ qua chế độ TBCN (sự thống trị của quan hệ sản xuất TBCN, kiến trúc thượng tầng TBCN), nhưng tiếp thu những thành tựu của CNTB, sử dụng chúng vào mục tiêu xây dựng CNXH, như lực lượng sản xuất do nhân loại tạo ra trong điều kiện CNTB, thành tựu khoa học và công nghệ, các yếu tố tích cực của cơ chế thị trường, tri thức và kinh nghiệm quản lý...

Để phát triển lực lượng sản xuất, phải kết hợp hai phương thức: tuần tự và nhảy vọt để trong một thời gian ngắn đạt trình độ các nước tiên tiến; trong khi coi trọng sự phát triển tuần tự từ thấp đến cao, cần



phải đi tắt, đón đầu, tiếp thu những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của CNTB để nhanh chóng đưa trình độ lực lượng sản xuất của Việt Nam tiến kịp các nước tiên tiến.

Về quan hệ sản xuất, chủ trương bỏ qua quan hệ sản xuất TBCN với tư cách là quan hệ sản xuất giữ vai trò thống trị, sự phân phối bất bình đẳng, nhưng phải sử dụng những kinh nghiệm quản lý, sử dụng các hình thức kinh tế TBCN, những kinh nghiệm huy động vốn qua việc phát triển thị trường chứng khoán vì nó còn có tác dụng tích cực và hữu ích cho sự phát triển đối với CNXH.

Đối với kiến trúc thượng tầng của CNTB, V.I.Lênin cho rằng: “Trong một thời gian nhất định, dưới chế độ cộng sản, không những vẫn còn pháp quyền tư sản, mà vẫn còn cả nhà nước kiểu tư sản nhưng không có giai cấp tư sản!”<sup>(14)</sup>. Vì vậy, CNXH phải nghiên cứu, tiếp thu, kế thừa một số nhân tố hợp lý của pháp quyền tư sản, nhà nước tư sản như cách thức tổ chức, quản lý,... để xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Thậm chí, dưới CNXH, còn phải tiếp thu những nhân tố hợp lý về kinh nghiệm quản lý xã hội của các xã hội tiền tư bản như vấn đề tự quản ở cơ sở, trong việc xây dựng hương ước, luật tục nhằm phát huy vai trò của công dân.

Từ nhận thức về lý luận và thực tiễn về con đường phát triển của một nước lạc hậu đi lên CNXH, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua tại Đại hội VII (1991) thể hiện sự tìm tòi, sáng tạo của Đảng về mô hình con đường phát triển Việt Nam theo định hướng XHCN phù hợp với thực tiễn đất nước. Các Đại hội VIII (1996), Đại hội IX (2001), Đại hội X (2006)

và Đại hội XI (2011) của Đảng trên mạch tư duy tiếp tục đổi mới về CNXH trên cơ sở tổng kết thực tiễn đất nước, trân trọng tiếp thu những kinh nghiệm hay và nghiêm túc tự phê bình những sai lầm, thiếu sót trong nhận thức lý luận và chỉ đạo thực tiễn, tham khảo những kinh nghiệm tích cực và tiêu cực của nhiều nước XHCN. Vì vậy, “Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản”<sup>(15)</sup>. Tại Đại hội XI (2011) của Đảng, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Đảng một lần nữa khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”<sup>(16)</sup>. Từ đó, Đảng đã bổ sung và hoàn chỉnh mô hình xã hội XHCN: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân lao động làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”<sup>(17)</sup>.

Sự diễn đạt về mô hình CNXH như trong *Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011* bảo đảm sự thống nhất cơ sở kinh tế với kiến trúc thượng tầng và toàn bộ những quan hệ xã hội chủ yếu, sự phù hợp giữa

lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất, sự bao quát các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội...

Để thực hiện được mục tiêu trên, *Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011* đã đề ra các phương hướng cơ bản: “*Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường. Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*”<sup>(18)</sup>.

Sự nghiệp xây dựng CNXH từ một nước kinh tế lạc hậu, bỏ qua chế độ TBCN là một sự nghiệp lâu dài, gian khổ. Trải qua 35 năm đổi mới, con đường để đạt mục tiêu đã rõ: phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh CNH, HĐH; xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ XHCN, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích

cực hội nhập quốc tế.

Thực tiễn 35 năm đổi mới cho thấy, kinh tế - xã hội Việt Nam có sự thay đổi tích cực, đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao. Đại hội XIII (2021) của Đảng đã đánh giá: “Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt cả về vật chất và tinh thần. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”<sup>(19)</sup>. Vì vậy, Đảng một lần nữa lại khẳng định và nhấn mạnh: “*Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa*”<sup>(20)</sup>.

Xây dựng CNXH như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định “là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất, hoàn toàn không hề đơn giản, dễ dàng, nóng vội”<sup>(21)</sup>. Kiên định và vững vàng trên nền tảng tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng đã tìm tòi, đổi mới, sáng tạo con đường phát triển đất nước theo định hướng XHCN. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy rằng phải luôn luôn bám sát, tổng kết thực tiễn, kịp thời giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trên tinh thần đổi mới, sáng tạo. Đó cũng là đóng góp của Đảng vào bổ sung, phát triển lý luận về cách mạng không ngừng và học thuyết về CNXH của chủ nghĩa Mác-Lênin□

---

(1) C.Mác - Ph Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1993, T.23, tr.21

- (2), (3) C.Mác và Ăngghen Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Nxb CTQG, H, 2008, tr.41, 131
- (4) *V.I.Lênin Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, M, 1978, T.41, tr.295
- (5) *Sđđ*, T.43, tr.236-238
- (6) *Sđđ*, T.44, tr.189
- (7) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2007, T.51, tr.18
- (8), (10) *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T.12, tr.411,412
- (9) *Sđđ*, T.10, tr.391
- (11) *Sđđ*, T.13, tr.71
- (12), (13), (16), (17), (18) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr.69, 21, 70, 70, 72
- (14) *V.I.Lênin Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, M, 1978, T.33, tr.121
- (15) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb, CTQG, H, 2016, T.65, tr.139
- (19) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T.II, tr.322
- (20) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG ST, H, 2021, T.I, tr.25
- (21) Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, số 966 (5-2021)

**Nguồn: Tạp chí Lịch sử Đảng - 2021 - số 10 - tr.46-52**

# SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG VỀ MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI QUA CÁC THỜI KỲ ĐẠI HỘI

✍ PGS, TS DOÃN THỊ CHÍN

---

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

**Tóm tắt:** Mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta cả vấn đề lý luận và thực tiễn đã và đang được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Qua các văn kiện đại hội, hội nghị Trung ương Đảng các khóa, kể từ khi Đảng thành lập đến nay, đã thể hiện sự phát triển về nhận thức của Đảng về mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tình hình thực tiễn hiện nay cho thấy, những nội dung mới, những vấn đề mới cả về lý luận và thực tiễn, Đảng cần tiếp tục bổ sung, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về mô hình chủ nghĩa xã hội, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong quá trình đó, Đảng luôn khẳng định, tư tưởng nhất quán, sợi chỉ đỏ xuyên suốt, nội dung chủ đạo trong đường lối cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

*Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam; mô hình; chủ nghĩa xã hội*

**V**ận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng mô hình CNXH vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam và Hồ Chí Minh đã xác định rõ con đường cách mạng của nước ta là “*làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng*

sản<sup>(1)</sup>. Cách mạng Việt Nam bao gồm hai giai đoạn: cách mạng tư sản dân quyền với nhiệm vụ lật đổ ách thống trị của bọn đế quốc, thực dân và phong kiến nhằm giành độc lập dân tộc; cách mạng XHCN với nhiệm vụ đưa nước ta tiến lên CNXH bỏ qua thời kỳ phát triển TBCN. Tiếp đó, Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương cũng xác định rõ sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục “phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”<sup>(2)</sup>. Nhưng Cương lĩnh chính trị đầu tiên cũng như Luận cương chính trị tháng 10-1930 của Đảng chưa đề cập cụ thể đến một mô hình XHCN và các biện pháp để xây dựng mô hình đó. Trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), cũng như trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng chưa thể tập trung trí tuệ để xây dựng, hoàn thiện mô hình xây dựng CNXH.

Tháng 7-1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi vẻ vang; sau Hiệp định Giơnevơ, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, những cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam vẫn chưa hoàn thành. Đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau. Đảng quyết định đưa miền Bắc tiến lên CNXH. Trong giai đoạn này, một mô hình CNXH cụ thể vẫn chưa được xác định. Tuy nhiên, tại HNTU 13 khóa II (12-1957), Đảng đã chủ trương xây dựng một xã hội “đảm bảo đời sống của người lao động ngày càng khá hơn, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động”<sup>(3)</sup>, khu vực kinh tế XHCN được chú trọng và ngày càng phát triển. Đây có thể coi là những quan điểm, tư tưởng đặt nền móng cho việc xác định một mô hình CNXH cụ thể ở nước ta sau này. Và để xây dựng được một xã hội như thế, Đảng cũng đưa ra các biện pháp cụ thể để thực hiện như: phải cải tiến từng bước quan hệ sản xuất cũ, xây dựng

từng bước quan hệ sản xuất mới. Thực hiện hình thức hợp tác hóa trong nông nghiệp và công thương nghiệp từ thấp đến cao trên nguyên tắc “Tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ”. Tuy nhiên, do tâm lý chủ quan, nóng vội, cải tạo XHCN đã diễn ra với tốc độ nhanh nên chưa đạt được những kết quả như mong đợi.

Trong bối cảnh miền Bắc tiến hành xây dựng CNXH, bước đầu đạt được những thành tựu to lớn, Đại hội III (1960) của Đảng tiếp tục bổ sung quan điểm về mô hình CNXH và các biện pháp xây dựng CNXH nước ta. Đại hội xác định xã hội XHCN mà chúng ta xây dựng là xã hội nhân dân có đời sống ấm no, hạnh phúc, có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến. Đại hội xác định rõ biện pháp để xây dựng xã hội XHCN trong giai đoạn này là sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân; cải tạo XHCN đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh, phát triển thành phần kinh tế quốc doanh; thực hiện công nghiệp hóa XHCN bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; đẩy mạnh cách mạng XHCN về tư tưởng văn hóa kỹ thuật. HNTƯ 19 khóa III của Đảng đã nêu các biện pháp xây dựng mô hình CNXH tiếp tục được bổ sung đó là “phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động”; “tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng kỹ thuật là then chốt”<sup>(4)</sup>. Tuy nhiên, nhiều vấn đề vẫn chưa được Đại hội giải quyết thấu đáo. Mô hình và các biện pháp xây dựng CNXH mới chỉ hình thành trên những nét đại thể.



Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, cả nước thống nhất cùng tiến hành xây dựng CNXH, Đại hội IV (12-1976) của Đảng, đã tổng kết và làm rõ hơn nữa mô hình và các biện pháp xây dựng CNXH trong điều kiện mới. Cụ thể, Đảng xác định xã hội XHCN trong những năm tiếp theo cần xây dựng là một xã hội có chế độ làm chủ tập thể XHCN; có nền sản xuất lớn XHCN; có nền văn hóa mới; có con người mới XHCN. Về biện pháp để xây dựng được mô hình đó, Đại hội IV tiếp tục kế thừa quan điểm của Đại hội III là “phải phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng”. Tuy nhiên, tại Đại hội IV, Đảng đã đưa ra và nhấn mạnh biện pháp quan trọng nhất cần thực hiện đó là phải “đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa” và “coi nó là nhiệm vụ trọng tâm” trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta. Như vậy, Đại hội IV của Đảng tiếp tục làm rõ mô hình CNXH và biện pháp xây dựng mô hình đó, tuy nhiên về cơ bản vẫn là sự tiếp nối tư duy của thời kỳ trước, nhất là chưa thấy được tính lâu dài của quá trình xây dựng CNXH ở nước ta; chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa trong khi chưa có những điều kiện cần thiết; chưa thấy được nền kinh tế có nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại và phát triển... thể hiện tư tưởng vừa chủ quan, duy ý chí, vừa bảo thủ, trì trệ, muốn tiến nhanh lên CNXH.

Đại hội V (3-1982) của Đảng đã có sự điều chỉnh quan niệm về CNXH, nhận thức rõ xây dựng CNXH là một quá trình phát hiện lâu dài và nước ta đang ở chặng đường đầu tiên. Chính vì thế Đại hội đã chủ động điều chỉnh việc xây dựng cơ cấu kinh tế và làm sáng tỏ nội dung công nghiệp hóa XHCN trong chặng đường này chưa phải là đẩy mạnh công nghiệp hóa mà là chuẩn bị tiền đề để đẩy mạnh công

nghiệp hóa. Báo cáo chính trị tại Đại hội nêu rõ: “cần tập trung phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa”<sup>(5)</sup>, về các thành phần kinh tế, Đảng nêu rõ: “Trong một thời gian nhất định, ở miền Bắc có ba thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể và cá thể), ở miền Nam còn năm thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, công tư doanh, cá thể và tư bản tư nhân)”<sup>(6)</sup>. Như vậy, trên phương diện cải tạo XHCN, Đại hội V của Đảng, đã đề cập đến kinh tế nhiều thành phần, song nhận thức vẫn còn lúng túng, chưa khẳng định những thành phần kinh tế khác nhau đó có thể và cần phải tiếp tục tồn tại lâu dài trong suốt quá trình xây dựng CNXH, dẫn đến tình hình kinh tế tiếp tục khủng hoảng, những mặt mắt cân đối trong nền kinh tế ngày càng lớn. Cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu bao cấp không tạo được động lực phát triển, mà dẫn đến tình trạng quan liêu, cửa quyền. Thực tế trên đây chứng tỏ không thể nóng vội, làm trái quy luật, phải đổi mới để tiến lên.

Đại hội VI (1986) của Đảng đã đánh giá thực trạng đất nước với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật”, chỉ ra tình trạng khủng hoảng về kinh tế - xã hội và những nguyên nhân của tình trạng đó. Đại hội xác định một trong những đặc trưng của mô hình CNXH ở nước ta là nền kinh tế nhiều thành phần với nhiều hình thức sở hữu. Do đó, cần xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và trình độ phát triển của nền kinh tế. Để làm được điều đó cần: Bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư “dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý”<sup>(7)</sup>; xây dựng củng cố quan hệ sản xuất XHCN, sử dụng và cải tạo đúng đắn các

thành phần kinh tế; xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và trình độ phát triển của nền kinh tế.

Đại hội VI của Đảng là bước trưởng thành vượt bậc trong nhận thức về cơ cấu kinh tế XHCN trong chặng đường đầu tiên, thừa nhận sự tồn tại khách quan của sản xuất hàng hóa, phê phán triệt để cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp và khẳng định chuyển hẳn sang cơ chế hạch toán kinh doanh XHCN. Đại hội chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với những hình thức sản xuất kinh doanh thích hợp; coi trọng việc kết hợp lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, chăm lo toàn diện phát huy yếu tố con người... “Đại hội VI là cột mốc lịch sử quan trọng trong sự nghiệp cách mạng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta”<sup>(8)</sup>.

Qua thực tiễn 5 năm thực hiện đường lối của Đại hội VI, Đại hội VII (1991) của Đảng đã tổng kết 5 bài học kinh nghiệm có giá trị lý luận sâu sắc về mô hình CNXH và các biện pháp xây dựng mô hình đó. Đại hội đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Xác định xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Do nhân dân ta làm chủ; có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới. Những đặc trưng trên đây thể hiện rõ

mô hình CNXH ở Việt Nam, có quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau và sẽ đạt tới độ chín muồi khi kết thúc thời kỳ quá độ lên CNXH.

Cương lĩnh năm 1991 chỉ rõ biện pháp để xây dựng xã hội XHCN là phải xây dựng được Nhà nước XHCN, Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; phát triển lực lượng sản xuất, xác định công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm; thiết lập từng bước quan hệ sản xuất XHCN từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu; tiến hành cách mạng XHCN trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa; thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước trên thế giới. Như vậy, Cương lĩnh năm 1991, đã nêu lên 6 đặc trưng của CNXH mà nhân dân ta xây dựng, chỉ rõ các biện pháp cơ bản để từng bước thực hiện trên thực tế các đặc trưng ấy. Lần đầu tiên, Đảng thông qua Cương lĩnh, trình bày rõ nhận thức của Đảng về mô hình và các biện pháp xây dựng mô hình CNXH ở Việt Nam.

Đại hội VIII (1996) của Đảng đánh giá công cuộc đổi mới trong mười năm (1986-1996). Nêu rõ để giữ vững định hướng XHCN cũng như xây dựng thành công mô hình CNXH đã nêu ra trong Cương lĩnh tại Đại hội VII cần tiếp tục thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; chủ động đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác.

Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần trở thành nền tảng; xác lập, củng cố và nâng cao địa vị làm chủ của người lao động trong nền sản xuất xã hội, thực hiện công bằng xã hội ngày càng tốt hơn; thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế là chủ yếu. Phân phối và phân phối lại hợp lý các thu nhập, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo, không để diễn ra chênh lệch quá lớn về mức sống và trình độ phát triển giữa các vùng, các tầng lớp dân cư; tăng cường hiệu lực quản lý vĩ mô của Nhà nước. Đảm bảo sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trước pháp luật của mọi doanh nghiệp và cá nhân không phân biệt thành phần kinh tế; giữ vững độc lập, chủ quyền và bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc trong quan hệ kinh tế với bên ngoài. Đại hội VIII của Đảng đã bổ sung và cụ thể hóa Cương lĩnh năm 1991 của Đảng về CNXH.

Đại hội IX (2001) của Đảng, trên cơ sở tổng kết thực tiễn quá trình xây dựng CNXH, tiếp tục bổ sung và cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đại hội VII, Đại hội VIII, làm rõ thêm một bước quan điểm của Đảng về mô hình CNXH và các biện pháp xây dựng CNXH ở nước ta. Đại hội khẳng định XHCN mà chúng ta xây dựng có “nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, tầng lớp xã hội khác nhau”<sup>(9)</sup>. Đại hội IX của Đảng chính thức đưa ra khái niệm về “nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa” - mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Đại hội xác định ở nước ta có các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế cá thể, kinh tế tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội IX của Đảng chỉ rõ để xây dựng thành công CNXH

cần phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Qua 20 năm đổi mới (1986-2006), nhận thức về mô hình CNXH và con đường xây dựng mô hình CNXH của Đảng ngày càng sáng tỏ hơn. Đại hội X của Đảng đã tổng kết, bổ sung và hoàn chỉnh thêm một bước nhận thức về những đặc trưng chủ yếu của mô hình CNXH mà Đảng lãnh đạo nhân dân ta xây dựng là: “xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới”<sup>(10)</sup>. Đặc biệt, Đại hội xác định nền kinh tế nước ta có 3 chế độ sở hữu: toàn dân, tập thể, tư nhân và 5 thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Như vậy, về mô hình CNXH, chúng ta cũng thấy rõ hơn. Nhưng để xây dựng được xã hội với những đặc trưng như thế, Đại hội cũng nhấn mạnh cần phải đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức; phát triển văn hóa, nền tảng tinh thần xã hội; thực hiện đại đoàn kết dân tộc, phát huy dân chủ, tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN; xây dựng Đảng trong

sạch, vững mạnh; đảm bảo vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Đại hội XI (2011) của Đảng tiếp tục bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991, thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*. Vấn đề xây dựng CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta được đề cập sâu sắc hơn, khẳng định nước ta quá độ lên CNXH trong bối cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc. Cương lĩnh (Bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”<sup>(11)</sup>. Xác định rõ hơn mô hình xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”<sup>(12)</sup>. Đại hội XI cũng đã xác định rõ hơn các biện pháp xây dựng xã hội XHCN ở Việt Nam là đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà

bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Những biện pháp cơ bản này đã thể hiện tính hệ thống, đồng bộ của con đường đi lên CNXH ở nước ta, phù hợp xu thế thời đại và thực tiễn Việt Nam.

Đại hội XII (2016) của Đảng, với tinh thần “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới” đã đánh giá 30 năm đổi mới, tiếp tục khẳng định “con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử”<sup>(13)</sup>. Để xây dựng thành công CNXH, Đảng nêu rõ cần giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng XHCN; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất XHCN; giữa Nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Như vậy có thể khẳng định, đến Đại hội XII của Đảng, quá trình nhận thức của Đảng về CNXH và các biện pháp xây dựng CNXH ở nước ta đã trải qua một thời gian dài, từng bước phát triển



và ngày càng hoàn chỉnh.

Hiện nay, để sự nghiệp xây dựng CNXH thành công theo mục tiêu đã lựa chọn, Đảng cần kiên định và giữ vững vai trò lãnh đạo duy nhất đối với sự nghiệp xây dựng CNXH, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo, mạnh dạn tìm tòi và dũng cảm chỉ đạo hành động thực tiễn, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, giành được những thắng lợi to lớn và có ý nghĩa lịch sử rất quan trọng trong công cuộc đổi mới, thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”<sup>(14)</sup>□

---

(1), (2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T.2, tr.2, 94

(3) *Sđđ*, T.18, tr.860

(4) *Sđđ*, T.36, tr.324

(5), (6) *Sđđ*, T.43, tr.71,75

(7) *Sđđ*, T.47, tr.380

(8) *Sđđ*, T.51, tr.129

(9) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, H, 2001, tr.634

(10) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2016, T.65, tr.177

(11), (12) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr.70, 70

(13), (14) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H, 2016, tr.66, 220

**Nguồn: Tạp chí Lịch sử Đảng - 2019 - số 7(344) - tr.50-55**

## VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐÃ CHỌN - ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

✍ PGS, TS ĐỖ XUÂN TUẤT

Phó Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng,  
Tổng Biên tập Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh,  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Với tâm lòng yêu nước nồng nàn, trí tuệ và tầm nhìn thời đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tìm thấy ánh sáng chân lý thời đại để giải phóng và phát triển dân tộc Việt Nam. Đó là đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại nhằm thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Đó là con đường phát triển, là mục tiêu, là bước đi của cách mạng nước ta, là nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh và cũng là triết lý phát triển Việt Nam trong thời đại mới.

**T**ừ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản, tìm ra con đường giải phóng và phát triển dân tộc Việt Nam

Những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đất nước ta bị đọa đày dưới ách thống trị của thực dân Pháp và phong kiến tay sai, bị xóa tên trên bản đồ thế giới. Dân tộc Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước, “tình hình đen tối tưởng chừng như không có đường ra”. Sứ mệnh lịch sử đặt lên vai mỗi người dân Việt

Nam yêu nước đương thời là phải tìm ra con đường cứu nước đáp ứng đòi hỏi của lịch sử dân tộc và phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

Trước đòi hỏi bức thiết của lịch sử dân tộc, nhiều phong trào yêu nước và cách mạng mang màu sắc, khuynh hướng tư sản và phong kiến do các sĩ phu yêu nước tiên hành, nhưng đều đi đến bế tắc, thất bại, do thiếu một cương lĩnh rõ ràng và nhất quán; thiếu nguyên tắc tổ chức chặt chẽ, khoa học của một chính đảng cách mạng; không huy động được lực lượng hùng hậu của nhân dân, không có cơ sở xã hội vững chắc. Vì thế, dù rất khâm phục họ, nhưng Nguyễn Tất Thành không hoàn toàn tán thành cách làm của một ai, không đi theo bất kỳ con đường nào trong số đó.

Với nhận thức sâu sắc về thực tại xã hội và rất đau xót trước nỗi thống khổ của đồng bào, mang trong mình tinh thần yêu nước nồng nàn, Nguyễn Tất Thành có sự đột phá táo bạo và đúng đắn khi xuất dương tìm đường cứu nước, về sau, Người cho biết: “Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”<sup>(1)</sup>.

Ngày 5-6-1911, từ bến cảng Nhà Rồng, trên một tàu buôn của Pháp, Người bắt đầu hành trình ra nước ngoài tìm con đường cứu nước, cứu dân. Từ năm 1911 đến năm 1920, Nguyễn Tất Thành đã đi đến nước Pháp, nước Mỹ, nước Anh và rất nhiều thuộc địa của chủ nghĩa thực dân ở châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ. Người hòa

mình vào cuộc sống của công nhân và nhân dân các dân tộc thuộc địa, vừa lao động kiếm sống, vừa ra sức học tập, nâng cao vốn hiểu biết và tìm mọi cách để hoạt động cách mạng. Người nghiên cứu, nghiên ngẫm về các cuộc cách mạng trên thế giới, tìm con đường cho nhân dân Việt Nam đi tới độc lập, tự do, hạnh phúc.

Năm 1919, Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp vì nhận thấy “đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bên vực nước tôi, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: Tự do, bình đẳng, bác ái”<sup>(2)</sup>. Thấy rõ tâm địa thực dân, trước tình cảnh thảm thương của các dân tộc thuộc địa, đã thôi thúc Người tiếp tục suy tìm những hình thức và con đường mới để đạt được mục tiêu đấu tranh giải phóng dân tộc, thủ tiêu tình trạng bất bình đẳng, ách áp bức dân tộc và giai cấp. Người tập trung nghiên cứu một số tác phẩm của C.Mác, V.I.Lê-nin. Tháng 7-1920, được tiếp cận bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lê-nin đăng trên báo *Nhân đạo* (L’Humanité), Nguyễn Ái Quốc nhận thấy bản Sơ thảo luận cương đã giải đáp được về con đường giành độc lập cho dân tộc, tự do cho đồng bào; điều này khiến cho Người rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ và tin tưởng. Kết quả tất yếu của sự chuyển biến về tư duy, nhận thức đó đã đưa Người đến một quyết định đúng đắn là bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp (tháng 12-1920). Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, “từ một người yêu nước tiến bộ thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa”<sup>(3)</sup>. Từ đó, từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin, vừa công tác thực tế, Nguyễn Ái Quốc “hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng

được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khởi ách nô lệ”<sup>(4)</sup>.

Như vậy, sau gần 10 năm trên chặng đường đầu tiên của hành trình khát vọng giải phóng dân tộc, đi khắp các châu lục, thấu hiểu “tâm địa thực dân”; khảo sát các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới; nghiên cứu con đường Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tìm thấy ánh sáng chân lý thời đại, tìm được con đường đi cho cách mạng Việt Nam - con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người hoàn toàn và triệt để nhất. Tìm ra con đường đúng đắn của cách mạng Việt Nam - độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội - đó là công hiến vĩ đại của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đối với phong trào cách mạng Việt Nam, mở ra bước ngoặt trong tiến trình giải phóng và phát triển dân tộc Việt Nam.

**Kiến tạo những nhân tố bảo đảm thắng lợi của con đường giải phóng và phát triển dân tộc Việt Nam - độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**

Với khát vọng: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu”<sup>(5)</sup>, Nguyễn Ái Quốc, sau khi tìm ra con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc Việt Nam, đã ra sức kiến tạo những nhân tố bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng, đi tới thực hiện khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc. Sự kiến tạo đó gắn liền với việc xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản; xây dựng lực lượng lãnh đạo cuộc cách mạng là

Đảng Cộng sản; vận động, tổ chức, tập hợp lực lượng cách mạng toàn dân tộc; xác định rõ những vấn đề về phương pháp cách mạng; định hình chế độ xã hội mới sau khi giành chính quyền về tay nhân dân,...

Những năm 1921-1930 là thời kỳ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh ra sức tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin và những quan điểm cách mạng của mình về trong nước; bắt đầu một thời kỳ hoạt động cách mạng sôi nổi, học tập và nghiên cứu hệ thống về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, về chế độ xã hội chủ nghĩa ở ngay trên đất nước Liên Xô - quê hương của V.I. Lê-nin vĩ đại, trung tâm của phong trào cộng sản quốc tế. Những kiến thức lý luận mới, vốn kinh nghiệm thực tiễn phong phú tích lũy được, với trí tuệ và năng lực tư duy sắc bén, đã giúp Nguyễn Ái Quốc nhận thức đúng và lý giải ngày càng sáng tỏ vai trò quan trọng, to lớn, tính chủ động của cách mạng ở các nước thuộc địa, mối quan hệ khăng khít, hữu cơ giữa cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa, đi đến chỉ rõ: Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa. Từ đó, Người tận dụng mọi cơ hội có được để nêu lên những vấn đề của thuộc địa trước diễn đàn Quốc tế Cộng sản, “thức tỉnh các đồng chí cộng sản ở châu Âu về vấn đề thuộc địa”; kêu gọi những người cộng sản Pháp phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa.

Những kiến thức lý luận và thực tiễn phong phú, trí tuệ sắc sảo, bản lĩnh và tầm nhìn mới khi tham gia hoạt động trong “đại gia đình” Quốc tế Cộng sản đã giúp Nguyễn Ái Quốc đạt tới trình độ khái quát cao trong tư duy lý luận, góp phần kiến giải nhiều vấn đề quan trọng

về con đường giải phóng và phát triển của cách mạng Việt Nam, về cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa. Người đã thể hiện bản lĩnh chính trị của mình khi nhận thấy, không thể rập khuôn máy móc lý luận đấu tranh giai cấp của Mác vào các nước thuộc địa, nhất là ở phương Đông và đưa ra quan điểm đúng đắn, sáng tạo: Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng ở chính quốc, mà cần được tiến hành một cách chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc, hơn nữa còn “có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”<sup>(6)</sup>. Bên cạnh đó, Người cũng đưa ra luận điểm mới mẻ và độc đáo về giải quyết vấn đề dân tộc và giai cấp khi nhận rõ, đối với các thuộc địa, mâu thuẫn nổi bật và bao trùm là mâu thuẫn dân tộc, tuy mâu thuẫn giai cấp còn tồn tại, nhưng được giảm thiểu, không diễn ra giống như ở phương Tây, và nhận thấy “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn, động lực vĩ đại” của các dân tộc ở phương Đông. Từ đó, Người chỉ ra sự cần thiết phải vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác cho phù hợp với điều kiện thực tiễn mỗi nước. Từ năm 1921, với tư duy vượt lên so với các nhà cách mạng đương thời, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi”<sup>(7)</sup>.

Cách mạng muốn thành công, cần phải có những con người thực tiễn cách mạng và tổ chức cách mạng để lãnh đạo, dẫn đường. Sau khi rời Mát-xcơ-va (Liên Xô) đến Quảng Châu - trung tâm của cách mạng Trung Quốc, Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (năm 1925) - một tổ chức cách mạng có khuynh hướng

cộng sản; ra báo *Thanh Niên* để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin về trong nước; đồng thời, mở các lớp huấn luyện cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Tác phẩm *Đường Cách mệnh* (năm 1927) - cuốn sách giáo khoa lý luận chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào nước ta, phản ánh những quan điểm, tư tưởng, đường lối chiến lược và phương pháp cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh. Tác phẩm đó thấm đượm tư tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam, khi nêu rõ phải tiến hành cả hai cuộc cách mệnh là *dân tộc cách mệnh* và *thế giới cách mệnh*, để tập trung đánh đổ đế quốc thực dân và phong kiến tay sai, giành độc lập dân tộc và xây dựng chế độ mới, thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

Với quan điểm, cách mạng muốn thành công trước hết phải có đảng cách mạng lãnh đạo, đảng đó phải lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm cốt, Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị kỹ lưỡng những tiền đề để thành lập Đảng Cộng sản. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930 đã chấm dứt thời kỳ bế tắc, khủng hoảng về đường lối cứu nước, về lực lượng lãnh đạo kéo dài nhiều thập niên, là “một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng”<sup>(8)</sup>. Đây là một điều kiện tiên quyết đảm bảo sự thắng lợi của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nguyễn Ái Quốc đã đóng vai trò cực kỳ to lớn trong việc tạo ra bước ngoặt lịch sử đó, là người tổ chức, sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta.

Với năng lực tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, nắm vững quan



điểm thực tiễn và phép biện chứng duy vật - linh hồn của chủ nghĩa Mác, các văn kiện do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã hợp thành *Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng*. Cương lĩnh vạch rõ tính chất, nhiệm vụ, đối tượng của cách mạng Việt Nam, chủ trương làm “*tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*”. Cuộc cách mạng đó thể hiện rõ ràng, đầy đủ, sinh động khát vọng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh và dân tộc Việt Nam. Cương lĩnh trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập, tự do, hạnh phúc.

**Kiên định con đường Chủ tịch Hồ Chí Minh và dân tộc đã chọn, thực hiện khát vọng xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường, phồn vinh, hạnh phúc**

Sau khi sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc cùng Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo toàn dân tộc giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, kiên định con đường cách mạng đã được vạch ra trong Cương lĩnh của Đảng. Thắng lợi của các cao trào cứu nước, giải phóng dân tộc giai đoạn 1930 -1945 và 1945 - 1975 vừa xác nhận tính đúng đắn của con đường giải phóng và phát triển dân tộc Việt Nam do Người tìm thấy, xác lập từ năm 1920, vừa tạo ra những tiền đề và điều kiện mới để cách mạng vững bước tiến lên theo con đường Người đã lựa chọn: *Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*.

Những năm 30 của thế kỷ XX, hoạt động trong môi trường Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc có điều kiện đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề của cách mạng vô sản, kết hợp kinh nghiệm của

bản thân tích lũy qua hàng chục năm hoạt động thực tiễn, để tiếp tục hoàn chỉnh các quan điểm lý luận về con đường giải phóng và phát triển dân tộc Việt Nam. Trong tâm trí, từng giờ, từng phút, Người luôn mong mỏi và tìm cách “sớm trở về Tổ quốc tôi”<sup>(9)</sup>, để giải phóng đồng bào.

Vượt qua biết bao khó khăn, thử thách, trước sự chuyển biến mau lẹ của tình hình thế giới và trong nước, nhận thấy nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới do đế quốc phát-xít gây ra đang tới gần, đe dọa vận mệnh các dân tộc, sau khi Quốc tế Cộng sản “đồng ý” để Người về nước công tác, ngày 28-1-1941, sau bao năm xa đất nước, hoạt động từ Đông sang Tây, Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc, bắt đầu một hành trình mới: Cùng Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thực hiện khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa toàn dân tộc, dẫn tới thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lật đổ nền quân chủ mấy mươi thế kỷ, phá tan xiềng xích thực dân ngót 100 năm, giành chính quyền về tay nhân dân, xây dựng nền tảng cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, độc lập, tự do, hạnh phúc. Đó là cuộc đổi đời của dân tộc, là thắng lợi rực rỡ đầu tiên của hành trình khát vọng thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh; mở ra một thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh rực rỡ nhất, vinh quang nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam; mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - “kỷ nguyên độc lập, tự do của Tổ quốc, kỷ nguyên chủ nghĩa xã hội ở nước ta”<sup>(10)</sup>. Đó là mục tiêu phấn đấu của Đảng ta ngay từ khi ra đời năm 1930, phù hợp với ý nguyện sâu xa của nhân dân ta và thuận với quy luật phát triển của thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của khát vọng mãnh liệt *giải phóng và phát triển dân tộc Việt Nam*, phấn đấu đến cùng cho nền độc lập của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta mong muốn kiến thiết đất nước trong hòa bình, độc lập, tự do thực sự. Song, thực dân Pháp đã quay lại xâm lược nước ta một lần nữa. Nền độc lập của dân tộc vừa giành được, vận mệnh của Tổ quốc đứng trước nguy cơ “ngàn cân treo sợi tóc”. Để bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, giữ vững lời thề *Tuyên ngôn độc lập* (ngày 2-9-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã bình tĩnh, sáng suốt lãnh đạo nhân dân nêu cao ngọn cờ độc lập dân tộc, phát huy cao độ tinh thần dân tộc và chủ nghĩa yêu nước, để vừa kháng chiến, vừa kiến quốc. Với tinh thần “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, dân tộc ta đã nhất tề đứng lên theo *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Kháng chiến phải đi đôi với kiến quốc, kháng chiến có thắng lợi thì kiến quốc mới thành công. Kiến quốc có chắc thành công thì kháng chiến mới thắng lợi. Người cùng Đảng ta đoàn kết và lãnh đạo dân tộc ta hướng vào một mục tiêu: *Kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn, tranh lại thống nhất và độc lập hoàn toàn; thực hiện dân chủ mới, xây dựng điều kiện để tiến lên chủ nghĩa xã hội*<sup>(11)</sup>.

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), miền Bắc được giải phóng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trở thành khả năng trực tiếp. Song, đế quốc Mỹ lại xâm lược miền Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định cách mạng Việt

Nam phải đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Độc lập dân tộc ở Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn gắn liền với tự do, hạnh phúc của nhân dân. Người tìm thấy giá trị của độc lập, tự do, hạnh phúc trong mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Theo Người, “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”<sup>(12)</sup>. Vì vậy, Người khẳng định, cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là xây dựng một xã hội tốt đẹp chưa từng có tiền lệ trong lịch sử dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội không chỉ gắn liền với độc lập dân tộc, mà còn là phương thức, điều kiện để giữ vững độc lập dân tộc, thực hiện quyền tự do và hạnh phúc của nhân dân. Trong quá trình đó, khơi dậy ý chí và quyết tâm sắt đá, khí phách và niềm tin mãnh liệt cùng sức mạnh vĩ đại của nhân dân, Người cùng Đảng ta lãnh đạo nhân dân kiến lập các tiền đề vững chắc về chính trị, kinh tế, văn hóa cho chủ nghĩa xã hội. Khi bàn về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội, Người nhấn mạnh cả về phương diện chính trị - kinh tế lẫn phương diện văn hóa - xã hội; khẳng định một nước xã hội chủ nghĩa tức là một nước mà người dân có một cuộc đời ấm no, bình đẳng, tự do và độc lập; xây dựng chủ nghĩa xã hội là làm cho xã hội không còn người bóc lột người, không còn đói rét, mọi người đều được ấm no và hạnh phúc. Quan điểm đó thể hiện rõ niềm tin khoa học và cách mạng, sự nhất quán của Người ngay từ đầu năm 1923: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người

không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất”<sup>(13)</sup>. Nhờ đó, chế độ chính trị, nền kinh tế đất nước, văn hóa, xã hội, con người Việt Nam đều đổi mới, phát triển, tạo niềm tin vững chắc cho nhân dân ta vào tiền đồ tươi sáng của dân tộc trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; tạo thế và lực cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước.

Với khát vọng hòa bình, thống nhất non sông, trong *Di chúc* để lại cho toàn Đảng và dân tộc ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước của nhân dân ta nhất định sẽ thắng lợi, đồng bào Bắc - Nam nhất định sẽ sum họp một nhà. Người cũng gửi gắm khát vọng tới toàn Đảng, toàn dân ta phải “đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”<sup>(14)</sup>. Thực hiện *Di chúc* thiêng liêng, Đảng và nhân dân ta đã “Giương cao mãi mãi ngọn cờ độc lập dân tộc, quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước để thỏa lòng mong ước của Người”<sup>(15)</sup>.

Tìm ra con đường giải phóng và phát triển của dân tộc đúng quy luật, hợp lòng dân, thuận theo sự tiến hóa của nhân loại là cống hiến lý luận sáng tạo và là di sản tư tưởng có giá trị vĩnh hằng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng nước ta. Con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn, thành quả cách mạng mà Người cùng toàn Đảng, toàn dân đã kiến tạo, di sản tư tưởng mà Người để lại tiếp tục soi đường, dẫn lối cho những

thắng lợi của cách mạng Việt Nam; trong đó, có những thành tựu to lớn, mang tầm vóc lịch sử của sự nghiệp đổi mới đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.

Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước xuất phát từ điều kiện lịch sử cụ thể và thực tiễn phát triển của Việt Nam, đáp ứng nguyện vọng chung của toàn dân tộc, phù hợp với quy luật và xu thế phát triển chung của nhân loại. Đó là sản phẩm sáng tạo mang tầm vóc lịch sử của Đảng và nhân dân ta; đồng thời, là quá trình Đảng và dân tộc đã kiên định con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, con đường Chủ tịch Hồ Chí Minh và dân tộc ta đã chọn, cũng là sự lựa chọn tất yếu phù hợp điều kiện thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển tiến bộ của lịch sử nhân loại. Vì vậy, Đại hội VII của Đảng (năm 1991) đã nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh và khẳng định: Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân trọn vẹn nhất cho sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam; tấm gương tiêu biểu sáng ngời cho sự kết hợp giai cấp và dân tộc, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh, Đại hội VII của Đảng khẳng định: *Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.* Đồng thời, lần đầu tiên, Đảng ta đưa ra *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.* Sáu đặc trưng về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng được nêu trong Cương lĩnh đã phản ánh tinh thần cốt lõi là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tiếp đó, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên*

*chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) đã đưa ra tám đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trong đó đặc trưng bao trùm và cũng là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là: *Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*. Cương lĩnh đúc kết một trong những bài học kinh nghiệm lớn của cách mạng Việt Nam: *Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ rất chặt chẽ với nhau. Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định bài học: Kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới.*

Với khát vọng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội, Việt Nam cũng như nhiều quốc gia - dân tộc trên thế giới, trong khi từ chối con đường đau khổ của chủ nghĩa tư bản bởi tính “không triệt để” của nó trong sự nghiệp giải phóng con người khỏi mọi sự áp bức và nô dịch, đã tìm thấy trong tư tưởng Hồ Chí Minh, trong khát vọng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh một đường hướng phát triển phù hợp cho sự lựa chọn của dân tộc mình, một tương lai xán lạn vươn tới “vương quốc” của tự do, phồn vinh và hạnh phúc. Như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: “Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về

kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường. Và chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có. Phải chăng những mong ước tốt đẹp đó chính là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội và cũng chính là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi”<sup>(16)</sup>.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là “cuộc gặp có ý nghĩa thời đại giữa những gì quý báu nhất của dân tộc với những gì cao đẹp nhất của loài người”<sup>(17)</sup>. Mặc dù ngày nay, quan niệm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường, phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội đã có những đổi thay, nhưng vẫn có những điều cơ bản, quan trọng không hề đổi thay - “Đó là lý tưởng xã hội chủ nghĩa, các tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa, tự do, dân chủ và công bằng xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà yêu nước vĩ đại, người theo chủ nghĩa quốc tế, đã cống hiến trọn đời mình cho lý tưởng đó”<sup>(18)</sup>.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: *Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi*. Cả cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là một



thông điệp cho khát vọng đấu tranh giải phóng và phát triển dân tộc Việt Nam. Từ chủ nghĩa yêu nước và khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam, Người đến với chủ nghĩa xã hội. Khi đã đến với chủ nghĩa xã hội, với ý chí và nghị lực phi thường của người chiến sĩ cách mạng, Người đã chiến đấu, hy sinh để đạt được mục tiêu, lý tưởng cao cả, thiêng liêng đó. Tiếp nối di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giải phóng và phát triển dân tộc Việt Nam, tiếp tục đẩy mạnh sâu rộng và toàn diện đường lối đổi mới vì “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục quán triệt cả trong nhận thức và hành động: “*Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt* của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. *Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động*”<sup>(19)</sup>. Đó cũng chính là tiền đề và điều kiện tiên quyết để giữ vững thành quả cách mạng, để ổn định và phát triển bền vững đất nước, *phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*, như mong ước, khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu về xây dựng một nước Việt Nam hùng cường, sánh vai các cường quốc năm châu□

- (1) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.1, tr.41
- (2) Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr.46
- (3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.12, tr.740
- (4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.128
- (5) Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Sđd*, tr.49
- (6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.48
- (7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.40
- (8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.406
- (9) Xem: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t.2, tr.60
- (10) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.630
- (11) Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.41
- (12) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.64
- (13) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.496
- (14), (15) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.624, 627
- (16) Xem <https://www.moha.gov.vn/tin-noi-bat/bai-viet-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-ve-con-duong-di-len-cn-xh-46173.html>
- (17) Phạm Văn Đồng: *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.4
- (18) Viện sĩ V.M. Xôn-xép: *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995, tr.98
- (19) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.33

**Nguồn: Tạp chí Cộng sản - 2021 - số 6 (967) - tr.38-45**

## PHẦN II

# CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

---

### NHẬN THỨC VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN ĐỔI MỚI

✍ PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC

---

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**Tóm tắt:** Xây dựng chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng, là khát vọng của những người cộng sản và nhân dân Việt Nam. Chủ nghĩa xã hội là mô hình xã hội hoàn toàn mới mẻ, chưa có tiền lệ trong lịch sử, do đó, cần được nhận thức rõ cả về lý luận và thực tiễn. Bài viết làm rõ quá trình nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội từ thực tiễn đất nước và khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng được xác định rõ hơn.

*Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam; chủ nghĩa xã hội; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội*

**1** Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (đầu năm 1930) đã nêu rõ mục tiêu của cách mạng là làm cho nước Nam hoàn toàn độc

lập để *đi tới xã hội cộng sản*. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Việt Nam trở thành nước tự do, độc lập, nhưng thực dân Pháp quay lại xâm lược, vì vậy mục tiêu xây dựng CNXH chưa thể đặt ra trực tiếp và vẫn là định hướng cho sự phát triển. Trong chuyến thăm nước Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh khi trả lời các nhà báo (12-7-1946) đã nhấn mạnh: “Muốn cho chủ nghĩa cộng sản thực hiện được, cần phải có kỹ nghệ, nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình”<sup>(1)</sup>.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử (7-5-1954), Hiệp định Giơnevơ được ký kết (21-7-1954), miền Bắc Việt Nam được giải phóng, nhiệm vụ xây dựng CNXH được đặt ra và miền Bắc trở thành căn cứ địa cách mạng của cả nước để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. HNTU 13 (mở rộng) khóa II của Đảng, tháng 12-1957, đã nêu rõ quan điểm: “Bất kể tình hình như thế nào, miền Bắc cũng phải được củng cố và phải tiến lên chủ nghĩa xã hội”<sup>(2)</sup>.

Nhận thức rõ điểm xuất phát từ một nước nông nghiệp lạc hậu lại trải qua chiến tranh kéo dài, trình độ mọi mặt còn rất thấp, nên Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương *tiến dần từng bước* lên CNXH, vừa làm vừa học hỏi và tổng kết thực tiễn. Tháng 7-1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu nước mạnh”<sup>(3)</sup>. Trong nhiều bài viết và bài nói, Người đề cập, CNXH là mọi người được tự do, ấm no, sung sướng, hạnh phúc, được học hành, ốm đau được chữa bệnh, có nhà ở tử tế, trẻ em được nuôi dưỡng, người già được chăm sóc. Đó là xã hội thật sự vì lợi ích, cuộc sống của con người.

Về cách làm, Hồ Chí Minh cho rằng: “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác”<sup>(4)</sup>. Người còn cho rằng: “giai cấp tư sản ở ta thì họ có xu hướng chống đế quốc, có xu hướng yêu nước... cho nên, nếu mình thuyết phục khéo, lãnh đạo khéo, họ có thể hướng theo chủ nghĩa xã hội”<sup>(5)</sup>. Đó là những nhận thức và phương pháp tư duy rất mới mẻ xuất phát từ thực tiễn Việt Nam.

Trong Diễn văn khai mạc lớp học lý luận Khóa I Trường Nguyễn Ái Quốc (7-9-1957), Hồ Chí Minh nhấn mạnh về phương pháp, hình thức và tìm ra quy luật riêng của Việt Nam trong xây dựng CNXH: “... chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến dần lên chủ nghĩa xã hội? Đó là những vấn đề đặt ra trước mắt Đảng ta hiện nay. Muốn giải quyết tốt những vấn đề đó, muốn đỡ bớt mò mẫm, muốn đỡ phạm sai lầm, thì chúng ta phải học tập kinh nghiệm các nước anh em và áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo. Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác-Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác-Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta”<sup>(6)</sup>.

Đại hội III (9-1960) của Đảng đề ra đường lối cách mạng XHCN đối với miền Bắc và Đại hội IV (12-1976) của Đảng xác định đường lối với cả nước. Đường lối đó dựa trên những nguyên lý của chủ nghĩa

Mác-Lênin về CNXH và về thời kỳ quá độ lên CNXH được vận dụng vào thực tiễn Việt Nam. Khi hoạch định đường lối chung và đường lối kinh tế cũng đã chú trọng những kinh nghiệm của các nước XHCN đã được tổng kết tại Hội nghị 64 Đảng Cộng sản và công nhân (họp tháng 11-1957) và Hội nghị 81 Đảng (họp tháng 11-1960) tại Mátxcova (Liên Xô). Khi đó, trong nội bộ các nước XHCN vẫn còn có những bất đồng trong nhận thức về CNXH, mô hình XHCN trong đó có con đường của Nam Tư.

Thực tiễn xây dựng CNXH ở Việt Nam trước đổi mới (1986) đã định hình nhận thức về chế độ XHCN. Về chính trị, xác lập và củng cố hệ thống *chuyên chính vô sản* với chức năng tổ chức công cuộc xây dựng xã hội mới, bảo vệ Tổ quốc XHCN và trấn áp các thế lực phản động. Chức năng đó được cụ thể hóa trong các nhiệm vụ. Về kinh tế, xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa, tập trung trong tay Nhà nước với thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể, dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, thực hiện chế độ phân phối bao cấp. Phát triển nền văn hóa mới và con người mới XHCN. Thực hiện liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Bảo đảm không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Nâng cao năng lực quốc phòng, an ninh bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN. Tăng cường chủ nghĩa quốc tế vô sản và chủ nghĩa quốc tế XHCN.

Cũng giống như các nước XHCN khác, Việt Nam từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX lâm vào khó khăn, trì trệ, khủng hoảng. Có nguyên nhân khách quan, nhưng chủ yếu do khuyết điểm chủ quan. Đó là bệnh chủ quan, duy ý chí, thiếu năng lực nhận thức và

vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan, nhất là nhận thức về những đặc trưng và quy luật của thời kỳ quá độ lên CNXH. Kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ mà V.I.Lênin, Hồ Chí Minh đã chỉ ra, nhưng đã không nhận thức rõ. Quy luật về quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đã nhận thức và thực hiện không đúng, đã đưa quan hệ sản xuất đi quá nhanh nhất là về xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, coi đó là thước đo CNXH, trong khi quản lý còn non kém, lúng túng, phân phối bao cấp, bình quân làm mất đi động lực phát triển sản xuất và trình độ lực lượng sản xuất còn thấp kém. Các chính sách kinh tế, xã hội đều chưa chú trọng lợi ích kinh tế chính đáng của người lao động. Tuyệt đối hóa vai trò của kế hoạch tập trung của Nhà nước, coi nhẹ yếu tố thị trường, không kết hợp đúng đắn kế hoạch với thị trường. Quản lý ngày càng theo hướng tập trung quan liêu và bằng mệnh lệnh hành chính. Nóng vội muốn đi nhanh, sớm kết thúc thời kỳ quá độ trong khi những điều kiện còn chưa có đủ.

Trong hoàn cảnh như thế và từ quá trình tìm tòi, khảo nghiệm thực tế, Đại hội VI (1986) Đảng Cộng sản Việt Nam đã hoạch định *đường lối đổi mới*. Đường lối đó dựa trên đổi mới tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn về CNXH và những đặc điểm, đặc trưng, quy luật khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH, đồng thời phân tích sâu sắc hoàn cảnh, đặc điểm thực tế của đất nước và tổng thể những bài học của quá trình xây dựng CNXH ở miền Bắc và cả nước trước đó. Một trong những bài học lớn được Đại hội VI của Đảng tổng kết là: *“Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan*. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều

kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng”<sup>(7)</sup>.

Trải qua hơn 30 năm đổi mới, công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam phải vượt qua nhiều khó khăn, thách thức ở trong nước và tác động của tình hình thế giới. Thách thức lớn nhất là khủng hoảng kinh tế - xã hội ở trong nước kéo dài từ năm 1979. Phải đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng mới tạo cơ sở cho sự phát triển. Phải vượt qua ảnh hưởng tiêu cực của sự sụp đổ mô hình CNXH ở các nước Đông Âu và Liên Xô những năm 1989-1991. Đó là tổn thất to lớn của cách mạng thế giới, nhưng đã để lại những bài học và đặt ra những vấn đề mới trong nhận thức và thực tiễn xây dựng CNXH đối với các đảng, các nước tiếp tục kiên định con đường XHCN, trong đó có Việt Nam.

Đại hội VII của Đảng (6-1991) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (sau này được bổ sung, phát triển tại Đại hội XI của Đảng năm 2011). Tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để vừa phát triển hoàn chỉnh đường lối đổi mới, vừa phát triển nhận thức lý luận về CNXH ở Việt Nam. Ngày 28-3-1992, Bộ Chính trị khóa VII ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TW “Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay”. Nghị quyết nêu rõ: “Tiếp tục đi sâu nghiên cứu, phát triển và hoàn chỉnh hệ thống những luận cứ khoa học của sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Phát hiện những xu hướng, tính quy luật, các mâu thuẫn và động lực, hình thức và bước đi của con đường phát triển ấy. Làm rõ bản chất và những đặc trưng của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”<sup>(8)</sup>.

Đó là định hướng nghiên cứu và tổng kết rất cơ bản và cần thiết khi mô hình CNXH ở Đông Âu, Liên Xô thất bại và một lần nữa



CNXH lại đối đầu với nhiều sự thù địch cả về ý thức hệ và chính trị thực tiễn. Rất cần thiết phải từ thực tiễn để kiểm chứng, làm sáng tỏ nhận thức lý luận. Công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo nhằm đạt tới mục tiêu CNXH hiện thực tốt nhất và trong quá trình đổi mới phải đề phòng nguy cơ chệch hướng XHCN. Đổi mới ở Việt Nam hơn ba thập niên vừa qua đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Bản thân những thành tựu đó về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hội nhập quốc tế đã chứng minh tính đúng đắn của con đường XHCN. Các quốc gia có chế độ chính trị, xã hội khác Việt Nam đã hợp tác cùng phát triển với Việt Nam, điều đó được coi như sự tôn trọng và thừa nhận sự lựa chọn phát triển của Việt Nam cũng như của các quốc gia, dân tộc khác.

**2** Một trong những thành tựu lớn của công cuộc đổi mới ở Việt Nam • là *con đường đi lên CNXH ngày càng được xác định rõ hơn.*

*Một là, rõ hơn về mô hình và mục tiêu của CNXH ở Việt Nam.* Trước đổi mới, cách mạng XHCN đã diễn ra ở miền Bắc và trên cả nước khoảng 30 năm, nhưng chưa xác định được mô hình CNXH với những đặc trưng cụ thể, rõ ràng. Từ sự đổi mới tư duy lý luận và những vấn đề thực tiễn đặt ra qua đổi mới, Đại hội VII (6-1991) của Đảng trong Cương lĩnh mới bước đầu nêu ra 6 đặc trưng của xã hội XHCN mà Đảng và nhân dân Việt Nam phấn đấu xây dựng. Đại hội XI (2011) của Đảng tổng kết 25 năm đổi mới, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* đã xác định mô hình 8 đặc trưng của CNXH ở Việt Nam: “*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một*

*xã hội*: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”<sup>(9)</sup>.

Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam (2011) nêu rõ: “Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”<sup>(10)</sup>.

*Hai là, rõ hơn về những vấn đề đặt ra đối với thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam với những phương hướng cơ bản.* Đại hội II (9-1960) của Đảng đề ra phương châm tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH. Năm 1970, điều chỉnh lại nhận thức và Đảng đề ra *bước đi ban đầu* của thời kỳ quá độ. Chi phối bởi tư tưởng nóng vội, Đại hội IV (12-1976) của Đảng bỏ bước đi ban đầu. Một lần nữa lại điều chỉnh nhận thức và Đại hội V (3-1982) của Đảng đề ra *chặng đường đầu tiên*. Đại hội VI (12-1986) của Đảng quyết định đường lối đổi mới đã nhận thức lại những đặc trưng, quy luật, chặng đường, bước đi của thời kỳ quá độ. Đại hội VIII (6-1996) của Đảng đánh giá đã hoàn thành những nhiệm vụ cơ bản đặt ra cho chặng đường đầu tiên, cho phép chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011, Đảng nêu rõ: xây dựng CNXH là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới, tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, “nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen”. Thời kỳ quá độ tồn tại nhiều thành phần kinh tế, nhiều chế độ sở hữu tư liệu sản xuất, nhiều giai cấp và tầng lớp xã hội phấn đấu vì đất nước giàu mạnh và cuộc sống hạnh phúc của nhân dân.

Để bảo đảm cho quá độ lên CNXH phát triển đúng hướng chống nguy cơ chệch hướng, Đảng đã xác định rõ những phương hướng cơ bản. Đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường, thực hiện chiến lược phát triển khoa học - công nghệ gắn với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra trên thế giới. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Ba là, rõ hơn về khả năng bỏ qua chế độ TBCN tiến thẳng lên CNXH. Cương lĩnh năm 1930 của Đảng đã xác định cách mạng Việt Nam sau khi giành được độc lập dân tộc có thể bỏ qua giai đoạn phát triển CNTB để tiến lên CNXH. Quá độ lên CNXH ở miền Bắc từ năm 1954 và trên cả nước từ năm 1975 đều xác định rõ quy luật vận động, phát triển đó. Thực tiễn của công cuộc đổi mới từ năm 1986 đã chứng minh khả năng bỏ qua chế độ TBCN khi có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản với Cương lĩnh, đường lối phù hợp. “Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, những tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”<sup>(11)</sup>.

Quá độ lên CNXH không qua giai đoạn phát triển CNTB đòi hỏi sự nỗ lực hết sức lớn trong tạo dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất xã hội nâng cao năng suất lao động. Nền kinh tế Việt Nam hiện nay tuy đang phát triển mạnh mẽ, song năng suất lao động còn thấp hơn nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Nguy cơ tụt hậu về kinh tế so với các nước vẫn đang tồn tại. Vì vậy, phải cơ cấu lại nền kinh tế, đầu tư theo chiều sâu, sử dụng có hiệu quả công nghệ hiện đại cả trong công nghiệp và nông nghiệp mới có thể đạt được mục tiêu sớm đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại như Đại hội XII (2016) của Đảng đã đề ra. Thực hiện các đột phá chiến lược nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao mới có thể làm chủ được công nghệ hiện đại, nhất là trong điều kiện cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra

trên thế giới.

Trong điều kiện hội nhập quốc tế, hợp tác cùng phát triển giữa các quốc gia, đòi hỏi phải đổi mới mạnh mẽ việc tổ chức, quản lý nền kinh tế và quản lý xã hội và đất nước, vấn đề quản lý nền kinh tế mang lại chất lượng, hiệu quả cao nhất trở nên bức thiết. Làm sao kinh tế nhà nước giữ được vai trò chủ đạo, các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước không còn thất thoát, thua lỗ, quản lý, sử dụng tốt nhất tiền vốn của Nhà nước trong các doanh nghiệp. Nâng cao năng lực cạnh tranh của các thành phần kinh tế, các ngành, các địa phương, của toàn bộ nền kinh tế. Hoàn thiện thể chế để thúc đẩy phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Coi trọng học tập kinh nghiệm tổ chức và quản lý nền kinh tế của các nước có trình độ phát triển cao.

Thời kỳ quá độ lên CNXH đặt ra những vấn đề lớn trong chính sách xã hội, hướng tới mục tiêu vì con người. Kết hợp chặt chẽ mục tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện chính sách xã hội, thực hiện tốt hơn các chính sách an sinh xã hội. Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh một vấn đề lớn là quản lý, phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Giải quyết tốt lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo đảm an sinh xã hội. Các chính sách phải phù hợp với từng giai tầng xã hội. Phát triển xã hội bền vững hướng tới một xã hội văn minh, an toàn, hạnh phúc. Bảo đảm tốt nhất quyền con người gắn với quyền và lợi ích quốc gia dân tộc.

Quá độ lên CNXH ở Việt Nam cũng đặt ra những mối quan hệ lớn phải được giải quyết tốt. Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng XHCN; giữa Nhà nước với thị trường; giữa

phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất XHCN; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam là một quá trình. Nhận thức đó vẫn không ngừng được bổ sung và phát triển từ kết quả nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, nhất là thực tiễn của công cuộc đổi mới. cần hết sức chú trọng học tập, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước đang kiên định con đường xây dựng CNXH như: Trung Quốc, Lào, Cu Ba và những phát triển tư duy mới về CNXH của các Đảng Cộng sản, công nhân trên thế giới hiện nay□

- 
- (1) *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T.4, tr.315
  - (2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T.18, tr.773
  - (3), (4), (5) *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T.10, tr.390, 391, 391
  - (6) *Sđd*, T.11, tr.92
  - (7) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2006, T.47, tr.363
  - (8) *Sđd*, T.52, tr.23-24
  - (9),(10) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr.70, 71
  - (11) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, H, 2001, tr.84.

**Nguồn: Tạp chí Lịch sử Đảng - 2019 - số 1 - tr.45-50.**

# NHỮNG LUẬN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC LỊCH SỬ Ở VIỆT NAM

✍ PGS, TS NGUYỄN ANH TUẤN

---

Đại học Quốc gia Hà Nội

**Tóm tắt:** Tiếp tục khẳng định giá trị của những luận điểm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác-Lênin vẫn là một trong những nhiệm vụ quan trọng trên mặt trận tư tưởng, lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bài viết góp phần làm sáng tỏ hơn những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào thực tiễn cách mạng Việt Nam về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Qua đó, đưa ra một số gợi mở nhằm từng bước hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời, gợi mở những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu như xuất phát điểm, những điều kiện tiên quyết của sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, vấn đề phù hợp giữa kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... trong thời kỳ quá độ.

*Từ khóa: Chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội; tính quy luật; kinh nghiệm; chủ nghĩa xã hội Việt Nam*

## 1. Đặt vấn đề

- Kế thừa những tư tưởng tiên bộ trong quan niệm về CNXH của các nhà tư tưởng tiền bối, C.Mác và Ph.Ăngghen

đã phát triển lý luận CNXH từ không tưởng thành khoa học. Từ những nguyên lý khoa học được xây dựng trên cơ sở thực tiễn, chủ nghĩa Mác-Lênin đã vạch ra bản chất, nguyên nhân của chế độ tư hữu, đồng thời chỉ rõ mục tiêu, biện pháp, con đường, động lực để đưa nhân loại đến CNXH. Sau C.Mác, V.I.Lênin đã vận dụng, bổ sung, phát triển sáng tạo học thuyết CNXH khoa học trong điều kiện CNTB đã chuyển thành CNDQ, và hiện thực hóa lý luận đó thành mô hình xã hội XHCN trong thực tiễn ở Liên Xô.

Về thời gian, sự ra đời và phát triển của CNXH khoa học đến nay đã trải qua hơn 170 năm. Nhưng những dự báo của C.Mác dựa trên nguyên lý phổ quát về “sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội như một quá trình lịch sử - tự nhiên”<sup>(1)</sup> trên cơ sở logic thép của quy luật “quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất” về sự phát triển tương lai của nhân loại xét trên đại thể đến nay vẫn còn nguyên giá trị và do vậy, cho phép dự báo quy luật phát triển tất yếu của nhân loại là tiến tới CNXH, CNCS. C.Mác đã nhận định, dự báo xu hướng phát triển tất yếu của xã hội trên cơ sở tổng kết thực tiễn, kế thừa, phát triển những giá trị lý luận và những thành tựu khoa học mà nhân loại đạt đến vào thời điểm đó. Hiện nay, trước rất nhiều thành tựu khoa học - công nghệ mới và sự biến đổi của thế giới toàn cầu hóa, cần phải bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin phù hợp với những điều kiện mới. Không thể vì những chậm trễ nhất thời của tư duy lý luận của chúng ta hiện nay mà phủ nhận những giá trị khoa học, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin vốn là lý luận mở với giá trị cốt lõi là phương pháp luận duy vật biện chứng và cách hiểu duy vật về lịch sử, phản ánh quy luật vận động của xã hội. Hơn nữa, như Ph.Ăngghen đã lưu ý: “... chủ nghĩa xã hội



khoa học về cơ bản là một sản phẩm Đức và nó chỉ có thể phát sinh trong một dân tộc mà nền triết học cổ điển đã gìn giữ được một cách sinh động truyền thống biện chứng có ý thức: trong người Đức. Quan điểm lịch sử duy vật và sự vận dụng nó một cách đặc biệt vào cuộc đấu tranh giai cấp hiện đại giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản chỉ có thể thực hiện được nhờ phép biện chứng”(2).

Ngay các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin cũng nhiều lần nhắc nhở rằng: không phải mọi nhận định của các ông sẽ đúng với từng trường hợp cụ thể, mà tùy theo hoàn cảnh phải vận dụng, phát triển sáng tạo để khám phá được chân lý. Vì lẽ đó, “chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống”(3). Điều đó có nghĩa, không phải lý luận Mác-Lênin là bất biến, là khuôn mẫu cho hết mọi trường hợp, mà chỉ là phương pháp luận cần được vận dụng phù hợp vào từng điều kiện cụ thể. Vấn đề chủ yếu ở đây là phải hiểu đúng bản chất của chủ nghĩa Mác-Lênin, nhất là những vấn đề có tính quy luật, để có những tri thức đúng đắn trong lĩnh vực CNXH khoa học.

Sự vận động của CNXH hiện thực đã và đang cho thấy, ở đâu và khi nào vận dụng đúng, trung thành và sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin thì ở đó thành công, ngược lại ở đâu người ta giáo điều - bảo thủ hay cơ hội - xét lại, vận dụng sai các nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin thì ở đó thất bại. Sự thành công bước đầu của sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay, sự sụp đổ của mô hình XHCN ở Liên Xô

và Đông Âu trên dưới 30 năm trước đã minh chứng điều đó.

Ở Việt Nam, ngay từ năm 1930 những người cộng sản trẻ tuổi dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn con đường phát triển cho dân tộc là quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN. Từ lý luận và thực tiễn đã chứng tỏ đây là con đường duy nhất đúng đắn đối với Việt Nam. Chính sự lựa chọn này đã tạo cơ hội đưa lịch sử dân tộc Việt Nam chuyển sang trang mới: độc lập, tự do, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong sự vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào xây dựng CNXH ở Việt Nam bên cạnh những thành tựu đã đạt được, vẫn còn những sai lầm, khuyết điểm, và còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn cần phải được soi sáng. Dù đến nay đã có khá nhiều nghiên cứu về CNXH ở Việt Nam, nhưng như thế không có nghĩa đã nhận thức hết chủ nghĩa Mác-Lênin. Sự trả giá cho những sai lầm, khuyết điểm trong xây dựng CNXH trước đổi mới và những vấn đề cần giải quyết hiện nay, là minh chứng rõ nhất cho điều này. Hiện nay, đang có hai hiện tượng trái ngược: *Một là*, nhận thức về chủ nghĩa Mác-Lênin, về CNXH ngày càng toàn diện, sáng tỏ, nhất là về quy luật phát triển tất yếu của thời kỳ quá độ lên CNXH. *Hai là*, ở đâu đó nhận thức và vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vẫn còn mang nặng tính bảo thủ, cắt xén, cóp nhặt, dẫn đến hiểu sai lệch, méo mó về bản chất, quy luật phát triển của CNXH, từ đó reo rắc trong xã hội sự nghi ngờ, phủ nhận và xét lại chủ nghĩa Mác-Lênin.

Lý luận và thực tiễn phát triển đất nước đang đặt ra nhiều vấn đề cần được làm sáng tỏ, nhất là về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Chính vì vậy, hơn lúc nào hết, cần phải có sự bổ sung,

phát triển nhận thức về CNXH ở Việt Nam hiện nay, làm rõ những nguyên tắc mang tính phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin để vận dụng phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

## **2** Những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

Trên quan điểm khoa học và cách mạng, chủ nghĩa Mác đã luận giải sự phát triển của xã hội loài người là quá trình lịch sử - tự nhiên, các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao lần lượt thay thế lẫn nhau, mà sự phát triển của sức sản xuất là nguyên nhân sâu xa của những thay thế đó. Một cách chung nhất, lịch sử xã hội loài người từ trước đến nay đã và đang phát triển qua năm hình thái kinh tế - xã hội: cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, TBCN, CSCN, mà giai đoạn đầu của hình thái thứ năm là CNXH. Nhưng, trong từng điều kiện cụ thể, thì không nhất thiết ở mọi nơi, mọi quốc gia sự phát triển cũng phải tuần tự, mà đâu đó có thể bỏ qua một hoặc vài hình thái để phát triển lên hình thái cao hơn khi có điều kiện phù hợp. Sự phát triển của nhân loại trước nay ít nhiều đã xác nhận điều đó.

Sử dụng phương pháp luận duy vật lịch sử vào phân tích bản chất của hình thái kinh tế - xã hội TBCN, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin đã chỉ ra một số khả năng sinh thành CNXH.

*Thứ nhất*, sự ra đời của CNXH từ CNTB. Có hai khả năng: (1) CNXH đồng thời ra đời ở những nước tư bản phát triển cao. Ph.Ăngghen trả lời câu hỏi “Cuộc cách mạng đó (cách mạng cộng sản chủ nghĩa-TG) có thể xảy ra trong riêng một nước nào đó không?” rằng, “Không... cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa không những sẽ

có tính chất dân tộc mà sẽ đồng thời xảy ra ở trong tất cả các nước văn minh... Trong mỗi một nước đó, cách mạng CSCN sẽ phát triển nhanh hay chậm, là tùy ở chỗ nước nào trong những nước đó có công nghiệp phát triển hơn, tích lũy được nhiều của cải hơn và có nhiều lực lượng sản xuất hơn. Cho nên ở Đức, cách mạng CSCN sẽ thực hiện chậm hơn và khó khăn hơn, còn ở Anh thì nhanh hơn và dễ dàng hơn”(4). (2) CNXH ra đời ở một số nước hoặc là ở một nước tư bản phát triển trung bình. Vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX trung tâm cách mạng vô sản thế giới dần dịch chuyển từ phương Tây sang phương Đông; CNTB chuyển từ tự do cạnh tranh sang độc quyền với sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị. Chính điều đó làm cho tình huống cách mạng chín muồi ở các nước không giống nhau. Cách mạng vô sản sẽ nổ ra ở nước nào trở thành khâu yếu nhất trong hệ thống TBCN. Trong bối cảnh đó, V.I.Lênin chỉ rõ: “chủ nghĩa xã hội có thể thắng lợi trước hết là trong một số ít nước tư bản chủ nghĩa hoặc thậm chí chỉ trong một nước tư bản chủ nghĩa, tách riêng ra mà nói”(5). Cách mạng Tháng Mười năm 1917 ở Nga thành công khi nước Nga mới chỉ là nước tư bản phát triển dưới trung bình so với nhiều nước TBCN khác.

Vậy, vì sao dự báo của C.Mác đến nay chưa thành hiện thực? V.I.Lênin có làm ngược với quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen không? V.I.Lênin không làm ngược. C.Mác dự báo như vậy do (1) đã dựa trên phương pháp phân tích hình thái kinh tế - xã hội(6); (2) dựa trên điều kiện lịch sử cụ thể với trung tâm cách mạng vô sản thế giới giữa thế kỷ XIX là ở phương Tây: cách mạng vô sản chỉ có thể nổ ra và giành thắng lợi trước hết ở những nước tư bản phát triển, chứ không thể ở bất cứ nơi nào khác. Nửa thế kỷ trước Cách mạng Tháng

Mười Nga, C.Mác chưa tính được khả năng tự điều chỉnh của CNTB. về sau Ph.Ăngghen thừa nhận: “Lịch sử đã chứng minh rằng chúng tôi và tất cả những ai nghĩ giống như chúng tôi đều sai lầm. Lịch sử đã chỉ rõ rằng trạng thái phát triển kinh tế trên lục địa lúc bấy giờ còn lâu mới chín muồi để xóa bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; lịch sử đã chứng minh điều đó bằng cuộc cách mạng kinh tế...”<sup>(7)</sup>.

Ở đây phải thấy rằng, sự điều chỉnh những nhận định của C.Mác bởi Ph.Ăngghen chỉ là điều chỉnh những điểm cụ thể trong dự báo về khả năng, thời điểm và địa điểm nổ ra cách mạng vô sản nhằm xóa bỏ chế độ TBCN, chứ sự điều chỉnh đó không hề có nghĩa các ông từ bỏ những quan điểm nguyên tắc cũng như lập trường cách mạng kiên định của mình. Còn trên thực tế, ngay cả đến hiện nay, thế kỷ rưỡi đã trôi qua CNTB đã điều chỉnh quá nhiều khiến nó còn tồn tại được đến nay nhưng sự điều chỉnh đó không thể kéo dài mãi mãi mà cũng chỉ đến một giới hạn nhất định, rồi theo quy luật nó phải được chủ nghĩa cộng sản thay thế. Nếu lịch sử cần có một độ dài thời gian cho sự chín muồi cách mạng thì điều đó không có nghĩa là quy luật về tính tất yếu của cách mạng XHCN trở nên không tác động. Lịch sử chỉ không xác nhận những dự báo mà xét ra chưa đủ cứ liệu thực tế, chứ không thể bác bỏ xu hướng phát triển tất yếu của bản thân nó.

Còn V.I.Lênin đã vận dụng thành công tư tưởng của C.Mác về cách mạng vô sản vào điều kiện lịch sử cụ thể nước Nga đầu thế kỷ XX một cách sáng tạo, góp phần bảo vệ và phát triển lý luận của C.Mác trong điều kiện mới. Cần phải thấy dự báo của C.Mác về cách mạng vô sản sẽ nổ ra đồng thời ở nhiều nước tư bản phát triển là khác với sự thắng lợi đồng loạt. C.Mác chỉ dự báo cách mạng nổ ra đồng

loạt, còn thắng lợi hay chưa, sớm hay muộn là tùy thuộc vào trình độ phát triển cao hay thấp của lực lượng sản xuất ở nước mà cách mạng diễn ra. Vì vậy, nhận định của V.I.Lênin về thắng lợi có thể của cách mạng vô sản trước hết ở một số nước hay một nước không trái với dự báo của C.Mác, thậm chí còn mang tính lịch sử - cụ thể nhiều hơn.

*Thứ hai*, CNXH ra đời ở những nước tiền tư bản. Cùng với sự dịch chuyển của trung tâm cách mạng thế giới từ phương Tây sang phương Đông, từ sau những năm 50 của thế kỷ XIX trở đi, C.Mác và Ph.Ăngghen rất chú ý nghiên cứu quá trình xã hội phát triển ở những nước phương Đông lạc hậu. Từ đó các ông đã chỉ ra những điểm khác biệt về kết cấu kinh tế - xã hội giữa phương Đông với phương Tây: 1) Ở phương Đông không có chế độ tư hữu ruộng đất như ở phương Tây; và 2) phương Đông có chế độ xã hội đặc biệt - chế độ công xã nông thôn với tính hai mặt, vừa là tổ chức biệt lập, trì trệ, nhưng đồng thời cũng tạo ra quan hệ cộng đồng trong sinh hoạt. Điểm khác biệt quan trọng này giúp hiểu vì sao các nước thuộc “phương thức sản xuất châu Á” lựa chọn con đường quá độ lên CNXH là hợp quy luật, nhưng lại gặp nhiều khó khăn hơn trong phát triển kinh tế - xã hội.

C.Mác cho rằng, các nước phương Đông lạc hậu vẫn còn ở giai đoạn tiền tư bản, thậm chí còn giữ nguyên chế độ công xã nông thôn tương đối hoàn chỉnh, thì khả năng sẽ có ba triển vọng phát triển: 1) bị phương Tây biến thành thuộc địa, công xã tan rã, phát triển CNTB; 2) chế độ tư hữu trong nội bộ công xã chiến thắng chế độ công hữu, việc đó diễn ra chậm; 3) chế độ công hữu chiến thắng chế độ tư hữu tạo điều kiện bỏ và vượt qua chế độ TBCN, tận dụng, thu hút được mọi thành quả do nhân loại đến thời TBCN sáng tạo ra, để tiến lên

chủ nghĩa cộng sản. Trong ba triển vọng đó, theo Mác, đối với các nước phương Đông lạc hậu, chưa phát triển TBCN, thì phương án ba là dễ xảy ra hơn cả.

Vào những năm cuối đời, C.Mác đã nghiên cứu nước Nga như là mô hình của phương Đông chưa trải qua giai đoạn phát triển TBCN. Năm 1882, khi viết “Lời tựa cho lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Nga” cuốn *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đặt vấn đề: “Bây giờ, thử hỏi công xã Nga, cái hình thức thật ra đã bị phá hoại ghê gớm ấy của chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy, có thể chuyển thẳng lên hình thức cao, hình thức cộng sản chủ nghĩa được không?... Ngày nay, lời giải đáp duy nhất có thể có được cho câu hỏi ấy là thế này: nếu cách mạng Nga là tín hiệu của cuộc cách mạng vô sản ở phương Tây và nếu cả hai cuộc cách mạng ấy bổ sung cho nhau thì chế độ sở hữu công xã về ruộng đất ở Nga hiện nay có thể là điểm xuất phát của một sự tiến triển cộng sản chủ nghĩa”<sup>(8)</sup>.

Tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen thế là quá rõ, nước Nga có triển vọng phát triển không hẳn là phải đi theo con đường phương Tây, không hẳn phải là TBCN, mà là phải gắn liền, phối hợp với cách mạng vô sản thế giới. Hai ông đã đứng ở tầm cao chiến lược toàn cục cách mạng vô sản thế giới và của việc lật đổ chế độ TBCN để luận giải tiến trình phát triển đặc thù của xã hội Nga, rộng hơn là của các dân tộc thuộc “phương thức sản xuất châu Á” nói chung. Đó là điểm xuất phát mới mà đến gần cuối đời C.Mác và Ph.Ăngghen mới rút ra để V.I.Lênin lấy đó làm cơ sở đề xuất tư tưởng bỏ qua chế độ TBCN, đi lên CNXH.

Kế thừa, phát triển quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, phát

triển lý luận về khả năng ra đời của CNXH trong điều kiện mới sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, V.I.Lênin cho rằng: “Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ xô-viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”<sup>(9)</sup>.

Tuy nhiên, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin cũng lưu ý: việc lựa chọn con đường quá độ lên CNXH ở những nước này khá dễ hơn ở những nước tư bản phát triển, nhưng để đạt được nó - CNXH, thì khó khăn hơn, lâu dài hơn, phức tạp hơn, và phải trải qua rất nhiều lần thử thách - thời kỳ quá độ, trong quá trình đó rất thường phải trả giá đắt cho những sai lầm. Vì vậy, V.I.Lênin nhấn mạnh: “chúng ta phải hiểu những đường lối, thể thức, thủ đoạn và phương sách trung gian cần thiết để chuyển từ những quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội. Đó là mấu chốt của vấn đề”<sup>(10)</sup>.

Trong sự hình thành hình thái kinh tế - xã hội mới không phải ngay lập tức thiết lập được đầy đủ những cơ sở kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, mà nó cần có cả một thời kỳ dài cải tạo xã hội cũ thiết lập những điều kiện phù hợp cho xã hội mới dần phát triển trên cơ sở của mình. Thời kỳ đó thường được gọi là thời kỳ quá độ. Đối với hình thái kinh tế - xã hội CSCN, C.Mác chỉ rõ, nó phải trải qua hai giai đoạn: giai đoạn đầu và giai đoạn cao. Giai đoạn đầu là thời kỳ quá độ lâu dài, ở đó vừa có kế thừa, phủ định biện chứng CNTB, vừa xây dựng những yếu tố của CNCS, đến khi xã hội mới hoàn toàn vận động trên cơ sở riêng của nó, thì chuyển lên CNCS. Trong tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gôta*, C.Mác nhấn mạnh: “Giữa xã hội tư bản chủ



nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nô sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản”<sup>(11)</sup>. Qua đó cho thấy, thời kỳ quá độ thường được hiểu là thời kỳ chuyển biến từ trạng thái xã hội cũ sang trạng thái xã hội mới. Ở đây là chuyển từ xã hội TBCN lên xã hội CSCN.

Căn cứ vào quan niệm của C.Mác về thời kỳ quá độ trong tác phẩm nêu trên, V.I.Lênin đã chia quá trình ra đời và phát triển của CNXH và CNCS thành ba giai đoạn: giai đoạn thứ nhất - “Những cơn đau đẻ kéo dài”; giai đoạn thứ hai - “Giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa” (thường được gọi là “chủ nghĩa xã hội”); giai đoạn thứ ba - “Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa”<sup>(12)</sup>. V.I.Lênin cho rằng, “những cơn đau đẻ kéo dài” chính là thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH. Trong sự phân kỳ của V.I.Lênin, thời kỳ quá độ có vị trí độc lập tương đối, nó không nằm trong giai đoạn đầu của xã hội CSCN. Kiểu quá độ trong trường hợp này của V.I.Lênin là quá độ gián tiếp áp dụng cho các nước thuộc địa, hoặc các nước có xuất phát điểm thấp đi lên CNXH. Đồng thời, kiểu quá độ này cho thấy tính chất đan xen, phong phú và phức tạp của thời kỳ quá độ.

Về con đường đi lên CNXH, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng, con đường đi lên CNXH vừa có tính phổ biến vừa mang nét đặc thù, các dân tộc tiến lên CNXH vừa có điểm chung vừa không hoàn toàn giống nhau. Do vậy, không có một mô hình CNXH chung cho mọi quốc gia dân tộc. V.I.Lênin khẳng định: “Tất cả các dân tộc đều sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội, đó là điều không thể tránh

khởi, nhưng tất cả các dân tộc đều tiến tới chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đưa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ, vào loại này hay loại khác của chuyên chính vô sản, vào nhịp độ này hay nhịp độ khác của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội”<sup>(13)</sup>. Sau này, Hồ Chí Minh vận dụng vào xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cũng chỉ rõ: “Hiện nay đứng về mặt xây dựng CNXH, tuy chúng ta đã có những kinh nghiệm dồi dào của các nước anh em, nhưng chúng ta cũng không thể áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách máy móc, bởi vì nước ta có những đặc điểm của riêng ta”<sup>(14)</sup>.

Nếu tuyệt đối hóa tính phổ biến, không tính đến những yếu tố đặc thù của các dân tộc, thì sẽ rơi vào chủ nghĩa giáo điều. Ngược lại, chỉ chú ý đến quy luật đặc thù mà coi nhẹ những quy luật phổ biến thì lại rơi vào chủ nghĩa xét lại. Hồ Chí Minh cho rằng: “Không chú trọng đến đặc điểm dân tộc mình trong khi học tập kinh nghiệm của các nước anh em, là sai lầm nghiêm trọng, là phạm chủ nghĩa giáo điều. Nhưng nếu quá nhấn mạnh đặc điểm dân tộc để phủ nhận giá trị phổ biến của những kinh nghiệm lớn, cơ bản của các nước anh em, thì sẽ mắc sai lầm nghiêm trọng của chủ nghĩa xét lại... Chúng ta phải khắc phục bệnh giáo điều đồng thời phải đề phòng chủ nghĩa xét lại”<sup>(15)</sup>. Như vậy, lịch sử nhân loại nói chung, lịch sử phát triển của mỗi dân tộc nói riêng vừa tuân theo quy luật xã hội chung, vừa chịu sự tác động đa dạng của các nhân tố khác nhau, trong đó có cả nhân tố hoạt động chủ quan của con người; từ đó, cho thấy lịch sử phát triển của xã hội được biểu hiện ra là lịch sử thống nhất trong tính đa dạng và đa dạng trong tính thống nhất của nó.

### 3. Hiện thực lịch sử về quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Ở Việt Nam, ngay khi ra đời năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn cho dân tộc con đường quá độ lên CNXH, bỏ qua chế độ TBCN. Việt Nam lựa chọn con đường phát triển XHCN mà không phải con đường TBCN, về lý luận, như phân tích ở trên, là hoàn toàn có cơ sở khoa học. Về thực tiễn, ở Việt Nam đầu thế kỷ XX có nhiều phong trào yêu nước theo những hệ tư tưởng khác nhau, trong đó có cả hệ tư tưởng tư sản nhưng đều đã thất bại. Trong bối cảnh đó, khi ra đi tìm đường cứu nước, lúc đầu Hồ Chí Minh cũng đến các nước tư bản phát triển để quan sát các mô hình phát triển này, nhưng cuối cùng Người kết luận không thể đi theo con đường TBCN, vì cách mạng tư sản chưa chín muồi ở những nước thuộc địa - nửa phong kiến như Việt Nam. Phải mất gần mười năm, sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công (1917), Người mới tìm đến chủ nghĩa Mác-Lênin vào năm 1920 khi người đọc được bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin, từ đó Người tin rằng: “chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”<sup>(16)</sup>. Trong bối cảnh lịch sử đó, Người truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam và được cả dân tộc đón nhận, coi đây là con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp đúng đắn. Vì vậy xây dựng CNXH ở Việt Nam là sự lựa chọn của chính lịch sử dân tộc và phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Nhờ sự lựa chọn này, sau 15 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cả dân tộc đã đứng lên làm Cách mạng Tháng Tám thành công xóa bỏ chế độ thuộc địa - phong kiến, thiết

lập chế độ xã hội mới - dân chủ cộng hòa.

Việt Nam đi lên CNXH trong điều kiện hết sức đặc biệt, chưa từng có tiền lệ trong lịch sử. Xuất phát điểm thấp, đất nước thường xuyên trong hoàn cảnh có chiến tranh. Vì vậy, trong thời kỳ đầu vì những nguyên nhân khách quan và chủ quan nên CNXH ở Việt Nam được xây dựng theo mô hình tập trung kế hoạch hóa kiểu Liên Xô. Điều này cho phép huy động mọi nguồn lực giúp nhân dân ta giành thắng lợi cuối cùng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

Đại hội VI (1986) của Đảng thông qua đường lối đổi mới đất nước, từ đó nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng đầy đủ hơn. Nếu trước đó chúng ta cho rằng, có thể bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN, thì trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991* lần đầu tiên Đảng khẳng định Việt Nam quá độ lên CNXH, bỏ qua chế độ tư bản (chứ không bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN). Đến Đại hội IX (2001), Đảng tiếp tục khẳng định: “Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”<sup>(19)</sup>. Đảng đồng thời xác định thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta “là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ

quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen”<sup>(20)</sup>.

Thực chất đây là bước phát triển mới về nhận thức bỏ qua chế độ TBCN, đã trực tiếp khẳng định hai quan điểm: 1) xét trên cơ sở lý luận hình thái kinh tế - xã hội thì việc bỏ qua chế độ TBCN là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng TBCN; 2) xét theo sự tiến bộ lịch sử thì CNXH là nấc thang cao hơn CNTB nên cần tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới CNTB.

Trong thực tiễn, bỏ qua chế độ TBCN là bỏ qua chế độ áp bức, bóc lột, bất công của nó. Bỏ qua thể chế chính trị, luật pháp không phù hợp với chế độ XHCN, chứ không bỏ qua những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được dưới CNTB, nhất là phát triển khoa học - công nghệ, phát triển kinh tế thị trường và xây dựng nhà nước pháp quyền.

Việc làm rõ những vấn đề lý luận về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam có ý nghĩa hết sức quan trọng. Đây là cơ sở, định hướng chiến lược để đề ra những chủ trương, quyết sách đúng đắn nhằm xây dựng và phát triển đất nước trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội... Điều này lại càng quan trọng đối với Việt Nam, khi sự quá độ lên CNXH kiểu Việt Nam chưa từng có tiền lệ trong lịch sử. Những thành tựu đạt được trong quá trình đổi mới từ năm 1986 đến nay đã xác minh nhận thức của Đảng về thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta là ngày càng đầy đủ, toàn diện, chứng tỏ sự vận dụng đó luôn trung thành, nhưng vẫn đầy sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam.

## 4. Kết luận

Hiện nay Việt Nam đã bước vào giai đoạn phát triển mới, trong khi CNXH thế giới vẫn đang ở thời kỳ khó khăn, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ phát triển hết sức mạnh mẽ, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng thâm nhập sâu vào đời sống mọi quốc gia. Do vậy vấn đề lựa chọn con đường và xây dựng mô hình, chiến lược phát triển phù hợp với điều kiện mới lại được đặt ra trước Việt Nam.

Khi nghiên cứu quy luật sinh thành của CNXH ở Việt Nam, chúng tôi thấy còn một số vấn đề bỏ ngỏ: *Thứ nhất*, về xuất phát điểm và những điều kiện tiên quyết của sự quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN. Hơn nửa thế kỷ trước đúng là Việt Nam bước vào thời kỳ quá độ từ điểm xuất phát là xã hội “nửa thuộc địa - nửa phong kiến” tức là từ xã hội tiền TBCN, thế nhưng sau hơn 30 năm đổi mới, đến nay Việt Nam đã đạt tới nhóm các nước có GDP trung bình, đang tích cực tham gia vào chuỗi sản xuất, phân phối và phân công lao động toàn cầu, thì rõ ràng xuất phát điểm của Việt Nam đã khác. Do đó, cần nhận diện và xác định đúng điểm xuất phát mới cho phù hợp hơn.

Những điều kiện tiên quyết như các nhà kinh điển đã nêu ra đối với các nước “lạc hậu”, “tiền tư bản chủ nghĩa” để tiến lên CNXH đến nay hầu như không thể có nữa<sup>(21)</sup>. Vậy, những yếu tố nào trong thời đại ngày nay là những điều kiện tiên quyết để các nước có xuất phát điểm thấp thực hiện thành công sự quá độ lên CNXH? Theo chúng tôi, trong bối cảnh hiện nay không nên đặt sự quá độ lên CNXH của các nước chưa kinh qua TBCN trong mối tương quan đối lập giữa CNTB và CNXH như quan niệm trước đây. Bởi lẽ, một số quan niệm

trước đây đã quá nhấn mạnh đấu tranh giữa các mặt đối lập bao giờ cũng dẫn đến sự phủ định, tiêu diệt một trong số chúng; trong khi thực ra cuộc đấu tranh đó còn bao hàm sự chuyển hóa lẫn nhau. Thay vì đối lập thủ tiêu theo quan niệm trước đây, đối lập chuyển hóa sẽ tạo ra sự phát triển mới phù hợp với thời đại mới.

*Thứ hai*, vấn đề phù hợp giữa kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trong thời kỳ quá độ. Đây cũng là một vấn đề cần được nhìn nhận lại. Thời kỳ quá độ lên CNXH, bỏ qua chế độ TBCN ở nước ta, rõ ràng là thời kỳ nước ta chưa ở trong CNXH, dĩ nhiên, trong thời kỳ này nước ta cũng không còn là một xã hội tiền TBCN. Trong thời kỳ này mọi hoạt động kinh tế - xã hội đều ở trạng thái quá độ lên CNXH. Nhưng chúng ta đã dùng rất quen khái niệm “định hướng xã hội chủ nghĩa”. Vậy với tình hình hiện nay, liệu chúng ta có nên tạm gác lại khái niệm “thời kỳ quá độ” đã cũ để thay vào đó là khái niệm “thời kỳ định hướng xã hội chủ nghĩa” cho rõ ràng và đúng hơn không? Có một thực tế là, cho đến nay, chúng ta mới thừa nhận kinh tế thị trường định hướng XHCN còn các lĩnh vực khác, như chính trị, văn hóa, xã hội... thì hoặc là chúng ta cứ ngầm cho chúng đã là XHCN rồi, hoặc chúng ta không xác định cụ thể. Rõ ràng, quan sát tổng thể thì chưa thấy được sự tương đồng và thống nhất giữa mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội đất nước. Ở đây, hình như chưa có sự thống nhất về nhận thức và sự nhất quán về lý luận, vấn đề đặt ra là, trong thời kỳ quá độ lên CNXH, thời kỳ chuyển tiếp từ CNTB lên CNXH, mà như chúng tôi đề nghị gọi là “thời kỳ phát triển định hướng xã hội chủ nghĩa”, thì chỉ cần làm rõ định hướng của kinh tế - kinh tế thị trường theo hướng XHCN, hay còn cần phải làm rõ định hướng sự phát triển của mọi lĩnh vực đời sống xã hội khác? Rõ ràng đây là

những vấn đề cần tiếp tục thảo luận và thời gian để kiểm chứng.

Trên đây là vài suy nghĩ gợi mở, đề xuất. Những đề xuất này còn cần rất nhiều trí tuệ tập thể để có thể thành hệ thống chỉ dẫn cho những suy tư lý luận và hoạt động thực tiễn tiếp theo□

- 
- (1) *C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T.23, tr.21
  - (2), (8), (11) *Sđd*, T.19, tr.460-461, 434, 47
  - (3) *V.I.Lênin Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1974, T.4, tr.232
  - (4) *C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1995, T.4, tr.472
  - (5) *V.I.Lênin Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1980, T.26, tr.447
  - (6) *Sđd*, T.1, tr.165-166
  - (7) *C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T.22, tr.761
  - (9) *V.I.Lênin Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1977, T.41, tr.295
  - (10) *Sđd*, T.43, tr.234
  - (12) *Sđd*, T.33, tr.223
  - (13) *Sđd*, T.30, tr.160
  - (14), (15) *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2001, T.11, tr.97, 97-98
  - (16) *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2001, T.12, tr.563
  - (17) *C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập*, 1993, T.13, tr.15-16
  - (18) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb ST, H, 1987, tr.30
  - (19) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, H, 2001, tr.84
  - (20) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr.70
  - (21) Ví dụ như sự giúp đỡ vô tư của giai cấp vô sản ở các nước tư bản phát triển mà ở đó cách mạng XHCN đã giành được thắng lợi hoàn toàn, cuối cùng.

**Nguồn: Tạp chí Lịch sử Đảng - 2019 - số 6(343) - tr.55-63**



**TƯ DUY ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ, SÁNG TẠO  
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN  
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM - VẬN DỤNG CỦA  
ĐẢNG TA TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC**

**✍ PGS, TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG**

**Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Kỷ niệm 110 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước (5-6-1911 - 5-6-2021) và 80 năm ngày Người về nước (28-1-1941 - 28-1-2021) trực tiếp lãnh đạo cách mạng, bài viết này mong muốn góp phần làm sáng rõ một số nét cơ bản về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo tư tưởng của Người.

**“Kinh qua chế độ dân chủ mới, rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội” - con đường phát triển của Việt Nam**

Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) được hình thành từ sớm và thực hiện trên thực tế ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay là kết quả của quá trình Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm tòi, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn xây dựng CNXH trên thế giới và vận dụng vào điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta. Người đã tới nước Nga vào thời gian nước này đang thực hiện “Chính sách Kinh tế mới” của V.I.Lê-nin (1923 - 1924) và trong giai đoạn tập trung và kế hoạch hóa cao độ để xây dựng CNXH (1934 - 1938). Qua quá trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh có sự thay đổi quan niệm của mình về con đường đi lên CNXH cho phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam; đó là, từ quan điểm xây dựng chế độ xã

hội theo mô hình Xô-viết (Chính phủ công nông binh)<sup>(1)</sup> thể hiện trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng* (năm 1930), đến xây dựng chế độ Dân chủ Cộng hòa của *Chương trình Việt Minh* (năm 1941)<sup>(2)</sup>, rồi được cụ thể hóa trong thực tiễn xây dựng chế độ mới sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và được khẳng định tại Đại hội II của Đảng (năm 1951). Sự chuyển đổi đó thể hiện tư duy độc lập, sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về con đường đi lên CNXH ở nước ta<sup>(3)</sup>.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường đi lên CNXH ở nước ta, trước hết cần phải thấy rõ sự thống nhất trong quan điểm của Người với C.Mác và V.I.Lê-nin về quy luật chung, về con đường với hai giai đoạn phát triển từ CNXH đến chủ nghĩa cộng sản<sup>(4)</sup> và thời kỳ quá độ (cả trực tiếp và gián tiếp) lên CNXH. Tuy nhiên, về phương pháp nhận thức, Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu ý rằng, phải nắm vững *tính quy luật chung*, đồng thời cũng phải chú ý tới *đặc điểm lịch sử cụ thể của mỗi nước* khi lựa chọn con đường tiến lên CNXH. Người viết: “Từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản, đến chủ nghĩa xã hội (cộng sản) - nói chung thì loài người phát triển theo *quy luật nhất định* như vậy. Nhưng tùy hoàn cảnh, mà các dân tộc phát triển theo *con đường khác nhau*. Có nước thì đi thẳng đến chủ nghĩa xã hội (cộng sản) như Liên Xô. Có nước thì phải kinh qua *chế độ dân chủ mới*, rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội (cộng sản) - như các nước Đông Âu, Trung Quốc, Việt Nam ta, v.v..”<sup>(5)</sup>.

Giải thích về hoàn cảnh để xác định con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nước ta bị nô lệ dưới ách thực dân và phong kiến rất lâu năm, đế quốc gần một trăm năm, phong kiến hàng mấy nghìn năm. Kháng chiến để đập tan ách đế quốc, phong

kiến, giải phóng dân tộc, làm cho nước Việt Nam độc lập, thống nhất thực sự, thực hiện chế độ dân chủ mới, tiến tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản”<sup>(6)</sup>.

Các luận điểm trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thấy: Do điều kiện lịch sử của mỗi nước khác nhau, vì vậy, để đi lên CNXH có 2 con đường là: con đường quá độ trực tiếp (đối với những nước có chủ nghĩa tư bản đã phát triển cao) và quá độ gián tiếp (đối với những nước nghèo nàn, lạc hậu, chưa trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa). Đối với Việt Nam, quan điểm của Người rất rõ ràng là: *Phải kinh qua “chế độ dân chủ mới”, rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội; hay là, thực hiện “chế độ dân chủ mới”, để tiến tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.*

Quan điểm trên đây đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nói tới trong Hội nghị cán bộ lần thứ sáu của Đảng (ngày 18-1-1949): “Những vấn đề thảo luận thì nhiều, nhưng đều hướng vào một đường đi: Kháng chiến thắng lợi, xây dựng dân chủ mới để tiến tới chủ nghĩa xã hội”<sup>(7)</sup>. Đến Đại hội II của Đảng (năm 1951), trong Báo cáo chính trị của Đại hội, Người tiếp tục khẳng định: “Về mục đích trước mắt, Đảng Lao động Việt Nam đoàn kết và lãnh đạo toàn dân kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn, tranh lại thống nhất và độc lập hoàn toàn; lãnh đạo toàn dân thực hiện dân chủ mới, xây dựng điều kiện để tiến đến CNXH”<sup>(8)</sup>.

Trong sách *Thường thức chính trị* (năm 1954), khi nói về *Tính chất của Đảng Lao động Việt Nam* (mục 33), Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đảng có *chính cương* rõ rệt: Hiện nay thì giai cấp công nhân lãnh đạo toàn dân chống đế quốc và phong kiến, để giải phóng dân tộc và thực hiện dân chủ mới. Ngày sau thì tiến đến chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản”<sup>(9)</sup>. Cũng trong cuốn sách trên, luận về *chủ nghĩa xã hội*

trong mục 45, Người nhấn mạnh: Mục đích của Đảng là lãnh đạo nhân dân kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công, thực hiện dân chủ mới, tiến đến chủ nghĩa xã hội, rồi tiến đến chủ nghĩa cộng sản. Người còn chỉ rõ: “Nhu vậy có mấy bước: kháng chiến, xây dựng xã hội dân chủ mới, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản”<sup>(10)</sup>.

Những luận giải trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thấy: *Một là*, “dân chủ mới” là một kiểu tổ chức xã hội quá độ, một kiểu xã hội quá độ gián tiếp, thuộc phạm trù của CNXH; *hai là*, xác định xây dựng *dân chủ mới* chính là con đường, là điều kiện để thực hiện bước quá độ từ xã hội thuộc địa, nửa phong kiến lạc hậu tiến lên CNXH ở Việt Nam.

Đây chính là tư duy độc lập, sáng tạo độc đáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về con đường đi lên CNXH ở nước ta: Kinh qua “dân chủ mới”, rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội. Sự độc lập, sáng tạo thể hiện ở chỗ, không phải chỉ đi trước về thời gian so với các nước thực hiện cách mạng trong cùng thời điểm, mà cả ở mô hình Nhà nước cũng khác biệt so với các nước theo con đường dân chủ mới, nhất là trong tổ chức của Nhà nước chúng ta sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

### **Thực hiện “dân chủ mới”, xây dựng điều kiện để tiến dần đến chủ nghĩa xã hội**

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói như vậy và Người đã thiết kế mô hình “dân chủ mới” trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; trong đó, nổi bật trên hai lĩnh vực là chính trị và kinh tế, mà Người gọi là “*những đặc điểm của dân chủ mới*” như sau:

“1- Dưới sự lãnh đạo của Đảng và giai cấp công nhân, nhân dân đánh đổ đế quốc và phong kiến. Trên nền tảng công nông liên minh,

nhân dân lao động làm chủ nước nhà, xây dựng *nhân dân dân chủ chuyên chính*, nghĩa là dân chủ với nhân dân, chuyên chính (trừng trị) bọn phản động.

2- Trong chế độ dân chủ mới, có năm loại *kinh tế* khác nhau:

A- Kinh tế quốc doanh (thuộc chủ nghĩa xã hội, vì nó là của chung của nhân dân).

B- Các hợp tác xã (nó là nửa chủ nghĩa xã hội, và sẽ tiến đến chủ nghĩa xã hội).

C- Kinh tế của cá nhân, nông dân và thủ công nghệ (có thể tiến dần vào hợp tác xã, tức là nửa chủ nghĩa xã hội).

D- Tư bản của tư nhân.

E- Tư bản của Nhà nước (như Nhà nước hùn vốn với tư bản tư nhân để kinh doanh).

Trong năm loại ấy, loại A là kinh tế lãnh đạo và phát triển mau hơn cả. Cho nên kinh tế ta sẽ phát triển theo hướng chủ nghĩa xã hội chứ không theo hướng chủ nghĩa tư bản.

3- *Tư tưởng* của giai cấp công nhân (tư tưởng Mác - Lê-nin) là tư tưởng lãnh đạo, ngày càng phát triển và củng cố.

4- Đảng Lao động kiên quyết lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động (Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân có đoàn thể cách mạng chắc chắn của nó như: công đoàn, nông hội, hội thanh niên, hội phụ nữ...) thực hiện dân chủ mới và tiến dần đến chủ nghĩa xã hội (cộng sản).

5- Trong nước thì nhân dân ta hăng hái kháng chiến, thi đua sản xuất; quyết tâm phấn đấu, quyết tâm *tiến lên*. Trên thế giới thì có phe dân chủ hòa bình ủng hộ ta. Vì những lẽ đó ta nhất định thành công”<sup>(11)</sup>.

Có thể nói, mô hình “dân chủ mới” để tiến lên CNXH trên đây được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh trên hai phương diện cơ bản: *Về chính trị*, là sự lãnh đạo của Đảng với chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng; *về kinh tế*, là nền kinh tế nhiều thành phần nhưng trong đó “loại A” (thuộc CNXH) là kinh tế lãnh đạo và phát triển mau hơn cả. Cho nên kinh tế ta sẽ phát triển theo hướng CNXH chứ không theo hướng chủ nghĩa tư bản. Như vậy, sự định hướng về chính trị và kinh tế trong xây dựng “dân chủ mới” để tiến lên CNXH ở Việt Nam được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định rất cụ thể, rõ ràng.

Mô hình “dân chủ mới” ấy được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ thêm về chính trị và kinh tế, với những nội dung cụ thể sau đây:

*Về chính trị*, đó là hình thức dân chủ trong xây dựng nhà nước dân chủ mới và cả hệ thống chính trị ở nước ta. Với luận giải: Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ; chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân làm chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ phương thức xây dựng hệ thống chính trị với nhà nước dân chủ mới như sau:

“Nước ta là nước dân chủ

Bao nhiêu lợi ích đều vì *dân*

Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*

Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*

Sự nghiệp kháng chiến kiến quốc là *công việc của dân*

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân cử ra*

Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*”<sup>(12)</sup>.

Quan điểm trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rõ phương thức dân chủ trong xây dựng nhà nước dân chủ mới biểu hiện ở vị trí quyền

lực, vai trò của nhân dân trong việc “*cử ra*”, “*tổ chức nên*” bộ máy nhà nước cũng như hệ thống chính trị của chế độ dân chủ mới ở nước ta.

Người còn chỉ rõ cụ thể rằng: “Ở nước ta chính quyền là của nhân dân, *do nhân dân làm chủ*. Nhân dân bầu ra các hội đồng nhân dân, ủy ban kháng chiến hành chính địa phương, và Quốc hội cùng Chính phủ Trung ương.

Trong các cuộc bầu cử, công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt gái trai, tôn giáo, mức tài sản, trình độ văn hóa, không phân biệt nòi giống đều có quyền tham gia. Đó là một cách rất hợp lý, để nhân dân lao động thực hành quyền thống trị của mình...

Nhân dân là *ông chủ* nắm chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt cho mình thi hành chính quyền ấy. Thế là *dân chủ*”<sup>(13)</sup>.

Quan niệm trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ nói rõ *phương thức tổ chức*, mà còn nêu lên *phương thức vận hành* của nền dân chủ mới ở nước ta.

Về *kinh tế*, cùng với việc khẳng định mô hình nhiều thành phần kinh tế của chế độ dân chủ mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn xác định:

“Trong nước ta hiện nay có những hình thức sở hữu chính về tư liệu sản xuất như sau:

- Sở hữu của Nhà nước tức là của toàn dân.
- Sở hữu của hợp tác xã tức là sở hữu tập thể của nhân dân lao động.
- Sở hữu của người lao động riêng lẻ.
- Một ít tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của nhà tư bản”<sup>(14)</sup>.

Mô hình sở hữu trên cho thấy sự đa dạng về hình thức sở hữu gắn

với các thành phần kinh tế cùng tồn tại, và cùng với nó là một cơ cấu phức hợp về lợi ích của nhân dân.

Rõ ràng, mô hình kinh tế dân chủ mới là để phát huy đầy đủ tiềm lực của các thành phần kinh tế bộ phận, bao gồm cả lực lượng sản xuất hiện hữu được tôn trọng và được tổ chức mới, nhằm tạo nên tổng hợp lực mạnh mẽ của toàn bộ nền kinh tế; đồng thời, giải quyết một cách đúng đắn mối quan hệ lợi ích của tất cả các thành phần kinh tế trong xã hội, làm cho động lực của các bộ phận hợp thành nền kinh tế trong xã hội cùng hướng theo một hướng nhất định, tạo nên tổng hợp lực mạnh mẽ. Vì vậy, dân chủ mới trong kinh tế, với sự đa dạng về thành phần, nhiều loại hình sở hữu và lợi ích là cơ sở kinh tế cho xây dựng nhà nước dân chủ mới - nhà nước đoàn kết toàn dân trong xây dựng và phát triển. Đó là sự vận dụng đúng đắn và sáng tạo quy luật khách quan về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất, nhằm khai thác mọi tiềm năng và phát huy tính chủ động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế của thời kỳ quá độ, là sự phù hợp giữa kinh tế và chính trị trong chế độ dân chủ mới để tiến lên CNXH ở nước ta.

Con đường xây dựng “dân chủ mới” để tiến lên CNXH theo tư tưởng Hồ Chí Minh, vì thế, thuận với lòng dân, đúng quy luật, hợp xu thế phát triển của nhân loại và của thời đại.

### **Sự vận dụng tư tưởng đó của Đảng ta từ khi đổi mới**

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường xây dựng “dân chủ mới” để tạo ra những điều kiện tiến lên CNXH trong thời kỳ quá độ và sự vận dụng đúng đắn tư tưởng đó vào thực tiễn, Đảng ta đã hoạch định thành công đường lối đổi mới đúng đắn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trước sự vận động không ngừng,



nhanh chóng và vô cùng phức tạp của tình hình trong nước và quan hệ quốc tế.

Điều này được thể hiện trong nội dung của Văn kiện Đại hội VI của Đảng (năm 1986), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991), (Bổ sung, phát triển năm 2011), với quan điểm chung của Đảng ta là thực hiện dân chủ hóa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Về cơ bản, 6 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng trong thời kỳ quá độ được xác định trong Cương lĩnh năm 1991, sau đó được bổ sung, phát triển thành 8 đặc trưng trong Cương lĩnh năm 2011 đều làm nổi bật quan điểm đó.

Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên cơ sở nền kinh tế nhiều thành phần, với nhiều loại hình sở hữu làm cơ sở vật chất cho thực hiện dân chủ trong chính trị; tới việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; cho đến việc xây dựng một nền văn hóa phục vụ nhân dân và thực hiện công bằng xã hội dựa trên sự đóng góp của mỗi người trong quá trình sản xuất, là những biểu hiện cụ thể trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng ta hiện nay.

Đó là sự vận dụng sáng tạo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, xem *“dân chủ mới” là một hình thái xã hội quá độ lên CNXH, một kiểu tổ chức xã hội của thời kỳ quá độ* và xây dựng *“dân chủ mới”* là con đường tiến lên CNXH ở nước ta trong điều kiện lịch sử mới.

Quan điểm trên xác nhận sự hợp quy luật của con đường xây dựng *“dân chủ mới để tiến lên CNXH”* ở nước ta theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Con đường này cần được nhận thức ở góc độ lịch sử là một kiểu tổ chức xã hội quá độ, là một phương thức tổ chức nhà nước xét ở góc độ chính

trị và là biểu thị giá trị văn minh, phải phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất. Do đó, mỗi bước phát triển của lực lượng sản xuất, sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta sẽ tạo cơ sở vật chất cho những bước phát triển dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, tinh thần, như một đòi hỏi tự nhiên của sự phát triển mà không phụ thuộc vào ý chí chính trị chủ quan nào. Đó là những nấc thang phát triển của dân chủ với tư cách là kiểu tổ chức xã hội văn minh. Nhưng cũng cần hiểu rằng, dân chủ là điều kiện, là chìa khóa quan trọng nhất để giải phóng, phát huy mọi năng lực xã hội, nên phải nhận thức được những nấc thang phát triển của đất nước để thúc đẩy sự phát triển dân chủ, theo ý nghĩa như Cương lĩnh (Bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định: Dân chủ “*vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước*” và phải “*Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực*”<sup>(15)</sup>. Những bổ sung và phát triển của Cương lĩnh năm 2011 so với Cương lĩnh năm 1991 biểu thị nhận thức của Đảng rõ ràng hơn về sự phát triển của dân chủ theo quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhìn nhận “dân chủ mới” như vậy đồng thời sẽ thấy tính tất yếu của sự thay thế dân chủ tư sản bằng “dân chủ mới” để tiến lên CNXH, và tin tưởng vào tiến trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Con đường từ thực hiện “dân chủ mới” tạo ra điều kiện để tiến lên CNXH theo tư tưởng Hồ Chí Minh là rất rõ ràng, sáng tỏ và đã được minh chứng bằng sự hiện diện vững chắc của chế độ dân chủ ở nước ta từ năm 1945, với sự tiếp tục vận dụng và phát triển của Đảng ta vào xây

dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong điều kiện lịch sử mới. Quyết tâm và kiên trì đi trên con đường đó theo tư tưởng Hồ Chí Minh, hướng theo tiêu chí Độc lập - Tự do - Hạnh phúc, nhân dân ta nhất định sẽ gặt hái nhiều thành công trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam□

---

(1), (2) Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr.1, 629

(3) Sự độc lập, sáng tạo trong quan điểm về xây dựng chế độ Dân chủ Cộng hòa của Chủ tịch Hồ Chí Minh được xác định trong “Chương trình Việt Minh” từ năm 1941, trước khi có sự ra đời của các nhà nước dân chủ ở Đông Âu (sau năm 1945) và ở Trung Quốc năm 1949

(4) Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.289

(5), (6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.293, 216

(7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.15

(8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.41

(9), (10) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8. tr.276, 218

(11) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.293-294

(12) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232

(13) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.263

(14) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.372

(15) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.85

**Nguồn: Tạp chí Cộng sản - 2021 - số 970 - tr.39-43**

# TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO CỦA THẾ KỶ XXI

✍ PGS, TS PHAN THANH KHÔI

---

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt” Bàn về “triển vọng phát triển” nghĩa là dự báo tương lai. Tương lai của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là những năm tiếp theo của thế kỷ XXI và có thể chia thành 2 giai đoạn để dự báo về triển vọng phát triển của nó. Bài viết tập trung phân tích, luận giải và tường minh: Thực trạng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay; triển vọng phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đến giữa thế kỷ XXI và nửa sau thế kỷ XXI.

*Từ khoá: Triển vọng phát triển; Chủ nghĩa xã hội; Thế kỷ XXI; Việt Nam.*

## **1. Thực trạng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay**

Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam tổng kết: “Nhìn tổng thể, qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”<sup>(1)</sup>. Việt Nam đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng

bước hình thành, phát triển. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường. Văn hoá - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của Nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao<sup>(2)</sup>.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định, chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam “cũng còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, nhiều hạn chế, yếu kém, cần tập trung giải quyết, khắc phục để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững”<sup>(3)</sup>. Cụ thể: 1) Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để tiếp tục làm rõ; 2) Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực huy động. Trong 10 năm gần đây, kinh tế vĩ mô thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; 3) Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các

vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội; 4) Trên một số mặt, một số lĩnh vực, một bộ phận Nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của công cuộc đổi mới; 5) Đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ; 6) Việc tạo nền tảng để cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được mục tiêu đề ra<sup>(4)</sup>. Do đó, chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam vẫn đứng trước những thách thức hay “4 nguy cơ” mà hội nghị giữa nhiệm kỳ Đại hội VII của Đảng đã nêu: “... nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện; nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu; nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Các nguy cơ đó có liên quan mật thiết với nhau, tác động với nhau”<sup>(5)</sup>. Đến nay, các nguy cơ này vẫn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp, như tham nhũng, lãng phí, “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch với những thủ đoạn mới, nhất là triệt để sử dụng các phương tiện truyền thông trên mạng internet để chống phá ta và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút<sup>(6)</sup>.

Cho nên, có thể khái quát, chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay trong trạng thái ổn định và phát triển, nhưng chưa phải nhanh và bền vững.

## **2** Triển vọng phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đến những năm giữa thế kỷ XXI

Những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử nêu trên là nền tảng để chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam tiếp tục ổn định và phát triển. Điều này cũng chứng tỏ, đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam là đúng đắn, sáng tạo, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là phù hợp với thực tiễn đất nước và xu thế phát triển của lịch sử. Nếu các kỳ Đại hội Đảng tiếp theo (XIII, XIV, XV...) tiếp nối được sự đúng đắn, sáng tạo này và nếu bối cảnh thế giới và trong nước, về cơ bản vẫn như dự báo trong Cương lĩnh (2011) thì khả năng chủ yếu và hiện thực phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam sẽ đạt được mục tiêu, “đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”<sup>(7)</sup>; và đã được Đảng ta xác định cụ thể hơn và sớm hơn trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy khóa XII là, “trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, ngày càng phồn vinh”<sup>(8)</sup>.

Như vậy, đến giữa thế kỷ XXI, triển vọng phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nếu diễn đạt khái quát và so với hiện nay, sẽ là: Một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa; ở trạng thái ổn định, nhiều mặt phát triển nhanh và bền vững; những nguy cơ vẫn còn nhưng sẽ giảm thiểu phạm vi ảnh hưởng và mức độ nguy hại.

Tất nhiên, để có được khả năng hiện thực lý tưởng nêu trên, Việt Nam hiện nay phải tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt hai vấn đề lớn và giải quyết thành công một vấn đề mới. Cụ thể:

*Vấn đề lớn thứ nhất:* Tiếp tục quán triệt và thực hiện thành tốt các phương hướng cơ bản mà Đảng Cộng sản Việt Nam trong Cương lĩnh (2011) đề ra cho công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay gồm: 1) Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường; 2) Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; 3) Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; 4) Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; 5) Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; 6) Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; 7) Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; 8) Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

*Vấn đề lớn thứ hai:* Tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt 5 bài học sau 30 năm đổi mới đất nước mà Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam nêu ra: 1) Trong quá trình đổi mới phải chủ động không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam; 2) Đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm



“dân là gốc”, vì lợi ích của Nhân dân, dựa vào Nhân dân, phát huy vai trò dân chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của Nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; 3) Đòi hỏi phải toàn diện đồng bộ, có bước đi phù hợp, tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra; 4) Phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; 5) Phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của cả hệ thống chính trị, tăng cường mối quan hệ mật thiết với Nhân dân.

*Vấn đề mới quan trọng*, đó là: Chuyển giao giữa hai thế hệ cán bộ đã được chỉ ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá XII của Đảng Cộng sản Việt Nam: Thời gian tới cũng là giai đoạn chuyển giao thế hệ từ lớp cán bộ sinh ra, lớn lên, được rèn luyện, thử thách trong chiến tranh, chủ yếu được đào tạo trong nước và tại các nước xã hội chủ nghĩa sang lớp cán bộ sinh ra, lớn lên, trưởng thành trong hòa bình và được đào tạo từ nhiều nguồn, nhiều nước có chế độ chính trị khác nhau. Việc chuyển giao này, làm sao để lớp cán bộ trẻ, cùng với sức trẻ khỏe, tri thức thời đại phong phú, kế thừa được những ưu điểm, nhất là tiếp nối được lòng yêu

nước, lý tưởng cách mạng sâu sắc của thế hệ cán bộ cha anh, để tiếp tục đưa chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đi lên.

Như vậy, ngay khi không có những đảo lộn rất bất thường về xã hội và tự nhiên, nhưng nếu chủ nghĩa xã hội hiện nay không tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt những phương hướng lớn phát triển đất nước, những bài học quý báu rút ra sau những năm đổi mới vừa qua và không “suôn sẻ” trong chuyển giao giữa hai thế hệ cán bộ, thì triển vọng tương lai gần của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là: Đến những năm giữa thế kỷ XXI trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa cũng sẽ không được hiện thực hóa, bởi những nguy cơ đe dọa chế độ sẽ lại bùng phát, chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam sẽ phát triển khó khăn, rơi vào tình trạng của “bẫy thu nhập trung bình”, thậm chí phụ thuộc... Nhưng đây chỉ là khả năng thứ yếu, không thật hiện thực, nhưng rất cần cảnh giác để giảm thiểu khả năng này.

### **3. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam nửa sau thế kỷ XXI**

Triển vọng của tương lai xa này phụ thuộc trước hết vào triển vọng của tương lai gần. Đến giữa thế kỷ XXI, triển vọng chủ yếu và hiện thực là Việt Nam trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tức ở trạng thái ổn định, nhiều mặt phát triển nhanh và bền vững. Đây là nền tảng để chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từng bước đi lên. Nếu có nền tảng này thì triển vọng chủ yếu, hiện thực của nửa sau thế kỷ XXI, chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam sẽ là: Tiếp tục ổn định, phát triển nhanh và bền vững, là một nước công nghiệp thông minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa,

phồn vinh, hạnh phúc. Lúc đó, có thể gọi là đã kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và thực hiện được mục tiêu mà Cương lĩnh (2011) của Đảng Cộng sản Việt Nam nêu ra là: “Xây dựng được về căn bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”<sup>(9)</sup>. Cũng vào lúc đó, chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam mới “đứng vững trên đôi chân của mình” như các nhà kinh điển Mác - Lênin diễn đạt; *tám đặc trưng* của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, như chúng ta vẫn thường gọi là “mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” mới trở thành hiện thực đầy đủ. Đó là: Dân giàu, nước mạnh; dân chủ; công bằng; văn minh; do Nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới Tất nhiên, để chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có triển vọng chủ yếu và hiện thực nêu trên, ngoài nền tảng đạt được của tương lai gần là Việt Nam trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phải có những điều kiện khách quan thuận lợi và những phương hướng vận động chủ quan có tính nguyên tắc nhất định sau:

*Những điều kiện khách quan thuận lợi* nhất định cho chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam nước cuối thế kỷ XXI là: 1) Những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người trong vòng kiểm

soát được và thực thi có hiệu quả, như: Giữ gìn hoà bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa những bệnh hiểm nghèo...; 2) Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội có những bước tiến mới, thành tựu mới; 3) Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại hiện nay (Trung Quốc, Việt Nam, Cuba, Lào...) đứng vững và tiếp tục cải cách, đổi mới đi lên. Hơn nữa, các nước này ngày càng thống nhất hơn, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau và trở thành tấm gương, chỗ dựa cho phong trào cách mạng thế giới. Và không loại trừ khả năng sẽ có những cuộc cách mạng vô sản mới, “tái hiện lại” Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại..., để mở rộng không gian của chủ nghĩa xã hội hiện thực; 4) Trước các khả năng nêu trên, tình trạng thế giới vẫn cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt giữa các quốc gia có trình độ và chế độ chính trị khác nhau, nhưng các thế lực đế quốc, tư bản chủ nghĩa sẽ không còn nhiều tiềm năng và sự lũng đoạn thế giới như hiện nay nữa, sẽ xuất hiện những “mắt khâu yếu” để có tình thế cách mạng, có thêm các nước xã hội chủ nghĩa.

*Về mặt chủ quan*, chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam phải giữ vững các phương hướng có tính nguyên tắc sau:

*Một là*, kiên định sự lãnh đạo nhất nguyên và đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam. “Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam”. Điều này đã được thực tiễn kiểm nghiệm và: “Trong điều kiện nước ta, không có sự cần thiết khách quan để lập nên cơ chế chính trị đa nguyên, đa

đảng đối lập”<sup>(11)</sup>.

*Hai là*, hệ thống chính trị luôn đổi mới để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý, tập hợp quần chúng trong hoàn cảnh của một nước công nghiệp ngày càng hiện đại với những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Từ thực tiễn của công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh” “Hệ thống chính trị cơ bản ổn định, phù hợp với Cương lĩnh và Hiến pháp; bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”<sup>(12)</sup>.

*Ba là*, có khả năng phát hiện và kiềm chế, đẩy lùi những nguy cơ mới. Như đã nói, đến những năm giữa thế kỷ XXI, khi Việt Nam triển vọng trở thành một nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thì những nguy cơ, tuy vẫn còn, nhưng sẽ giảm thiểu phạm vi tác động và mức độ nguy hại. Thế nhưng, cuối thế kỷ XXI, khi vẫn còn chủ nghĩa tư bản và các lực lượng phản tiến bộ nói chung, thì không thể loại bỏ hết nguy cơ đối với chủ nghĩa xã hội. Tất nhiên, những nguy cơ này sẽ không giống như những nguy cơ hiện nay, mang hình thức mới, rất cần được sớm phát hiện để kiềm chế và đẩy lùi.

*Bốn là*, bảo đảm kiểm soát và xử lý tốt các mối quan hệ lớn, phổ biến trong xã hội. Các mối quan hệ này như những bộ khung của xã hội cần được quản lý để hài hoà, không đẩy tới xung đột, tạo bầu không khí ổn định cho phát triển của chủ nghĩa xã hội. Đó là các mối quan hệ: Giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa kinh tế và chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa quan

hệ sản xuất và lực lượng sản xuất; giữa kinh tế, văn hóa và xã hội; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...

*Năm là*, giữ vững được môi trường hòa bình, bảo vệ được độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và có sự ủng hộ ngày càng tăng của bạn bè quốc tế. Do vậy: Phải có “kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến”<sup>(13)</sup>. Sự ủng hộ ngày càng tăng của bè bạn quốc tế là một động lực của chủ nghĩa xã hội, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng.

*Sáu là*, có niềm tin của đông đảo Nhân dân vào chủ nghĩa xã hội. Lòng tin này của đông đảo Nhân dân là kết quả tổng hợp của các phương hướng có tính nguyên tắc nêu trên. Đây là điều kiện quan trọng nhất để chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay và mai sau tồn tại và phát triển.

Như vậy, để hiện thực hóa triển vọng nửa sau thế kỷ XXI chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam tiếp tục ổn định, phát triển nhanh và bền vững toàn diện, là một nước công nghiệp thông minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phồn vinh, hạnh phúc là cả *một sự nghiệp cách mạng lớn lao*. Triển vọng này là chủ yếu và hiện thực, song thời gian còn dài nên nhiều biến động khôn lường có thể xảy ra. Và nếu có, như chiến tranh, nhất là chiến tranh hạt nhân; biến đổi khí hậu toàn cầu cực đoan, thảm họa; hoặc có một, hai nước xã hội chủ nghĩa nào đó chệch hướng...; và nhất là, về phía vận động chủ quan, không tuân thủ những phương hướng có tính nguyên tắc vừa nêu thì chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, những năm cuối của thế kỷ XXI sẽ gặp

nhieu trở ngại, hoặc có thể, vẫn là một nước công nghiệp thông minh - hơn nữa, phát triển rất cao trong khu vực, nhưng sẽ không là hoặc rất ít còn là chủ nghĩa xã hội. Dự báo này chỉ là triển vọng thứ yếu, ít hiện thực, nhưng rất cần nêu ra để cảnh giác, giảm thiểu khả năng này. Qua đây, để các thế hệ Việt Nam đoàn kết hơn, kiên định hơn trong xây dựng chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI và tiếp theo. Đó là con đường mà Bác Hồ, ông cha ta và bao lớp người Việt Nam đã hy sinh mồ hôi, xương máu xây đắp nên và bởi niềm tin son sắt nêu trong Cương lĩnh (2011) của Đảng Cộng sản Việt Nam, rằng: “Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”<sup>(14)</sup>□

---

(1), (2), (3), (4), (6), (13) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.65, 65-66, 65, 65-68, 68, 148-149

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa XII*, Lưu hành nội bộ, Hà Nội, 2018, tr.25

(7), (9), (10), (14) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.71, 71, 70, 68

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, tr.57

(11) Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.125

(12) Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2017, tr.38

**Nguồn: Thông tin khoa học Lý luận chính trị - 2019 - số 2 (51) - tr.14-19**

---

# NHẬN THỨC VÀ GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

✍ GS, TS VŨ VĂN HIỀN

---

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

## **1. Bản chất, nội hàm của mối quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế**

Trước hết, cần xác định đây là mối quan hệ khách quan, nảy sinh và ngày càng sâu đậm trong quá trình chúng ta đổi mới, phát triển đất nước và mở cửa, hội nhập với thế giới. Đó là mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau. Nếu được xử lý tốt sẽ tạo tiền đề, điều kiện cho nhau, phát huy lẫn nhau, vừa thống nhất vừa thúc đẩy nhau trong việc bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia, dân tộc. Ngược lại, nếu không giải quyết tốt, hai mặt của mối quan hệ này sẽ hạn chế, cản trở lẫn nhau. Để giải quyết thật tốt mối quan hệ này, trước hết cần thấy rõ bản chất và nội hàm của nó thể hiện rõ trên những điểm cơ bản sau:

*Độc lập, tự chủ là cơ sở, điều kiện, tiền đề để chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Điều đó thể hiện:*

Một là, độc lập, tự chủ không phải là biệt lập, cô lập với thế giới bên ngoài, không đứng ngoài hội nhập quốc tế. Độc lập, tự chủ thể hiện chủ quyền, quyền tự quyết, tự lựa chọn con đường phát triển, tự quyết định mô hình phát triển của quốc gia, dân tộc. Tự chủ là năng lực thực hiện chủ quyền, tức là thực hiện quyền tự quyết dân tộc trên thực tế. Độc lập, tự chủ bao gồm độc lập, tự chủ về chính trị, kinh tế,



văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, v.v. Do đó, không có độc lập, tự chủ thì không thể nói tới hội nhập quốc tế chứ chưa nói tới chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

*Hai là*, độc lập, tự chủ là nhân tố đóng vai trò quyết định trong mối quan hệ với hội nhập quốc tế. Có độc lập, tự chủ thì mới độc lập, tự chủ trong việc tự quyết định lộ trình, bước đi, cách thức, nội dung, biện pháp, đối tác, lĩnh vực... hội nhập quốc tế. Qua gần 35 năm đổi mới cho thấy, đường lối độc lập, tự chủ của Đảng đã định hướng đúng cho tiến trình hội nhập từ việc lựa chọn lĩnh vực ưu tiên, xác định lộ trình hội nhập phù hợp... Ban đầu, chúng ta chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, sau đó cùng với hội nhập kinh tế, đã từng bước hội nhập toàn diện vào khu vực và quốc tế. Do vậy, quan hệ đối ngoại của nước ta được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu, góp phần tạo ra thế và lực mới của đất nước. Quan điểm và chính sách kiên trì độc lập, tự chủ của Đảng ta luôn luôn được cụ thể hóa, bổ sung và phát triển theo sự chuyển biến của tình hình trong nước và quốc tế. Điều đó đã mở đường cho quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng, phục vụ thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

*Ba là*, có độc lập, tự chủ thì mới độc lập, tự chủ trong lựa chọn, đề xuất các giải pháp đồng bộ, hữu hiệu, hạn chế tác động tiêu cực, phát huy tác động tích cực trong quá trình hội nhập quốc tế. Có độc lập, tự chủ thì mới độc lập, tự chủ trong phân tích, xử lý thông tin để có những giải pháp thiết thực, đồng bộ, hữu hiệu trước sự thay đổi mau lẹ của tình hình thế giới và khu vực, mới chủ động, tích cực trong hội nhập quốc tế.

*Bốn là*, độc lập, tự chủ là cơ sở để tận dụng nhiều cơ hội to lớn, đồng thời hạn chế tối đa những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước vừa, nhỏ, đang phát triển như Việt Nam do quá trình toàn cầu hóa gây ra. Để thích ứng với tiến trình toàn cầu hóa, tận dụng được những cơ hội vàng do toàn cầu hóa đem lại, ngăn ngừa và khắc phục những thách thức do toàn cầu hóa gây ra thì các quốc gia phải chủ động, độc lập, tự chủ và nỗ lực cùng nhau hợp tác không phân biệt giàu nghèo, to nhỏ. Nhưng sự hợp tác đó phải trên tinh thần bình đẳng cùng có lợi, tôn trọng luật pháp quốc tế. Do vậy, các quốc gia, dân tộc chủ động hội nhập quốc tế trên cơ sở độc lập, tự chủ thì mới có hiệu quả.

*Năm là*, độc lập, tự chủ sẽ là cơ sở, điều kiện để nước ta chủ động phát huy được lợi thế so sánh của mình trong quá trình hội nhập quốc tế nhằm từng bước phát triển. Chẳng hạn, chúng ta có lợi thế về các sản phẩm nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, may mặc, giày da... Chúng ta chỉ có thể xuất khẩu được những mặt hàng có lợi thế so sánh này khi hội nhập đầy đủ và sâu rộng vào kinh tế quốc tế. Nhưng nếu không độc lập, tự chủ thì lợi thế so sánh trong hội nhập sẽ bị các nước lớn mạnh lái theo ý họ. Có độc lập, tự chủ thì mới cân đối được, làm chủ được quan hệ giữa xuất khẩu và nhập khẩu, tránh nhập siêu quá giới hạn cho phép của nền kinh tế. Có độc lập, tự chủ chúng ta mới thúc đẩy cho kinh tế du lịch phát triển, lôi cuốn, kêu gọi được khách quốc tế đến tham quan, du lịch, làm ăn tại nước ta. Đây cũng là một nhân tố quan trọng thúc đẩy kinh tế trong nước phát triển.

*Đến lượt mình, hội nhập quốc tế góp phần tăng cường khả năng giữ vững độc lập, tự chủ của quốc gia, dân tộc. Có thể nhận rõ điều*



*Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Paris -  
Hội nghị ngoại giao dài nhất trong lịch sử thế giới từ năm 1968-1972*

*đó như sau:*

*Một là, hội nhập quốc tế sẽ tạo ra những cơ hội, tiền đề cho chúng ta giữ vững độc lập, tự chủ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh. Thực tiễn gần 35 năm mở cửa, hội nhập, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự điều hành, quản lý hiệu quả của Nhà nước, hội nhập quốc tế đã trở thành một trong các nguồn lực quan trọng để chúng ta củng cố độc lập, tự chủ. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế vừa là một giải pháp*

vừa là một động lực để giữ vững độc lập, tự chủ.

*Hai là*, hội nhập quốc tế sẽ tạo ra cho chúng ta những cơ hội thuận lợi để huy động nguồn lực bên ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội trong nước. Để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững độc lập, tự chủ, chúng ta phải phát huy cao độ nội lực, xem đó là nhân tố quyết định đối với sự phát triển đất nước. Tuy nhiên, cũng cần nhận thấy phải coi trọng huy động các nguồn lực bên ngoài. Muốn phát huy được các nguồn lực bên ngoài thì phải thông qua hội nhập và hợp tác quốc tế. Chính hội nhập quốc tế cho chúng ta những điều kiện để tận dụng được lợi thế của các nguồn lực bên ngoài như nguồn lực vốn, nguồn lực kỹ thuật, nguồn lực quản lý. Chúng ta đều rõ, toàn cầu hóa tạo ra cơ hội mở rộng thị trường, hàng rào thuế quan ngày càng thu hẹp, làm cho các luồng chuyên giao vốn vượt ra khỏi biên giới quốc gia, dân tộc, tạo ra nhiều hình thức đầu tư, hợp tác sản xuất. Tất cả những thuận lợi này cũng như các nguồn lực bên ngoài chỉ được phát huy có hiệu quả thông qua nội lực. Do vậy, phải chủ động, tích cực trong hội nhập quốc tế.

*Ba là*, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế giúp chúng ta thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Chính quá trình toàn cầu hóa đang làm thay đổi phân công lao động trên từng khu vực và trên toàn thế giới. Chúng ta có thể tận dụng sự tái phân công lao động này để phát huy mặt mạnh và lợi thế so sánh cho phát triển kinh tế. Trên cơ sở đó, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế sẽ cho chúng ta những cơ hội để rút ngắn quá trình này. Bởi lẽ, hội nhập kinh tế trong điều kiện toàn

cầu hóa sẽ có cơ hội tiếp nhận và ứng dụng nhanh chóng những thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến để rút ngắn quá trình phát triển.

*Bốn là*, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sẽ tạo ra cơ hội, môi trường hòa bình, ổn định để chúng ta phát triển đất nước, trên cơ sở đó góp phần giữ vững độc lập, tự chủ. Là một dân tộc đã trải qua nhiều năm chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, Việt Nam hiểu rõ và khát khao hơn bất cứ quốc gia, dân tộc nào sự hòa bình, ổn định để chấn hưng đất nước. Chúng ta đều rõ, hiện nay trên bình diện an ninh, đang nổi lên nhiều vấn đề an ninh đáng lo ngại như chủ nghĩa khủng bố, xung đột tôn giáo, xung đột sắc tộc, chủ nghĩa ly khai, nguy cơ bất ổn chính trị... Những vấn đề này đang đe dọa trực tiếp đến sự ổn định và phát triển của từng quốc gia cũng như từng khu vực và cả thế giới. Điều này đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng cùng một cơ chế thống nhất có hiệu quả trên cơ sở hợp tác giữa các nước, giữa các khu vực cũng như toàn thế giới. Muốn vậy các nước phải cùng nhau hợp tác.

*Năm là*, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sẽ giúp chúng ta hội nhập đầy đủ, sâu rộng hơn vào các thể chế kinh tế thế giới cũng như thể chế kinh tế khu vực, như Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB)... Trên cơ sở đó, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và giữ vững độc lập, tự chủ. Để phát triển kinh tế, chúng ta không thể không hội nhập quốc tế để hội nhập đầy đủ hơn vào các thể chế kinh tế thế giới cũng như thể chế kinh tế khu vực. Đại hội XII của Đảng đã chỉ rõ: “Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Bảo đảm hội nhập quốc tế là sự nghiệp

của toàn dân và cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh hội nhập trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình nâng cao sức mạnh tổng hợp, năng lực cạnh tranh của đất nước; hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế; hội nhập là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không thể rơi vào thế bị động, đối đầu bất lợi”<sup>(2)</sup>.

*Sáu là*, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế còn tạo điều kiện, cơ hội cho chúng ta xuất khẩu lao động. Khi xuất khẩu được lao động, chúng ta sẽ có cơ hội để nguồn lao động được tiếp thu những thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của những nước khác; tiếp thu được phong cách làm việc; phương thức tổ chức sản xuất của các nước. Điều này góp phần trực tiếp vào việc đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện đột phá về nhân lực chất lượng cao. Hơn nữa, xuất khẩu lao động còn tạo thêm công việc cho số lao động có tay nghề. Điều này góp phần giải quyết việc làm, giảm thiểu thất nghiệp, trên cơ sở đó giảm thiểu tệ nạn xã hội. Đồng thời, xuất khẩu lao động còn góp phần tăng thu nhập trực tiếp cho người lao động, tăng thu ngân sách cho quốc gia.

## **2** ■ Phương thức giải quyết mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế

Mối quan hệ giữa giữ vững độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế cần được giải quyết hài hòa, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn của đất nước. Việc xử lý mối quan hệ này không thể đơn giản mà phải có sự thấu đáo và khoa học trên mấy phương diện sau:

*Trên phương diện kinh tế*, trước hết, muốn độc lập, tự chủ, quốc



*Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc chứng kiến lễ ký Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA)*

gia phải có thực lực, cụ thể là có một nền kinh tế độc lập, tự chủ. Đó là nền kinh tế có cơ cấu kinh tế hợp lý, hiệu quả và đảm bảo độ an toàn cần thiết; nền kinh tế phát triển bền vững và có năng lực cạnh tranh cao; cơ cấu xuất nhập khẩu cân đối; cơ cấu mặt hàng đa dạng, phong phú với tỷ lệ các mặt hàng công nghệ và có giá trị gia tăng lớn chiếm ưu thế; cơ cấu thị trường quốc tế đối tác cũng đa dạng và tránh chỉ tập trung quá nhiều vào một vài mục tiêu. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài, mặc dù là cần thiết và quan trọng nhưng không để chiếm lĩnh vai trò chi phối nền kinh tế quốc gia cũng như không thể được phép vào những ngành nhạy cảm có thể gây tổn hại đến an ninh, quốc

phòng của đất nước. Một nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hoá có thể được hiểu là nền kinh tế có khả năng thích ứng cao với những biến động của tình hình quốc tế và ít bị tổn thương trước những biến động đó; trong bất cứ tình huống nào nó cũng có thể cho phép duy trì được các hoạt động bình thường của xã hội và phục vụ đắc lực cho các mục tiêu an ninh, quốc phòng của đất nước.

Xây dựng kinh tế độc lập, tự chủ trước hết là độc lập, tự chủ về đường lối phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đủ mạnh; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển mạnh một số ngành, lĩnh vực và sản phẩm kinh tế chủ yếu có vai trò quan trọng hàng đầu, có hiệu quả như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, luyện kim, hóa dầu, than, khoáng sản, cơ khí chế tạo... Bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, an toàn năng lượng, an toàn tài chính - tiền tệ, an toàn môi trường; bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững trong bất cứ tình huống nào, lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn, gặp rủi ro.

*Trên phương diện xã hội, yêu cầu của một quốc gia độc lập, tự chủ hàm chứa năng lực thực hành thuần thực hai cách thức quản trị xã hội: chính thức (tức là bằng pháp luật và các quy định thành văn) và phi chính thức (bằng con đường tuyên truyền, vận động, giáo dục...).*

Sự phát triển sâu rộng của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay đang tạo ra hàng loạt không gian quyền lực chung, có tính toàn cầu vượt ra ngoài tầm kiểm soát của chính phủ quốc gia.



Để xử lý, vượt qua các thách thức, chính phủ nhiều nước trên thế giới đã chủ động cải cách. Tuy nội dung và mô hình cải cách có khác nhau, nhưng nổi lên 3 nét chung sau đây trong xu thế cải cách chính phủ hiện đại. *Một là*, phi tập trung hoá quyền lực nhà nước, mạnh dạn phân cấp, trao quyền cho các cơ cấu địa phương. Đây không phải là quá trình từ bỏ quyền lực trung ương, mà là biện pháp để củng cố bản thân quyền lực ấy một cách hợp lý, hiệu quả hơn. Trung ương không thay địa phương trong quản lý xã hội ở phạm vi cụ thể, mà phải giám sát việc quản lý do chính quyền địa phương tiến hành. Nhờ quá trình phi tập trung hoá này, các quyết định trở nên gần gũi, sát hợp với thực tế hơn và động viên được đông hơn các tổ chức, cá nhân vào công việc quản lý xã hội. *Hai là*, phát huy đầy đủ vai trò của cơ chế thị trường trong phân bổ các nguồn lực phát triển xã hội; kết hợp tốt chức năng điều tiết của chính phủ với thị trường và xã hội. *Ba là*, phát huy rộng rãi dân chủ trong toàn xã hội, không chỉ thể hiện sự phát triển của nền dân chủ chính trị, mà còn phải bảo đảm mọi quyền lực là của nhân dân, dân chủ được thực thi trong nhân dân nhằm giúp chính phủ thực hiện sự quản lý hiện thực đối với các mặt của đời sống xã hội.

*Trên phương diện chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại*, độc lập, tự chủ là yêu cầu có tính nguyên tắc trong quá trình hội nhập quốc tế của nước ta. Độc lập tự chủ về chính trị có nghĩa là tự mình xác định mục tiêu, con đường phát triển đất nước; tự mình hoạch định đường lối, chủ trương, chiến lược phát triển; tự mình xác lập và duy trì thể chế chính trị, không chấp nhận bất cứ sự can thiệp nào từ bên ngoài, kiên quyết giữ vững chủ quyền, lãnh thổ đất nước và trật tự, an toàn xã hội. Độc lập tự chủ về chính trị được thể hiện cả trong đối nội và đối ngoại, cả kinh tế, văn hoá, xã hội và quốc phòng, an ninh...

Logic của tiến trình đổi mới là đổi mới kinh tế phải được đồng bộ, hài hòa với đổi mới chính trị, cải cách hành chính, mở rộng dân chủ, cải cách lập pháp, tư pháp. Yêu cầu đổi mới toàn diện như vậy đặt ra đòi hỏi ngày càng cấp thiết đối với năng lực quản trị của Nhà nước và năng lực cầm quyền của Đảng tại tất cả các cấp, các ngành, các địa phương. Đổi mới chính trị, đồng bộ với đổi mới kinh tế, tối ưu hoá hoạt động của hệ thống chính trị, phân bổ quyền lực chính trị hợp lý, kiểm soát quyền lực một cách hiệu quả là cách tốt nhất đáp ứng các yêu cầu và thách thức đặt ra.

Độc lập, tự chủ về đối ngoại là một vấn đề rất quan trọng. Độc lập, tự chủ trong quan hệ quốc tế và đối ngoại thể hiện trước hết ở tư duy, nhận thức độc lập, sáng tạo, xuất phát từ lợi ích tối cao của đất nước - dân tộc, không giáo điều, rập khuôn, máy móc trong hoạch định và thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại, trong xác định đối tác, đối tượng và tập hợp lực lượng quốc tế. Hệ thống các quan hệ đối ngoại rộng lớn hiện nay của Việt Nam là kết quả của một quá trình thực hiện các bước đột phá: từ phá thế bao vây, cấm vận, bình thường hoá quan hệ với các nước lớn, cải thiện quan hệ với các nước trong khu vực..., đến thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, hợp tác bình đẳng cùng có lợi, là bạn với tất cả các nước, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế□

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2011, tr.73

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H.2016, tr.154-155

**Nguồn: Tạp chí Tuyên giáo - 2020 - số 9 - tr.25-27**

# MẤY Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ “THỜI KỲ QUÁ ĐỘ” VÀ “ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA” TRÊN CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

✉ GS, TS NGUYỄN NGỌC LONG

---

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Nhận ngày 6 tháng 10 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 11 năm 2020.

**Tóm tắt:** Trên cơ sở làm rõ nguồn gốc của khái niệm “thời kỳ quá độ” và khái niệm “định hướng xã hội chủ nghĩa, chỉ ra sự khác nhau giữa hai khái niệm này; đồng thời phân tích vấn đề “thời kỳ quá độ” và vấn đề “định hướng xã hội chủ nghĩa” ở Việt Nam, tác giả đề xuất: 1). Thay cho thuật ngữ “thời kỳ quá độ”, có thể dùng thuật ngữ “giai đoạn quá độ”; 2). Sử dụng khái niệm “định hướng xã hội chủ nghĩa” làm một trong những góc độ tiếp cận khoa học vấn đề con đường đi lên chủ nghĩa xã hội nói chung, quá độ lên chủ nghĩa xã hội nói riêng, chứ không phải thay cho cách tiếp cận “quá độ lên chủ nghĩa xã hội”; 3). Vận dụng phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết những vấn đề thực tiễn của Việt Nam.

**Từ khóa:** *Thời kỳ quá độ, định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội.*

**Vấn đề đặt ra như thế nào?**

1. *Từ nguồn gốc các khái niệm: “Thời kỳ quá độ ” và “định hướng xã hội chủ nghĩa ”*

Trong học thuyết Mác - Lênin, khái niệm “*thời kỳ quá độ*” là lý luận về sự chuyển biến cách mạng từ xã hội tư bản chủ nghĩa sang xã hội cộng sản chủ nghĩa, mà giai đoạn đầu là xã hội xã hội chủ nghĩa, nên được diễn đạt là *thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Lý luận “*thời kỳ quá độ*” là cơ sở lý luận trực tiếp chủ yếu cho đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của các đảng cộng sản, đưa đến sự ra đời hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới trong thế kỷ XX; còn được đúc kết thành “*những tính quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ*”, như đã nêu trong *Tuyên bố của Hội nghị các Đảng Cộng sản và công nhân tại Mátxcova - 1957*.

Trong khi đó, “*định hướng xã hội chủ nghĩa*”, với tính cách là một khái niệm của chủ nghĩa xã hội khoa học, đã ra đời và được sử dụng rộng rãi trên sách báo mácxít<sup>(1)</sup> từ những năm giữa thế kỷ XX, đã thành một từ mục trong *Từ điển chủ nghĩa cộng sản khoa học*, để chỉ một khuynh hướng phát triển tiên bộ và cách mạng, cũng là đặc trưng chính trị - xã hội của một loạt nước Á, Phi và Mỹ Latinh. Điều kiện lịch sử cho sự ra đời khái niệm đó là bối cảnh chính trị thế giới ở thế kỷ XX, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định. Đó là, ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười và tấm gương của xã hội Xôviết đã “*làm cho các dân tộc phương Đông tin tưởng hướng theo tư tưởng xã hội chủ nghĩa vĩ đại*” (N.N.L. nhấn mạnh); “*đã thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc, làm cho nó trở thành một làn sóng mãnh liệt trong tất cả các nước phương Đông*”. Vì vậy, sau chiến tranh thế giới thứ hai, một loạt nước thuộc địa và nửa thuộc địa đã phá tan xiềng xích của chủ nghĩa đế quốc, trở thành nước độc lập. Một số nước có điều kiện bước vào con đường *quá độ lên chủ nghĩa xã hội và gia nhập vào hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới* (trong đó có Việt Nam). “*Nhiều nước đã tách khỏi hệ thống tư*

*bản chủ nghĩa*”<sup>(2)</sup> (N.N.L. nhấn mạnh), đi theo “con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa” (*từ điển chủ nghĩa cộng sản khoa học*) và tranh thủ sự ủng hộ của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới để *phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa*, được gọi là những *nước định hướng xã hội chủ nghĩa*. (Một ý kiến trong cuốn *Một số vấn đề về định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta* cho rằng, “định hướng xã hội chủ nghĩa” chỉ được đặt ra đối với một nước có điều kiện bên trong phải là “*chính quyền thuộc về nhân dân lao động do các đảng mácxít - leninnít lãnh đạo*”<sup>(3)</sup> là không chính xác). Như vậy, sự khác biệt giữa khái niệm “*định hướng xã hội chủ nghĩa*” với khái niệm “*quá độ lên chủ nghĩa xã hội*”, giữa “*sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa*” với “*sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội*”, giữa “*nước định hướng xã hội chủ nghĩa*” với “*nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội*” là hết sức rõ ràng. Còn ở nước ta, là một từ ngữ du nhập, nên ý nghĩa có thể có ít nhiều thay đổi, nhưng không thể theo ý riêng của mỗi người.

## 2. Đến vấn đề “*thời kỳ quá độ*” ở Việt Nam

Những tính quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội trong “*thời kỳ quá độ*” đã được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng (bổ sung quy luật công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa) để chuyển từ giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội; ở miền Bắc, sau khi đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, giải phóng nửa nước, và trên phạm vi cả nước sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Những quan điểm rất cơ bản của lý luận thời kỳ quá độ được thể hiện ở “*đường lối chung*” của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cả nước do Đại hội IV (1976) của Đảng đề ra.

Sự gắn kết nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn theo tinh thần đổi mới đã đưa đến những thay đổi rất căn bản trong nhận thức về “sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội” ở Việt Nam, thể hiện tập trung ở *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, được thông qua tại Đại hội VII (1991) và được Đại hội XI (2011) bổ sung, phát triển.

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991)* là dấu mốc lịch sử của quá trình đổi mới tư duy lý luận về mục tiêu xã hội chủ nghĩa và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. “Vận dụng sáng tạo” lý luận về “thời kỳ quá độ” để làm sáng tỏ tính đặc thù của sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa” đã đưa đến những thay đổi quan trọng cả về nội hàm chính trị (với việc thay từ ngữ “chuyên chính vô sản”) và nội hàm kinh tế (thay quy luật “cải tạo xã hội chủ nghĩa” nền kinh tế bằng *phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*) của khái niệm “thời kỳ quá độ”, được Đại hội IX đúc kết và đánh giá cao, xem đó là “nhận thức ngày càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta”. Nhận thức ngày càng đầy đủ hơn vai trò quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải nhận thức rõ hơn nữa mục tiêu kinh tế của thời kỳ quá độ, gắn với nó là đặc trưng kinh tế của chủ nghĩa xã hội nói riêng, cũng là vấn đề của mục tiêu xã hội chủ nghĩa nói chung đã đưa đến sự ra đời *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ (Bổ sung và phát triển năm 2011)*; trong đó, thuật ngữ “thời kỳ quá độ” vẫn được sử dụng nhưng với tần suất thấp, trong khi *thuật ngữ “định hướng xã hội chủ nghĩa”* được sử dụng với ý nghĩa lớn hơn. Mặc dù trong nhận thức mới vẫn có những vấn đề cần được làm sáng tỏ, như: Mục tiêu kinh tế khi kết thúc

thời kỳ quá độ là thế nào? *Cương lĩnh - bổ sung, phát triển* năm 2011 xác định là “xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội”, còn nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội được định nghĩa là một “nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp”! Nhưng tính chất *tiến bộ phù hợp* đâu phải là đặc trưng riêng có của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa? (Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa chẳng đã là tiến bộ, là cách mạng nữa, khi nó phù hợp với lực lượng sản xuất đó sao?). Hoặc việc xác định điểm xuất phát (quá độ từ đâu?), chặng đường, những hình thức quá độ... cũng còn là những vấn đề không đơn giản. Song có đủ căn cứ để khẳng định rằng, quan niệm về “thời kỳ quá độ” lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trước và sau *Cương lĩnh* đã thay đổi một cách căn bản.

Trong khi đó, một vấn đề được một số công trình nghiên cứu đặt ra là: *Cần thay từ “thời kỳ quá độ” bằng từ ngữ khác để diễn đạt con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*, bởi lẽ:

*Thứ nhất*, “sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội” ở nước ta với “thời kỳ quá độ” lên chủ nghĩa xã hội trong học thuyết mácxít là hai khái niệm có những điểm tương đồng nhưng không đồng nhất. 1) Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta không phải từ chủ nghĩa tư bản, không chỉ bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa; mà là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Khả năng quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ xã hội tiền tư bản đã được C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin dự báo, nhưng các ông chưa xây dựng được lý luận về con đường quá độ đó. (Cho rằng có “thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ở các nước chưa qua chế độ tư bản chủ nghĩa”<sup>(4)</sup> là không lôgic). 2) Có nội dung khác nhau cả ở những nội hàm cơ bản, quan trọng. Về

chính trị, thay vì “chuyên chính vô sản” là “xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”. Về kinh tế, thay vì “cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế” là “phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. 3) Việc xem con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta chỉ là biểu hiện đặc thù của lý luận thời kỳ quá độ, như quan niệm trước đổi mới, khiến cho dẫu cố gắng “vận dụng sáng tạo” vẫn không tránh khỏi những sai lầm, khuyết điểm trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*Thứ hai*, làm rõ sự khác nhau giữa hai khái niệm ấy là tiền đề nhận thức quan trọng cho việc tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề về mục tiêu xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Điều này hoàn toàn khác với thái độ chối bỏ lý luận thời kỳ quá độ của chủ nghĩa Mác - Lênin; trái lại, phải hiểu lý luận đó một cách đúng đắn, sâu sắc; nhờ đó, tránh áp dụng giáo điều, máy móc.

Như vậy, việc thay thế thuật ngữ “thời kỳ quá độ” bằng thuật ngữ khác trong cách diễn đạt con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta không phải là chuyện chữ nghĩa sách vở, mà là điều cần thiết; không chỉ để tránh áp dụng máy móc, giáo điều lý luận thời kỳ quá độ, mà còn để xây dựng phương pháp tiếp cận mới vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Thực tế là, những vấn đề trên đây đã được đặt ra trong một số công trình nghiên cứu, ngay khi *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991)* vừa ra đời; phương án thay thế khác nhau cũng đã được đưa ra<sup>(5)</sup>. Một trong những phương án được đề xuất là sử dụng khái niệm “định hướng xã hội chủ nghĩa”. Trong nhiều công trình nghiên cứu và các văn kiện Đại hội, thuật ngữ “thời kỳ



quá độ” vẫn được sử dụng, nhưng với tần suất ít đi; còn vấn đề “định hướng xã hội chủ nghĩa” lại được đặt ra và có tần suất sử dụng tăng lên.

### 3. Đến vấn đề “định hướng xã hội chủ nghĩa”

Ở nước ta, thuật ngữ “định hướng xã hội chủ nghĩa” được sử dụng đầu tiên trong Nghị quyết Trung ương 6 (khóa VI - tháng 3-1989) và Văn kiện Đại hội VII để nói về lĩnh vực kinh tế. Từ Đại hội VIII và trong các công trình nghiên cứu lý luận, khái niệm “định hướng xã hội chủ nghĩa”, cụm từ “theo định hướng xã hội chủ nghĩa” sử dụng ngày càng nhiều và mở rộng ra các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Số lượng bài viết về vấn đề này không nhiều, mà ý kiến khác nhau về “phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa là như thế nào lại đang còn không ít”<sup>(6)</sup>. Cho đến nay, công trình nghiên cứu công phu hơn cả về chủ đề này là Đề tài cấp nhà nước KHXH 01-07 (1996-2000), kết quả được công bố trong cuốn *Một số vấn đề về định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta*. Một điều dễ nhận thấy trong cuốn sách này, cũng như ở nhiều bài viết khác là, ngoài lĩnh vực kinh tế, các tác giả đã hoàn toàn đồng nhất “định hướng xã hội chủ nghĩa” với “phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa”; thậm chí với “xây dựng chủ nghĩa xã hội”. Ví dụ: “*Định hướng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là quá trình hoạt động tự giác của chủ thể chính trị (...) nhằm tổ chức thực hiện thành công sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta...*”<sup>(7)</sup> trong đề tài cấp bộ *Đặc điểm của thời kỳ quá độ...* thì đưa ra kiến nghị: “Thay khái niệm “thời kỳ quá độ” bằng tên gọi mới là “*thời kỳ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”.

Vấn đề thu hút sự quan tâm hơn nữa khi Đại hội XI dùng cụm từ

“theo định hướng xã hội chủ nghĩa” vào việc xác định mục tiêu phát triển của đất nước: “*Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”<sup>(8)</sup>. Ở đây, cụm “theo định hướng xã hội chủ nghĩa” không bỏ nghĩa cho *nền* công nghiệp hiện đại, mà là cho “*một nước công nghiệp hiện đại*”. (“Định hướng xã hội chủ nghĩa” là vấn đề của nền kinh tế, không phải là vấn đề của lực lượng sản xuất).

Từ đó, vấn đề đặt ra: *Vậy thế nào là một nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa? Mối liên hệ giữa sự “phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa” với “quá độ lên chủ nghĩa xã hội” thế nào?*

Có ý kiến cho “định hướng xã hội chủ nghĩa” với “thời kỳ quá độ” là những khái niệm “ngang nhau” cần “sử dụng đồng thời”! Lại có ý kiến cho rằng “chọn định hướng xã hội chủ nghĩa là mục tiêu phát triển xã hội” là *cách tiếp cận mới*, sẽ khắc phục được bệnh giáo điều, xa rời thực tiễn trong việc xác định mục tiêu phát triển, còn tạo được sự đồng thuận cao của xã hội!

### ***Tìm lời giải đáp từ thực tế Việt Nam:***

Từ “Định hướng xã hội chủ nghĩa” của cách mạng Việt Nam - Logic và lịch sử...

Định hướng nghĩa là xác định phương hướng (Từ điển tiếng Việt). Ở nước ta, có thể nói, vấn đề “định hướng xã hội chủ nghĩa” của cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đã được Hồ Chí Minh giải quyết từ Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, khi xác định “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để *đi tới xã hội cộng sản*”; đồng

thời chỉ rõ, quá trình cách mạng phải trải qua hai giai đoạn, với mục tiêu chung là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhưng mục tiêu trước mắt, cụ thể của mỗi giai đoạn là khác nhau. Vấn đề cũng được đặt ra khi miền Bắc được giải phóng (năm 1954) và sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (năm 1975); nhưng không phải là có “theo định hướng xã hội chủ nghĩa” nữa không, mà là “phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa” như thế nào? (Chuyển ngay sang cách mạng xã hội chủ nghĩa hay chưa?).

Vấn đề đã được giải quyết: Thắng lợi của giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã tạo tiền đề để quá độ lên chủ nghĩa xã hội. “Định hướng xã hội chủ nghĩa” theo nghĩa chung nhất là vấn đề của toàn bộ quá trình phát triển; cụ thể hơn là: Xác định phương hướng và phát triển theo định hướng. Vấn đề của giai đoạn quá độ này *không còn là “định hướng”* theo nghĩa hẹp (chọn hướng nào); *không chỉ là “theo” định hướng đã chọn, mà quan trọng hơn, là “giữ vững” định hướng xã hội chủ nghĩa!* Vậy lịch sử đã chứng tỏ:

*Thứ nhất*, “định hướng xã hội chủ nghĩa” với “thời kỳ quá độ”, “phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa” với “quá độ lên chủ nghĩa xã hội” là những *khái niệm khác nhau*, được dùng trong *văn cảnh khác nhau* (chứ không phải đồng thời), để diễn đạt *nội dung nhận thức khác nhau* về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. “Phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa” chỉ cái chung của toàn bộ quá trình; còn “quá độ lên chủ nghĩa xã hội” chỉ cái riêng của một giai đoạn. Quan hệ giữa chúng, về lôgic học, là giữa *khái niệm giống* với *khái niệm loài*. “Quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, tất nhiên, hàm ý “định hướng xã hội chủ nghĩa”; còn “định hướng xã hội chủ nghĩa” chưa hẳn đã là “quá độ lên chủ nghĩa xã

hội”, nên *tính xác định mục tiêu xã hội chủ nghĩa thấp hơn*. Trong xã hội quá độ lên chủ nghĩa xã hội, sự tồn tại những yếu tố mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa là tất yếu; nhưng không thể xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong một xã hội mới chỉ là định hướng xã hội chủ nghĩa. Vậy xem “định hướng xã hội chủ nghĩa” với “quá độ lên chủ nghĩa xã hội” là những khái niệm “*ngang nhau*”, “*đồng đẳng*”, *cần sử dụng “đồng thời*”, để xác định giai đoạn cách mạng hiện nay ở nước ta “vừa là quá độ vừa là định hướng xã hội chủ nghĩa”, là *không lôgic*.

*Thứ hai*, như vậy, dùng cụm từ “theo định hướng xã hội chủ nghĩa” để *xác định mục tiêu phát triển của đất nước ở bất cứ một thời điểm nhất định nào là không thích hợp!* Có Đảng lãnh đạo, gần một thế kỷ nay, cách mạng Việt Nam luôn phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vậy mục tiêu do Đại hội XI đề ra là “đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”<sup>(9)</sup> có là theo định hướng xã hội chủ nghĩa không? hay còn là “mục tiêu” phân đầu của ba thập niên nữa? Vấn đề là ở chỗ: Nếu “*cách tiếp cận mới*” lấy *định hướng xã hội chủ nghĩa làm mục tiêu của sự phát triển thì cái gì là mục tiêu của định hướng xã hội chủ nghĩa?* Đương nhiên lại là chủ nghĩa xã hội! Phải chăng chủ nghĩa xã hội ở đây, như một ý kiến trên *Tuổi trẻ điện tử*, 8-3-2006, chỉ là *mục tiêu phát triển - tức là lý tưởng*. Còn “nếu cứ vẫn dùng cụm từ định hướng xã hội chủ nghĩa mà xã hội chủ nghĩa ở đây là *mô thức tổ chức xã hội* thì sẽ rơi vào tình trạng nói mà không làm được...”; tóm lại, vẫn là giáo điều, bảo thủ, tiêu cực, cản trở đổi mới? Còn nhiều ý kiến rất khác nhau, với những vấn đề mới đặt ra! Vậy là, những vấn đề của “quá độ lên chủ nghĩa xã hội” không thể giải quyết bằng khái niệm định hướng xã hội chủ nghĩa!

*Thứ ba, thay khái niệm thời kỳ quá độ bằng thời kỳ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã không phù hợp thực tế, cả về lôgic lẫn lịch sử; lại không đáp ứng yêu cầu của việc thay thuật ngữ “thời kỳ quá độ” không phải để phủ nhận tính quá độ, mà chính là phải làm rõ hơn nữa “sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội” ở nước ta.*

*Đến quá độ “từ chế độ dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội”.*

*Chủ tịch Hồ Chí Minh không những đã chỉ ra “đặc điểm to nhất” của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là “không kinh qua chủ nghĩa tư bản” - tức là “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa”, mà còn chỉ rõ khả năng ấy là do có tiền đề được giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tạo ra; đó là *chế độ dân chủ nhân dân*. Báo cáo về dự thảo Hiến pháp sửa đổi tại kỳ họp Quốc hội khóa I (18-12-1959), Người nói; “Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến dần từ chế độ dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội...”<sup>(10)</sup> (N.N.L. nhấn mạnh).*

*Sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta khác với tất cả các kiểu quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, trước hết, là ở chỗ: Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là quá trình cách mạng lật đổ chế độ xã hội cũ, chuyển sang xã hội mới; còn quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta lại là sự tiếp nối hai giai đoạn cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo, nên không có bức trường thành ngăn cách nào. Vì vậy, thay cho thuật ngữ “thời kỳ quá độ”, kiến nghị của Đề tài KX.05-04: “Có thể dùng thuật ngữ “giai đoạn quá độ”, xem đây là một giai đoạn cách mạng mới nối tiếp giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân”<sup>(11)</sup>, là thích hợp.*

*Thứ hai, việc xác định chế độ dân chủ nhân dân là điểm xuất phát cho phép nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn về giai đoạn quá độ: 1) Chế độ*

dân chủ nhân dân là điều kiện tiên quyết để có thể quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến. 2) Sự khác nhau từ điểm xuất phát quy định sự khác nhau về nội dung và phương thức phát triển quá độ. Thực chất kinh tế của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là thủ tiêu chế độ sở hữu tư sản, xác lập chế độ sở hữu xã hội xã hội chủ nghĩa. Muốn vậy, phải sử dụng sức mạnh của Nhà nước - thành quả cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản - để trấn áp sự phản kháng của giai cấp tư sản. Đó là “chuyên chính vô sản”. Còn quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta lại là phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc để phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước. Đó là Nhà nước xã hội chủ nghĩa phát triển lên từ Nhà nước dân chủ nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo, ra đời từ kết quả cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. 3) Do đó, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta không thể không là quá trình phát triển *lâu dài* (vốn không thuộc nội hàm khái niệm “thời kỳ quá độ”), với những hình thức, bước đi mang tính quá độ, đòi hỏi phát huy mạnh mẽ tinh thần cách mạng và sáng tạo của nhân tố chủ quan. 4) Hiểu thực chất khái niệm “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa”.

### 3. Đến “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa”

Vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào quá trình đổi mới giúp chúng ta nhận thức ngày càng rõ hơn thế nào là “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa” trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó chỉ là, như Đại hội IX đã chỉ rõ: “Bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa,...”. Điều đó cũng có nghĩa là, kinh tế tư bản không những không bị xóa bỏ mà còn được

phát triển như một tất yếu lịch sử.

Trong học thuyết Mác, sự thay thế xã hội tư bản chủ nghĩa bằng xã hội cộng sản chủ nghĩa mang tính tất yếu kinh tế, với những tiền đề kinh tế do chính sự phát triển của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa tạo ra; cùng với một lực lượng sản xuất phát triển cao là những hình thức kinh tế mang tính “quá độ”. C.Mác xem các công ty cổ phần tư bản là “tư bản tập thể”, “tư bản xã hội”; thậm chí là “sự thủ tiêu tư bản với tư cách là sở hữu tư nhân ở trong những giới hạn của bản thân phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa” và xem đó “là *hình thái quá độ* (N.N.L. nhấn mạnh) từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa sang phương thức sản xuất tập thể”<sup>(12)</sup>. Trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, sự phát triển tư bản không những là tất yếu, mà còn có vai trò rất quan trọng. Bởi lẽ, công việc lịch sử tạo tiền đề kinh tế cho chủ nghĩa xã hội từ trong lòng xã hội tư bản, thì giai cấp tư sản Việt Nam đã không thể làm nổi; nay được thực hiện bởi chủ thể mới, trong điều kiện mới và, tất nhiên, bằng phương pháp mới. Đó chính là sự phát triển thành phần kinh tế tư bản trong sự thống nhất của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì vấn đề mấu chốt, cũng là mới mẻ, phức tạp nhất, là sự phát triển tư bản. “Nhưng nó được phát triển với *tính cách là khâu trung gian*, nghĩa là phải được thực hiện một cách chủ động tự giác theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì thế, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa không đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của xã hội, tạo thành cơ sở kinh tế cho việc xác lập một kinh tế thị trường chính trị tư bản chủ nghĩa... Đó là nội dung thực chất của khái niệm bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa”<sup>(13)</sup>. Như vậy, bằng cách phát triển tư bản một cách chủ động và tự giác làm khâu trung gian, *nền kinh tế thị trường định hướng xã*

*hội chủ nghĩa là hình thái kinh tế quá độ đặc biệt để chuyển thành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Vậy đặc trưng của nền kinh tế đó là gì?*

C.Mác không để lại cho chúng ta một hệ thống lý luận về quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ xã hội tiền tư bản, nhưng để lại “cái cảm nung” cho việc xem xét những vấn đề nảy sinh trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của cả nhân loại. Đó là phương pháp khoa học trong việc tiếp cận cộng sản chủ nghĩa. “Đối với chúng ta, - C.Mác và Ph.Ăngghen viết - chủ nghĩa cộng sản không phải là một *trạng thái* cần phải sáng tạo ra, không phải là một *lý tưởng* mà hiện thực phải khuôn theo. Chúng ta gọi chủ nghĩa cộng sản là một phong trào *hiện thực*, nó xóa bỏ trạng thái hiện nay”<sup>(14)</sup>. V.I.Lênin thì nhận xét: “Mác đặt vấn đề chủ nghĩa cộng sản giống như một nhà tự nhiên học đặt”<sup>(15)</sup>. Chủ nghĩa Mác luận chứng sự thay thế hợp quy luật xã hội tư bản chủ nghĩa bằng xã hội cộng sản chủ nghĩa mà không cần dùng “một gam đạo đức nào” (V.I.Lênin). Với chủ nghĩa Mác, sự ra đời của sở hữu tư nhân và chế độ bóc lột không phải là bước đi lầm lạc của lịch sử; trái lại, là bước tiến tới văn minh. Không có chế độ nô lệ cổ đại thì không có chủ nghĩa tư bản hiện đại; nếu thế, cũng không có chủ nghĩa xã hội hiện đại. Chế độ *sở hữu tư nhân* là sự phủ định sở hữu cá nhân - cái cơ sở cho sự phát triển tự do - của người lao động. Nhưng cũng chỉ đến chế độ sở hữu tư sản, cái “biểu hiện cuối cùng và hoàn bị nhất” của chế độ tư hữu mới sản sinh cái khả năng thủ tiêu chế độ tư hữu nói chung. Vậy *chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa* là cái “phủ định của phủ định”. “Sự phủ định này không khôi phục lại chế độ tư hữu, mà khôi phục lại chế độ sở hữu cá nhân trên cơ sở những thành tựu của thời đại tư bản chủ nghĩa; trên cơ sở hợp tác và sự chiếm hữu công cộng với ruộng đất và những tư liệu sản xuất do chính lao động làm ra”<sup>(16)</sup>. Vậy *bản chất của chế độ sở hữu xã hội* trong chủ nghĩa xã hội là



*sự thống nhất sở hữu xã hội với sở hữu cá nhân.* Hình thức tồn tại, phát triển của nó như thế nào, thì như V.I.Lênin đã nhận xét: “Trong tài liệu của Mác, người ta không thấy mảy may một ý định nào nhằm bịa ra những ảo tưởng, nhằm đặt ra những dự đoán vu vơ về những điều mà người ta không thể nào biết được”. Vì không muốn là người không tưởng nên “Mác chờ kinh nghiệm của phong trào quần chúng”<sup>(17)</sup> để giải đáp những vấn đề xã hội mới đặt ra.

Tóm lại, trong việc làm sáng tỏ những vấn đề về mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta nói chung, tránh căn bệnh giáo điều, máy móc nói riêng, thiết nghĩ có mấy điều vừa là cốt yếu, vừa là cần thiết trước mắt: 1/ Nên thay *thuật ngữ “thời kỳ quá độ” bằng “giai đoạn quá độ”* để diễn đạt giai đoạn phát triển hiện nay của nước ta là *“giai đoạn quá độ từ chế độ dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa”*. 2/ Sử dụng khái niệm “*định hướng xã hội chủ nghĩa*” làm một trong những góc độ tiếp cận khoa học vấn đề con đường đi lên chủ nghĩa xã hội nói chung, quá độ lên chủ nghĩa xã hội nói riêng, chứ không phải là thay cho cách tiếp cận “*quá độ lên chủ nghĩa xã hội*”. 3/ Điều cốt yếu vẫn là: a) Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; *giữ vững* định hướng xã hội chủ nghĩa; b) Nhận rõ đặc điểm sự phát triển quá độ từ chế độ dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; c) Từ đó, “*dùng lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta*”<sup>(18)</sup> để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra □

---

(1) Tiếng Nga: ориентация к социализму

- (2) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.11, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.172
- (3) GS. Trần Xuân Trường (Chủ biên) (2000), *Một số vấn đề về định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.16
- (4) *Tạp chí Cộng sản*, số 4, tháng 2-1996, tr.16
- (5) Trong đó có những đề tài khoa học như: Đề tài KX.05-04 (1991-1995) của Khoa Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Đề tài cấp Bộ: Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng (2008) của Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam
- (6) Xem: Phương pháp luận tiếp cận về sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa: Trang thông tin điện tử Hội đồng Lý luận Trung ương, Thứ Năm, ngày 22 tháng 10 năm 2020.
- (7) GS. Trần Xuân Trường (Chủ biên) (2000), *Sđđ.*, tr.252
- (8) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.25, 71
- (9) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Sđđ.*, tr.188.
- (10) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.372
- (11) Xem: Chương trình KX.05: Kiến nghị của Đề tài KX.05-04, Hà Nội 10-1994, tr.7
- (12) C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, t.25, ph.I, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.667, 673
- (13) Nguyễn Ngọc Long, *Góp phần tìm hiểu thực chất con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, *Tạp chí Nghiên cứu lý luận*, số 4-1992, tr.15
- (14) C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Sđđ.*, t.3, tr.51
- (15) V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, t.33, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.104
- (16) C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.23, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.1059-1060.
- (17) V.I.Lênin (1976), *Sđđ.*, t.33, tr.104, 50
- (18) Hồ chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.11, tr.92
- Nguồn: Tạp chí Triết học - 2020 - số 12 (355) - tr.44-53**

# **VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC HIỆN NAY**

**✍ PGS, TS NGUYỄN VĂN THẾ**

**Thiếu tướng, NGUT, nguyên Phó Giám đốc  
Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng**

**Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sợi chỉ đỏ xuyên suốt và chủ đạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng đó thể hiện nhất quán mục tiêu của con đường cách mạng mà Người đã lựa chọn, đáp ứng được yêu cầu bức thiết của dân tộc và khát vọng độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc của nhân dân và ngày nay, đang là nguồn sức mạnh to lớn của dân tộc ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.**

**1.** Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là tư tưởng chính trị đặc sắc, phản ánh mục tiêu, lý tưởng, khát vọng, ham muốn tột bậc và tính triệt để cách mạng giải phóng con người của danh nhân văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội thể hiện một cách tập trung những luận điểm sáng tạo lớn về lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, có giá trị lâu dài chỉ đạo đường lối cách mạng Việt Nam và đóng góp quan trọng vào việc phát triển lý luận về cách mạng vô sản.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc là mục tiêu trực tiếp, trước hết, là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Người cho rằng, con đường cách mạng Việt Nam có hai giai đoạn: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong cách mạng dân tộc

dân chủ nhân dân có hai nhiệm vụ chiến lược cơ bản, trong đó giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu, nhiệm vụ dân chủ thực hiện từng bước và phải phục tùng nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Vì thế, ở giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, độc lập dân tộc là mục tiêu trực tiếp, trước mắt, cấp bách. Độc lập dân tộc theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nền độc lập thật sự, độc lập hoàn toàn, chứ không phải là thứ độc lập giả hiệu, nửa vời, độc lập hình thức; độc lập dân tộc phải gắn liền với thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, với tự do, dân chủ, ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Độc lập dân tộc là mục tiêu cốt yếu, trực tiếp của cách mạng dân tộc dân chủ, là mục tiêu trước hết của quá trình cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo, đồng thời là điều kiện hàng đầu, quyết định để cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chuyển sang giai đoạn kế tiếp - cách mạng xã hội chủ nghĩa. Do vậy, cách mạng dân tộc dân chủ càng triệt để thì những điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội càng được tạo ra đầy đủ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, chủ nghĩa xã hội là con đường củng cố vững chắc độc lập dân tộc, giải phóng dân tộc một cách hoàn toàn triệt để. Độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội thể hiện mối quan hệ giữa mục tiêu trước mắt và mục tiêu cuối cùng; mối quan hệ giữa hai giai đoạn của một quá trình cách mạng. Giữa hai giai đoạn cách mạng không có bức tường ngăn cách. Cách mạng dân tộc dân chủ xác lập cơ sở, tiền đề cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, cách mạng xã hội chủ nghĩa khẳng định và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc. Độc lập dân tộc bao giờ cũng gắn liền với đời sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân - lực lượng trực tiếp làm nên thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ. Để bảo đảm vững chắc độc lập dân tộc, không bị lệ thuộc, đói nghèo, lạc hậu, chặng đường tiếp theo chỉ có thể là đi lên chủ nghĩa xã hội. Do những đặc trưng

nội tại của mình, chủ nghĩa xã hội sẽ củng cố những thành quả đã giành được trong cách mạng dân tộc dân chủ, tạo điều kiện để bảo đảm cho độc lập và phát triển dân tộc.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng chủ nghĩa xã hội chính là xây dựng tiềm lực phát triển của dân tộc trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Với các thiết chế và nền tảng tinh thần riêng có, chủ nghĩa xã hội có khả năng vận động liên tục, tự bảo vệ vững chắc các thành quả cách mạng của nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một tất yếu lịch sử. Nhưng để Tổ quốc được hoàn toàn độc lập và chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta, theo Người, cần phải phát huy bài học tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng, củng cố và tăng cường khối liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức làm nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới phải liên hệ mật thiết với nhau và phải tăng cường đoàn kết quốc tế. Ba nhân tố này gắn bó chặt chẽ với nhau tạo nên sức mạnh tổng hợp quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

**2** Thực tiễn đã chứng minh, ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã khẳng định, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng và nhân dân ta; đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam. *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930 do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”, tức là thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ để thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và người cày có ruộng, từng bước đưa đất

nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hai giai đoạn cách mạng này có quan hệ biện chứng với nhau. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải giành được độc lập dân tộc và có đi lên chủ nghĩa xã hội mới giữ vững được độc lập dân tộc và xây dựng được cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội được Đảng ta tiếp tục bổ sung, phát triển trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đại hội lần thứ II của Đảng (năm 1951) khẳng định, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam sẽ tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa và Việt Nam sẽ thành một nước xã hội chủ nghĩa. Đại hội lần thứ III của Đảng (năm 1960) xác định, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập, dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Đại hội IV của Đảng (năm 1976) chỉ rõ, cách mạng Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới - giai đoạn cả nước độc lập, thống nhất làm nhiệm vụ chiến lược duy nhất là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội lần thứ V của Đảng (năm 1982) nêu lên hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; đồng thời, xác định hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ mật thiết với nhau. Đại hội lần thứ VI của Đảng (năm 1986) với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, sâu sắc và triệt để, mở ra thời kỳ mới của sự nghiệp cách mạng nước ta trên con đường

đi lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội lần thứ VII của Đảng (năm 1991) khẳng định, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước. Đại hội VII đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Trong *Cương lĩnh*, Đảng ta khẳng định xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn nêu cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng. Đại hội lần thứ VIII của Đảng (năm 1996) khẳng định, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn và nêu ra bài học kinh nghiệm đầu tiên là giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới; nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại hội lần thứ IX của Đảng (năm 2001) đã bổ sung, làm sáng tỏ thêm con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam về mục tiêu, động lực, về bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta. Đại hội lần thứ X của Đảng (năm 2006) khẳng định, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng sáng tỏ hơn với tám đặc trưng cơ bản; đồng thời, Đại hội rút ra năm bài học lớn của thực tiễn 20 năm đổi mới, trong đó nhấn mạnh bài học đầu tiên là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại hội XI (năm 2011) rút ra năm bài học cơ bản và tiếp tục nhấn mạnh bài học hàng đầu là nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nhìn lại 30 năm đổi mới, từ những thành tựu cũng như hạn chế, khuyết điểm, Đại hội XII của Đảng (năm 2016) đã rút ra năm bài học, trong đó tiếp tục nhấn mạnh bài học kiên định mục

tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới.

Như vậy, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, dù trong hoàn cảnh khó khăn, thử thách như thế nào, Đảng ta vẫn luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là sự nhất quán giữa tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, đường lối của Đảng ta về con đường cách mạng Việt Nam. Thực tiễn đã khẳng định, đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường đúng đắn của cách mạng Việt Nam, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử.

**3** Sau gần 35 năm đổi mới, Việt Nam đã xây dựng được những tiền đề, điều kiện hết sức thuận lợi để tiếp tục thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh mới. Tuy nhiên, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi lớn, đất nước cũng đang phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức đòi hỏi phải vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để thực hiện được nhiệm vụ này, cần tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

*Một là*, phải tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sự vững mạnh của Đảng là yếu tố then chốt để giữ vững định hướng và thực hiện thành công mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, ngày nay chúng ta phải tiếp tục đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, để Đảng thực sự “là đạo đức, là văn minh”, “là người đầy tớ trung thành của nhân dân”. Xây dựng Đảng phải vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo



đức, trong đó quan trọng nhất là phải tập trung xây dựng đạo đức, nhân cách của từng cán bộ, đảng viên; nghiêm túc quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, XII về xây dựng Đảng; đồng thời, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cần phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhà nước cần thực hiện tốt việc tổ chức, quản lý và điều hành xã hội, cụ thể hóa, thể chế hóa đường lối, quan điểm của Đảng thành pháp luật để triển khai thực hiện việc kết hợp giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Phải thống nhất từ nhận thức đến hành động trong toàn Đảng, toàn dân để xây dựng và tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó hết sức quan tâm tới đổi mới, hoàn thiện chính sách xã hội; giải quyết tốt các vấn đề dân tộc, tôn giáo, chăm lo xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng.

*Hai là*, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên quyết đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, phủ nhận mục tiêu này trong tình hình mới.

Trước thực tiễn trong nước và quốc tế biến động nhanh chóng, khó lường như hiện nay, hơn bao giờ hết, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta lại càng phải kiên định con đường chủ nghĩa xã hội, bởi đó là sự lựa chọn của lịch sử dân tộc, đã được lịch sử kiểm nghiệm, khẳng định tính đúng đắn, cách mạng và khoa học. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong điều kiện quốc tế mới và chủ trương tích cực, chủ động hội nhập quốc tế của Đảng đòi hỏi phải không ngừng nâng cao nhận thức

về tính tất yếu và những nhân tố quyết định thắng lợi của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thật sự thấm nhuần nội dung và bản chất, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện lời dạy của Người: “Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới”<sup>(1)</sup>.

Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là phải thường xuyên nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, phát huy chủ nghĩa yêu nước chân chính, tinh thần độc lập, tự chủ với việc tiếp thu sáng tạo những thành tựu mới của nhân loại trên các lĩnh vực, vận dụng một cách đúng đắn, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Hiện nay, trong bối cảnh chúng ta đang tích cực, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, quan niệm về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội phải được chú ý toàn diện từ độc lập về lãnh thổ, chủ quyền, an ninh quốc gia đến độc lập về kinh tế, chính trị, văn hóa, lối sống và đạo đức xã hội. Không thể có và không thể chấp nhận quan niệm nhân quyền cao hơn chủ quyền quốc gia. Không thể có độc lập, tự do về chính trị nếu bị lệ thuộc về kinh tế. Không thể giữ vững độc lập, tự chủ nếu lối sống, đạo đức xã hội bị suy thoái, văn hóa dân tộc bị coi rẻ hoặc bị biến dạng. Để thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược hiện nay, *một mặt*, cần phải không lệ thuộc vào bên ngoài; *mặt khác*, phải biết tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi để gia tăng nguồn lực phát triển quốc gia, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

Trên cơ sở giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội phải tập trung khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong nhận thức và giải

quyết hợp lý mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; đồng thời, chủ động và kiên quyết đấu tranh với những quan điểm sai trái, thù địch của những phần tử chống chế độ xã hội chủ nghĩa, tôn thờ những thế lực ngoại bang đã từng giày xéo độc lập, tự do của dân tộc ta. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh, sự thống nhất cao giữa ý Đảng và lòng dân trong lựa chọn và thực hiện con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - con đường duy nhất đúng đắn, phù hợp với quy luật phát triển và tình hình thực tế Việt Nam. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam, trong đó có thành tựu hết sức to lớn, có ý nghĩa lịch sử của gần 35 năm đổi mới đã cho thấy quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” mà Đảng ta xác định. Thực tiễn đó hoàn toàn bác bỏ một cách đanh thép những luận điệu chống lại độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

*Ba là, chăm lo xây dựng tiềm lực mọi mặt của đất nước, giải quyết đúng đắn quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.*

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đòi hỏi chúng ta phải thường xuyên chăm lo xây dựng tiềm lực mọi mặt của đất nước, trước hết là tiềm lực chính trị - tinh thần, tiềm lực kinh tế, tăng cường củng cố quốc phòng, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đủ sức làm nòng cốt cùng toàn dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trong mọi tình huống. Chúng ta phải thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế, nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng; kết hợp chặt chẽ các nhiệm vụ

kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng và bảo vệ từ trong mỗi tổ chức, mỗi con người, mỗi cơ sở. Coi trọng xây dựng, bảo vệ chính trị và hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên cả diện rộng và chiều sâu, tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nâng cao ý thức chính trị của toàn xã hội theo mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đồng thời, tích cực, chủ động xây dựng và bảo vệ nền kinh tế, văn hóa; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực ngoại giao, quốc phòng - an ninh; trong đó, vừa phải tập trung xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, vừa phải bảo vệ định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế, giữ vững độc lập, chủ quyền về kinh tế và sự thống nhất của nền kinh tế quốc dân Việt Nam; xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, hấp thụ được những tinh hoa văn hóa nhân loại và đủ sức chiến thắng các thế lực tấn công xâm lăng trên mặt trận văn hóa.

Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên tất cả các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội trong một chỉnh thể thống nhất là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên và mỗi lĩnh vực cần phải được xem như là một mặt trận với những biểu hiện đặc thù của nó. Ở đây, cần phải thấy trong lĩnh vực nào thì xây dựng và bảo vệ cũng thâm nhập vào nhau; xây dựng là nhân tố bên trong của bảo vệ và ngược lại bảo vệ cũng là nhân tố hợp thành của xây dựng. Các chủ thể trong khi xây dựng lĩnh vực nào, mặt nào thì phải biết tự mình bảo vệ lĩnh vực ấy, mặt ấy; đồng thời, phải biết phối hợp với các lực lượng khác một cách chặt chẽ để tạo ra sức mạnh tổng hợp trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội□

---

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.14, tr.467

**Nguồn: Tạp chí Cộng sản - 2020 - số 953 (11/2020) - tr.43-48**

---

# **XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - KHẲNG ĐỊNH TÍNH HIỆN THỰC CỦA CHÂN LÝ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

**✍ TS LÊ THANH BÌNH**

**Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

**Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của Nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử. Với những thành tựu to lớn và quan trọng sau 45 năm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng được xác định rõ hơn, góp phần khẳng định tính hiện thực của chân lý độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay.**

***Từ khóa: Độc lập dân tộc; chủ nghĩa xã hội; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa***

**Reaching socialism is the aspiration of our people and the right decision of the Communist Party of Vietnam and President Ho Chi Minh consistent with the development trend of history. Great, important achievements gained after 45 years of the liberation of the South of Vietnam and national reunification have contributed to clear identification of the road to socialism in Vietnam, affirming the reality of the truth of national independence associated with socialism in the present era.**

**Keywords: National independence; socialism; building a socialist rule-of-law state**

Ngày nhận: 02/03/2020 Ngày phản biện, đánh giá: 23/03/2020 Ngày duyệt: 15/04/2020

## **1 Chặng đường giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước**

■ Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập Đảng và Nhà nước ta, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xuất phát từ thực tiễn lịch sử cách mạng của Việt Nam, vận dụng sáng tạo các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin; nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa của nhân loại về nhà nước và pháp luật để áp dụng đối với Việt Nam. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, muốn “muru cầu hạnh phúc cho loài người”<sup>(1)</sup> thì chỉ có cách đi theo con đường xã hội chủ nghĩa (XHCHN), bởi vì, chủ nghĩa xã hội (CNXH) mới “cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc”<sup>(2)</sup>. Đi lên CNXH là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử.

Ở Việt Nam, ngay từ đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập đã có Cương lĩnh dẫn đường, lãnh đạo nhân dân Việt Nam làm cách mạng, tiến hành cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp, phát xít Nhật và bọn tay sai bán nước để giành chính quyền về tay nhân dân.

Tháng 8/1945, năm vững thời cơ khi nhân dân Liên Xô chiến thắng phát xít Đức và bọn quân phiệt Nhật Bản, Đảng Cộng sản Việt

Nam kịp thời nắm thời cơ, lãnh đạo nhân dân đưa Cách mạng tháng Tám đến thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời. Với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 được ký kết, nhân dân Việt Nam đã hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. miền Bắc được hoàn toàn giải phóng nhưng miền Nam còn bị đế quốc và phong kiến thống trị, nước nhà tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Lúc này, cách mạng Việt Nam thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh cho hòa bình thống nhất nước nhà.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của quân và dân ta trên cả hai miền Nam - Bắc. Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, nhân dân ta tiến hành tổng tuyển cử trong cả nước, thực hiện thống nhất đất nước.

## **2. Quá trình ra đời của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước hoàn toàn thống nhất vào năm 1975 và tháng 7/1976, Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa được đổi tên là Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, thực hiện mục tiêu xây dựng CNXH, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho toàn thể nhân dân lao động.

Mặc dù vào cuối thế kỷ XX đã xảy ra cuộc khủng hoảng và thoái trào tạm thời của CNXH, nhưng quá độ tới CNXH vẫn là tính chất căn bản của thời đại hiện nay, vẫn là xu thế phát triển tất yếu của lịch sử. Để có thể tiếp tục tồn tại và phát triển, CNXH hiện thực đã và đang phải biến đổi mạnh mẽ theo xu hướng đổi mới để phát triển và

là một động lực cách mạng to lớn cho sự phát triển xã hội nói chung, cho sự phục hồi CNXH nói riêng. Nhiều nước theo con đường XHCN, trong đó có Việt Nam, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, giành được những thành tựu to lớn và tiếp tục phát triển. Kiên định đi theo con đường CNXH mà Bác Hồ đã lựa chọn, Đảng ta khẳng định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước (bổ sung, phát triển 2011): “... Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản. Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”.

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đất nước tiến hành công cuộc đổi mới nền kinh tế thị trường định hướng XHCN từ năm 1986. Đảng và nhân dân Việt Nam kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Sau gần 35 năm tiến hành đổi mới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, Việt Nam đã đạt được những thành tựu nhất định. Bước đầu thiết lập được cơ sở của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Về đối ngoại, Việt Nam thực hiện chính sách hòa bình, hợp tác với tất cả các nước trên cơ sở giữ vững độc lập dân tộc, chủ động và tích cực hội nhập với khu vực và thế giới.

Con đường đi lên CNXH ở Việt Nam ngày càng được xác định rõ hơn, góp phần khẳng định tính hiện thực của chân lý độc lập dân tộc gắn liền với CNXH trong thời đại ngày nay.

### **3** Những thành tựu trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa từ năm 1975 đến nay

Sau 45 năm xây dựng và phát triển, Việt Nam đã đạt được những



thành tựu to lớn và quan trọng, đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Diện mạo của đất nước có nhiều thay đổi. *Thế* và *lực* của nước ta vững mạnh thêm nhiều. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên, tạo ra những tiền đề quan trọng để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Với việc ban hành *Hiến pháp* năm 1980, *Hiến pháp* năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001), *Hiến pháp* năm 2013 và các văn bản luật, dưới luật điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, hệ thống pháp luật Việt Nam cơ bản đã tương đối đồng bộ đang từng bước được hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý quan trọng, động lực mạnh mẽ để tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và hội nhập quốc tế.

Thế chế kinh tế thị trường định hướng XHCN được xác định cụ thể hơn, từng bước thực thi có hiệu quả và tạo được sự đồng thuận trong xã hội. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành và vận hành khá đồng bộ, gắn kết hiệu quả hơn với thị trường ngoài nước. Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, cạnh tranh minh bạch, bình đẳng hơn giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, góp phần huy động, phân bổ và sử dụng ngày càng hiệu quả các nguồn lực trong, ngoài nước cho phát triển kinh tế - xã hội. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước được tăng cường. Năng lực cạnh tranh có bước được nâng lên. Vai trò kinh tế ngoài nhà nước (không kể đầu tư nước ngoài) ngày càng được phát huy, đóng góp 38,5% tổng đầu tư toàn xã hội và 48,3% GDP<sup>(3)</sup>.

Những năm gần đây, kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng nhanh.

Giai đoạn 2006 - 2010 tăng trưởng kinh tế đạt 7%/năm. Tốc độ tăng Tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm (2011 - 2015) đạt trên 5,9%/năm (tăng trưởng GDP năm 2011 đạt 6,24%, năm 2012: 5,25%, năm 2013: 5,42%, năm 2014: 5,98% và năm 2015 đạt 6,68%)<sup>(4)</sup>. GDP bình quân 5 năm (2016 - 2020), tăng 6,5 - 7%/năm<sup>(5)</sup>.

Quy mô và tiềm lực của nền kinh tế tiếp tục tăng; đóng góp của khoa học, công nghệ tăng; năng suất lao động tăng bình quân 4,2%/năm, cao hơn giai đoạn trước (bình quân giai đoạn 2006 - 2015 tăng 3,9%, trong đó giai đoạn 2006 - 2010 là 3,4%)<sup>(6)</sup>; giai đoạn 2016 - 2020 năng suất lao động xã hội bình quân tăng 5%/năm<sup>(7)</sup>; vốn đầu tư được sử dụng hiệu quả hơn.

Ở Việt Nam, các lĩnh vực văn hóa, xã hội đạt thành tựu quan trọng trên nhiều mặt, nhất là xóa đói, giảm nghèo. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Dân chủ trong xã hội tiếp tục được mở rộng, chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh được giữ vững. Công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế được triển khai sâu rộng và hiệu quả, góp phần tạo môi trường hòa bình, ổn định và tăng thêm nguồn lực cho phát triển đất nước.

Mạng lưới giáo dục, đào tạo được mở rộng, quy mô và chất lượng được nâng lên, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Nội dung, phương pháp giáo dục, đào tạo, thi cử và kiểm định chất lượng có đổi mới. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 51,6% vào năm 2015. Dạy nghề cho lao động nông thôn được quan tâm. Trong giai đoạn 2016 - 2020, có khoảng 40 - 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới<sup>(8)</sup>.

Cùng với kinh tế, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt được những kết quả tích cực. Chính sách an sinh xã

hội được tiếp tục bổ sung, hoàn thiện trên các lĩnh vực lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, người có công và bảo trợ xã hội. An sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, phúc lợi xã hội và đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Nhận thức của người dân về tự bảo đảm an sinh xã hội có tiến bộ, huy động nguồn lực xã hội cho chính sách xã hội tốt hơn. Đã hoàn thành trước thời hạn nhiều mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. Mở rộng đối tượng thụ hưởng, nâng mức hỗ trợ và thực hiện đồng bộ nhiều chính sách đối với người có công, giảm nghèo, trợ giúp xã hội, hỗ trợ nhà ở, tạo việc làm, đào tạo nghề, hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ tín dụng cho học sinh, sinh viên nghèo... Trong giai đoạn 2011 - 2015, đã tạo việc làm cho khoảng 7,8 triệu người, trong đó đi lao động ở nước ngoài khoảng 469 nghìn người. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 2%/năm; riêng các huyện nghèo giảm khoảng 6%/năm, từ 58,3% xuống còn 28%. Nhà ở xã hội được quan tâm đầu tư, hỗ trợ<sup>(9)</sup>.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng, đặc biệt chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; công tác gia đình, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ đạt kết quả tích cực. Các giá trị văn hóa dân tộc, di tích lịch sử được quan tâm bảo tồn, phát huy. Nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được công nhận là di sản văn hóa quốc gia và thế giới. Sản phẩm văn hóa, văn học - nghệ thuật ngày càng phong phú. Các phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; thể dục, thể thao được đẩy mạnh.

Nhà nước luôn quan tâm thực hiện chính sách dân tộc, bảo đảm tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Công tác dân vận được chú trọng, vai trò

của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân được củng cố, phát huy. Các cơ quan báo chí, xuất bản đã làm tốt hơn nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền.

Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu tiếp tục được hoàn thiện. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thực thi và xử lý vi phạm được chú trọng.

Tiềm lực quốc phòng - an ninh được tăng lên. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bằng các giải pháp phù hợp để bảo vệ chủ quyền quốc gia và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội.

Việt Nam đã chủ động tham gia tích cực, có trách nhiệm trong các tổ chức, diễn đàn khu vực và quốc tế, đặc biệt là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Liên hiệp quốc. Kiên trì cùng ASEAN thúc đẩy thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC) và tiến tới xây dựng Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC). Tích cực triển khai các hiệp định, thỏa thuận thương mại đã có và đàm phán, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để mở rộng, đa dạng hóa thị trường, thúc đẩy phát triển và nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế. Vị thế của nước ta trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên.

## **4. Các định hướng tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa**

Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân

dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Để giữ vững bản chất của Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, xây dựng thành công CNXH ở Việt Nam, cần phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng XHCN; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất XHCN; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.

Để xây dựng thành công CNXH, mang lại cuộc sống ổn định, hạnh phúc cho nhân dân lao động, cần thực hiện tốt các định hướng:

*Một là*, trong quá trình xây dựng Nhà nước XHCN ở Việt Nam phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự ra đời, tồn tại và phát triển của nhà nước XHCN phù hợp với sự vận động và phát triển của lịch sử và là tất yếu khách quan. Bảo vệ và phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của Nhà nước XHCN ở Việt Nam hiện nay là hết sức cần thiết. Những quan điểm Mác - Lênin về CNXH và con đường đi lên CNXH đã đóng vai trò là “nền tảng tư tưởng” cho việc vận dụng, phát triển sáng tạo cho các nước về xây dựng Nhà nước XHCN trong điều kiện từng quốc gia, dân tộc đương đại nói chung và Việt Nam nói riêng. Trong đó, việc

vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng Nhà nước XHCN phải bảo đảm tính kế thừa, sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với đặc điểm, tình hình của đất nước trong từng giai đoạn lịch sử nhất định.

*Hai là*, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Để phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội nói chung và Nhà nước nói riêng thì vấn đề cơ bản là nghiên cứu để phát huy những mặt tích cực và có những biện pháp hữu hiệu để khắc phục những hạn chế phát sinh từ cơ chế một đảng cầm quyền. Trong đó, Đảng cần đặc biệt chú trọng lãnh đạo Nhà nước xây dựng hệ thống pháp luật toàn diện, đồng bộ, điều chỉnh các quan hệ xã hội quan trọng. Đảng phải lãnh đạo Nhà nước xây dựng các cơ chế và điều kiện để bảo đảm pháp luật được thực thi trên thực tiễn cuộc sống. Đảng lãnh đạo Nhà nước ban hành pháp luật nhưng mọi hoạt động của Đảng phải tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật. Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải có năng lực và đạo đức. Mọi hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, đảng viên phải bị xử lý nghiêm minh. Thực hiện công khai đối với xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, nhất là các cán bộ, công chức là đảng viên, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước.

Các cương lĩnh, chiến lược, nghị quyết của Đảng phải được xây dựng với nội dung khoa học, có tính khả thi, kết tinh được trí tuệ của dân tộc, phản ánh đúng nhu cầu phát triển khách quan của đất nước. Thực hiện tốt hoạt động tham gia đóng góp ý kiến của các tầng lớp Nhân dân, nhất là tầng lớp trí thức có trình độ cao vào các

dự thảo nghị quyết của Đảng. Đặc biệt là các nghị quyết lãnh đạo Nhà nước xây dựng pháp luật, chính sách và quyết sách những vấn đề quan trọng của đất nước, những vấn đề nóng bỏng có liên quan trực tiếp đến đời sống của Nhân dân, những vấn đề được dư luận quan tâm.

*Ba là*, xây dựng Nhà nước XHCN với một nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là sự đổi mới căn bản nhất để tồn tại và phát triển. Nền kinh tế thị trường XHCN cho phép kết hợp sự tồn tại của nhiều hình thức sở hữu, chế độ công hữu là nền tảng. Sự đa dạng về hình thức sở hữu làm cho quan hệ sản xuất có khả năng biến đổi, thích ứng với sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trên cơ sở đa dạng về sở hữu, trong đó sở hữu tư nhân có vai trò to lớn và quan trọng. Nền kinh tế thị trường xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa theo kiểu tập trung quan liêu, là cơ sở phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, bảo đảm quyền lực nhà nước thực sự thuộc về Nhân dân, phục vụ cho lợi ích của Nhân dân, là cơ sở để Nhà nước Việt Nam đạt được mục tiêu xây dựng xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.

*Bốn là*, giải quyết tốt mối quan hệ giữa hội nhập với giữ vững độc lập tự chủ. Phát huy nội lực và sức mạnh dân tộc là yếu tố quyết định, đồng thời tranh thủ ngoại lực và sức mạnh thời đại là yếu tố quan trọng để phát triển nhanh, bền vững. Phải không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế và sức mạnh tổng hợp của đất nước để chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng và có hiệu quả.

Phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực,

kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam XHCN giàu mạnh. Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hiệp quốc và luật pháp quốc tế.

*Năm là*, giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước.

*Sáu là*, đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện kiên trì, kiên quyết, có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Trong đó, chú trọng hoàn thiện các quy định pháp luật về công khai, minh bạch tài sản của cán bộ, công chức. Tăng cường công tác giám sát, thực hiện dân chủ, tạo cơ chế để Nhân dân giám sát các công việc có liên quan đến ngân sách, tài sản của Nhà nước. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan chức năng,



khuyến khích phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các cơ quan thông tin đại chúng trong việc phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

*Bây là*, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Quy định và thực hiện có hiệu quả quyền con người, quyền công dân trên thực tiễn. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của Nhân dân. Nâng cao ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ, tham gia quản lý xã hội của Nhân dân. Xây dựng cơ chế, chính sách pháp luật để Nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, đặc biệt là các quyền dân chủ trực tiếp để tạo động lực phát triển đất nước. Xử lý nghiêm những hành vi vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, những hành vi lợi dụng dân chủ để làm mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tiến tới xây dựng Nhà nước do Nhân dân làm chủ, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân □

---

**Chú thích:**

(1), (2) Hồ Chí Minh. Toàn tập. Tập 1. H. NXB Chính trị quốc gia, 2002, tr.461, 246.

(3), (4), (6), (8), (9) *Báo cáo số 80/BC-CP ngày 20/3/2016 của Chính phủ về việc đánh giá bổ sung kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, kết quả thực hiện 5 năm 2011 - 2015 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020*

(5), (7) *Nghị quyết số 142/2016/NQ13 ngày 12/4/2016 của Quốc hội khóa XIII về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020*

**Nguồn: Tạp chí Quản lý Nhà nước - 2020 - số 4 (291) - tr.3-8**

## CHÚNG TA ĐI ĐẾN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI NHƯ THẾ NÀO?

✍ TS NHỊ LÊ

Nguyên Phó Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản

Nhân dịp kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-2021) và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng có bài viết quan trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”. Bài viết đặt ra hàng loạt vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách: Chủ nghĩa xã hội là gì? Vì sao Việt Nam lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa? Làm thế nào và bằng cách nào để từng bước xây dựng được chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?... Trong tầm nhìn bao quát đó, ở đây, vấn đề đi đến chủ nghĩa xã hội như thế nào càng trở nên nổi bật và cấp thiết.

**Đ**ổi mới tư duy, mở tầm viễn kiến, nắm vững quy luật

Trái với sự phỏng đoán của nhiều người, sự báng bổ và chế nhạo của các thế lực thù địch trước đây và nhất là vào những năm 80 - 90 của thế kỷ XX và cho tới tận hôm nay về cái gọi là “chủ nghĩa xã hội sụp đổ” (?!), “chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã chết” (?!), khi hiện nay, như bất cứ ai đều thấy, các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Á tới khu vực Mỹ La-tinh không những tiếp tục tồn tại mà còn phát triển mạnh mẽ. Thực tiễn ở Việt Nam và nhiều nước đã và đang tiếp tục chứng minh tính hiện thực của các cuộc cách mạng dưới ngọn cờ xã hội chủ nghĩa,

một cách thống nhất nhưng đa dạng và sinh động, không gì cản nổi.

Hiện thực ấy có một ý nghĩa to lớn. Nó vạch rõ vận mệnh và xu thế vận động mới của chủ nghĩa xã hội. Nó chứng minh một cách xác đáng về tính chất của thời đại ngày nay - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Nó giáng trả một cách đích đáng tất cả các âm mưu và hành động chống lại nó, bôi nhọ và chống lại chủ nghĩa Mác - Lê-nin, suốt hàng trăm năm qua. Đặc biệt, qua hai thập niên cuối cùng của thế kỷ XX giông bão và hơn hai thập niên đầu thế kỷ XXI, từ những tầng sâu thẳm, phức tạp, đầy thử thách của thực tiễn, *nó khẳng định và cổ vũ phong trào thực tiễn xã hội chủ nghĩa* tiếp tục tiến lên.

***1- Dù thăng trầm, chủ nghĩa xã hội vẫn là mục tiêu phát triển của tiến bộ xã hội trong thời đại ngày nay***

Lịch sử là dòng chảy liên tục, đa tuyến và không thuần nhất. Do đó, có những lúc, ở những tuyến nào đó, có sự ngưng đọng. Mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ đã khiến cho không ít người ngỡ ngàng, dao động, thậm chí có người mất phương hướng; và ngược lại, làm cho lắm kẻ hí hửng, mừng vui, được dịp đoán bừa về cái gọi là “sự sụp đổ định mệnh của chủ nghĩa xã hội” (?!). Lịch sử vốn không đơn giản và thuần nhất, vì sự phát triển biện chứng trong giới tự nhiên và trong xã hội - tức là mối liên hệ nhân quả của sự vận động tiến lên từ thấp đến cao thông qua tất cả những sự vận động chữ chi và cả những bước lùi tạm thời. Nói cách khác, sự phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực nói riêng không nằm ngoài quy luật phát triển của lịch sử nhân loại nói chung được biểu hiện bằng sự phát triển thống nhất trong đa dạng, giữa liên tục và đứt đoạn, giữa đường thẳng và gấp khúc, giữa tiến lên và giậm lùi tạm thời, giữa ngưng đọng và nhảy vọt... Cho nên, dù lịch sử

của chủ nghĩa xã hội đã đi đúng hướng tuy không nhanh như chúng ta mong đợi, vẫn làm một số người phân tâm, lo lắng.

Sự vận động tự nhiên của lịch sử thế giới là tất yếu đi tới chủ nghĩa xã hội, xét từ bản chất và tiền đề của chính chủ nghĩa tư bản. Tờ nhật báo *Phố Uôn* (Mỹ) từng viết, Mác không giải phẫu chủ nghĩa tư bản, mà bắt đầu bằng cấu trúc nền tảng của nó để làm nổi bật lên những vấn đề của nó và để cuối cùng dự báo sự sụp đổ của nó. Thế kỷ XX đã chứng minh điều tiên báo ấy.

Cuộc cách mạng công nghiệp trước đây, nhất là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã làm đảo lộn thế giới, tạo bước nhảy vọt về sự phát triển của tính chất và trình độ mới của lực lượng sản xuất. Và dưới chủ nghĩa tư bản, cho dù hiện nay và có thể trong nhiều năm tới, lực lượng sản xuất vẫn tồn tại và phát triển trong khuôn khổ chật hẹp của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa (tất nhiên quan hệ đó được điều chỉnh nhất định với sự cố gắng chủ quan của giai cấp tư sản) thì những gì mà tin học hoá, số hóa mang lại sức bật mới cho lực lượng sản xuất đã có cũng đủ để chúng ta có thể nhận ra xu thế phát triển tất yếu của lực lượng sản xuất. Nó sẽ vận động, phát triển đạt tới giới hạn - giới hạn đó chính là sự phát triển tới mức độ mà tiến bộ xã hội dựa trên lực lượng sản xuất ấy, muốn thực hiện được, tất yếu phải thay thế quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng một quan hệ sản xuất mới phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất hiện nay. Vì bản chất của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dù có điều chỉnh như thế nào thì vẫn là sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Trong khuôn khổ của quan hệ sản xuất ấy, lực lượng sản xuất chỉ được chú ý, tạo điều kiện phát triển trong phạm vi không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của nhà tư bản. Trong khi tồn tại và phát triển, trái với ý

muốn chủ quan của các nhà tư sản, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một cách khách quan những tiền đề và yếu tố cho chủ nghĩa xã hội ngay từ trong lòng nó, trong mỗi bước đi của nó.

Nhưng chính những thành tựu của cuộc cách mạng thông tin, của kinh tế tri thức mà chủ nghĩa tư bản hiện nay đang nắm lấy và lợi dụng để duy trì sự tồn tại đang dần vượt khỏi sự kiểm soát của nó. Biện chứng tất yếu của lịch sử là chính những phương tiện mà chủ nghĩa tư bản tạo ra hay đang lợi dụng để duy trì tạm thời sức mạnh và chỗ đứng của mình lại trở thành phương tiện chống lại nó, dẫn nó đến bước tự phủ định, một cách tất yếu, dù sớm hay muộn. Diễn đạt theo C. Mác, lực lượng sản xuất hiện đại với kinh tế tri thức đang nổi dậy chống lại phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, chống lại quan hệ sản xuất, phân phối và trao đổi tư sản. Đó là tất yếu.

Hơn nữa, có một hệ quả khác không thể phủ nhận rằng, chính điều đó là căn nguyên gây ra những sự thoái bộ nghiêm trọng, nhất là trong đời sống đạo đức, văn hoá, làm cho tiến bộ xã hội trong chủ nghĩa tư bản vốn đã bị tổn thương bởi được xây dựng trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa thì hiện nay, tính chất và mức độ ngày càng trở nên sâu sắc, khi sự phân cực giàu nghèo ngày càng tăng, nhất là do siêu lợi nhuận của các nhà tư bản thu được từ các hàng hoá đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin; khi hệ thống công nghệ mới bị ràng buộc bởi lợi nhuận tối đa, sẽ ném ra hè phố hàng triệu công nhân...

Vì thế, nhân loại đón nhận chủ nghĩa xã hội với tất cả lô-gíc của sự phát triển xã hội mà Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 là cuộc khai phá mở đường. Hiện nay, dù đổ vỡ một bộ phận lớn, nhưng vẫn còn hơn 1,5 tỷ người sống dưới các chế độ xã hội chủ nghĩa tại các quốc

gia ở châu Á và Mỹ La-tinh. Con đường xã hội chủ nghĩa vẫn là con đường các dân tộc đi theo để giành lại độc lập tự do và sự tiến bộ xã hội. Bởi lẽ, *chủ nghĩa xã hội hoàn toàn không chỉ là tư tưởng của một giai cấp, càng không chỉ là một mục tiêu của nhân dân lao động trên toàn thế giới, mà còn là tư tưởng đạo lý, tư tưởng giải phóng loài người thông qua các cuộc cách mạng xã hội, giải phóng trí tuệ và bảo đảm chất lượng cuộc sống của con người, theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin.*

Trong sự nghiệp vĩ đại song đầy khó khăn và quyết liệt đó, không thể tránh khỏi sự thăng trầm, thành bại ở lúc này hay lúc khác, ở nơi này hay nơi kia. Đó là biện chứng của lịch sử. Nếu tính từ năm 1847 - thời điểm tổ chức *Đồng minh những người cộng sản* được thành lập - tới nay, thực tiễn cho thấy chủ nghĩa xã hội đã trải qua sáu kỳ cao trào rồi thoái trào. Và lần này là lần nặng nề nhất - chủ nghĩa xã hội hiện thực sụp đổ ngay trên quê hương của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại. Kinh nghiệm lịch sử hơn 150 năm của chủ nghĩa xã hội khoa học qua những kỳ thoái trào đã chỉ rõ, mỗi lần như vậy chủ nghĩa xã hội luôn soát xét lại mình và tiếp tục phát triển, lớn mạnh hơn, như những con sóng, lớp này tiếp lớp kia liên tục bồi đắp, tích tụ xung lực để tạo nên những ngọn sóng ngày càng mạnh mẽ hơn, phát triển theo các vòng xoáy tròn ốc với chất lượng mới, cao hơn và sâu sắc hơn.

Hiện nay, trên thực tế, chủ nghĩa xã hội thế giới đang gặp phải rất nhiều khó khăn, trở lực, thậm chí có những bộ phận tan vỡ do những sai lầm gây ra, có những tuyến, những phân hệ nào đó đổi dòng, trở hướng hoặc rẽ ngang, khiến không ít người dao động. Việc các quốc gia xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô để mất chế độ và chuốc lấy hậu quả nặng nề thật khó chứng tỏ rằng những con đường cải tổ của

những nước này là đúng đắn. Song, bên cạnh đó, do đạt được sự thận trọng và chính xác cần thiết, nên cuộc cải cách, đổi mới ở các nước Trung Quốc, Việt Nam, Cu-ba... đã đạt được những thành tựu quan trọng, trái với mong đợi về “sự sụp đổ định mệnh của chủ nghĩa xã hội” (!?) nào đó. Do vậy, cũng chưa khi nào như hiện nay, sự phát triển của chủ nghĩa xã hội có đặc điểm là không đồng đều...

Như vậy, chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ có một, nhưng có nhiều con đường, có nhiều mô hình thể hiện. Sự sụp đổ ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu chỉ là sự sụp đổ của một loại mô hình trên con đường đi tìm cách thực hiện lý tưởng cộng sản mà thôi. Điều này càng cho thấy, tình hình xảy ra ở Liên Xô dứt khoát không có nghĩa là chủ nghĩa xã hội khoa học đã phá sản. Ngược lại, đó là hậu quả của sự xa rời và phản bội học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học trong suốt một thời gian dài. Sai lầm đó là nghiêm trọng, vì về căn bản, nó đi ngược lại học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học, dứt khoát không thể song song tồn tại với chủ nghĩa xã hội được. Cho nên, việc suy luận từ thất bại của một bộ phận, rồi đánh đồng với sự sụp đổ của một học thuyết khoa học là hết sức vô lý. Lịch sử vốn phức tạp và chưa bao giờ phát triển theo con đường thẳng tắp. Việc chế độ xã hội chủ nghĩa bị đẩy lùi ở nơi này hay thất bại tại nơi khác cũng là lẽ dễ hiểu, nhưng không thể phủ nhận và cho rằng lý tưởng xã hội chủ nghĩa “đã chết” (!?) hoặc vĩnh viễn bị loại ra khỏi kho tàng lý luận và trí tuệ của nhân loại. Một nhà chính trị người Pháp, ông Ma-xi-mê Grem-xetz nhận định, hiện nay, không một chút nào có thể kết tội chủ nghĩa xã hội và các lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Nếu như có một cái gì đó ngày hôm qua đã chết đi thì chính là những gì đã gắn với quan niệm tập trung hoá, chuyên quyền, quan liêu về chủ nghĩa xã hội và cản trở một cách nặng nề sự phát triển của chủ

nghĩa xã hội. Và Ph. Hê-ghen, người tiền bối trực tiếp của C. Mác về phép biện chứng, từng nói đại ý rằng: Triết học hiện đại là kết quả của tất cả các nguyên lý có từ trước đó; như vậy, không có một hệ thống nào bị lật đổ. Không phải nguyên lý của triết học đó bị lật đổ mà chỉ có sự giả định rằng nguyên lý đó là định nghĩa tuyệt đối cuối cùng *bị lật đổ* mà thôi. Nếu không như thế, nói như C. Mác, thì việc áp dụng lý luận vào bất cứ một thời kỳ nào của lịch sử có lẽ dễ dàng hơn là việc giải đáp một phương trình đơn giản bậc nhất vậy.

Chính vì thế, chủ nghĩa xã hội hiện thực dù có tạm thời lâm vào thoái trào, bị tổn thất một bộ phận nào đó, nhưng không có nghĩa là nó đã bị diệt vong. Với hơn 1,5 tỷ người ở các quốc gia xã hội chủ nghĩa đang cho thấy sự phục hồi và phát triển của chủ nghĩa xã hội. Ngay ở các nước thuộc Liên Xô trước đây và các nước Đông Âu ngày nay cũng đang có sự hồi phục của phong trào cộng sản và sự kiên trì đấu tranh cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

Rõ ràng, từ trong tâm lý hoảng hốt ấy, đã chứa đựng sự thừa nhận trước một sự thật hiển nhiên là, lý tưởng cộng sản không thể bị thủ tiêu, chủ nghĩa xã hội hiện thực vẫn tiếp tục tồn tại và từng bước phát triển. Cho dù muốn hay không, chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ vượt qua cuộc khủng hoảng và càng lớn mạnh hơn trong những thập niên tới. Đó không phải là sự võ đoán, mà đó là sự vận động tất yếu của lịch sử. Sự thật đã và đang chứng minh rằng, sự phát triển quan trọng nhất của thế kỷ XX không phải là chủ nghĩa thực dân tuyên cáo kết thúc hoặc chủ nghĩa dân chủ có bước tiến lên, mà là chủ nghĩa cộng sản vùng dậy, như chính cựu Tổng thống Mỹ - R. Nich-xon, từng viết trong cuốn sách “1999 - chiến thắng không cần chiến tranh”.



***2- Giữ vững độc lập dân tộc, chủ động tăng cường hội nhập quốc tế một cách đa dạng và mềm dẻo theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa - phương án phát triển hiệu quả của chủ nghĩa xã hội hiện nay***

Sự biến động mạnh mẽ và sâu sắc của chủ nghĩa xã hội trong 20 năm cuối cùng của thế kỷ XX càng củng cố quan niệm cho rằng, chủ nghĩa xã hội thế giới không thể phát triển và lớn mạnh trong trạng thái khép kín. Thực tế lịch sử chủ nghĩa xã hội xác nhận rằng, những quan niệm và nhận thức một thời về các nước có chế độ chính trị khác nhau, các hệ thống thế giới và về sự tương tác giữa chúng với nhau... đã được hình thành cứng nhắc, phiến diện do không tính đến một cách thích đáng kinh nghiệm hiện thực của các nước, nhất là các nước xã hội chủ nghĩa; đặc biệt là, những con đường phát triển, những giải pháp khác nhau, dù nhằm thực hiện những nguyên tắc chung theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bị kỳ thị; những bài học phát triển năng động và đa dạng của các nước khác, đặc biệt là các nước tư bản chủ nghĩa trên thế giới bị làm ngơ, thậm chí bị bùng bít.

Xét trên phạm vi quốc tế, khả năng phục hồi và phát triển ở các nước xã hội chủ nghĩa tuy đã rất rõ ràng, song còn nhiều khó khăn, phức tạp. Dù có đi lên chủ nghĩa xã hội bằng những con đường riêng của mình, các nước vẫn cần có sự đối chiếu rộng rãi các quan điểm, các kinh nghiệm của mình và ra sức thâm nhập tinh hoa của nhân loại nhằm tạo thành sức mạnh chung bảo đảm sự hoạt động tự giác và đổi mới không ngừng. Đó là quy luật vận động của chủ nghĩa xã hội. Vì thế, mở rộng quan hệ hợp tác là một đặc trưng quan trọng vốn có của chủ nghĩa xã hội, cũng là con đường phát triển và tiến bộ của các nước xã hội chủ nghĩa. Do vậy, xây dựng một chiến lược hợp tác dựa trên quá trình phân

tích tểnh táo, sâu sắc và không định kiến các mối quan hệ độc lập và tương hợp lẫn nhau giữa các nước và đẩy nhanh sự hội nhập kinh tế quốc tế là vấn đề tất yếu và cấp bách.

Toàn bộ thực chất của sự hợp tác này được quy định và bảo đảm bởi những tiền đề, mà trước hết đó là những nhu cầu của quá trình phát triển nội tại của mỗi nước, gắn kết các quá trình ấy một cách khách quan, chân thật với hiện thực và triển vọng phát triển của chủ nghĩa xã hội. Trước kia, vào những năm 70 của thế kỷ XX, sự khó khăn ở các nước xã hội chủ nghĩa đã trầm trọng, thì hiện nay, vấn đề càng thực sự trở nên nóng bỏng, phức tạp, do bị chi phối bởi di họa của sự sụp đổ một mảng lớn trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa; cho nên, phải tăng cường sự hợp tác và tiến lên một trình độ mới. Sẽ rất sai lầm nếu không trao đổi để giúp nhau có những kinh nghiệm và thông tin phong phú hơn, nhằm tránh được những sai lầm và tổn thất không đáng có. Đây chính là chìa khóa để hiểu đúng chính sách đối nội, đồng thời trong phạm vi lớn hơn là nhận thức đầy đủ chính sách đối ngoại của nhau, tất cả vì lợi ích lâu dài của chủ nghĩa xã hội.

Thực tiễn đang đòi hỏi cần đổi mới các hình thức quan hệ nhằm thay đổi về chất tính chủ động của mỗi nước, tăng cường sự chú ý đến đặc điểm riêng, làm phong phú và đa dạng hơn các hình thức tổ chức xã hội. Giai đoạn mới này càng đặt ra sự cần thiết về tính nhất quán xây dựng toàn bộ hệ thống quan hệ chính trị giữa các nước trên cơ sở độc lập, bình đẳng, hoàn toàn tự chủ, có trách nhiệm và cùng quan tâm đến những lợi ích chung. Trong các quan hệ kinh tế, phải tôn trọng các nguyên tắc cùng có lợi và tương hỗ lẫn nhau; trong các quan hệ quốc tế, cần kết hợp hữu cơ quyền chủ động của mỗi nước với những nguyên

tắc chung đã thỏa thuận nhằm làm cho các mối quan hệ đa dạng hơn, ngày càng rút ngắn những khoảng cách. Hiện thực mới đã sáng tỏ một câu trả lời chung, *nếu tính đa dạng* của các hình thức của chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm sự thống nhất quan niệm về các quy luật cơ bản của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội thì trong các mối quan hệ, sự phong phú, mềm dẻo và linh hoạt của các hình thức, phương pháp trong khuôn khổ những nguyên tắc chung của đường lối đối ngoại xã hội chủ nghĩa là tất yếu và cũng là một nhu cầu nội tại. Vì vậy, phải tiếp tục nhìn lại một cách khách quan những vấn đề trung tâm của chủ nghĩa xã hội, đổi mới những quan niệm về sự đa dạng và hiệu quả của sự hợp tác, về những con đường tăng cường sự tiến bộ của chủ nghĩa xã hội; đồng thời, loại trừ những biểu hiện cực đoan của chủ nghĩa dân tộc. Nghĩa là, cùng nhau xác lập các giá trị lý tưởng, giá trị mục tiêu và giá trị có tính nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội.

Thế giới đang biến đổi, sự vật mới không ngừng xuất hiện, vấn đề mới không ngừng được đặt ra, đòi hỏi tất cả các nước phải mở cửa và hội nhập quốc tế một cách phù hợp với mình. Rõ ràng, nếu cứ bó mình trong khuôn khổ quốc gia, dân tộc hẹp hòi hoặc giáo điều, rập khuôn máy móc thì không có sự khai thông nào cả, nói chính xác đó là những hành động tự trói mình, tự cấm vận mình. Lịch sử từng chỉ rõ, không có giao lưu quốc tế thì không có lịch sử thế giới. Hơn nữa, từ bản chất của chủ nghĩa xã hội, như C. Mác chỉ rõ: Vô sản chỉ có thể tồn tại trên phương diện lịch sử toàn cầu, cũng như chủ nghĩa cộng sản, vốn là hành động của nó, thực tế cũng không thể tồn tại được, trừ sự tồn tại mang tính chất lịch sử toàn cầu của nó.

Bởi vậy, trong tổng thể các quan hệ quốc tế hiện nay, không phải

chỉ là sự giúp đỡ, mà cả sự hợp tác và hợp tác không phải chỉ với các nước xã hội chủ nghĩa, mà cả với các nước không xã hội chủ nghĩa. Do đó, không thể chấp nhận quan niệm cho rằng, chủ nghĩa xã hội có thể đẩy lùi chủ nghĩa tư bản một cách nhanh chóng và máy móc, cũng không thể dung nạp nhận thức về sự tồn tại hoà bình như một sự phát triển song song mơ hồ nào đó; mà trái lại, đó là sự xung đột không kém gay go, đầy thách thức dưới mọi hình thức. Dù có đối lập về mặt chế độ xã hội giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, nhưng mối liên hệ và sự tác động qua lại giữa hai chế độ này là vừa đấu tranh, vừa hợp tác với nhau một cách tất yếu. Nói cách khác, cần nhận thức và hành động trước chủ nghĩa tư bản với phương châm nó vừa là *đối tượng*, vừa là *đối tác*. Hiện nay, trong các trường hợp khác nhau, những dấu hiệu của việc các đảng cộng sản đang chiếm lĩnh lại trận địa và ý thức về nhu cầu đoàn kết quốc tế của họ cũng như với các lực lượng dân chủ và các lực lượng tiến bộ khác đang tăng lên.

Cần khẳng định rằng, nếu mọi hình thức của chủ nghĩa xã hội đều tốt khi nó góp phần xoá bỏ sự bóc lột, cải thiện điều kiện sống của con người, đề cao con người, phát huy dân chủ và bình đẳng xã hội, khi nó đưa ra được mô thức phát triển kinh tế hợp lý với tốc độ cao và bền vững, thì sự hội nhập quốc tế có nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội sẽ không ngừng cổ vũ nhân loại, tiếp tục mở ra những con đường rộng rãi, mới mẻ đi lên chủ nghĩa xã hội ở mọi quốc gia, dân tộc, trên quy mô toàn cầu. Do vậy, *việc tăng cường, chủ động và tích cực hợp tác, hội nhập quốc tế một cách đa dạng, phong phú, toàn diện, sâu rộng trên cơ sở độc lập dân tộc theo các nguyên tắc xã hội chủ nghĩa* đã, đang là đòi hỏi và phát triển tất yếu của chủ nghĩa xã hội phù hợp với thời đại.

***3- Cải cách, đổi mới một cách có nguyên tắc - con đường duy nhất đúng để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội***

Chủ nghĩa xã hội là một phong trào hiện thực vận động trên cơ sở khoa học nên không thể không tự làm giàu thêm những tri thức mới, thái độ những kinh nghiệm mới; đồng thời, phải thay thế, loại bỏ những kết luận, những bài học thiếu sót đã được kiểm chứng qua thực tiễn lịch sử. V.I. Lê-nin nói: Chúng ta không hề coi lý luận của C. Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu với cuộc sống.

Theo ý nghĩa đó, cải cách, đổi mới chính là nhằm đáp lại đòi hỏi, yêu cầu và thách thức về mặt lý luận của chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, dưới góc độ thực tiễn thì xã hội xã hội chủ nghĩa không phải là một xã hội hoàn chỉnh ngay tức thì, mà cũng như mọi chế độ xã hội khác, nó cần phải được xem xét trong sự biến đổi và cải tạo thường xuyên. Do đó, đổi mới, suy nghĩ, tìm tòi, lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội luôn là *một nhu cầu, một tất yếu* trong quá trình phát triển.

Nói cách khác, việc suy nghĩ, tìm tòi, lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là *một nhu cầu, một tất yếu* cả về sự đòi hỏi phát triển lý luận tư tưởng và thực tiễn; đồng thời, là con đường duy nhất đúng của thực tiễn, nhưng đòi hỏi rất cao khả năng tìm ra các mâu thuẫn xã hội, xác lập chủ trương giải quyết đúng đắn, tạo động lực thúc đẩy quá trình phát triển xã hội theo con đường xã hội chủ nghĩa. Bởi thực tiễn cho thấy, các xã hội sinh ra không phải trong một thể hình hoàn chỉnh. Ngay chủ nghĩa tư bản ở các thế kỷ XVI, XVII, XVIII, XIX..., thậm chí

tới nửa đầu thế kỷ XX cũng hoàn toàn chưa phải là chủ nghĩa tư bản “văn minh”, được “thuần hoá”. Nó đã trải qua các cuộc khủng hoảng sinh tử và cải cách nghiêm khắc. Chủ nghĩa xã hội cũng không phải là trường hợp ngoại lệ của lô-gíc lịch sử này.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phải được đổi mới, cải cách thì mới có thể tự mở đường cho sự phát triển của chính nó và nhân loại tiến bộ, mới có thể đáp ứng phù hợp với yêu cầu của thời đại nhằm tiếp tục đưa loài người ra khỏi vực thẳm nghèo đói, bệnh tật và lạc hậu, đem lại tự do, công lý và quyền được tôn trọng cho con người. Con người vốn có quyền được hưởng và bảo đảm một cuộc sống tốt đẹp và đang tiếp tục đấu tranh không mệt mỏi vì mục tiêu đó. Chủ nghĩa xã hội đổi mới chính là nhằm kiên trì và nỗ lực thực hiện mục tiêu cao cả ấy.

Xét về nguyên tắc, từ yêu cầu của công cuộc đổi mới, cải cách, không một quốc gia xã hội chủ nghĩa nào lại không hướng tới việc bảo vệ bản sắc dân tộc của mình, bảo vệ những thành tựu mà chủ nghĩa xã hội đã đạt được, nghiền ngẫm lại mục tiêu và mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội, những bước trung gian, hình thức và nhịp độ chuyển hoá xã hội, con đường dẫn tới mục tiêu đó sao cho phù hợp với sự phát triển của thời đại... Đó là một nhu cầu nội tại đối với sự phát triển. Đồng thời, dù trong xu thế toàn cầu hoá và khu vực hóa hiện nay, chủ nghĩa tư bản vẫn đang tấn công quyết liệt vào chủ nghĩa xã hội và xu thế tiến bộ của thời đại. Cho nên, lực lượng tiên bộ phải có sức mạnh, cần thiết phải xây dựng một khối đại đoàn kết quốc tế của các dân tộc trên toàn thế giới. Mặc dù trong tình thế chủ nghĩa xã hội hiện thực bị tổn thất một bộ phận lớn, nhưng tính chất của cuộc đấu tranh vẫn không thay đổi. Tuy nhiên, chúng ta không thể trở lại con đường cũ, mà phải đổi mới

nhằm xây dựng một hình thái kinh tế - xã hội mới để chấm dứt chủ nghĩa tư bản, như C. Mác nói. Chủ nghĩa xã hội hiện thực phải tiếp tục phát triển, xứng đáng với thách thức và đòi hỏi ấy của lịch sử. Nói cách khác, sức mạnh và tương lai của chủ nghĩa xã hội nói chung và của mỗi nước xã hội chủ nghĩa nói riêng, trước hết tùy thuộc vào công cuộc cải cách, đổi mới, phát huy sáng tạo theo đúng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhằm khắc phục những nhược điểm, khuyết tật mà trước đây đã vấp phải.

Vì thế, cải cách, đổi mới một cách có nguyên tắc trở thành đường lối phát triển cơ bản và quan trọng nhất của chủ nghĩa xã hội; là một tất yếu, một nhu cầu nổi bật, ngay từ hai thập niên 80 - 90 của thế kỷ XX tới nay.

Thực tiễn công cuộc đổi mới, cải cách ngày càng đòi hỏi cần phải có sự uyển chuyển trong cách tiến hành của mỗi dân tộc. Tiến hành theo phương pháp nào, cách thức tiến hành ra sao, đó là công việc riêng của mỗi nước và phải do đảng cộng sản và nhân dân nước đó tự quyết định. Với mục đích thống nhất, nhưng sự lựa chọn những con đường, giải pháp khác nhau là hoàn toàn tự nhiên. Mọi sự dịch chuyển mô hình, kinh nghiệm một cách giáo điều chỉ đem lại sự thất vọng và việc “đốt cháy” thời gian một cách nóng vội sẽ chỉ dẫn đến hậu quả sai lầm. Nếu không xuất phát từ chính mình, từ “điểm xuất phát” với các truyền thống văn hóa, dân tộc, xã hội... để lựa chọn phương thức, con đường, tốc độ cải cách, đổi mới phù hợp thì không thể tiếp tục tiến lên. Nói khái quát, *chủ nghĩa xã hội không thể thực hiện được bất kỳ một sự giải phóng hiện thực nào, nếu sự giải phóng ấy không thực hiện trong thế giới hiện thực và bằng những phương tiện hiện thực.*

Công cuộc cải tổ, cải cách ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu trước đây lại là bằng chứng về sự “nhảy cục”, tự “ly thân” với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và với cả chính mình. Mọi ý định tốt đẹp đã không diễn ra trên thực tế, do thiếu những cơ sở lý luận được luận chứng một cách khoa học và một cương lĩnh thực thi hiệu quả. Sự phê phán không mang tính xây dựng đã chuyển thành cuộc khủng hoảng chính trị, kinh tế, xã hội. Kết quả là, chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước này bị sụp đổ. Nguyên nhân của sự đổ vỡ là do họ đã đi chệch khỏi những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội trên mọi bình diện. Vai trò định hướng của nhà nước và sự ổn định về chính trị là vô cùng quan trọng, nhưng lại bị coi nhẹ. Mức sống chung của toàn dân, đặc biệt là người lao động cần được quan tâm thì không được đối xử thỏa đáng và thiếu những dự án hữu hiệu. Công cuộc cải tổ toàn diện là một quá trình đòi hỏi sự thận trọng thì lại biến thành hành động vội vã và đã phải gánh chịu hậu quả khôn lường. Qua đây, những người Xô-viết thấm thía rõ ràng, “cải tổ” bị thất bại không phải bởi không cần cải cách chủ nghĩa xã hội, không phải bởi không thể cải cách được, và cũng không phải bởi cải cách quá muộn màng, mà bởi vì “cải tổ” quá yếu ớt với tư cách là một chiến lược, một chính sách và một cẩm nang chỉ dẫn quá trình cải cách. Sự thất bại của “cải tổ” không phải được định trước về mặt nguyên tắc hoặc về mặt lịch sử, nó diễn ra một cách cụ thể trên thực tế. Đúng như lời tiên báo của Chủ tịch Phi-đen Ca-xtơ-rô: Người ta tuyên bố rằng, cần phải hoàn thiện chủ nghĩa xã hội... Nhưng phải chăng có thể hoàn thiện được chủ nghĩa xã hội bằng cách từ bỏ những nguyên tắc sơ đẳng nhất của chủ nghĩa Mác - Lê-nin? Tại sao cái gọi là những cuộc cải cách lại phải được tiến hành theo hướng tư bản chủ nghĩa? Nếu những tư tưởng ấy mang tính chất cách mạng như có người nào đó vẫn



khẳng định, thì tại sao nó lại nhận được sự ủng hộ nhất loạt và mừng rỡ của các nhân vật lãnh đạo của chủ nghĩa tư bản?

Trong khi đó, Trung Quốc, Việt Nam, Cu-ba... tiến hành cải cách, đổi mới lại theo những mô thức, giải pháp khác. Các nhà nghiên cứu Trung Quốc khẳng định: “Người Trung Quốc nhìn nhận chủ nghĩa xã hội... và đang xây dựng chủ nghĩa xã hội theo cách riêng của mình”, “Trung Quốc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đó là điều không ai lay chuyển được. Chủ nghĩa xã hội mà chúng ta xây dựng là chủ nghĩa xã hội có đặc sắc Trung Quốc, là chủ nghĩa xã hội không ngừng phát triển lực lượng sản xuất”. Cuộc cải cách “vì chân lý và lẽ phải” ở Cu-ba được bứt phá từ điểm xuất phát năm 1993. Tại Việt Nam, từ năm 1986, Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước - một cuộc chuyển mình lịch sử “có ảnh hưởng vượt tầm quốc gia, gây ấn tượng cho cả thế giới”, như bạn bè quốc tế nhận định.

Các nước Trung Quốc, Việt Nam, Cu-ba... tiếp tục ổn định và phát triển theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa nhờ công cuộc cải cách, đổi mới một cách có nguyên tắc từ suy nghĩ độc lập, sáng tạo, xuất phát từ chính thực tiễn của mình, thông qua những con đường, phương pháp, cách thức tiến hành phong phú, năng động. Nói một cách khái quát là, những kết quả trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội *phụ thuộc rất cơ bản vào việc kết hợp đúng đắn cái phổ biến và cái đặc thù trong sự phát triển xã hội*. Hiện nay, chúng ta biết không chỉ về mặt lý thuyết mà cả về mặt thực tiễn rằng, con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ngày càng đa dạng và hiệu quả nhưng phải tuân theo những quy luật chung một cách thống nhất đối với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa; đồng thời, cũng thấm thía rằng, sự tác động của những quy luật chung chi phối các

hình thức khác nhau có ý nghĩa cơ bản và quyết định, song nếu không lựa chọn đúng các bước đi thích hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước thì không thể tiến hành thành công sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Rõ ràng, *bản chất và những quy luật chung của chủ nghĩa xã hội trong những trường hợp khác nhau, cần phải được thực hiện bằng cách thức riêng thông qua những con đường khác nhau phù hợp với khuôn khổ, điều kiện và thời gian cụ thể nằm trong tiến trình thúc đẩy sự phát triển mang tính độc lập và tự chủ của chủ nghĩa xã hội khoa học ở từng nước.*

Điều đó càng chứng minh tính thời đại, tính tất yếu và sức sống của chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay.

## **Đ**ịnh hướng phát triển, định vị chiến lược, quyết sách độc lập, sáng tạo và hợp thời

Hoàn thiện mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường lên CNXH ở Việt Nam là vấn đề lý luận - thực tiễn bao trùm của lý luận - thực tiễn đổi mới.

Năm 1996, tại Diễn đàn Đại hội thứ VIII của Đảng, đồng chí H. Xing Xơ-dit, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Ấn Độ, đánh giá: Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tập trung xây dựng chủ nghĩa xã hội thông qua đổi mới. Thành tựu mà nhân dân Việt Nam có được là do các đồng chí đã nghiêm túc nỗ lực áp dụng học thuyết mác-xít lê-nin-nít vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, dưới tên gọi tư tưởng Hồ Chí Minh. Tại Đại hội IX của Đảng (2001), đồng chí An-tô-sen-cô (Đảng Cộng sản Nga) nói: *Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn*

*minh là chủ nghĩa xã hội mang bản sắc Việt Nam.*

Và, tại Đại hội XIII của Đảng (1-2021), trong *Điện mừng* của Đảng Cộng sản Bra-zil gửi tới Đại hội, có đoạn viết: Sau 35 năm đổi mới và 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước, có thể khẳng định con đường mà Việt Nam lựa chọn là đúng đắn. *Điện mừng* của Đảng Cộng sản Chi-lê có đoạn viết: Di huấn về tự do, độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khắc sâu trong trái tim nhiều thế hệ chiến sĩ cộng sản, nhân dân Chi-lê và ngày nay, tư tưởng này của Người vẫn tiếp tục đồng hành trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, tự chủ, công bằng và giải phóng dân tộc. *Điện mừng* của Đảng Nhân dân Xã hội chủ nghĩa Mê-hi-cô có đoạn viết: Đảng Nhân dân Xã hội chủ nghĩa Mê-hi-cô đánh giá cao những kết quả, thành tựu mà các đồng chí đã giành được. Chúng tôi hoàn toàn nhất trí và chia sẻ với nhận định của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “Đất nước Việt Nam chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”.

Đó không chỉ là thành công mà còn là sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có ý nghĩa quyết định đến sự thành bại của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đối với nước ta trong thế kỷ XXI. Đó cũng là trọng trách vĩ đại của Đảng ta trước vận mệnh của đất nước, đáp ứng nguyện vọng tha thiết và cháy bỏng của nhân dân ta; quyết định sứ mệnh lịch sử của Đảng trước dân tộc hiện nay và trong tương lai.

***1- Nghiên cứu lý luận cơ bản trên nền tảng tổng kết thực tiễn vận động thống nhất, đa dạng và toàn cục của thế giới nhằm nghiên cứu lý luận ứng dụng về chủ nghĩa xã hội***

Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu tất yếu trên con đường phát triển của

nhân loại, còn đi tới mục tiêu đó như thế nào, với cách thức và tốc độ ra sao lại hoàn toàn tùy thuộc vào mỗi nước. Bởi vậy, để trả lời chính xác các câu hỏi đó, chỉ có thể là kết quả của việc thực hiện tốt và đồng bộ công tác nghiên cứu lý luận cơ bản, nghiên cứu lý luận ứng dụng và nghiên cứu triển khai.

Trong hàng loạt vấn đề lý luận, trước mắt nổi bật hai điểm then chốt và cơ bản: *Một là*, nhận thức lại chủ nghĩa tư bản từ truyền thống sang hiện đại; và *hai là*, đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội, từ lý luận tới thực tiễn.

Chúng ta đang sống trong một thời kỳ bước ngoặt đầy thử thách giữa hai thế kỷ, hai thiên niên kỷ. Bước ngoặt đó cho thấy, có những suy ngẫm xơ cứng về chủ nghĩa tư bản hiện đại suốt nhiều thập niên qua có nhiều điểm đã tỏ ra không thích hợp. Tức là, những sự đánh giá đơn giản về nó được đưa ra từ đầu thế kỷ với tính cách chủ nghĩa tư bản đã đạt tới cái gọi là giai đoạn “tan rã”, “hấp hối” và do đó, “không tránh khỏi” nhanh chóng sụp đổ, thì ngày nay cần lý giải thuyết phục hơn. Chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu một cách đầy đủ, rõ ràng xem vì sao chủ nghĩa tư bản hiện vẫn tỏ ra có khả năng thích nghi? Có một lý do đáng nói là, một thời dường như bằng sự nôn nóng và máy móc, chúng ta đã quên đi cách xem xét của C. Mác và lời nhắc nhở của Người: Khi nhìn nhận xã hội tư bản phải “hiểu biết sự vĩ đại và tính tất yếu nhất thời” của nó. Và, V.I. Lê-nin cũng có lời cảnh báo tương tự, khi Người chưa một lần coi khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản là sự trì trệ: Nếu cho rằng xu hướng đi đến thối nát đó loại trừ sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản, thì như thế là sai lầm... Xét toàn bộ, chủ nghĩa tư bản phát triển vô cùng nhanh hơn trước. V.I. Lê-nin đã nghiêm khắc

phê phán những ai tự hạn chế ở chỗ không muốn và không biết đưa những thành tựu của chủ nghĩa tư bản vào phục vụ xã hội mới.

Chủ nghĩa giáo điều tả khuynh cắt rời một cách cứng nhắc giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội và chỉ nhìn thấy một chiều những mặt đối lập giữa chúng với nhau mà thôi. Trong khi đó, C. Mác và V.I. Lê-nin đã xem “chủ nghĩa cộng sản là một cái gì phát triển từ chủ nghĩa tư bản mà ra”. Đó cũng chính là cái lô-gíc về tính toàn vẹn và phụ thuộc lẫn nhau về các hình thái xã hội khác nhau của thế giới. Đương nhiên, như thế không có nghĩa là dường như sự phụ thuộc lẫn nhau sẽ kết thúc mọi cuộc đấu tranh; trái lại, cuộc đấu tranh diễn ra phức tạp, đa dạng, nhiều cấp độ hơn và quyết liệt hơn. Cho nên, việc nghiên cứu những tác động qua lại của các hình thái kinh tế - xã hội, sự vận động đấu tranh và phát triển của chúng trong khuôn khổ tính toàn vẹn, thống nhất của thế giới phải trở thành một vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận cơ bản của việc nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội. Tuân theo phép biện chứng duy vật, trong khi xây dựng quan niệm về chủ nghĩa xã hội cuối thế kỷ XX, phải nghiên cứu không chỉ sự đối lập, mà cả mối liên hệ tất yếu và tính kế thừa biện chứng giữa các hình thái kinh tế - xã hội. Điều này ngày càng trở nên phù hợp với sự chỉ dẫn của V.I. Lê-nin rằng, những mặt đối lập của mâu thuẫn biện chứng nằm trong cả sự loại trừ lẫn nhau, cũng như trong sự xâm nhập lẫn nhau. Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản liên quan với nhau, các hình thái này vừa phủ định lẫn nhau, vừa thâm nhập vào nhau. Bởi lẽ, cái xã hội mà chúng ta nói ở đây không phải là một xã hội cộng sản chủ nghĩa đã phát triển trên những cơ sở của chính nó, mà trái lại, là một xã hội vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa - về mọi phương diện kinh tế, đạo đức, tinh thần - do đó, còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lột lòng sinh ra, như C. Mác đã nói.

Trong quá trình hình thành và phát triển xã hội xã hội chủ nghĩa, không thể không coi trọng việc kết hợp một cách tự giác những mặt đối lập giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội một cách biện chứng. Bởi vì, những mặt đối lập đó lại hàm chứa những thành tố tác động một cách khách quan theo cùng một hướng, tạm thời trùng hợp với nhau ở mặt này hay mặt kia, ở mức độ này hay mức độ khác. Chính vì vậy, V.I. Lê-nin hết sức đúng đắn và tinh táo khi cho rằng, cần phải buộc các hình thức và phương pháp sản xuất của chủ nghĩa tư bản làm việc cho chủ nghĩa xã hội. Người phân tích, những người xã hội chủ nghĩa không nên “sợ” học tập nhà tư bản. Bởi lẽ, chủ nghĩa tư bản không tốt so với chủ nghĩa xã hội nhưng tốt hơn nhiều so với sản xuất nhỏ, với tư tưởng bảo thủ, tản mạn, phân tán, vô chính phủ của sản xuất nhỏ, với tình trạng quan liêu, cửa quyền phong kiến. Người viết rằng, chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới chính quyền Xô-viết là “ngưỡng cửa của chủ nghĩa xã hội, là điều kiện cho thắng lợi chắc chắn của chủ nghĩa xã hội”.

Về điểm này, nhiều người cho rằng đó là điều “kỳ lạ”, “phi lý”, nhưng đó chính lại là bước xuyên qua chủ nghĩa tư bản để đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây lại chính là vấn đề mà chưa bao giờ C. Mác và Ph. Ăng-ghen có điều kiện đề cập. V.I. Lê-nin nói: Không có lấy một quyển sách nào nói đến chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới chế độ cộng sản cả. Ngay C. Mác cũng không viết một lời nào về vấn đề đó, và Người không để lại một lời nào rõ rệt, một chỉ dẫn chắc chắn nào về vấn đề ấy cả. Vì thế, ngày nay, chúng ta phải chủ động làm sáng tỏ. Song, ở vấn đề này, C. Mác đã để lại cho chúng ta một kinh nghiệm lớn, khi Người phân tích một cách khoa học, một xã hội cụ thể và một sự tiến bộ nhất định, tức là: “Xã hội tư bản chủ nghĩa và sự tiến bộ tư bản chủ nghĩa”. Vì thế, V.I. Lê-nin cho rằng, chủ nghĩa xã hội chỉ có thể thành công nếu biết

học tập, phát triển những thành tựu tiên tiến nhất, tốt nhất của nhân loại, phải “dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt nhất của nước ngoài”.

Tình thế lịch sử toàn thế giới hiện nay trước sự phát triển của nền kinh tế tri thức và xu thế toàn cầu hóa về mặt kinh tế có thể quy định sự biến đổi nào đó các tính quy luật của mọi hình thái kinh tế - xã hội. Mặc dù vậy, chủ nghĩa xã hội - dưới hình thức này hoặc hình thức khác - không thể không tái tạo những mặt khác nhau nhất trong bước phủ định tất yếu theo quy luật đối với chủ nghĩa tư bản. Chúng ta sẽ không thật sự hiểu được những hình thái khác nhau trong thế giới ngày nay nếu chỉ nhìn chúng trong sự “thuần khiết” và tách rời nhau. Chỉ có như vậy, chủ nghĩa xã hội mới đạt tới mức độ đầy đủ khoa học, đáp ứng những yêu cầu mới của cuộc đấu tranh vì sự đổi mới của chủ nghĩa xã hội trong thế giới đầy phức tạp hiện nay.

Nếu ở trên, việc nghiên cứu những quy luật tác động qua lại của các hình thái, sự vận động và phát triển của chúng trong khuôn khổ của tính toàn vẹn thống nhất của thế giới phải trở thành vấn đề căn bản *thứ nhất* của việc phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học, thì tới đây, vấn đề quan trọng khác chính là, cần tập trung làm rõ về mặt *lý luận* và *thực tiễn* của chủ nghĩa xã hội trên các bình diện khác nhau.

Sự phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học đã trở thành vấn đề hết sức rộng rãi và đa diện. Các nhà kinh điển *chưa đưa ra một mô hình hoàn chỉnh* về xã hội xã hội chủ nghĩa, mà *chỉ mới phác thảo một số đặc trưng* cơ bản của nó. Hơn nữa, đó là sự trừu tượng hóa cao độ đối với xã hội tương lai từ một số nước phát triển nhất, ở đó lực lượng sản xuất được xã hội hóa cao. Cho nên, con đường sáng tạo của chủ nghĩa xã hội càng trở nên rộng rãi đối với tất cả các quốc gia ở các trình độ

khác nhau, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xác lập diện mạo và chất lượng mới của chủ nghĩa xã hội. Nghĩa là, cần phải thấu triệt cái chân lý không thể chối cãi được là, người mác-xít phải chú trọng đến cuộc sống sinh động, đến những sự thật chính xác của hiện thực, chứ không chỉ dựa vào mỗi lý luận chỉ vạch ra được nét căn bản, nét chung, chỉ tiến gần tới chỗ nắm được tính chất phức tạp của cuộc sống mà thôi.

***2- Kiên trì nguyên tắc chung, xuất phát từ điều kiện của chính mình, nắm lấy những mắt khâu căn bản và các khâu đột phá làm chuyển động toàn cục***

Những dấu hiệu và sự khởi phát của cuộc cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa đã được đẩy tới mạnh mẽ vào cuối những năm 80, đầu những năm 90 trong thế kỷ XX, ở những mức độ khác nhau. Dù ở mức độ này hay khác, nhưng không một nước nào coi nhẹ mục đích chung của công cuộc cải cách, đổi mới là nhằm ổn định và phát triển. Trên cơ sở đó, tùy thuộc vào tình hình kinh tế, chính trị, điều kiện địa lý, cơ cấu dân cư và đặc điểm dân tộc... của mỗi nước mà lựa chọn những phương pháp và bước đi thích hợp cho đất nước mình.

Từ toàn bộ những điều đó, tối thiểu sẽ dẫn tới mấy vấn đề cơ bản sau đây trong việc tiếp tục nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội nói chung và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam nói riêng:

*Một là, xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình lịch sử lâu dài và đầy phức tạp, thậm chí có những khúc quanh, những khúc thất bại tạm thời. Phải nhấn mạnh điều này để khắc phục các thái độ bi quan, “lạc quan tiêu” hoặc giáo điều trong nghiên cứu và trong hoạt động thực tiễn. Chủ nghĩa tư bản đã mất cả trăm năm để hình thành và phát triển*



như ngày nay. Chủ nghĩa xã hội - một hình thái cao hơn chủ nghĩa tư bản - liệu có thể giải quyết được nhiệm vụ của mình trong mấy chục năm không? Chắc chắn là không. Hơn nữa, tính chất lâu dài và phức tạp của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội lại nằm ngay trong mục tiêu cơ bản của nó. Tính chất này còn bị quy định bởi loạt yếu tố khác như điểm xuất phát của các nước, trong đó có nước ta, đi lên chủ nghĩa xã hội với xuất phát điểm rất thấp và thậm chí quá thấp, chỉ cần mắc một sai lầm thì thời gian cần phải sửa chữa không chỉ là một vài thập niên. Đó còn chưa kể đến điều như V.I. Lê-nin nói, phải “làm thử”, “làm đi làm lại”, phải bắc những “chiếc cầu nhỏ”, hàng nghìn bước trung gian có tính “quá độ”. Và nói như Chủ tịch Hồ Chí Minh, “chủ nghĩa xã hội là phải có biện pháp chứ không chỉ là đường lối” và có “mục đích” và “cách làm”. Cho nên, cần phải dự báo hoặc phác thảo một cách khoa học những chặng đường, bước đi, những thời kỳ, giai đoạn một cách phù hợp trong tầm nhìn đến năm 2045.

*Hai là*, việc tiếp tục nghiên cứu và làm rõ cái chung và cái riêng, cái phổ biến và cái đặc thù trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày càng trở nên bức bách. Đây chính là vấn đề tính thống nhất và tính đa dạng của chủ nghĩa xã hội. Nói như V.I. Lê-nin, cần phải thúc đẩy sự phát triển độc lập của chủ nghĩa Mác ở từng nước. Các nước xã hội chủ nghĩa đều có mục tiêu chung, nhưng mỗi nước đi tới mục tiêu chung đó lại hoàn toàn không giống nhau vì con đường riêng ấy phải phù hợp với điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội ở mỗi nước. Trước đây, chúng ta thường nhấn mạnh một chiều tính thống nhất mà xem nhẹ tính đa dạng. Do vậy, cùng với việc *chuẩn hóa* lại các quy luật chung, rất cần đề cập đến và *xác lập* các “dung mạo”, các “đặc sắc” cụ thể và các tính quy luật trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh

chỉ dẫn: Cuộc đấu tranh giai cấp ở phương Đông không giống ở phương Tây... Ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội.

*Ba là*, một trong những tiền đề quan trọng nhất để biến chủ nghĩa xã hội từ lý tưởng thành hiện thực chính là phải xây dựng một nền kinh tế năng động và hiện đại; đồng thời, xác lập một thể chế chính trị phù hợp. Đây cũng chính là một mục tiêu trước mắt của chủ nghĩa xã hội. Trên phương diện này, cả lý luận và thực tiễn đang cấp bách đòi hỏi giải quyết hàng loạt vấn đề: Chủ nghĩa xã hội có tương hợp với kinh tế thị trường không? Sự điều tiết của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đối với nó như thế nào? Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong điều kiện đó ra sao? Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là như thế nào? Về quan niệm những giá trị nhân loại chung và việc chúng ta thâm thối, sử dụng những giá trị của nhân loại trong chủ nghĩa tư bản vì chủ nghĩa xã hội như thế nào? Vấn đề an ninh sinh thái và sự phát triển bền vững là gì?...

Nhận thức và tổ chức thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội nếu chỉ tự gò mình vào phương pháp đem đối lập nó với chủ nghĩa tư bản sẽ là một sự tự làm khô cứng chủ nghĩa xã hội, tự cô lập mình và rốt cuộc, vô hình trung lại rơi vào siêu hình, máy móc. Nghĩa là, không phải đơn thuần cứ đem đối lập về mọi mặt với chủ nghĩa tư bản là thấy được chủ nghĩa xã hội hoặc chỉ qua việc trích dẫn các tác phẩm kinh điển, hay chỉ từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mấy thập niên qua là đủ. Điều quan trọng là phải vận dụng phép biện chứng duy vật vào việc nghiên cứu, xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử - cụ thể của Việt Nam và thời đại, từ đó đề ra những phương hướng chủ đạo, hệ giải pháp lớn, hữu hiệu cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đặc biệt, trong thời đại ngày nay, sự bùng nổ của cuộc cách mạng

khoa học và công nghệ, sự phát triển của nền kinh tế tri thức cả về quy mô, tính chất và chiều sâu của nó, xu thế toàn cầu hóa đã và đang làm đảo lộn thế giới, thì các vấn đề trên đối với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không thể không trở thành công việc cấp bách. Không phải ai khác, mà chính C. Mác đã không ít lần nhấn mạnh rằng, trong cuộc sống diễn ra những sự thay đổi thường xuyên có ý nghĩa thế giới quan, nảy sinh những ngành, kiến thức mới, những quan niệm và tư tưởng mới, rằng sự phát triển của tư duy phụ thuộc vào những điều kiện và tình huống cụ thể của lịch sử. Trong thế giới phát triển và đang phát triển có rất nhiều ý tưởng độc lập. Do vậy, trước đây cũng như trong tương lai, điều cần thiết là phải suy nghĩ và hành động một cách độc lập theo tiếng gọi của mệnh lệnh tự do và độc lập.

*Bốn là*, con người thật sự phải là trung tâm của chủ nghĩa xã hội. Đó cũng chính là mệnh đề cao nhất của thế kỷ XXI. Đối với chủ nghĩa xã hội, quá trình con người với tư cách là con người được giải phóng khỏi áp bức, nô dịch, đi đến con đường là chủ nhân của xã hội, con người tự do, diễn ra như thế nào? Từ con người cá nhân đến con người xã hội và ngược lại, ra sao? Con người vừa là chủ thể, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội và những điều gì bảo đảm cho con người làm tốt các vai trò đó? Quan sát trên bình diện lý luận và nhất là thực tiễn thì quả là không ít điều đáng bàn, không ít việc cần phải làm. Bởi lẽ, đây chính là *mục tiêu tối thượng của chủ nghĩa xã hội*: Tất cả từ con người, vì con người và cho con người.

Tất nhiên, còn nhiều vấn đề khác nữa, nhưng đó là những vấn đề chính yếu nhất trên con đường phát triển xã hội chủ nghĩa mà chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu và kiến giải.

*Năm là*, về phương thức phát triển. Lịch sử thế giới đã và đang cho thấy, chưa bao giờ phát triển như một cuộc duyệt binh. Vì phương thức sự phát triển của lịch sử vốn là đa dạng trong thống nhất: Vừa tuần tự, vừa nhảy vọt, vừa phát triển, vừa ngưng đọng, thậm chí cả những bước phát triển dích dắc xen lẫn cả những bước lùi tạm thời...

Nhìn toàn cục, đó là bài học lớn về phương pháp xử lý thời và thế, cái khách quan và cái chủ quan, bên trong và bên ngoài..., đưa lịch sử phát triển theo phương thức rút ngắn. Nói cách khác, đó cũng là sự phát triển nhảy vọt, khi chuẩn bị thế trận toàn vẹn, chờ đợi và nắm lấy thời cơ đã thực sự chín muồi, để giải quyết đại cục. Có thể nói, đó là nghệ thuật phát triển rút ngắn cần được nghiên ngẫm một cách thấu đáo.

Trong việc nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội, nếu chúng ta chỉ khư khư coi mọi ý kiến của những người sáng lập đều phù hợp với mọi trường hợp của cuộc sống thì vô hình trung, đã biến lý luận thành một lược đồ cứng nhắc, làm cho nó mất khả năng tự phát triển, và do đó, mất sự tác động có hiệu quả đến thực tiễn và tiến trình lịch sử. Nghĩa là, chúng ta cần đặc biệt quan tâm đến khởi nguyên của tư tưởng, đến lô-gíc phát triển của tư duy lý luận, đề phòng rơi vào thứ tư duy ngắn hạn, chấp vá và vay mượn.

Do đó, xây dựng một cách nhìn toàn diện; phân tích cụ thể những tình huống cụ thể là phương pháp quan trọng bậc nhất trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội; đồng thời, không thể không xem trọng tương quan giữa cái lô-gíc và cái lịch sử. Chỉ có như vậy, lý luận về chủ nghĩa xã hội mới thực sự có cơ hội và môi trường để làm tốt vai trò dẫn dắt thực tiễn phát triển.

### ***3- Tổ chức thực tiễn, tổng kết kinh nghiệm, tiên lượng kế sách***

***nhằm tiếp tục phát triển lý luận, bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội***

Nói như vậy cũng có nghĩa là nói tới sự cần thiết phải phát triển lý luận một cách sáng tạo trên cơ sở tổng kết thực tiễn. Trong quá khứ, sự phát triển ấy được quy thành một sự kết hợp ít nhiều máy móc đã khiến cho lý luận về chủ nghĩa xã hội bị phá vỡ tính chỉnh thể; do tình trạng chấp vá, giáo điều làm cho lý luận lạc hậu, mất tác dụng dẫn dắt thực tiễn, trong khi thực tiễn thì lại vận động một cách tự phát, thậm chí mù quáng, vì thiếu lý luận đúng đắn dẫn đường.

Tất nhiên, không phải vì thế rồi coi lý luận là một điểm tựa có thể lập tức giải quyết được mọi vấn đề. Nhưng, lúc này, không gì thực tiễn hơn, chúng ta cần có một hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội một cách ngang tầm. Cuộc sống luôn diễn ra hết sức phức tạp, muôn màu, muôn vẻ. Đặc biệt, ở vào thời kỳ có tính bước ngoặt, thực tiễn nảy sinh những vấn đề mới, không chỉ về tính chất, mức độ, mà cả về quy mô. Và muốn giải quyết những vấn đề ấy một cách kịp thời và đúng đắn, cần phải nâng cao trí tuệ và hiệu quả hoạt động của Đảng với tư cách là mắt khâu, là chủ thể kết nối lý luận với thực tiễn cách mạng.

Do đó, *tổ chức tốt thực tiễn, kịp thời và thường xuyên tổng kết kinh nghiệm thực tiễn là con đường duy nhất đúng để phát triển lý luận cách mạng*. Lịch sử cách mạng nước ta xác nhận: Từ thực tiễn tồn tại và phát triển của xã hội Việt Nam, Đảng ta vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tìm ra bản chất, quy luật vận động đặc thù của Việt Nam, đề ra đường lối độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo cho cách mạng Việt Nam. Và, đây là một trong những bài học lịch sử vô giá làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam, góp phần vào

sự phát triển của lý luận về chủ nghĩa xã hội. Đó là *sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn* nhằm vừa nâng cao trình độ lý luận, vừa nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng.

Đây không chỉ là vấn đề thuộc về nguyên tắc mà còn là một *nhu cầu nội tại* của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Cố nhiên, coi trọng thực tiễn không phải là sự đồng nghĩa với chủ nghĩa thực dụng, thiển cận, kinh nghiệm chủ nghĩa; đồng thời, đề cao lý luận càng không có nghĩa là lý luận tự thân hoặc lý luận suông. Hàng loạt căn bệnh, như nóng vội, chủ quan, giáo điều, kinh nghiệm chủ nghĩa hay bảo thủ, trì trệ, sao chép lý luận... nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội mấy chục năm qua, một phần quan trọng là do sự lệch lạc hoặc phiến diện trong việc nhận thức vấn đề có ý nghĩa cốt tử này.

Bởi vậy, trong việc tổng kết kinh nghiệm, trước hết phải bám sát thực tiễn đất nước trên các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa và đời sống nhân dân ta; qua đó, phát hiện, tìm tòi những hình thức, bước đi, phương pháp phù hợp cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực. Cố nhiên, trong toàn bộ sự vận động đa dạng và phức tạp đó, phải nhận rõ nét bản chất nhất, xu hướng có tính chủ đạo của hiện thực, chứ không phải là thực tế của một phương diện nào đó, cho dù là quan trọng. Cần kế thừa nhưng biết phủ định biện chứng nhằm bảo đảm sự nhất quán và phát triển liên tục trong quá trình xây dựng các quan điểm lý luận và thực tiễn về định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Các kinh nghiệm đã đúc rút ra phải tiếp tục được khảo nghiệm trong thực tiễn, thông qua đó để kiểm nghiệm đúng sai, chú ý tiếp thu những sáng tạo của quần chúng, của cơ sở để không ngừng phát triển,

bổ sung, điều chỉnh các kinh nghiệm đó theo sự phát triển của thực tiễn đất nước, làm cơ sở cho việc phát triển lý luận, trực tiếp hoạch định đường lối của Đảng; gắn lý luận với thực tiễn và lấy thực tiễn để kiểm chứng, bổ sung và phát triển lý luận.

Đồng thời, trong việc tổng kết kinh nghiệm, chúng ta cần không ngừng thâm thúy, phân tích và tiếp thụ có chọn lọc những *kinh nghiệm của các nước* trên thế giới và trong khu vực với thái độ thực sự cầu thị, không kỳ thị, không xa lánh, với phương pháp độc lập, sáng tạo, không rập khuôn máy móc và không thực dụng. Vì, thông qua hợp tác, học hỏi lẫn nhau có chọn lọc và phê phán mới có thể xây dựng nên chủ nghĩa xã hội hoàn chỉnh. Đó chính là con đường hiệu quả nhất để khắc phục sự chủ quan, duy ý chí, sự mỳ mọ thiên cận và bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta thực sự khoa học và sáng tạo, vừa đáp ứng với những yêu cầu phát triển của đất nước, vừa phù hợp với xu thế vận động của thời đại, góp phần phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội.

Toàn bộ các công việc trên đây, xét về thực chất, là *nhằm tới mục tiêu xác lập một đường lối độc lập, tự chủ, sáng tạo về lý luận của Đảng để chỉ đạo thắng lợi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta*, trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là việc hệ trọng, to lớn và nặng nề. Nó đòi hỏi chúng ta:

Nhìn ra thế giới, dự báo thời cuộc, nắm vững những luận điểm khoa học có giá trị bền vững trong chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đứng vững trên quan điểm duy vật và phương pháp biện chứng, kiên trì một cách thực tiễn mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Phân tích quy luật vận động của xã hội Việt Nam trong lịch sử và đương đại thông qua sự tổng kết lịch sử một cách toàn diện và sâu sắc qua từng thời kỳ phát triển khác nhau, thấu thái những kinh nghiệm tốt của các nước, những tinh hoa của thế giới. Tất nhiên, tương lai không phải bao giờ cũng là đường kéo dài của quá khứ, nhưng nó phải là sự phát triển trên nền tảng lịch sử một cách phong phú và đa dạng.

Phê phán và tự phê phán một cách khách quan, khoa học, không thỏa mãn với những kết quả đã đạt được; đấu tranh không khoan nhượng với những quan điểm sai trái, những thế lực chống lại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và nhân dân ta, làm vắn đục sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Có thể nói, đất nước không thể tiếp tục tiến lên chủ nghĩa xã hội một cách đúng hướng và bền vững, nếu thiếu sự định hướng đúng đắn, một mô hình phù hợp, một con đường rõ ràng, một cơ chế vận hành xã hội thật sự khoa học và hiệu quả...; thậm chí, sẽ đi tới chỗ thất bại nếu cắt rời hay hạ thấp bất cứ mặt nào. Đó là một chỉnh thể vấn đề: *Từ lựa chọn mục tiêu chủ nghĩa xã hội tới định hướng xã hội chủ nghĩa đến định hình, định vị chủ nghĩa xã hội và hoạch định con đường xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Đó cũng chính là những thành tố tạo nên chỉnh thể và sự toàn vẹn của thực tiễn sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Tất cả hợp thành lý luận xã hội chủ nghĩa độc lập, sáng tạo dẫn dắt sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam□

---

**Nguồn: Tạp chí Cộng sản - 2021 - số 974 (9/2021) - tr.51-58; Tạp chí Cộng sản - 2021 - số 975 (10/2021) - tr.40-46**

---